

Tác Giả và Tác Phẩm

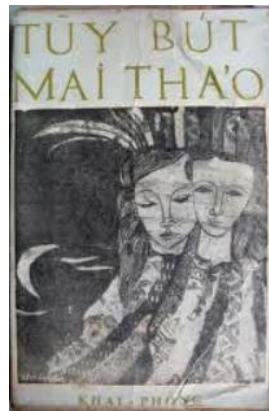
Mai Thảo (III)

Tiểu sử

Mất ngày 10.1.1998 tại California, Hoa Kỳ.

Tác phẩm

Mười đêm ngà ngọc, Bầy thỏ ngày sinh nhật.



Mục Lục

Lần thăm cuối cùng - 2

Nhìn lại thế giới Vũ Khắc Khoan – 8

Mai Thảo người kể chuyện bằng văn – Trần Thanh Hiệp – 15

Thanh Tâm Tuyên và những người bạn... – Dương Nghiễm Mậu – 20

Hai nhánh sông tâm hồn trong thơ Hồ Dzếnh – 45

Ngọc hải đăng mù - 48

Buổi nói chuyện với Mai Thảo 1, 2 & 3 – Thụy Khuê – 51

Văn chương Mai Thảo: biên địa của cảm xúc...- Bùi Vĩnh Phúc - 59

Hoài Bắc Phạm Đình Chương không còn nữa – 79

Thơ Mai Thảo 1 & 2 – Lê Thị Huệ - 82

Mai Thảo, Vượt biên Pulau Besar ... – Hà Cẩm Tâm - 86

Mấy tháng cuối cùng với Vũ Hoàng Chương – 88

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Lần thăm cuối cùng

Bài này đã đăng trên Văn Học do nhà văn Nguyễn Mộng Giác làm chủ bút, xuất bản tại Cali tháng 6, 1986, số đặc biệt tưởng niệm nhà văn Thanh Nam

Nay đúng một năm, kể từ ngày Thanh Nam không còn, tôi chưa một lần trở lại Seattle, nơi Thanh Nam đã sống gần trọn mười năm đất khách với Tuý Hồng và các con, cũng là thành phố Tây Bắc tôi đã sống hơn hai mùa mưa, từ 1979 đến 1981, và cùng làm việc hàng ngày với Huy Quang, Nguyễn văn Giang và Thanh Nam ở tờ Đất Mới.

Không trở lại. Chẳng phải vì Thanh Nam mất, mọi liên hệ tình cảm gắn bó bấy lâu tôi có với Tây Bắc, vì cái chết của bạn ở đó, đã nhất loạt rời đứt. Cũng chẳng phải vì tôi chẳng còn một bằng hữu, một thân tình nào khác ở Tây Bắc ngoài Thanh Nam. Trái lại. Từ và qua Thanh Nam, Tây Bắc đã đem lại cho tôi rất nhiều bằng hữu mới.

Những người bạn này vẫn hàng tuần điện thoại về Santa Ana nói chuyện với tôi, cũng là những người đã lo toan mọi điều cho gia đình Thanh Nam lúc bầu đoàn thể từ nhà văn mới từ tiểu bang New Jersey qua, thay thế cho anh em văn nghệ ở xa, săn sóc Thanh Nam suốt thời gian mấy năm nằm bệnh, và cũng những bằng hữu chung ấy của Thanh Nam và tôi, đã là những người cùng Tuý Hồng đưa linh cữu Thanh Nam đến nơi yên nghỉ cuối cùng.

Riêng nói về cảnh thổ, Seattle một mình một cõi với thông rừng điệp điệp, hồ vịnh cẩm tú, còn là một trong những thành phố ở Mỹ tôi yêu và có nhiều kỷ niệm nhất, thân thiết ấy, dù có hay không, dù còn hay đã mất Thanh Nam.

Chưa trở lại với Seattle, đúng hơn, chưa trở lại ngay chỉ là vì, mỗi lần hình dung lại, thần trí tôi vẫn còn váng vất vì mấy chuyến sau cùng về thăm Thanh Nam, khi tôi được tin từ bệnh viện Thanh Nam nằm chữa trị, bệnh tình ngày một trầm trọng hơn của bạn, trong nhận định tàn nhẫn lạnh lùng của y học, đã coi như tuyệt vọng hoàn toàn.

Mấy lần cuối về 4614 Othello ấy - cả thầy bốn lần - trong cái ý nghĩ bất lực và buồn thảm của về thăm, không một người đau mà một tử thi hấp hối đang tiến dần tới lâm chung, tới lòng huyết, khiến chuyến đi nào tưởng cũng chỉ còn là một gặp mặt lần cuối, chắc chắn suốt đời tôi không bao giờ có thể quên. Mà tôi thì thù ghét thậm tệ mọi vịnh biệt, mọi lần cuối. Thành có cái ý nghĩ là mấy chuyến đi ấy còn quá gần, chỉ như mới sáng nay, chiều qua, hãy để giữa chúng và tôi có một người lắng, một cách biệt. Rồi trên một trạng thái tinh thần khác, mùa thu này, mùa xuân tới, không chừng, hãy trở về Seattle thăm Tuý Hồng và thả một nén hương viếng thăm lên bàn thờ bạn.

Lần thứ nhất của bốn lần sau cùng, tôi tới ngôi nhà Othello một mình, vào buổi sáng. Chờ cho hơi muộn, Thanh Nam đã thức dậy.

Tôi ngồi nói chuyện với Tuý Hồng ở phòng khách, thấy bạn đứng trước cửa toa-lét mở ngỏ. Thanh Nam gật đầu với tôi, nhưng lại đi vào phòng tắm đóng chặt cửa lại, ở khá lâu trong đó mới ra. Trọng bệnh quá đã làm ngừng chậm hẳn mọi tỏ hiện mừng rỡ, tức khắc, vốn là nét cá tính đáng yêu nhất của con người Thanh Nam, mỗi lần thấy bạn.

Lần đó, tôi đã tránh nhìn kỹ, nhìn lâu cái hình hài tiều tụy của bạn.

Cần gì phải nhìn. Chỉ cần thấy Thanh Nam chậm chạp đi tới, cái mũ cát-kết trên đầu che dấu mái tóc đã rụng hết bởi sự công phá của thuốc chữa, với một xấp giấy và một cây bút chì, ngồi xuống và bắt đầu bút đàm, tôi đã thấy trọng bệnh, chỉ sau một thời gian ngắn, đã vùn vụt leo thang.

Bút đàm thì Thanh Nam đã phải vậy, từ hai năm trước nếu tôi nhớ không lầm, ngay sau giải phẫu cuống họng. Nhưng bút đàm trước mạnh, vui, thoăn thoắt, giấy xé rào rào, ào ạt lắm kia. Nó hết như lối nói líu ríu, hấp tấp của Thanh nam khiến chúng tôi thường bật cười, sau vài tuần hia, rựu.

Lần này khác hẳn. Như cầm xấp giấy, cây bút trên tay, viết xuống một giòng chữ, những động tác nhỏ nhặt ấy đã đòi hỏi ở Thanh Nam một cố gắng phi thường. Lần đó, cái câu mở đầu thông thường “Mày thấy trong người thế nào?” tôi không hỏi nữa, không bao giờ nữa. Thanh Nam thì hỏi. Trên giấy. Toàn về bằng hữu. Vũ Khắc Khoan ? Tôi trả lời. Gật. Mạc Đổ ? Tôi kể. Gật. Anh em bên nhà : Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ ? Tôi thuật. Gật.

Rồi thỉnh thoảng Thanh Nam ngưng viết, ngưng hỏi, tựa lưng vào thành ghế, mắt nhìn thẳng, gần như một tách thoát bất chợt, một riêng tây định thần. Gần như không còn thấy tôi ngồi bên cạnh.

Tôi ra phi trường, trở về Cali ngay buổi chiều hôm sau.

Lần thứ hai tới Seattle, tôi điện thoại ngay cho Tuý Hồng, nhưng không tới nhà ngay mà đi thăm một vòng bằng hữu trước đã.

Tôi tới toà soạn Đất Mới. Đứng nhìn thật lâu chỗ ngồi làm việc của hai chúng tôi trong suốt hai năm. Nhớ lại những buổi trưa Thanh Nam đưa cơm nắm và ruốc bông tới, chúng tôi chia nhau ăn bên cạnh cái máy đánh chữ. Tôi đi lại con đường Rainier, hướng xuống thành phố nằm trên lòng vịnh, nhớ lại những buổi sáng màn mưa Tây Bắc kín trùm trời đất, Thanh Nam lái xe qua, ngừng lại, nhấn kèn gọi. Tôi đội mưa chạy băng qua đường, lao vào xe, ném hết nước mưa trên người vào bạn ngồi trước tay lái.

Chờ hai ngày rồi tôi rủ những bạn bè thân nhất của chúng tôi cùng tới. Khá đông. Khoảng mười người. Đó là lần vui nhất. Giữa trọng bệnh, Thanh Nam bất ngờ khoẻ hẳn lại, chừng như nhờ sự thí nghiệm và áp dụng một phương cách chữa trị mới.

Buổi trưa. Ngôi nhà đông đặc ồn ào, làm sống lại cái không khí hợp mặt não nhiệt ồn ào chúng tôi đã có với Thanh Nam suốt hai mươi năm chung sống ở quê nhà và ở bất cứ một địa chỉ nào của Tuý Hồng Thanh Nam, từ căn phòng nhỏ chật ở building Cửu Long, tới ngôi nhà đường Bùi Viện do Nguyễn Sa nhượng lại, tới ngôi nhà trong một ngõ hẻm đường Lý Thái Tổ, chỗ ở sau cùng của Thanh Nam trước đêm cùng nhân viên Đài Mẹ Việt Nam theo tàu ra Phú Quốc.

Phải, bốn lần thăm sau cùng, chỉ lần đó là lần vui nhất, dấu chỉ là niềm vui che đi một sự thật, giấu đi những giọt lệ. Chúng tôi được giữ lại ăn cơm trưa. Cùng ngồi chen chúc trong căn bếp. Lần đó, lần cuối cùng trong đời, Thanh nam cười cười nay Tuý Hồng sang một bên (Huế nấu ăn, Bắc không ăn được!) đích thân làm món nhậu đãi bạn.

Lửa mở thật lớn. Chảo mỡ sôi sục. Những khoanh cá chép tươi, bụng phình trứng, để nguyên vậy, chiên tới dòn tan, ăn với nước mắm tỏi gừng và ớt dầm cay xè. Rau muống, Thanh Nam chống tay canh chừng tới chín vừa, vớt ra để nguội, trộn đều với mè, bì heo và mắm tôm

chanh, ăn với rau kinh giới, tía tô, hai món Bắc sớ trường từ quê nhà danh tiếng của Thanh Nam, cái bang văn nghệ tẩm tặc và đã ghi vào sổ vàng ẩm thực.

Nhớ lần đó, chúng tôi cùng thay nhau trò chuyện, cười đùa, không để một phút im lặng, một phút ngớt tiếng. Làm như bệnh tình Thanh Nam không còn nữa. Làm như chứng ung thư bác sĩ Mỹ khám phá thấy ở Thanh Nam là bố lão, không hề có.

Tội nghiệp cho cả đám người đến thăm bạn. Chúng tôi không biết làm gì hơn, và đều như thăm cảm ơn nhau đã cùng đem lại được cho Thanh Nam một buổi trưa vui, trong khi cùng biết rõ mạng sống Thanh Nam cũng chỉ là một vấn đề từng tháng từng ngày chẳng còn phép lại nào thay đổi được.

Lần đó, Thanh Nam đưa tiễn được chúng tôi ra tới đầu thềm. Vịn tay vào cây cột, gạt đầu với từng người nắm tay từ biệt. Tới tôi, hát hàm như có ý hỏi bao giờ mày về. Tôi nói “Tháng sau tao lại lên.”

Ra tới đường, nhìn trở lại, Thanh Nam không còn đứng ở ngoài thềm nữa. Cánh cửa của ngôi nhà Othello đã đóng chặt lại.

Lần thứ ba tôi tới Othello giữa mùa hè. Cái trần mây vĩ đại gần như quanh năm phủ kín bầu trời Tây Bắc, cái trần mây đã rời đi. Trời Tây Bắc cao vút, xanh biếc. Đi lại con đường Rainier, khúc xa lộ từ phi trường vào thành phố, nhìn những thảm hoa muôn màu rực rỡ trước tất cả những ngôi nhà, những luống vườn đi qua, tôi có được cái cảm tưởng thân thuộc ấm áp chốc lát, giữa một buổi chiều Tây Bắc quang đặng, là tôi vẫn ở với Tây Bắc, chưa rời xa một ngày nào.

Sau này nghĩ lại, cảm tưởng ấy có được một phần vì tôi đã ở Seattle hai năm, nhưng, một phần lớn cũng là do ở Thanh Nam. Sự gắn bó của Thanh Nam với cảnh và người Tây Bắc. Với gia đình, do sự chọn lựa của Thanh Nam, định cư vĩnh viễn ở Tây Bắc. Với từng ngọn cỏ đường, từng ngọn thông rừng, từng hạt mưa mùa, như một cảnh tượng cố định và yên định đời đời của thân thể và phần đời êm đềm còn lại của Thanh Nam giữa màu xanh vĩnh viễn, bất tận của thông rừng và hồ vịnh Tây Bắc.

Gắn bó với hết thảy. Cùng hết thảy. Với thân tình cũ. Với thân tình mới. Gắn bó ấy ở Thanh Nam trung hậu tự nhiên, tròn, đầy, và mạnh mẽ hơn ở tôi nhiều, rất nhiều. Vấn tất là gắn bó với đời sống, kể cả những lúc đời sống phản phúc và thù nghịch nhất. Một gắn bó vô điều kiện. Đó là điều đích thực tôi không bao giờ có được. Nhưng nhờ có Thanh Nam, đôi khi tôi cũng có được cái cảm tưởng sung sướng như thế.

Lần về thăm thứ ba này, tôi không nắm vững được bệnh tình Thanh Nam hiện như thế nào. Biết sơ qua Thanh Nam vẫn phải ngày ngày tới bệnh viện chữa trị, lượng thuốc an thần mỗi ngày dùng nhiều hơn, vẫn di chuyển được ở trong nhà nhưng phải chống mình trên một cây gậy. Vậy thôi. Biết thêm là ngôi nhà Othello im lặng trọn ngày. Thanh Nam lùi sâu thêm vào âm thầm với bệnh, chừng như chẳng còn muốn gặp ai, dù là những chỗ thân tình nhất.

Tôi đến giữa buổi trưa. Tuý Hồng đi đâu chưa về. Bầu không khí trong ngôi nhà ngưng đọng hoàn toàn. Bầy nhỏ ngồi trên thảm coi tivi, cái máy đã vụn nhỏ tới tối đa âm thanh. Con cháu Ty, đôi mắt tròn buồn chỉ tay vào phòng trong ra hiệu cho tôi Thanh Nam ở trong đó.

Tôi vào. Thanh Nam nằm nghiêng trên mặt đệm của một giường gỗ nhỏ, quay mặt vào tường, trên người không một tấm chăn đắp, mắt nhắm lại, bất động. Dấu vết đời sống chỉ còn chỉ còn thu lại, như một tờ chỉ, nơi tiếng thở vi vi, ú ú, nhọc nhằn thoát ra nơi lỗ hổng cuống họng bị giải phẫu che kín bởi một phiến vải trắng nhỏ bằng nửa bàn tay. Phiến vải phập phồng theo nhịp thở đứt quãng.

Con người thường hiện nguyên hình trong giấc ngủ mà tỉnh thức che dấu được. Phút ấy, đứng lặng trên thành cửa, nhìn bạn ngủ, tôi mới nhìn thấy sự hiện hình toàn vẹn của cái chết, của ung thư. Chúng đã đến bên giường, chúng đã ở trong bạn tôi. Và từng phút, từng giây, lan dần, trùm lẩn, lẩn dần, sự hủy hoại không tiếng.

Tôi lùi ra. Túy Hồng đi chợ về. Đi theo người bạn gái đã rất thân thiết từ trước thời gian chị thành gia thất với Thanh Nam vào trong bếp, tôi hỏi :

- Thế nào ?

- Anh càng mệt thêm mãi. Nhiều ngày ở trong phòng tới chiều tối không ra. Vẫn đi lại được, nhưng khó khăn. Vẫn chịu khó nuốt vào người thực phẩm lỏng để còn hơi sức sống, nhưng chỉ được chút đỉnh rồi buông ra. Trưa nào cũng phải nằm. Tôi chỉ còn cầu mong giấc ngủ nào của anh cũng được thật đầy, cũng được thật ngon.

Một lát sau, Thanh Nam thức. Biết tôi tới. Mở cửa phòng đi ra. Một chiếc áo len cũ trên người, cái mũ cát-két, cây gậy ti nặng làm nghiêng đi một bên thân. Thanh Nam thận trọng bước từng bước trên mặt thảm, tới ngồi xuống cạnh tôi. Sự tàn phá của bệnh trạng nhìn thấy rõ rệt hơn nữa, so với lần trước. Bàn tay trái nắm ngón co rút lại, như một nắm chặt chết cứng. Thân sắc nhọn nhạt. Một mặt đệm hình tròn, có đai vây như cái ghế dùng cho trẻ nhỏ đặt trên mặt sofa cho thể ngồi được vững chãi hơn. Vẫn còn bút đàm được, nhưng thật ít. Vài trang giấy nhỏ. Mỗi lần viết phải điều chỉnh cách ngồi lại, cả bàn tay co rút ti hết xuống mặt giấy.

Điều duy nhất không bao giờ thay đổi, cũng là vùng cơ thể trước sau trọng bệnh không bao giờ xâm nhập được, là một thân trí vẫn cực kỳ minh mẫn. Bút đàm :

- Mà vẫn làm báo dưới ấy mà! Sao lên luôn được vậy?

Tôi nói :

- Vẫn đi vài ngày được. Máy bay đang rẻ rẻ. Nghe tính rời về Cali. Hay lắm. Còn định vậy không?

Gật. Rời Thanh Nam lắc lắc, hát hằm về phía trong bếp, viết xuống giấy: "Túy Hồng không chịu. Nói đâu cũng vậy thôi. Ở đây lâu, quen rồi." Túy Hồng không chịu là đúng, tôi hiểu. Thanh Nam chẳng còn đi đâu được nữa. Chẳng còn đi đâu để làm gì nữa.

Lần thăm thứ ba ấy ngắn nhất. Cũng là lần thăm khiến tôi hoang mang và buồn thảm nhất. Căn phòng khách tối mờ. Thanh Nam ngồi cao hơn tôi một chút, trên cái mặt đệm đặc biệt có vòng đai giữ. Bàn tay nắm chặt không còn xoè mở được của bạn. Bút đàm của bạn "Sao lên luôn được vậy ?" Và sau câu viết, có một câu không muốn viết " Mà cố gắng lên thăm nhiều lần, vì sợ không còn lần khác nữa, phải vậy không?" Phải. Đúng vậy. Chính vì vậy, mà chỉ ở lần thăm buồn nhất ấy, tôi mới nói rõ với bạn lời vĩnh biệt.

- Còn gặp là được. Tao sẽ lên chơi Seattle, đến thăm mày nhiều lần nữa. Nhưng nếu không thấy nhau, thì coi lần tới sau cùng là lần từ biệt nhé!

Thanh Nam nhìn tôi. Lâu. Gật đầu. Và ngồi yên nhìn tôi.

Sau lần thăm thứ ba, trong thâm tâm, tôi định không có lần thăm nào khác nữa.

Từ thời gian, hai chúng tôi cùng trẻ măng, Thanh Nam cùng Tô Kiều Ngân làm tờ Thẩm Mỹ, bài viết đầu tiên của tôi ở miền Nam là một tùy bút ngắn trên tuần báo này, đến những tháng ngày ăn nhậu, bài bạc, chơi đêm liên miên trên căn phòng độc thân của Thanh Nam ở khách sạn Cửa Long, tới những chương trình thơ văn chúng tôi thẳng viết, thẳng đọc, cả chục năm liền trên ba đài Tự Do, Quân đội, Sài Gòn, tới tờ Nghệ Thuật cùng dựng bảng hiệu, cùng một toà soạn, đến cuộc tình Thanh Nam Tuý Hồng từ hé cánh đến tiệc cưới tung bồng ở nhà hàng Đồng Khánh, tới những kỷ niệm vui buồn không nhớ hết, ở ba địa chỉ Nancy, Bùi Viện, Lý Thái Tổ.

Hãy chỉ kể vậy, đã gọi được là cùng với Vũ Khắc Khoan, Mạc Đỗ, Đinh Hùng, Anh Ngọc, Hoài Bắc, Vũ Quang Ninh hợp thành Cái Bang phái văn nghệ áo bần, tôi đã sống, đã ở, đã làm việc với Thanh Nam gần trọn một đời người. Thêm hai năm Đất Mới ở Seattle nữa. Thì đã là đầy đủ. Thì chẳng còn ân hận. Thì cái số bạn phải đi trước thôi cứ để bạn đi. Thì nếu chưa chia tay, cũng đã cầm tay nói lời từ biệt.

Tôi lại yêu cái chết của loài voi. Lặng lẽ. Không tiếng. Ở một đáy rừng. Dưới một mộ lá. Và thầm mong cho Thanh Nam được chết cái chết xa đời nhẹ nhàng, một mình như thế.

Nhưng tôi trở về Santa Ana mới được vài tuần, bằng hữu Tây Bắc đã tới tấp báo động xuống. Rằng Thanh Nam đã lúc tỉnh lúc mê. Rằng bác sĩ Mỹ chê không chữa nữa. Rằng tang lễ đã chuẩn bị. Rằng một nhà sư trẻ đã được mời tới ngôi nhà Othello tụng kinh làm lễ siêu độ cho Thanh Nam ở đầu giường. Tin dữ chấn động sinh hoạt. Nhiều an hem đòi lên thăm gặp Thanh Nam, gặp lại một lần trước khi Thanh Nam nằm xuống. Thế là tôi phải đi cùng. Và có lần thăm thứ tư.

Nhớ lại lần thăm trước, Thanh Nam tỏ ý không còn muốn tiếp bạn bè thăm viếng nữa, tôi đi Seattle trước một ngày. Và đến ngay Othello. Báo động thì đúng, nhưng tình trạng nguy kịch chừng như lại yên yên, thần thái Thanh Nam so với lần trước không sa sút gì lắm. Tuy bàn tay trái co rút không nắm lại được, vẫn cây gậy, sự di chuyển khó nhọc, cái đệm hình tròn có vòng đai để ngồi cho vững. Tôi cười, lấy giọng đùa cợt :

- Tưởng mày nằm dài ra rồi. Chưa. Hay lắm. Tao lên lần này còn có cả một phái đoàn văn nghệ Cali đi cùng. Họ sẽ tới đây ngày mai.

Thanh Nam tròn mắt nhìn. Một lát rồi cầm bút viết “ Dưới ấy lên Seattle trình diễn à? 30 tháng tư qua rồi. Vụ gì vậy ?”

- Chẳng có vụ gì hết. Anh em Cali rảnh rồi kéo nhau lên Tây Bắc chơi. Nhân tiện tới thăm mày thôi.

Viết : “Nhưng ai?”

- Nếu đi đủ, Nguyên Sa, Du Tử Lê, Kiều Chinh, Quỳnh Như, Đỗ Ngọc Yến hoặc Nguyễn Đức Quang. Hoàng Quốc Bảo nữa.

Thanh Nam lắng nghe, bậm môi, nghĩ ngợi, đoạn cầm bút viết : “Chẳng tới thăm tao bao giờ bỗng dưng tới cả một đoàn vậy. Bảo họ đừng đến. Tao không muốn gặp.”

-Sao vậy? Tôi hỏi.

Viết : “ Nguyên điều này đã: tao rất mệt, không thể ngồi lâu, không thể đủ sức tiếp chuyện từng người.”

Cuối cùng Thanh Nam cũng bằng lòng, chỉ viết dặn là nói với anh em đến ít phút thôi rồi cho nằm nghỉ. Dặn vậy mà hôm sau, khi tôi đưa Kiều Chinh, Nguyễn Đức Quang và Hoàng Quốc Bảo tới, Thanh Nam đã chờ sẵn bằng một đọi chờ thật vui mừng, thật cảm động. Nắm tay Nguyễn Đức Quang. Chỉ Hoàng Quốc Bảo, gật gật. Như muốn nói đã nhận ra ngay. Để yên cho Kiều Chinh ôm lấy thật chặt rồi cười thân mến.

Lần cuối cùng tiếp bằng hữu phương xa trưa ấy, ở Thanh Nam là một phong cách rất tươi tắn, ung dung và chừng chạc. Ngồi tựa lưng, khoan thai. Nét mặt nhẹ nhõm. Cây gậy cầm thẳng. Tôi nói Nguyên Sa, Du Tử Lê, Quỳnh Như phút chót không đi được, gửi lời thăm. Gật. Kiều Chinh : “ Anh khoẻ đi rồi về Cali chơi với tụi này.” Cười. Gật. Chăm chú nghe Nguyễn Đức Quang. Quay sang với Hoàng Quốc Bảo.

Buổi thăm định chỉ vài phút, kéo dài hơn nửa tiếng đồng hồ. Rồi khuôn mặt chợt nghiêm lặng lại, viết, trao mẫu giấy cho tôi. “Tao mệt, phải đi nằm ngay rồi.” Mọi người hiểu, cùng đứng lên.

Và cái hình ảnh cuối cùng, sau cùng chúng tôi có về Thanh Nam buổi trưa hôm đó ở giữa phòng khách ngôi nhà Othello, đích thực là một hình ảnh của bỏ đi, của lên đường đi vào vĩnh viễn: chông trên cây gậy, quay gót, Thanh Nam chậm chậm đi qua từng người chúng tôi, đi vào phòng riêng.

Tôi nhìn xuống cây viết, xấp giấy để lại trên mặt bàn. Đàm thoại một đời với bạn, với đời, lần này là chấm dứt. Chấm dứt hẳn.

Mười năm. Từ biến động, từ đổi đời, từ địa ngục, từ cõi chết trôi ra, sống sót, tới bờ đất mới, nghĩ mình được may mắn phục sinh, lửa đạn đã tránh đường, đại dương còn ném trả, mười năm ấy hình như chúng ta không còn bận tâm về cái chết, chẳng còn những tư duy về cõi chết, nhìn thấy cõi chết. Nhất là cái chết của một người thân.

Cái chết, dưới những hình thái khác, ở trong lửa đạn, ở giữa nghìn trùng, của người tử tù trong ngục tối, của hàng triệu trẻ nhỏ chết đói ở Phi châu, của cuồng tín Trung Đông, của nạn nhân kỹ thị, chúng ta sống với, mỗi ngày, qua báo chí, truyền hình, với khái niệm về những hình thái của sự chết ấy như một hiện tượng thời đại, một tai họa tập thể, và phản ứng theo chiều hướng nhận thức ấy. Còn cái chết bình thường, như đời người trước sau rồi cũng một lần phải chết, chúng ta lại không còn có suy tư gì về nó nữa, hoặc chỉ một thoáng nghĩ, phút chốc rồi thôi.

Cuộc sống tưởng như một mớ lũng bùng không còn hình thể là vì vậy. Bởi chính cái chết mới định nên hình dáng đời sống, như sự định hình của một con đường là ở phần mở đi và ở nơi chấm dứt của con đường.

Thành ra cái chết trở thành một xa lạ dần mãi, một khái niệm mơ hồ, một ý niệm trừu tượng.

Cái chết của một người thân, của Thanh Nam, chứng ung thư, một bệnh viện ở Tây Bắc, sự vật lộn âm thầm, đơn độc, tuyệt vọng, can đảm của Thanh Nam với Tử thần, mái tóc rụng, cây gậy, cái cát-két, mẫu giấy cây bút của bút đàm, bốn lần về Seattle thăm bạn, khi bệnh tình bạn đã hoàn toàn tuyệt vọng ở ngôi nhà Othello, cho tôi thấy lại một lộ trình người, và giữa những đứt đoạn khắp cùng, một chu kỳ đời sống, một chu kỳ toàn vẹn.

Không ai còn ai mất. Ai cũng chết mà thôi. Hoàng Cầm. Thơ Hoàng Cầm.
Tưởng như Phú Quốc đêm rời quê hương. Rời. Thanh Nam. Thơ Thanh Nam.

Cuối cùng là Thanh Nam đã có hàng nghìn địa chỉ trong mỗi người thân, trong mỗi chúng ta. Như câu văn bất hủ của Sacha Guitry : *Nắm mộ của người đã mất nằm trong trái tim những người còn sống.*

Chị Túy Hồng, ở xa, tôi gửi lên Tây Bắc cho chị lời thơ ấy của Hoàng Cầm, câu văn ấy của Guitry. Như một nén hương nhờ chị thấp thay tôi lên bàn thờ Thanh Nam. Ngày giỗ đầu.

Tháng 6, 1986

Nhìn lại thế giới Vũ Khắc Khoan

Những người du khách Mỹ hồng hào no ấm , y phục xứ lạnh dày nặng sặc sỡ đi về thường từ mười năm nay ở phi trường Minneapolis , tiểu bang Minnesota , lâu lâu một lần , lại nhìn thấy đơn độc khác lạ giữa họ một cặp vợ chồng Á Châu , như họ , cũng tới phi trường đợi chờ một giờ máy bay cất cánh .

Cặp vợ chồng đó , sau mỗi mùa đông Minnesota, càng đi thêm vào cái phong thái lão , hạc tách thoát trong suốt là khởi sự của tuổi già . Tuy người chồng vạm vỡ lùn thấp và người vợ mảnh mai cao gầy , đi đứng vẫn nhanh nhẹn vững thẳng giữa cái suối người Tây Phương ào ạt ở chung quanh .

Họ cùng tiến vào một phòng đợi tường gương sáng láng nhìn xuống một phi đạo Đông Bắc dài vút giữa cái địa hình thủy mạc kỳ ảo diễm lệ của Vạn Hồ . Nhìn cặp vợ chồng gốc gác từ xa thăm Đông Phương huyền bí này giữa một phi trường Mỹ sánh vai nhau cùng ngồi xuống ghế ở một góc đời riêng , như họ chỉ có thể ở cạnh nhau suốt một đời như vậy , mọi người có thể đặt ra nhiều giả thuyết . Từ những giả thuyết bình thường nhất đến những giả thuyết khác thường nhất . Về thân thế họ . Về nguồn gốc họ . Cả chuyến bay họ đang đợi chờ một cách vừa hết sức ung dung vừa vô cùng nhẫn nại , để bay lên . Về lấm liệt rất thái cực đạo của người chồng nước da đồng hun và mái tóc trắng tuyết (hồi còn trẻ : tao chỉ đánh một cái thằng ấy chết) hợp đồng với về âm u nhợt nhạt của người bạn đời , suy nghĩ - chỉ cần thêm một giọt tưởng tượng của võ hiệp Kim Dung . - đến một cặp lão trượng hiền lành ngồi kia nhưng dấu kín võ công cao cường vô tả , đến tuổi gác kiếm quy ẩn rồi mà vẫn phải dùng phản lực Mỹ , bởi một mối đại thù ở xa giải quyết chưa xong . Rồi thấy họ trao quyết trao thuốc cho nhau cùng đốt cùng phì phèo hút , lại có thể nghĩ họ là cặp vợ chồng đông y Phúc Kiến , tới địa phương để kiếm tìm một thần dược mọc giữa đám kỹ hoa di thảo trùng điệp của Vạn Hồ .

Và chuyến đi. Họ đi đâu? Xuống sa mạc phương Nam tầm thù ? Lưu lạc đã một đời , nay trên đường quy hồi cố hương , ở một điểm nào đó của Á Châu xa thăm , mặc áo vải , đi giày cỏ , gặp lại giòng sông xưa , thêm nhà cũ , xóm giềng và con cháu sau bao năm xa cách , sống an nhàn phần đời còn lại dưới vòm trời từ tuổi trẻ ra đi ?

Giả thuyết cả mà thôi . Giả thuyết như cuộc đời . Giả thuyết như văn chương . Giả thuyết như ở kịch . Cũng vậy , hình hài và tướng mạo người . Cặp vợ chồng ấy không song thủ cùng phát ,

không đứng trước một tầm thù nào . Quê quán họ ở Á Châu , đúng vậy , nhưng đường về đất nước đứt đoạn và nghìn trùng cách biệt , dấu chân thất quốc trôi dạt chưa biết ngày nào trở lại được với bến bờ quê cũ . Đó là một cặp vợ chồng nhà văn . Một cặp vợ chồng nhà văn Việt Nam ty nạn , từ bảy mùa tuyết , đã định cư yên ổn ở Vạn Hồ . Cặp vợ chồng đó phải lưu vong , vì văn chương tự do và có thái độ nơi xứ sở họ , cũng như trên toàn thế giới , toàn nhân loại , tự cổ chí kim bao giờ cũng là văn chương có kẻ thù . Và người chồng thân thể ở giữa một bàn viết như một ánh lửa tiền trường và một tấm bảng đen, còn là người thầy dạy học danh tiếng của cả một thế hệ tuổi trẻ yêu thích văn chương như thầy , cũng đã sống với cách mạng , chiến tranh và đổi đời trên một đất nước hoa gấm nhàu nát tan vỡ cuối cùng đều phải ra đi , mà một trò cũ bấy giờ là một nhà văn nữ có bài viết cảm động về những giờ học cũ của thầy là nhà văn Lê Thị Huệ . Nói thêm cho những người Mỹ ở phi trường kia đang nhìn ngó ông già Á Châu phục sức đơn giản dỏm dáng đó là một Jouvet của Việt Nam có truyền thống hát bội và tuồng chèo tuyệt vời độc đáo . Đó là Vũ , người xưng "Khoan tôi" trong truyện kể cho đời, sáng chế ra thể tùy bút lộng ngôn, người chủ tịch Hội Phật Giáo và Hội Văn Hoá ở tiểu bang các người vừa từ nhiệm. Và đừng "vấn đề" nếu thường gặp Khoan-tôi cùng các người đời giờ cất cánh . Á Châu đó đã đi , đi cũng khủng khiếp lắm . Triệu triệu người đi . Cả đất nước đi . Cái trái đất chẳng đang chấn động tiếng chân Việt Nam trên mọi nẻo đường ? Vũ đọc đã đi nhất . Người trường nữ là nhân viên một hãng hàng không lớn . Ông bố nhà văn tươi cổ trống hồng nhà rồi được hưởng giá vé người nhà đặc biệt , nên từ bảy năm đã là một trong những người bay nhiều nhất ở Hoa Kỳ .

Mỗi lần Vũ Khắc Khoan từ 9441 Blaisdell Ave, South Bloomington , Minnesota điện thoại cho bọn chúng tôi , trước nhất thường cho Hoài Bắc : "Ngày ấy , tao xuống đó ". Bọn chúng tôi đều nhìn nhau cười : " Chắc tuyết nó phủ chho gần chết rồi . Xuống thì xuống làm như đi kinh lý ". Nói vậy , chúng tôi vẫn sửa soạn đón Vũ . Bởi có Vũ là thức đêm , có sinh hoạt , có Jack Daniels khai vị mạnh mẽ buổi chiều , có Hennessy đậm đà buổi tối , có Hồ Trường thẩm thiết phần uất rớt về Đông Phương , rớt về Tây PHương , và từ giọt lệ lăn ra nơi câu thơ bôn tẩu thất quốc , đến cái tấm rượu hợp bạn sủi lên một nền trời lữ thứ , chúng tôi có Vũ , đã cùng nhau sống lại được rất nhiều điều . Những điều đã xa . Những điều đã mất . Anatole France: "Au milieu du chemin de la vie ... Những điều ở một cuối đường cùng nhau nhìn lại , vừa như một ngậm ngùi vừa như một băng khuâng vô tả , những điều còn như hơi thở , còn như da thịt mà lung linh hình bóng , sương phủ mêng mêng , mưa đổ nhạt nhòa , ở đó mỗi chúng tôi là hình ảnh một người đi qua , cổ áo kéo , lăn vào bóng tối .

Gặp Vũ , chúng tôi cũng thấy lại được cho bạn con người ngày trước , trên cái nền văn vũ chuyển động của những biến động thời thế là lịch sử dồn dập kéo chạy như những đôi cánh nhậm lẹ của của một điều lạ lùng là Vũ tuy chẳng tham dự vào hết thấy lại như gắn liền thân thể vào những biến động ấy ... Chẳng tham dự hết . Nhưng đã sống bằng một tâm thức nhà văn thẩm thiết gắn chặt . Và đã viết ra từng khúc , từng đoạn có như dĩ vãng chỉ có ở Vũ những điều muốn nhớ , muốn thấy và trước hết là những con người. Con người trên đơn vị cá nhân, đơn vị thân thiết khác thường đặc biệt , con người của một định mệnh khốc liệt trong đơn độc tận cùng , bởi vì trong nhận thức Vũ , những con người làm nên lịch sử thời thế đều là những con người nghệ sĩ. Thành Cát Tư Hãn cũng là một nghệ sĩ . cõi văn , cõi kịch Vũ Khắc Khoan là gì nếu không là một hành lang chân dung nghệ sĩ nhiều thời trên từng địa hạt của tâm hồn và hành động . Đó là Lý Đông A , Trần tử Anh , Đê Thám trong huyền thoại . Nhất Linh trong thân thể , người bạn chí thân Lê Quang Luật. Đó là anh Trương Chi trên giòng sông của giai tầng ở giữa gã Tú Uyên trong tác phẩm biến tướng , Lưu Nguyễn sau trở về , anh Trời trong Ngộ Nhận .Thấy là những thế sống , những thế sống không tưởng tượng được . Thấy là những thành tựu , vì cái thế sống không thể tưởng tượng được, dầu chung cuộc chỉ là " đốt tranh" là cát bụi , là hư không .

Gặp lại Vũ , trước lò sưởi những tối khuya Minnesota trắng tuyết , mười ngàn phiến Động Đình Hồ đoán thấy đông lạnh dưới không độ tối đặc , hoặc ngoài một hàng hiên chiều của California tươi nắng , một lũ chúng tôi mà Vũ gọi một cách sắp chết là "đám cụ bạn vàng lác đác" mà Vũ

diều là " giới nghiêm cũng mặc , hèm nào cũng vô ", đã thật sự tạo lại được một không khí tếu nghịch , đơn giản người nào cũng yêu thích lắm lắm . Vui nhất là thiền sư Nghiêm Xuân Hồng . Và người xưng Khoan tôi trong truyện kể cho đời lại rủ chúng tôi về với hắn . Như một bày Lưu Nguyễn nghịch ngợm .

Trở về Hà Nội trở về Sài Gòn . Trở về những mảnh tôi xưa . Trở về những phiến ta trước . Hồ Tây dưới trăng vàng . Thiếu thời ấy là một Tây Hồ lồng lộng . Thu Thủy công trường thiên nhất sắc . Cổ Ngư đêm mùa hè . Trúc Bạch màu cốm đậm . Cái tên học trò ngổ ngược , toái ngày đập lộn của trường tiểu học Sinh Từ (Ngay từ đó đã : tao đánh thằng đó một cái chết) . Đêm kịch Nhà Hát Lớn , nửa đêm truyền hịch đợi ngày viễn chinh . Đoàn kịch đầu tay Trường Ca Mông Cổ , bản viết làm nền cho sau này Thành Cát Tư Hãn . Chiếc xe đạp ì ạch trên dốc Hàng Than , trên đó Vũ trẻ măng ngót 40 năm xưa t'oi chạm mặt lần đầu . Và những nơi chốn : cái ngõ Hàng Bạc , đêm đêm Vũ Trọng Phụng , Trương Tư đi ra , cái tiệm phở Trường Ca , tầng sáng nào cũng Đoàn Phú Tứ , Nguyễn Tuân mò tới . Và những ảnh hình muông thú của Hà Nội chưa tiêu tụy đồ : Ảnh lửa khuya dưới vòm Ô Quan Chưởng , con đường Quan Thánh và những chuyến xe điện thời sinh viên Vũ Khắc Khoan ở đó , những tà áo thiếu nữ Hàng Ngang , Hàng Đào , cái núi rác sau chợ Đồng Xuân , màu đỏ ké cây cầu Thế Húc . Và những tiếng động : gió Hồng Hà mùa nước lũ , tiếng còi tàu Long Biên , bom Nhật trên Gia Lâm , đạn lạc ở Phố Huế , chiến xa Pháp kéo về Hải Phòng , lựu đạn nổ trước trụ sở Quốc Dân Đảng , tiếng tỳ bà Ngã Tư Sở diu hiu lau lách , tiếng phách Khâm Thiên .

Rồi Saigon . Tây Hồ bỏ lại , Trúc Bạch chia tay , trường Đại Học "cửa đóng thêm rêu, lớp nhớ nhung", Điện Biên Phủ bàng hoàng, những chiếc tàu há mồm của di cư một triệu .

Chúng tôi cùng vào Nam và với Vũ làm tờ Tự Do , diễn đàn đầu tiên của Bắc Hà mới tới , Như Phong, Mặc Thu, bây giờ mới bị cầm tù ở quê nhà , Đinh Hùng đã mất . Nhóm Quan Điểm thành hình trên đất đứng của trí thức giai tầng ở giữa, bích chương dính đầy các thân cây quận Nhất : tờ báo dám nói sự thật, số ra mắt quá khích đòi mỗi tuần chặt một đầu người . Chúng tôi chia thành hai nhóm . Sáng Tạo riều Quan Điểm đám con quan đòi làm cách mạng đổi thay thế giới . Quan Điểm cột Sáng Tạo , lũ trẻ ngông cuồng, mỗi tháng một đôi giấy da đen . Thời kỳ đó là "những ngày vui" như một tựa đề truyện ngắn Khái Hưng , hai tòa soạn này chạy qua chạy lại trên cùng một khúc đường Phạm Ngũ Lão , tuyển tập thơ văn Đất Đứng đầu tiên do Mặc Thu thực hiện và người đạo diễn Vũ Khắc Khoan , áo vắt vai, những đêm tập dượt Thành Cát Tư Hãn trên sân khấu trường Quốc Gia Âm Nhạc . Trời Sài Gòn đầy sao, dưới đó văn nghệ sống , đêm Sài Gòn dịu dàng với nó văn nghệ thức , một ông sáng sao hai ông sao sáng , những bữa ăn trưa ở nhà Thanh Nam, chúng tôi bắt chước Thanh Tâm đập hết ly tách trên tường, những bữa ăn đêm trước rạp hát Kim Chung gây sự với cảnh sát , những khuya say kéo về Góc Máy Vũ Hoàng Chương , quây quần ở Góc Khói Đinh Hùng , ký bông thảng ở nhà hàng Hải Biên , chò "bắt" tiền trước bàn giấy Khai Trí .

Vũ với chúng tôi có thật nhiều thời kỳ . Một thời kỳ , một hình thái sinh hoạt chủ nghĩa , bằng ấy thời kỳ nối liền bằng những hợp mặt say . Tờ Vấn Đề , hấn "cho" Thanh Tâm Tuyên , Thái Tuấn rồi tôi thay phiên chủ bút, những buổi trưa trong Đại Học Vạn Hạnh, nơi tá túc của hai đảng thiên tài kinh chống Phạm Công Thiện và Bùi Giáng , bấy giờ Phạm Thiên Thư mới là một chú tiểu quê mùa dụt dè tới xin đăng bài tùy bút đầu tay . Thời kỳ Vũ mỗi tuần đi máy bay lên dạy học ở Đại Học Đà Lạt , cứ khăn quàng cổ đỏ phơ phất ở phi trường Liên Khàng , ngôi nhà nhỏ trên đồi nhìn xuống mặt nước hồ Xuân Hương , đêm hắn dựng trên một sân khấu lộ thiên rét cóng vở Quan Âm Thị Kính , Thanh Tâm Tuyên bám tôi kéo nhau lĩnh ra phố chợ uống rượu , sáng hôm sau nhà soạn kịch cho mỗi tháng chúng tôi một trận nên thân .

Sang tới Hoa Kỳ , mỗi kẻ một phương trời , một ông sao sáng hai ông sáng sao lẻ loi từng phiến trời lưu đày , chẳng còn có được với nhau ngày ngày những đêm vui như ở Sài Gòn ngày trước

Chẳng còn giới nghiêm cũng mặc, hèm nào cũng vô . Say rượu gây sự với cảnh sát Mỹ cùng phiên lằm , đại hấn cũng không dám nữa . Vũ cũng đã 70 tuổi . Những sợi tóc bạc . Từu lượng phải giới hạn . Cái chân chớm tê thấp làm đau mỗi đổi mùa . Thơ, ngày trước là lên yên , lên

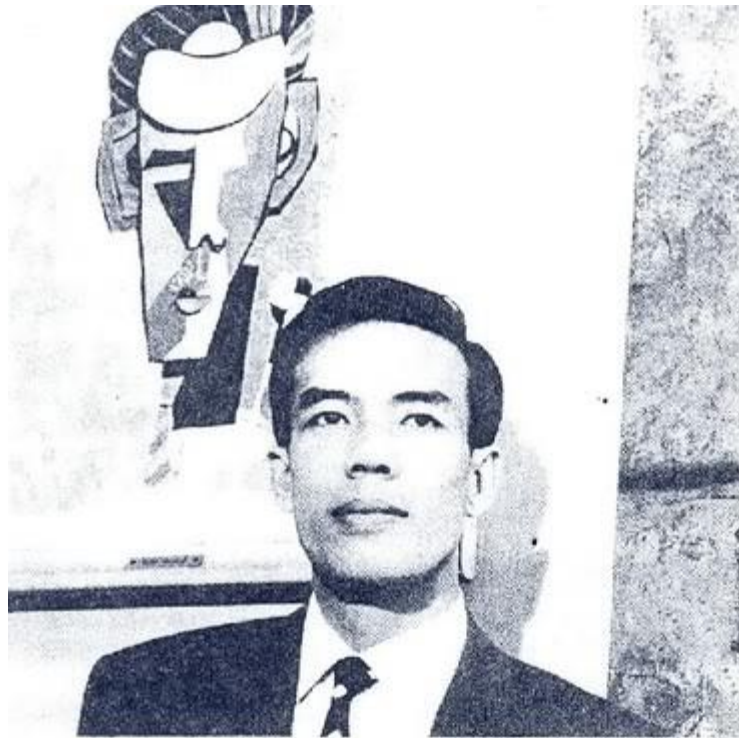
đường ta say giữa trận tiền , người chớ cười . Thơ bây giờ : Dăm cụ bạn lác đác Mỗi năm tuổi hạc một cao .

Tâm thức cũng đã thay đổi . Nhìn thấy rừng phong thay lá mùa thu một mình , hư không dã là, hơi gió nửa khuya , cuộc đời hình bóng . Bây giờ là một Vũ hiền , giai tầng ở giữa đã trả lại cách mạng và thời thế cho những giai tầng khác, thôi mỗi tuần đòi chặt một đầu người , thôi tao đánh một cái nó chết . Thôi . Lâu rồi . Thôi . Đã mười năm thôi .

Từ đưa cháu ngoại đầu , sáng sáng ra gọi ông ngoại bằng Khoan ơi . Từ Cộng Sản đốt sách Quan Điểm ở quê nhà . Từ bỏ nước ra đi, từ Lê Quang Luật mất . Những ồn động của thời thế bỏ lại cho cái bên kia một triển núi ồn động . Ánh mặt trời đã ngã về Tây là ở cái hướng khác những mặt trời lên . Vũ , 70, bạn hữu nhìn thấy ở Minnesota mùa tuyết 81, ở Cali mùa nắng 82 , đúng là một mặt trời hiền , một ông chủ tịch văn hóa hiền , một ông chủ tịch Phật Giáo hiền , một tiểu đồ hiền , một ông ngoại hiền . Chuyển dáng của Vũ đi vào tuổi già đã là một chuyển dáng đẹp . Của một chuyển cảnh đẹp . Tiền trường bây giờ thôi là cát bay gió chạy , người ngựa ngập trời , thế sống chất nổ . Cánh cửa sổ sầm chập của Lôi Vũ đã khép lại . Phồn Y đã ngủ yên . Tiền Trường bây giờ là một buổi chiều buồn rộng lớn, grande pour les êtres est la tristesse du soir, michelet, một con đường quê , một cánh đồng cỏ trong tranh Cezanne, những hoa tuyết dịu dàng, những cảnh du hiền triết . Buổi sáng . Jean Gabin lặng lẽ thức giấc , mùa đông dài , ly cà phê sớm , mặt bàn viết chụp đèn còn sáng xuống một trang lộng ngôn viết dở đêm qua . Lộng ngôn tôi , lộng ngôn bạn , lộng ngôn đời , tất cả êm đềm thỏa thuận . Những thế sống không thể tưởng tượng được , thôi hãy xếp vào lũ tượng gỗ ở với Những Người Không Chịu Chết , cho người thiếu nữ tên Thu cũng được biết đến hạnh phúc ở đời . Buổi chiều , ngôi nhà Bloomington tối xuống . Đêm nay tuyết đổ nhiều , hàn thử biểu không độ . Hâm nóng một chút rượu , Jean Gabin nhìn lửa . Kịch ở trong tâm , cái tâm đã yên . Tuyết rơi cứ rơi cảnh du ẩm áp .

A mà bọn chúng đang làm gì ở bên Cali kia . Chúng đang uống rượu , thiếu ta sao được .

Tuyết Đông Bắc mùa này vẫn chưa chôn vùi được đại hãn . Và những người Mỹ hồng hào no ấm buổi sáng hôm sau lại nhìn thấy cặp vợ chồng Á Châu lạnh hiền giữa họ , trong một phòng đợi , tường gương sáng láng, chờ giờ bay lên .



Moi Thảo đứng trước bức chân dung
ông do Tạ Tỵ họa

« Người ta nhận thấy nghệ thuật không có biên giới không thu hẹp trong những đề mục một cương lĩnh chính-trị — như nghệ thuật cộng sản đã chết chìm trong bể giáo điều — nhất thiết nó phải là đen hay đỏ nhất thiết nó phải khuôn theo một hình thể đi theo một con đường. Nói thế không có nghĩa là hỗn loạn là vô lập trường, là thể nào cũng được. Tôi chỉ muốn vẽ lên một hình ảnh : một trái núi chồi nắng và rất cao, nghệ thuật ngự trên đỉnh và những người leo núi dễ thực hiện đúng cái việc muốn tới cái đỉnh cao đẹp ấy phải đi trên những hướng đi riêng. »

Cũng trong bài này ở một đoạn khác tôi viết :

« Yếu tố thường trực của nghệ thuật là đời mới, — không phải là đời thay — phát biểu theo một quan niệm tiến bộ là nó luôn luôn đòi hỏi những khám phá mới, nó phải là một sự kiện cách mạng, sống động và tiến triển không bao giờ ngừng. »

Nhắc lại một vài ý kiến cũ, tôi chỉ muốn nhấn mạnh vào một quan niệm chủ yếu đã hướng dẫn tôi từ ba năm nay, xuất bản Sáng Tạo và gửi nó đến bạn đọc. Tôi chỉ nói một quan niệm. Tôi không giám nói đến những thực hiện. Mỗi buổi sáng, ngồi đọc tập thư và những sáng tác phẩm của bạn đọc từ khắp nơi trên toàn quốc gửi về tòa soạn, góp phần vào việc xây dựng tạp chí, vẫn là một thích thú đặc biệt cho tôi khi nhật lượng được — trong một bài văn một câu thơ — một ý tưởng một xúc cảm mới, một kỹ thuật biểu hiện mới, gọi chung là những khám phá, chúng là những viên ngọc quý phản chiếu óng ánh tâm hồn người viết, chứng tỏ cái khả năng sáng tạo trong tâm hồn người viết. Đôi khi

những khám phá đó chỉ mới thành hình như một phác họa, mờ nhạt. Nhưng trong một chuyến mình đã thấy cái cốt diệu của bước và trong bước đi đã thấy mở ra con đường của người đi. Đó là niềm niềm những cái hạt đã và sẽ làm mới nghệ thuật chúng ta. Tôi muốn tới những ngôi sao những tài năng mới xuất hiện trên vòm trời nghệ thuật chúng ta mà không riêng gì Sáng Tạo, tất cả những điển văn nghệ ở đây phải dành cho họ một phần xứng đáng hơn nữa. Tôi muốn được làm đất đứng cho cái lực lượng rạng ngời trẻ mạnh Khám phá, giới thiệu, hướng dẫn những tài năng mới đặt thành mục đích yếu của tạp chí. Tôi đã coi là một vinh dự và một phần trách nhiệm quý giá, nếu Sáng Tạo đến nay đã đạt được một phần nhỏ trong v tôi mục tiêu ấy. Bên cạnh những tác giả đã chín vững, sự xuất hiện của những lớp người viết trẻ với những tư tưởng những xúc cảm trẻ cũng mới như tâm hồn họ là hiện tượng tốt đẹp và phần khởi mà những cơ quan những điển văn nghệ ở đây không thể bỏ không thể lãng quên.

Sáng Tạo đến nay đã được ba năm. Thời gian, những cố gắng ở phía tòa soạn, sự hợp tác rộng lớn của các tác giả tên tuổi bên lớp nhà văn nhà thơ trẻ, lòng tin yên bền vững phía bạn đọc là những yếu tố khiến cho tạp chí từ một điển văn bé nhỏ ngày nào đã tạo được một hình thể : Một đất đứng độc lập, một vòm dáng và một hướng dựng độc đáo Từ những thí nghiệm, những phác thảo, một hướng đã thành hình. Những tiếng nói bằng hữu đến vui đồng từ chân trời đã tìm được sự hòa hợp cần yếu để trở nên một lực lượng tinh thần có tác dụng mạnh mẽ trong lòng người đọc. Qua hơn 3 báo, tạp chí đã đề cập đến những vấn-đề văn học thiết yếu, giới thiệu những sáng tác hàm chứa sức cảm tư tưởng và kỹ thuật biểu hiện làm lớn mạnh phong trào thơ tự do, và đồng thời đáp lại nhu cầu rộng kiến thức bạn đọc bằng những thiên khảo cứu tường tận viết những người viết có thẩm quyền.

Tôi không ghi nhận những thành tích. Phạm vi hữu hạn của tạp chí chỉ cho phép tôi khiêm tốn mình chứng một cố gắng trước cái của của những vấn-đề còn phải đi tới còn phải thực hiện. Nhưng nghĩ rằng : trên trận tuyến tư tưởng và nghệ thuật tiến bộ, đối với quần chúng yêu thích và đòi hỏi một tạp chí có những cố gắng huy tâm hồn và sắc thái thời đại, cho một nền văn nghệ mới đã thành, Sáng Tạo đã có mặt.

Tạp chí hiện nay còn đứng trước một con đường dài với nhiều trở lực lớn. «... nhưng cuộc hành trình của Sáng Tạo đã có nhiều bạn bè một bạn đọc trong một lá thư tôi vừa nhận được đã nói với tôi vậy. Và tôi muốn nghĩ rằng rất nhiều những tâm hồn bạn đã nghĩ tôi như vậy để lại được trở về với cảm giác vui ấm của một niềm tin tưởng. Sáng Tạo đã đi được một phần cuộc hành trình. Những bạn đường của nó đã là một bão đấm, một động lực khiến cuộc hành trình sẽ được lâu dài và tốt đẹp hơn nữa trong tương lai.

MAI THẢO.

L.T.5. « TRẺ » hân hạnh được tái dựng một thiên khảo cứu về « Văn Phẩm Chia Thời Đại Và Khuynh Hướng Văn Học Việt Nam » (Số 7) của ông Nguyễn-Sỹ-Tế, một trong những cây bút già dặn đang tác với Sáng Tạo.

SÁNG TẠO

Cách đây ba năm cũng một đêm tháng mười trời thành phố như đêm nay, tôi đã ngồi viết bài mở đầu một tờ tạp chí, số ra mắt. Tạp chí đó là tờ Sáng Tạo. Bài viết : **Saigon thủ đô văn hóa Việt** đây giờ ngồi đọc lại bài văn cũ về cái thành phố yêu dấu chúng ở, trong đó một tòa soạn nhỏ được thiết lập cho một diễn đàn góp tiếng với tiếng nói lớn của nghệ thuật, tôi đã không viết đáng kể, nếu không là gửi được xuống giữa những hàng chữ một tin tưởng. Thái độ này chưa đem một ý niệm thẩm kiến. Nói vì bằng một thái độ vui tin đặt vào nhiệm vụ lịch sử của Saigon phố đã trở nên trung tâm sinh hoạt của một nền văn hóa mới, muốn tờ Sáng Tạo cũng được sinh thành và lớn lên trong không tưởng toàn thể. Xác định vị trí Saigon, từ những kinh nghiệm nào đã trở nên một thành phố, từ một thành phố rộng lớn đã thủ đô văn hóa Việt Nam, tôi đã muốn xác định cho Sáng Tạo đứng trong đất đứng chung, một sinh hoạt trong sinh hoạt chung tôi đã viết : « Saigon đang phát triển, thay thế một Hanoi đã nghiêm nhiên biến thành một cứ điểm chính yếu quy tụ mọi tài xây dựng mọi nỗ lực đóng góp của những hoạt động văn hóa trên mọi ngành mọi mặt », là tôi đã muốn Sáng Tạo có một trong chính yếu đó, để làm một thiện chí xây dựng. Nếu tôi đã viết : « hóa vượt vĩ tuyến đã sáng lên ở đây, » là thâm tâm tôi đã mong Sáng Tạo cũng được là một ánh vui trong triều lửa bừng bừng. Nếu tôi đã viết : « như những nhành hoa hương dương nở về mình minh », tôi đã muốn được nhìn Sáng Tạo ngay lúc nó cứ dự thảo, qua hình ảnh bay múa của một nhành hoa hương cũng đua nở với muôn nghìn nhành hương khác về cùng mặt trời là sự chuyển mình hùng vĩ của đất nước đứng lên từ vị cũ. Sáng Tạo — mà riêng gì Sáng Tạo — tất cả nền văn học nghệ thuật của chúng ta phải đứng lên trong cái sơn hào vũ trụ như vậy. Về một dù võ toàn diện phải một xây dựng toàn diện. Sáng Tạo đã muốn được là một trong nhiều điểm khởi hành trên đời sống tối tăm còn bao trùm của một quá khứ gần gũi. Hình của những điểm khởi hành đã cháy lên trong lòng đời sống, đã dứt một đêm cũ mở đầu một ngày mới, dẫn tôi đến một ý niệm ý niệm tiến tới, cái ý niệm tương lai. Cái ý niệm tạo dựng cái mới, một không khí mới, đứng về phía những cái mới. Và tạo vực văn học nghệ thuật : những chưa được mới, những mẫu người, xúc cảm tư tưởng, những hình thức mới. Tôi nghĩ rằng khoa học hóa của dân tộc tích lũy từ quá khứ không có nghĩa là để cho nhà người thời đại chúng ta hôm nay chỉ biết quay về làm cái việc không của kẻ thừa hưởng. Cuộc sống cũng không được định nghĩa một thừa hưởng. Nó còn trình bày với chúng ta cái bộ mặt thời nó nữa và nó đòi hỏi những sáng tạo mới của thời đại.

Đứng trong phạm vi một tạp chí mà nói, hay một tác phẩm nghệ thuật cũng vậy, người chủ trương tạp chí, tác giả của tác phẩm thể chỉ đứng chón chân trong những chân trời cũ những thể cũ. Không nhất thiết lúc nào cũng là kẻ phá hoại kẻ nổi loạn và ý tưởng mà chặt đứt với nguồn gốc với truyền thống, nhưng hầu luôn luôn phá, tìm kiếm, vận dụng đời sống thành một ý lực sáng tạo không giờ ngừng.

Nền văn học nghệ thuật mới ở về phía chúng ta hôm nay, sự trường thành nếu có vẫn nặng về phần ý thức hơn phần thực. Những cái gặt hái thu hoạch được chưa đáng kể. Trái lại, tình trạng này, tình trạng bất động vẫn còn là một hiện tượng chung. Như không phải để đi đến một tâm trạng tuyệt vọng, chạy trốn khỏi hiện tại, ẩn náu vào cái quá khứ. Chúng ta chưa có gì. Vậy phải ra những cái mới. Một sự kiện gì vĩ đại lắm đang thành hình. Như chim đầu cành báo hiệu buổi sớm mai. Tiếng chim báo hiệu buổi

Mai Thảo người kể chuyện bằng văn Trần Thanh Hiệp



L'art est une méditation de la vie, non de la mort.
Nghệ thuật là một suy tưởng về đời sống, không phải về cái chết. (Jean Paul Sartre)

Mai Thảo chết đến nay đã được mười năm. Trong mấy anh em chúng tôi, quen biết nhau ở miền Nam từ 1954 - mà người ta thường gọi là nhóm Sáng Tạo - sau 1975 ra được hải ngoại, Mai Thảo là người ra đi chuyến vân du của anh sớm nhất. Sau đó lần lượt đến Ngọc Dũng rồi Nguyễn Sĩ Tế, Thanh Tâm Tuyền và mới đây là Thái Tuấn. Sự vắng mặt của Mai Thảo cũng như của các bạn khác, tôi khi nhớ khi quên. Nhưng khi chợt nhớ thì lúc nào cũng là một sự mất mát vĩnh viễn không có gì bù đắp được.

Một vài lần tôi có nói về những liên lạc thân tình giữa Mai Thảo và tôi. Lần này tôi muốn nói qua một vài nét về sự đóng góp của Mai Thảo cho văn học Việt Nam, từ phần nửa sau của thế kỷ XX. Với những hiểu biết, cách nhìn của riêng tôi về Mai Thảo mà tôi coi như những cái nhìn từ bên trong. Để mong cung cấp thêm ít nhiều dữ liệu cho hai trong những nhà nghiên cứu văn học ở hải ngoại tôi đã có dịp đọc là Bùi Vĩnh Phúc và Thụy Khuê.

Sáng Tạo, như một hiện tượng văn học

Sáng Tạo là tên của tờ báo anh em chúng tôi xuất bản hàng tháng ở Sài Gòn từ 1956 đến đầu thập niên 1960 thì ngưng. Sáng Tạo cũng còn là tên mà người ngoài hay gọi anh em chúng tôi là "*Nhóm Sáng Tạo*". Nếu hay hội họp với nhau, lúc nhiều lúc ít mà là Nhóm thì cũng có thể nói rằng có Nhóm Sáng Tạo. Nhưng bên trong chúng tôi thì thật ra không có Nhóm ấy. Sáng Tạo không phải là một văn đoàn. Chúng tôi không thành nhóm, không thành văn đoàn chỉ vì tôn trọng sự tự do của nhau ... Nguyễn Sĩ Tế kể lại rằng "*có lúc dân Sài Gòn đã vui đùa mà nói đến chơi nhà Sáng Tạo chỉ thấy bốn năm ông nhà văn mỗi ông ngồi một xô trước cái bàn thờ tổ sư riêng. Tạp chí Sáng Tạo không hề có chức chủ bút và tổng thư ký tòa soạn đích danh ...*" Nhưng sự gắn bó giữa những người bạn với nhau thì lại rất chặt chẽ. Hình thức gắn bó đặc biệt này người ta cũng tìm thấy dưới ngòi bút của nhà văn dân thân kiêm phi công người Pháp, Antoine de Saint-Exupéry: "*chỉ năm sáu người, không còn gì ở cuộc đời này nữa, ngoại trừ những kỷ niệm của họ ... Thương nhau, không phải mắt nhìn mắt mà là tất cả cùng nhìn về một hướng*".

Tôi không có ý định đi sâu thêm vào tình thân giữa anh em chúng tôi, "giữa đất trời nhau", nói theo kiểu Mai Thảo. Tôi chỉ muốn bàn về cái "hướng" chung mà Saint-Exupéry đã nêu lên, trong một hoàn cảnh khác.

Miền Nam Việt Nam sau Hiệp định Genève 1954, đối với những người từ miền Bắc di cư vào, giống như một thứ Viễn Tây của những di dân từ Anh đến đất Mỹ. Một triệu người đã bỏ lại đằng sau lưng quê hương ở miền Bắc và bằng tàu biển, máy bay lũ lượt kéo nhau đến sinh sống, lập nghiệp trên đất mới ở miền Nam.

"Cuộc di cư năm 1954, một cuộc di cư ào ạt, vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc so cả với thời kỳ Lê (Trịnh) Nguyễn phân tranh cốt yếu là một cuộc chọn lựa chính trị, chọn lựa chế độ cai trị giữa guồng máy Cộng Sản và guồng máy Quốc Gia. Cuộc di cư lớn lao từ Bắc vào Nam đó có điều đáng ghi nhận là nó bao gồm đủ mọi thành phần quốc dân từ nông thôn qua thị thành, từ bình nguyên lên cao nguyên, nào quân nhân, công chức, nào văn nghệ sĩ, giáo chức, học sinh, sinh viên ... thối thì sĩ nông công thương đủ cả. Nguyễn Đăng Quý, sau này là chủ nhiệm Mai Thảo của Tạp chí Sáng Tạo, ở trong làn sóng di cư này với tư thế là một người trẻ không có trường để học, một công tử lang thang hết chỗ để ngao du, một nhà văn vào nghề không có nơi dụng võ. (...) Tạp chí Sáng Tạo đã bắt nguồn từ biến thiên lịch sử nói trên, nhất là cuộc di cư của anh em sinh viên Hà Nội. (...) năm 1956 (...) sau cuộc triển lãm của Duy Thanh và Ngọc Dũng, với sự giúp đỡ tận tình của nhiều nhân vật các giới, tờ nguyệt san Sáng Tạo của Mai Thảo ra đời ..." (theo lời Nguyễn Sỹ Tế). Cuộc di trú với qui mô lớn và được hoàn tất trong một thời gian tương đối ngắn này là biến cố có thể ghi chép vào những trang đầu của lịch sử đi tìm tự do dân chủ của dân tộc Việt Nam vào thời điểm giữa thế kỷ XX. Những người dắt díu nhau ra đi chỉ mang theo trong hành trang hình ảnh, kỷ niệm đậm nét về quá khứ và một niềm hy vọng mong manh về tương lai. Họ phải nhìn vào cuộc sống trước mắt và phải suy nghĩ về cuộc sống những ngày sắp tới.

Cả một lớp người cầm bút thuộc nhiều thế hệ bỗng dưng được đặt trước những câu hỏi lớn về cuộc đời. Ta phải sống như thế nào? Còn có thể trở lại tắm ở những dòng sông cũ, sông nay đã đổ ra biển cả? Với anh em chúng tôi các câu trả lời đã đến rất mau lẹ và dứt khoát. Không làm người gác cổng nghĩa trang cho những tác giả đã khuất (lời nói khiêu khích của J.P. Sartre). Không nhắm mắt cặm cụi sao chép văn chương "khuôn vàng thước ngọc" thời tiền chiến (làm nhiều người không vui). Dứt khoát và kịch liệt chối bỏ mọi thứ chính trị viên văn nghệ. Sẵn sàng đương đầu với tuyên truyền đối trá để huỷ hoại và bạo lực khủng bố để toàn trị (nhiều người chưa dám). Trước mắt, thời đại đang mở ra cả một chân trời tự do. Với niềm tin mới, chúng tôi hăng hái nhập cuộc, mang hoài bão tìm được mạch sáng tác mới trong hoàn cảnh mới của đất nước.

Có hai vấn đề đã được đặt ra là "nội dung" và "hình thức" của sáng tác. Đối với những nước đã có sẵn một nền văn học có bề dày, bề dài rồi, thí dụ nước Pháp, thì tiến bộ thường chỉ là thay đổi các "hình thức" diễn tả. Cũng thời điểm này ở bên châu Âu, văn học của Paris đang chuyển mình. Thế hệ những người cầm bút kiêm triết gia từng làm mưa làm gió trong những năm 1930 đã phải nhường chỗ cho một thế hệ những người cầm bút mới, mang ý thức mới, không thiên về thuần suy tưởng mà về hành động, về trách nhiệm trước lịch sử. Cuộc giải phóng năm 1945 không xóa đi được những vết tích của cuộc chiến bại năm 1940 và những nỗi nhục của 4 năm chiếm đóng. Pháp đã thua trận vì, như chính một nhà phê bình Pháp đã nhận xét, văn hóa Pháp là nếp sống của một "tỉnh nhỏ" với những tiệm cà phê, những bài thơ tình, những lời hẹn hò thơ mộng ... Mùa xuân năm 1945, Mauriac đã thốt ra những lời lẽ rất bi quan: "*nhân loại đã già đi ghê gớm và bước ra khỏi cuộc tắm máu mới, đầu óc lạnh lùng, không mơ mộng nữa. Nó ôm trên tay và ghì sát ngực một con bé đã chết, con bé mà Péguy gọi là con nhỏ 'Hy vọng'.*"

Ở miền Nam Việt Nam trái lại đã có cảnh tượng những cuộc lên đường. Một sức sống đang bung ra trong tin tưởng và lạc quan. Phải chụp bắt và phô bày được trọn vẹn cái không khí phiêu lưu này của cuộc phục hưng chờ đợi từ lâu. Và như vậy có nghĩa là phải đẩy cho văn học Việt Nam bước được một bước phát triển mới. Về hai mặt. Trước hết phải cải thiện thân phận của người cầm bút. Thời trước, hình như Lê Văn Trương có than rằng nhà văn ở Việt Nam "khổ như chó". Tại sao khổ? Vì nó chưa có cơ hội để sống đời sống xứng đáng làm con người. Nhà văn nay phải có được nhân phẩm khả kính ở trong xã hội. Nó tự trọng và buộc xã hội tôn trọng nó. Phải có những nhà văn mới với bản lĩnh kết hợp ngôn ngữ với thẩm mỹ để làm đẹp cho cuộc sống trong đời người và trong xã hội. Cuộc sống ấy đang triển khai trong những

không gian được mở rộng dưới những hình thức chưa từng thấy trong quá khứ. Người Việt Nam đã trực tiếp chạm mặt với nhiều nguồn văn hóa ngoại quốc nhờ truyền thông đại chúng. Không có lý do gì để đi vào cuộc sống này với vốn liếng cũ, rung cảm sáo mòn, kỹ thuật diễn tả chưa thoát khỏi thô sơ. Tờ báo Sáng Tạo được ra đời trong hoàn cảnh lịch sử này. Và những người khai sinh ra tờ Sáng Tạo, mỗi người một cách, đã cùng nhìn về "hướng" chung ấy, từ "hình thức" đến "nội dung".

Thanh Tâm Tuyền đã ghi lại công việc cùng làm chung bằng cách riêng trong hai câu thơ của anh:

*Đau như thú dữ cháy rừng
Ta đập vỡ hình hài và thức giấc.*

Mai Thảo "nhìn xuống dưới ấy" với cặp mắt riêng. Văn phong của tác giả Đêm già từ Hà Nội là của riêng anh, không phải là công trình tập thể những người thường được gọi là Nhóm Sáng Tạo. Doãn Quốc Sỹ tiếp tục kể đủ thứ chuyện bằng ngôn ngữ nguyên chất dân tộc. Trần Thanh Hiệp, làm thơ, viết truyện ngắn và tiểu luận cổ võ đường lối đem nghệ thuật thắng định mệnh. Nguyễn Sỹ Tế trầm tĩnh suy tư về nhân bản và làm thơ, viết văn. Duy Thanh, Ngọc dung rung động với màu sắc và thi ca. Thái Tuấn vẽ tranh và khi rảnh rỗi thì bàn về nghệ thuật... Trong chừng mực này, Sáng Tạo thực chất là một hiện tượng văn học. Chống Cộng, đương nhiên. Nhưng chống cộng bằng ngôn ngữ, bằng nghệ thuật, bằng văn hóa. Không theo cung cách của những người làm chính trị chống cộng vì quyền lực, đảng tranh.

Với khoảng cách thời gian gần một nửa thế kỷ nay đã đến lúc nên nhấn mạnh trên đặc tính văn học này. Chúng tôi chống cộng để chống mọi thứ quyền lực chà đạp lên nhân phẩm, cướp đoạt tự do của con người. Chúng tôi không theo đuổi, không về hòa với những kẻ làm chính trị chống cộng để cầm quyền. Vì chúng tôi nhờ linh tính đã không thể đánh giá cao đạo đức cũng như khả năng của những nhân vật giữ vai trò lãnh đạo.

Những gì đã đưa tới biến cố 1975 ở miền Nam và sau đó những ứng xử thấp kém diễn ra ở hải ngoại đã biện minh, tuy muộn màng, cho linh tính của chúng tôi. Nhưng chúng tôi vẫn minh bạch đứng dưới ngọn cờ chống cộng và anh em chúng tôi như Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Sỹ Tế, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên v.v... đã phải trả giá rất đắt cho thái độ lấy đất đứng này. Chính để cho thái độ chung đó được sáng tỏ mà tờ Sáng Tạo đã tự ý đình bản đầu thập niên 1960.

Sáng Tạo đã nói bằng sự im lặng tâm trạng thuận tình tự chế của nó. Tâm trạng của không ít người cầm bút ở Pháp những năm 1940 bị Đức chiếm đóng mà Antoine Saint-Exupéry đã không e ngại phơi trần: *"Tôi không bao giờ chối bỏ anh em cùng chiến tuyến của tôi. Nếu họ làm cho tôi phải hổ thẹn thì tôi giữ sự riêng trong lòng sự hổ thẹn ấy mà chẳng cần nói ra..."*. Thanh Tâm Tuyền khi phải đi học tập đã trình diện với tư cách Đại úy Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa Dzur Văn Tâm ... Doãn Quốc Sỹ được tiếng chỉ coi nhà tù là nơi để thiền. Nguyễn Sỹ Tế năm lần bảy lượt bị biệt giam và nhân đó lại sáng tác ra hàng trăm bài thơ tiếng Pháp. Trong hồ sơ nghiên cứu về Sáng Tạo những chi tiết kể trên vẫn còn ít người biết ...

Mai Thảo, người kể chuyện bằng văn

Nói Mai Thảo kể chuyện bằng văn có vẻ như muốn lập dị, cho lạ, cho kêu. Đổi lại là Mai Thảo viết văn để kể chuyện thì bình thường hơn, dễ hiểu hơn. Nói như vậy không phải là không có phần xác đáng. Nhưng tôi thấy cần phải tiếp cận vấn đề từ độ góc kể chuyện để tìm hiểu tận gốc văn chương của Mai Thảo. Muốn kể chuyện thì phải có chuyện mà kể và phải biết kể. Khởi đầu là những huyền thoại được truyền tụng bằng miệng. Khi có văn từ thì dùng chữ viết ghi chép. Chuyện là gốc của văn học. Kể chuyện là bước khởi đầu của văn chương. Nhà văn là người có cách kể chuyện đặc biệt bằng thứ tiếng nói đặc biệt mà người ta gọi là văn chương.

Mai Thảo là một trong những nhà văn có số lượng tác phẩm đáng kể (trên 60 đầu sách truyện ngắn, truyện dài, thơ v.v...). Với Thụy Khuê thì Mai Thảo là *"nhà văn tài hoa nhất và sáng tác sung mãn nhất của thế hệ ông ... (trước 1975 ở trong nước) là đầu tàu của nhóm Sáng Tạo ... (sau 1975) ở hải ngoại vẫn là đầu tàu"*. Theo một ngòi bút phê bình khác, Bùi Vĩnh Phúc thì *"Mai Thảo đã đóng dấu ấn văn chương của mình xuống những trang văn học Việt Nam"*. Nhưng lại cũng có người cho rằng Mai Thảo với nhóm Sáng Tạo đi theo con đường "nghệ thuật vị nghệ thuật". Ông *"đã đóng góp cho một cách làm mới hành văn ... những thử nghiệm thành công ... những chữ dùng nay đã quen nghe quen thấy nhưng vào những năm 1956-1962 là những cái mới đã làm hơn một người nhẩn mặt!"*. Tôi cho rằng nếu đổi cách nhìn coi Mai Thảo là người kể chuyện thay vì là nhà văn thì có lẽ sẽ tránh được cho Mai Thảo nhiều lời phê bình thiếu chính xác.

Truyện ngắn hay truyện dài đều là những câu chuyện kể (récit). Mai Thảo đã viết các truyện của mình như thế nào? Tất nhiên không ai phủ nhận được rằng Mai Thảo đã mang lại những điều mới - nếu chưa nói được đã đổi mới - cho văn học Việt nam. Cho tới nay phần lớn chúng ta hay thấy Mai Thảo được phê bình theo tiêu chuẩn văn học sử. Cho đến 1975, văn học sử Việt Nam chưa có được công trình nghiên cứu tương xứng với giá trị đích thực của số tác phẩm văn học ấn hành vào thời điểm nửa phần sau thế kỷ XX. Sự thiếu hụt này cũng chưa được những công trình nghiên cứu, ở hải ngoại, mới và khách, quan bù đắp. Nhưng trong mọi trường hợp thì cũng cần phải nhờ ngôn ngữ học hỗ trợ để có những cái nhìn mới về văn học trước khi muốn hoàn thiện văn học sử. Mới, vì nó phải quay về bên trong và có phương pháp luận (méthodologie) để nắm bắt cấu trúc của ngôn ngữ văn học thời đại. Dưới ánh sáng mới này, Mai Thảo sẽ cho thấy quả thật ông đã góp công làm mới văn học Việt Nam.

Xin mở một dấu ngoặc. Hãy tạm rời lãnh vực của môn văn học sử Việt Nam hãy còn ở giai đoạn sơ lập để bước vào thế giới của ngôn ngữ học mà khám phá hiện tượng văn học Mai Thảo. Bước đi này đòi hỏi phải mang theo dụng cụ khảo sát thích hợp nghĩa là khái niệm về các thành tố chính của câu chuyện kể (récit). Câu chuyện này trước tiên phải có "chuyện" (énoncé) để "kể chuyện" (énonciation). Chuyện thì phải thành chuyện rồi để nói cho ai nghe. Trong khung cảnh (thời gian, không gian) nào và kể với mục đích gì. Như thế việc kể chuyện này sẽ đặt ra nhiều vấn đề và một ngành học chuyên môn mới về kể chuyện đã xuất hiện (narratologie). Môn học này có tham vọng cung cấp một thứ siêu-ngôn-ngữ (méta-langue) để thấu hiểu được hết mọi câu chuyện khác nhau.

Áp dụng vào trường hợp nhà văn Mai Thảo, qua các tác phẩm văn chương của ông thì có thể phân biệt "ba" Mai Thảo khác nhau: Mai Thảo trong tác phẩm, Mai Thảo ở ngoài đời và Nguyễn Đăng Quý là con người bằng xương bằng thịt mang bút hiệu Mai Thảo. Mặt khác, khi kể chuyện trong tác phẩm, Mai Thảo có thể ở ngôi thứ nhất trực tiếp kể hay mượn người khác ở ngôi thứ ba kể hay kể chung chung không xác định là ai kể. Ngoài ra, Mai Thảo kể cho người trong chuyện hay người đọc chuyện nghe hay kể cho người ngoài đời nghe, đời nay, đời sau. Và bởi là câu chuyện kể bằng văn chương chữ viết không phải kể truyền khẩu nên người kể và người nghe (đọc) rất cách biệt nhau, khó có thể khẳng định theo một chiều hướng nhất định, nhất là người kể và người đọc lại không cùng thuộc một thế hệ.

Sau nữa, nếu không phải là chuyện có thật thì phải bịa ra một câu chuyện không có, tiếng chuyên môn gọi là hư cấu (fiction). Tức là có thể mượn phần nào sự thật, bóp méo đi, thêm bớt hoặc hoàn toàn tưởng tượng ra từ khung cảnh cho đến nhân vật, tình tiết. Hư cấu để kể cho ai nghe. Điểm này sẽ quyết định cách kể chuyện và trong văn học thì đó là khuôn mặt của văn chương. Có thể nhận định với nhiều dè dặt rằng nhiều nguồn dư luận đã phát biểu cho đến nay về Mai Thảo chưa miêu tả được đủ các mặt của văn chương Mai Thảo. Và cũng có nhiều thiếu sót, sai lầm vì thành kiến hay vì dựa vào phương pháp nghiên cứu lỗi thời (*).

Mai Thảo là Sáng Tạo nhưng Sáng Tạo không phải là Mai Thảo

Tạp chí Sáng Tạo tự ý đình bản đầu thập niên 1960. Sau đó sinh hoạt văn nghệ của mấy anh em chúng tôi vẫn tiếp tục, mỗi người một hướng. Mai Thảo tích cực nhất, Doãn Quốc Sỹ và Thanh Tâm Tuyền dành nhiều thời giờ cho công việc "cầm phấn trước bảng đen" nhưng vẫn không gác bút sáng tác, Nguyễn Sỹ Tế tham chính qua bộ Ngoại giao, vẫn không quên chuyên văn chương, Trần Thanh Hiệp trở lại hành nghề luật sư đều đặn còn gắng thiết lập với Doãn Quốc Sỹ Nhà xuất bản Sáng Tạo trước khi qua Paris tham gia cuộc hòa đàm. Năm 1975 một bước ngoặt trong lịch sử Việt Nam, bức màn sắt của chuyên chính toàn trị buông xuống cả nước. Sáng Tạo im tiếng từ gần mười lăm năm trước coi như đã đi hẳn vào dĩ vãng nếu đầu thập niên 1980, Mai Thảo không xuất hiện ở hải ngoại và lên tiếng cho Sáng Tạo. Mai Thảo lại "giữ vai trò hải đăng Đêm Giã Từ Hà Nội thời năm tư" (Thụy Khuê).

Người ta nhớ lại tiếng nói Sáng Tạo của Mai Thảo: "Sài Gòn, thủ đô văn hóa Việt Nam. Không phải là một danh từ, một câu nói suông nhạt (...). Sài Gòn đã đứng vào vị trí, đã nhận nhiệm vụ mình sau khi Hà Nội đã từ bỏ nhiệm vụ của Hà Nội. Lửa văn hóa đã sáng lên ở đây hôm nay. Sự tê liệt, sự hủy diệt, sự đổ ngã ở một nơi nào đấy những sức sống trẻ mạnh về Sài Gòn, hợp làm một với những sức sống trẻ, mạnh sẵn có của Thành phố hòn ngọc của châu Á, tinh hoa của đất nước - đã chứa đựng cái sắc thái của một mảnh đất màu văn hóa, trên đó đua nở những cỏ hoa tươi tốt của một mùa văn hóa mà những thành tích, kết quả cụ thể đang được thu lượm dần dần, đang được sắp thành biểu đồ hệ thống ..." (Sáng Tạo số ra mắt, 10-1956, do Nguyễn Vy Khanh trích dẫn, Văn Học Việt Nam Thế Kỷ XX, nxb Đại Nam 2004). Năm 1971, được yêu cầu kể lại chuyện Sáng Tạo, Mai Thảo đã nói: "Chất nổ ném vào. Cờ phát. Xuống núi, xuống đường. Ra biển, ra khơi. Và cuộc cách mạng biện chứng của văn chương đã bắt đầu (...). Trong những thực trạng dày đặc những chất liệu của sáng tạo và phá vỡ như vậy, văn học nghệ thuật mặc nhiên không còn là tả chân Nguyễn Công Hoan, lãng mạn Thanh Châu, những khái niệm Xuân Thu, những luận đề Tự Lực" (sđd). Mai Thảo đã quảng diễn đoạn kết luận Nhìn lại văn nghệ tiền chiến ở Việt Nam, nhân cuộc thảo luận năm 1960 của một số người đã viết cho Sáng Tạo như sau: "*Chúng ta đã làm một cuộc thanh toán với thế hệ trước qua việc xác định lại giá trị đích thực của văn chương nghệ thuật tiền chiến. Chúng ta đã kiểm điểm nhận định trong ý thức hoàn toàn chủ quan của chúng ta với mục đích và hy vọng duy nhất: Cùng với nhau bỏ những ám ảnh quá khứ để nhìn vào thực trạng, khơi mở con đường tiến tới nghệ thuật hôm nay. Có thể thế hệ sau chúng ta sẽ làm lại hành động này với thế hệ chúng ta. Và chúng ta chấp nhận đó là một hành động tất yếu cho sự tiến hóa của nghệ thuật. Nghệ thuật là một vận động biện chứng của hủy diệt và sáng tạo.*" (Thảo luận giữa Cung Trầm Tưởng, Doãn Quốc Sỹ, Duy Thanh, Huỳnh Văn Phẩm, Lê Huy Oanh, Mai Thảo, Ngọc Dũng, Nguyễn Sỹ Tế, Thanh Tâm Tuyền, Thái Tuấn, Tô Thùy Yên, Trần Thanh Hiệp, nxb Sáng Tạo, Saigon, 1968).

Mai Thảo tuy đã vĩnh viễn vắng mặt nhưng văn chương của ông vẫn hiện diện. Bùi Vĩnh Phúc trong cuốn Lý Luận và Phê Bình của ông xuất bản ở hải ngoại, viết rằng "*Mai Thảo chính là tiếng còi. Văn chương của ông cũng là tiếng còi (...) mang lại cho ta những tiếng quê nhà. Làm ta tỉnh thức (...). Nó mở lại cho chúng ta những cảm xúc và những cái đẹp mà, trong chúng ta và với chúng ta, ta đã nhìn thấy ta lớn lên.*"

Tòa kiến trúc văn học đồ sộ Mai Thảo để lại cho đời sau, theo tôi quả thật Sáng Tạo chẳng có công lao gì.

Paris, Xuân 2008

(Hợp Lưu 100, tưởng niệm Mai Thảo)

(*) Vì thiếu chỗ nên xin gác lại đoạn khai triển về câu chuyện và cách kể chuyện tuyệt vời bằng văn của Mai Thảo trong truyện ngắn Giữa Hai Cơn Mưa đăng trong tập Ngọn Hải Đăng Mù (Toronto, 1987).

Thanh Tâm Tuyền và những người bạn trước khi có tạp chí Sáng Tạo Dương Nghiễm Mậu

LTS. Mùa Tạ Ớn 2004, khi được mời tới dự cơm tối với một văn hữu thời Việt Nam Cộng Hòa [VNCH]—do một viên chức văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh khoản đãi—cố văn sĩ Nguyễn Thụy Long hỏi những văn nghệ sĩ đương quyền: “Có phải các anh là Cộng Sản?” Nửa thế kỷ sau ngày Hiệp định đình chiến 20-21/7/1954 ra đời, và 30 năm sau cuộc thất thủ của VNCH, sự hận thù Quốc Gia-Cộng Sản còn nguyên vẹn, nếu không phải sâu hơn, đậm đặc hơn.

Dương Nghiễm Mậu—tên thực Phí Ích Nghiễm, một trong số ít nhà văn hàng đầu miền Nam trong giai đoạn 1954-1975, người có tin đã từ chối di tản sang Mỹ theo đề nghị của cơ quan ông làm việc do một tâm ý nào đó—giúp độc giả Hợp Lưu nhìn lại một cách chính xác và khoa học một góc cạnh của hai thập niên văn học nghệ thuật chống Cộng nói chung, và giai đoạn “lập quốc 1954-1955” nói riêng. Là người trong cuộc, Dương Nghiễm Mậu ít nữa cũng để lại cho hậu thế, ngoài những tác phẩm của ông, những nét phác họa đơn sơ nhưng chính xác về giới văn nghệ sĩ di cư và diễn đàn ngôn luận của họ như Người Việt, Sáng Tạo, v.. v.. Dù chỉ là thiểu số trong tập thể văn nghệ sĩ đương thời, những tác giả di cư đóng góp không nhỏ cho sự làm giàu vùng văn hóa miền nam Việt Nam—một khâu quan trọng trong sự phát triển văn hóa quốc thống. Ngoài vài người như Doãn Quốc Sĩ, Trần Thanh Hiệp còn sống, những Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, v.. v.. đã hoàn cát bụi, chỉ lưu lại những tác phẩm rực lửa “đấu tranh” của họ cho một nền văn học nghệ thuật “tự do,” nhưng “chưa dân chủ”—qua những chú thích như “kiểm duyệt 6 hàng,” v.. v..

Dù đã có những nỗ lực thiêu hủy, tiến tích nền văn học nghệ thuật VNCH, hay đặt công trình tìm óc của văn nghệ sĩ miền nam dưới những lăng kính tán quang “cách mạng,” “nhân dân” trong ánh sáng “được làm vua, thua làm giặc,” cuộc cách mạng [thực sự] truyền thông thế giới khởi từ thế kỷ XX giúp nền văn học, nghệ thuật VNCH vẫn tồn tại—trong các thư viện nghiên cứu về Á Châu như thư viện đại học Cornell, thư viện Quốc Hội Mỹ, thư viện báo chí ở Chicago, thư viện và văn khố Trung Tâm Việt Nam ở Đại học Texas Tech (Lubbock, Texas), cùng nhiều thư viện khác trên thế giới. Một số tác phẩm đã được in lại—có sự chấp thuận hay không của các tác giả. Nhưng quan trọng là những nhà nghiên cứu hay quan tâm nghiêm túc có thể truy cập đến nguồn nguyên bản. Một số tác giả còn sáng tác đều đặn ở hải ngoại (như Mai Thảo, Doãn Quốc Sĩ) hay tại quốc nội (nhưng xuất bản ở nước ngoài như Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Thụy Long, v.. v..). Văn khố VNCH tại Trung Tâm Lưu Trữ số 2 Sài Gòn cũng đã bắt đầu mở ra cho các nhà nghiên cứu chuyên nghiệp, dù điều kiện và thủ tục tham khảo còn rất giới hạn.

Không ít người—kể cả giới trẻ Việt Nam ở hải ngoại—đã và đang tìm hiểu về “một thời” từng tồn tại của VNCH. Bài viết của Dương Nghiễm Mậu trên Hợp Lưu số này là một trong những tư liệu quý, hiếm, góp phần trả lại cho nền văn học nghệ thuật miền nam vị trí đích thực trong lịch sử.

Trân trọng giới thiệu nhà văn Dương Nghiễm Mậu
với độc giả và văn hữu thân quý của Hợp Lưu.

Houston Ngày 8 tháng 8 năm 2010

A. Tuần báo Người Việt

1

Sau năm 1975 cho tới những năm đầu thế kỷ 21, ở nước ngoài cũng như ở trong nước đã có những tác giả viết hoặc lên tiếng về văn học Miền Nam Việt Nam 1954 – 1975 như Võ Phiến, Thụy Khuê, Trần Văn Nam, Phạm Xuân Nguyên, Vương Trí Nhàn, Nguyễn Hưng Quốc... Người thì viết về toàn cảnh sinh hoạt, người viết về các tác giả, người viết về thơ Tự do, người viết về tiểu thuyết hoặc những đề tài thu hẹp khác. Những bài viết này thường nhắc đến sự có mặt của Tạp chí Sáng-Tạo do Mai Thảo chủ trương biên tập. Đã có những đánh giá ban đầu về chỗ đứng của Tạp chí Sáng-Tạo. Bài viết này không hướng vào Tạp chí Sáng-Tạo mà nhằm làm rõ nét một số tác giả chính của tạp chí này trước khi nó ra đời, cùng lúc tìm hiểu về những mối liên hệ của mỗi cá nhân trong một thời điểm đặc biệt của lịch sử Việt Nam.

2

Theo những bài viết và những trang tiểu sử ngắn đã được in ra lúc sinh thời, chúng ta được biết: Thanh Tâm Tuyền tên thật là Dzur Văn Tâm, sinh tại Vinh (Nghệ An) ngày 13 tháng 3 năm 1936 học bậc tiểu học tại Gia Định, ra Hà Nội đầu năm 1949 học bậc trung học. Năm 1952 dạy học tại trường Minh Tân (thị xã Hà Đông). Đăng những truyện ngắn đầu tiên trên tuần báo Thanh Niên (Hà Nội).

Năm 1954 di cư vào Nam. Hoạt động trong Hội sinh viên, cùng Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Sĩ Tế, Quốc Sĩ chủ trương nguyệt san Lửa Việt (Sài gòn). Năm 1955 cùng các bạn làm tuần báo Dân Chủ của Vũ Ngọc Các và Tuần báo Người Việt.

Tuần báo Người Việt giới thiệu dưới đây là Tuần báo Người Việt bộ mới chỉ ra được bốn số vào cuối năm 1955.

Tuần báo Người Việt bộ mới phát hành ngày thứ năm hàng tuần :

- Số 1 ra ngày 27 tháng 08 năm 1955 có 36 trang
- Số 2 ra ngày 15 tháng 09 năm 1955 có 42 trang
- Số 3 ra ngày 01 tháng 10 năm 1955 có 42 trang
- Số 4 ra số đặc biệt với chủ đề Sáng Tạo có 66 trang và có quảng cáo cho số 5 xuất bản vào thượng tuần tháng chạp dương lịch nhưng không thấy ra.



Người Việt bộ mới in cỡ 20cm x 27 cm, bìa hai màu, Duy Liêm vẽ bìa và minh họa. Bìa một, trong một khung vuông có in tám chữ cỡ lớn đậm nét: *Diễn đàn tiên phong đấu tranh văn hóa*, tám chữ này cho thấy phần nào nội dung mà tờ báo hướng tới. Người Việt bộ mới hiện diện ở nửa sau của năm 1955 là một tập hợp đầu tiên giữa Thanh Tâm Tuyền với những người bạn:

Mai Thảo, Quốc Sĩ, Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Sĩ Tế, Quách Thoại .

Thời điểm tuần báo Người Việt có mặt là một năm sau hiệp định Geneve: chia Việt Nam làm hai ở vĩ tuyến 17, lấy sông Hiền Lương làm ranh giới. Miền Bắc đã và sẽ có một chính quyền theo đường lối

của cộng sản đê tam. Miền Nam đang thành hình một chính quyền của những người không cộng sản, hướng tới dân chủ. Nền Cộng Hòa được khai sinh, chấm dứt hẳn chế độ phong kiến. Vì thế những chuyển đổi trong xã hội tại miền Nam khác với miền Bắc. Báo chí cũ vẫn tiếp tục xuất bản, nhưng nay có thêm nhiều báo mới của những cây bút di cư và những người bỏ hàng ngũ bên kia trở về. Ở Sài Gòn, báo chí có một đời sống rất sinh động. Những báo chuyên về văn nghệ có: Tờ Văn Nghệ Tự Do với các cây viết: Nguyễn Hoạt, Như Phong, Bùi Xuân Uyên, Triều Đầu, Tam Lang ... Tờ Quan Điểm với các cây bút: Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ, Nghiêm Xuân Hồng, Vương Văn Quảng ... Tại Huế, thủ phủ của miền Trung, có tờ Mùa Lúa Mới của Đỗ Tấn, Võ Phiến ... Nguyệt san Văn Nghệ Mới của Nguyễn Văn Xuân, Phan Du, Trần Lê Nguyễn (I) ... Những diễn đàn này, với những thể hiện khác nhau cho thấy sự lựa chọn của họ. Tờ Người Việt đặt những vấn đề như: Phải bảo vệ nền độc lập văn hóa, Thực chất văn nghệ Cộng Sản, Chủ nghĩa Mác với văn nghệ Việt Nam. Nguyễn Văn Xuân trên tờ Văn Nghệ Mới trình bày một luận thuyết dài: Để xây dựng một nền văn nghệ dân chủ tiến bộ.

Tuần báo Người Việt bộ mới có những cây bút chính là: Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Quốc Sỹ, Nguyễn Sĩ Tế, Quách Thoại, Mai Tháo ... Những sáng tác của họ chiếm phần lớn số trang của tờ báo. Nhưng là một diễn đàn tiên phong đấu tranh văn hóa nên tờ báo không thể không lên tiếng về những vấn đề thiết thân của xã hội đương thời. Sau đây là bản liệt kê những bài viết về các lãnh vực giáo dục, xã hội, văn hóa chính trị (Con số ghi ở sau đầu đề bài viết là số báo Người Việt)

- Hòa bình và Hội nghị Geneve (số1)
- Phải bảo vệ nền độc lập văn hóa (số1)
- Những sự kiện lịch sử (số1)
- Góp ý kiến về công cuộc tổ chức Trường Đại học Văn Khoa Việt Nam (số1)
- Đặt vấn đề mục đích của giáo dục (số 2)
- Vấn đề giai cấp xã hội (số2)
- Hiện trạng xã hội và kinh tế Việt Nam (số2)
- Hiến pháp luật giản yếu (số2)
- Vấn đề giai cấp (số3)
- Nhân sinh quan của người Việt (số4)
- Kinh tế nhu yếu (số4)

Phần nhỏ trang báo trong bốn số Người Việt còn có những mục linh tinh :

- Điểm sách báo , Điểm phim , Đãi lọc , Tâm tình , Lượm lặt bốn phương , Phê bình ...
- Nam Hải Dị Nhân Liệt Truyện của Thiết Bản Đạo Nhân (Trần Việt Hoài)
- Những tâm trạng bi thương, phóng sự của Trọng Lang.
- Dịch thuật : Trong bốn số báo Người Việt đã giới thiệu truyện ngắn và thơ có chọn lọc phù hợp với nội dung tờ báo . Người Sông Thương (Nguyễn Sĩ Tế) giới thiệu truyện ngắn Niềm Im Lặng Của Biển Cả của Vercors. Chiến Hữu giới thiệu Quê Hương của Majorie Honès . Về thơ đã giới thiệu thi phẩm của: Walt Whitman, Paul Eluard, Garcia Lorca, Pablo Neruda, Tristan Tzara.

Trong lãnh vực văn học nghệ thuật có những bài chính sau đây :

- Thực chất văn nghệ cộng sản (1)
- Đặt đúng vấn đề thơ Tự Do (2)
- Những sự kiện mới của văn hóa (3)
- Góp phần xây dựng văn nghệ (3)
- Nửa thế kỷ văn nghệ tôi đòi (4)
- Văn nghệ và cách mạng (4)
- Chủ nghĩa Mác với văn nghệ Việt Nam (4)

Chỉ đọc qua những đầu đề chúng ta cũng thấy ý hướng của các tác giả. Bài: Thực chất của văn nghệ cộng sản, Đỗ Thạch Liên viết: “Đi vào cái sống nhờ cậy, dựa trên kinh tế, để vào sâu trong cái chết hủy diệt, văn nghệ cộng sản chối từ vai trò sáng tạo của nó. Văn nghệ có những liên hệ kháng khí với bên ngoài nhưng cũng có cuộc sống biệt lập của nó với một bản thể phong phú và nhiệm vụ riêng biệt. Bản thể đó là sự rung cảm đòi sáng tạo, hay cách mạng cũng vậy. Nhiệm vụ đó là góp một phần trong sự tạo thành con người, một phần chính yếu chứ không phụ thuộc như lý luận mác xít. Văn nghệ nào tách rời với bản thể và quên nhiệm vụ là đi vào đường tàn lụi. Văn nghệ tàn lụi lỗi theo sự đổ vỡ của con người.”

Trong bài: Những sự kiện mới của văn hóa, Đỗ Thạch Liên viết: “Nhà văn Bernanos trong một buổi nói chuyện với đám sinh viên Ba Tây đã can đảm thú nhận những lỗi lầm hư hỏng của thế hệ đã qua khiến cho những thế hệ sau gặp bao nhiêu khó khăn gai góc, rồi ông nhân danh một người thuộc thế hệ cũ xin lỗi những thế hệ sau (...) Cũng trong buổi nói chuyện kể trên, Bernanos nói rằng: trọng trách của những thế hệ sắp tới là dành lại Tự Do.”

Trong bài viết: Góp phần xây dựng văn nghệ, Âu Âu Thành Đô đã nhìn lại những sự kiện trên thế giới từ khi chủ nghĩa Mác-xít xuất hiện ,tác giả nhận định : “...chủ nghĩa Mác đã rèn luyện môn đồ thành con người chỉ biết suy nghĩ (luận) theo có một chiều (duy vật biện chứng),chỉ biết có hành động (luật) theo có một hướng (độc tài vô sản) nên con người đó phải thui chột hết tình cảm ...Mà con người đã không rung động thì làm gì còn có tính chất con người nữa ?(...) Mà một chủ nghĩa đã không dựng trên nền tảng tình cảm thì không tài nào đi sâu vào lòng người được ?”

Trong bài viết: Văn nghệ và cách mạng, Đỗ Thạch Liên viết: “...Để văn nghệ có thể hoạt động đắc lực với nhiệm vụ lớn của nó tất nhiên phải có những điều kiện thuận lợi để phát triển. Điều kiện căn bản cần thiết nhất vẫn là Tự Do Cởi Mở (...) A. Einstein nói rất đúng: Tất cả mọi sự sáng tạo vĩ đại đều là công trình của cá nhân trong tự do.”

Nguyễn Sỹ Tế nhìn lại lịch sử với bài viết Nửa thế kỷ văn nghệ tôi đòi. Tác giả viết: “Tôi có ý nói nửa thế kỷ văn nghệ tôi đòi mà không nói 80 nô lệ như người ta thường nói là vì riêng về địa hạt văn nghệ, chúng ta có thể bỏ lại phần nửa thế kỷ trước. Trong nửa thế kỷ đó, cuộc thống trị của thực dân đang ở vào giai đoạn bình định chưa bước sang giai đoạn khai thác với đầy đủ hệ thống giầy xích của nó. Sau đó tác giả lướt qua những chính sách của thực dân Pháp: Chính sách chia để trị: Nam thuộc địa, Bắc Trung bảo hộ. Đàn áp nhân dân. Chính sách ngu dân, hạn chế phổ biến văn hóa phẩm trong cả nước.”

Trên đây, qua mấy trích dẫn trong một số bài viết, chúng ta đã thấy quan điểm tổng quát của tuần báo Người Việt được trình bày trên diễn đàn.

Vào thời điểm 1955 , Thanh Tâm Tuyền và những người bạn còn rất trẻ mới bắt đầu khởi hành trên con đường sáng tác của mình, nhưng trên diễn đàn của họ lại có hai tên tuổi đã thành danh từ thời tiền chiến: Trọng Lang và Nguyễn Đức Quỳnh.

Ngoài ra, còn có những tác giả khác như: Minh Đạo, Lam Sơn, Tuệ Mai ,Hoàng Hoa, Tố Lữ, Phan Đông Hồ, Hoàng Linh, Nguyễn Văn Cẩn, Việt Hải, Duy Sinh, Lục An Châu, Việt San Xã Việt, Đoàn Thoại Sơn, Âu Âu Thành Đô, Tâm Thu, Chiến Hữu, Duy Năng, Hương Việt Hương, Trần Việt Hoài, Đỗ Thạch Liên, Ninh Sơn ... Tên những tác giả này có thể là tên của tác giả khác vì sau này nhiều bút danh không còn thấy xuất hiện. Dưới đây là phần tìm hiểu những sáng tác của Thanh Tâm Tuyền và những người bạn trên bốn số báo Người Việt.

Trước khi đăng những sáng tác trên báo Người Việt , Thanh Tâm Tuyền đã viết trên báo Thanh Niên, báo Lửa Việt, báo Dân Chủ và báo Người Việt bộ cũ. Về những sáng tác đầu đời này, chúng ta chưa thể tiếp cận. Trong 4 số báo Người Việt Thanh Tâm Tuyền đã cho in thơ, truyện ngắn, ký, kịch.

Thanh Tâm Tuyền và thơ tự do

Về thơ, có lẽ để khẳng định đây là thơ tự do nên những trang thơ đều ghi ở trên: Thơ Tự Do, có tất cả 4 bài:

- Phiên khúc 20 (1)
- Mất biếc (3)
- Bài thơ chữ số (4)
- Thành phố (4)

Bốn bài thơ này đều được in lại trong tập thơ. *Tôi không còn cô độc* do Người Việt xuất bản năm 1956 tại Sài Gòn. Riêng bài *Phiên khúc 20* khi in trên Người Việt có bị kiểm duyệt 6 hàng từ câu thứ 6 cùng với câu thứ 16, nhưng khi in vào tập thơ những câu thơ bị kiểm duyệt không thấy được phục hồi và còn một chi tiết nhỏ: khi in trên báo, mỗi đầu câu thơ khi xuống hàng đều viết chữ hoa. Sau đây xin trích dẫn phần mở đầu của bài *Phiên khúc 20* và bài *Bài thơ chữ số*.

Phiên khúc 20

Tặng những người đã ngã xuống cho phiên khúc 20

Ta vừa hai mươi tuổi
Nhân loại cũng hai mươi
Ồi nhân loại hai mươi
Thóc gặt dư ăn
Bột xay thừa nặn bánh
(kiểm duyệt bỏ 6 giòng)
Ta kêu lên hồn căm
Khi quá thể chúng cắt tình ruột thịt
Hỡi mẹ hiền nhìn mẹ rưng rưng
Yêu chẳng được yêu khóc không giám khóc
(kiểm duyệt)
Hôm nay ta xông ra ngoài phố
(...)

Bài thơ chữ số.

Tặng M.T.

Bát ty : 14-7

89

Mùa thu tháng 8

19-45

Phấn nộ bưng bưng , nắm tay kháng khí

19-12-46

Con số những người đã chết hiện thành

Nhục nhã 20-7-54

Và 17

Như kia 38

Khắc sâu tâm khảm

Những dây số vô nghĩa đến đờn đau

80

13

27-6-30

2.000.000

Còn những lượng không sao nói được

Vỡ Bát ty
Trang tự do tuyên ngôn quyền người hớn hờ
Tung xích cùm
Tổ quốc thân yêu cười vui lạ
Trả bằng hơi thở trái tim
Nhận mình làm số không
Người mến thương thành vô lượng
Đất nước đẹp bao la
Hãy nhớ 10 năm

Đừng làm lỡ 45
Tin từ bây giờ 55 hy vọng
Mất hôm nay
Hànội kinh hoàng
Lực lượng ngày mai đẩy lên
Ghi tình yêu không chữ số.

Bốn bài thơ trên Người Việt chắc chắn là trong số những bài thơ đầu tiên của Thanh Tâm Tuyên được phổ biến tới quần chúng và để người đọc tiếp cận được thơ của mình, ngay trong số báo thứ 2 Người Việt bộ mới, Thanh Tâm Tuyên đã cho in bài: Đặt đúng vấn đề thơ tự do. Tác giả mở đầu bài viết: “Cho đến hôm nay vấn đề thơ tự do ở Việt Nam vẫn chưa được giải quyết ổn thỏa. Trong khi vấn đề này ở ngoại quốc hầu như không còn ý nghĩa. Thi sỹ nước ngoài khi viết không bao giờ nghĩ rằng mình đang viết một bài thơ tự do, chỉ gọi gọn là thơ mà thôi (...) Thơ tự do là một thực tại nghệ thuật không ai chối cãi được điều đó. Muốn hay không thơ tự do đã thành hình theo nhu cầu của nghệ thuật và xã hội. Không thể chối nhận sự thực khách quan này.”

Sau đó tác giả lướt qua những ý kiến về thơ mới, thơ cũ, về hình thức của thơ, vấn đề bình cũ rượu mới, cái ta trong thơ cũ và cái tôi trong thơ mới cùng quá trình sinh thành của thơ tự do. Tác giả trình bày: “Vây trên những sự kiện xã hội nào nhu cầu nghệ thuật đòi hỏi “thể thơ tự do”? Thơ cũ đứng ở cái ta bằng bạc trên ngoại cảnh vũ trụ. Thơ mới vào sâu cái tôi riêng lẻ cá nhân, khép kín. Thơ tự do bước thêm nữa thoát ra khỏi cái tôi chật hẹp nhưng không đến cái ta mông lung, mà là cái chúng ta cụ thể làm giàu thêm cái tôi không khép kín và cái ta mơ hồ (...) Qua những tác phẩm đã ra đời, ta có thể phân biệt được hai nguyên tố cơ bản.

1 - Hiệu lực màu nhiệm của tiếng (Pouvoir magique des mots)

2 - Ý thơ (Idée poétique)

(...)

Tóm lại những nguyên tố cơ bản cấu tạo thơ tự do là muốn vật chất hóa bài thơ, một bài thơ tự do sẽ được sáng tạo cũng như thường ngoạn giống như một pho tượng, một bức họa, một bản nhạc (...)

Bản vị - ý tưởng cùng tiết điệu – của bài thơ tự do không đặt trên mỗi câu mà đặt trên từng từ khúc (strophe) đã được khuôn định sẵn để gò ép cảm hứng mà là thứ từ khúc ấn định theo nguồn cảm hứng.

Nếu ta đọc một câu:

-Một mảnh tình riêng ta với ta

hay - Người đâu gặp gỡ làm chi

Ta biết ngay đó là câu thơ. Bản vị của thơ ngày trước là câu thơ. Nhưng nếu chúng ta chỉ đọc “Thềm cũ”, Hà nội “Ơi núi rừng” (II) thì thật hoàn toàn vô nghĩa. Phải trả chúng vào sự cấu tạo riêng biệt của bài thơ.

Mỗi từ khúc là sự liên hợp những ý thơ những hình ảnh – những phần tử này có sự biệt lập

tương đối được nối liền khắng khít bằng một ý tưởng thống nhất của từ khúc.
(...)

Có một câu hỏi cũng cần trả lời nốt: Liệu thơ tự do có hoàn thành được nhiệm vụ mình thỏa mãn được nhu cầu nghệ thuật thời đại không?

Điều đó không thành vấn đề: nó đã sinh ra và nó cứ sống đến khi nào nó chết. Lịch sử phán đoán sau. Có hoàn tất được nhiệm vụ không còn tùy ở những người sáng tạo và thường ngoạn nghĩa là những người đòi nó ra đời. Nói thế chứ, ít nhất, ta cũng đừng quên những: Whitman Lorca, Eluard, Neruda.”

Ở trên chúng ta đã nói đến những bài thơ tự do đầu tiên của Thanh Tâm Tuyền và bài viết về thơ tự do của ông trên báo Người Việt năm 1955. Sau đó, trên con đường sáng tác thơ, Thanh Tâm Tuyền đã cho in: Tôi không còn cô độc (1956) Liên – Đêm – Mặt trời tìm thấy (1964) Thơ ở đâu xa (in tại Mỹ năm 1990). Thơ của ông còn nhiều trên các báo và trong di cảo chưa được xuất bản. Sau năm 1955, hơn một lần Thanh Tâm Tuyền còn lên tiếng về thơ như bài viết: Nỗi buồn trong thơ hôm nay (Sáng Tạo số 31 tháng 9 năm 1959), Nói chuyện về thơ bây giờ (Sáng Tạo số 3 bộ mới, tháng 8 năm 1960). Cuộc đời của Thanh Tâm Tuyền như gắn kết với thơ. khi ở trong tù, lúc ra nước ngoài ông vẫn không ngừng sáng tác.

Thanh Tâm Tuyền với bút ký: Đồn Ba-mít

Ngay trong số 1 tờ Người Việt, Thanh Tâm Tuyền cho in Bút ký chuyến đi vào sâu đất nước: Đồn Ba Mít, ông mở đầu bài ký:

“Đi thật là vội vã bất ngờ, hành lý của tôi vốn vẹn niềm tin yêu mãnh liệt. Hãy phá đầy hồn niềm tin yêu mãnh liệt ấy mà đọc những dòng này. Người khe khắt sẽ cho những hình ảnh, những ấn tượng tôi chụp lại dưới đây quá chủ quan. Tôi không chối, còn tự hào về cái chủ quan của mình (...) Và tôi viết.

Chiếc xe “díp” lăn vào con đường đất hẹp hai bên cỏ xanh cao ngất. Nói là đường bởi vì bánh xe lăn được trên đó, thực ra chỉ có hai vệt mòn dài làm bởi bánh xe còn ở giữa vẫn là cỏ.

Chúng tôi đi như thế mất mười năm phút. Nặng cao rộng.

Rồi xe chui vào khoảng dâm mát dằng dặc (...) Làng ở đây không quay tròn mà kéo dài hai bên. Những gian nhà, lều thì đứng hơn, lui vào sâu dưới bóng cây, chỉ trước mặt cây còn quang đãng một chút vì tay người sửa sang ... Người ta bỏ dở công việc đón chúng tôi một cách thản lạng hoan hỉ. Những cụ già ngả nón chào chúng tôi làm chúng tôi phải đáp lễ luôn ... Chúng tôi tạt vào đồn Ba Xe ... Các đồn ở đây sơ sài hơn ngoài Bắc. Đồn cũng xây cất hờ hênh để dãi tỏ cho có mặt mà thôi (...)

Tôi tỉnh dậy, ánh nắng xuống khỏi mái rung rinh. Mọi người đã bắt đầu làm việc. Những màu đen thô sơ của đồng ruộng lẫn với màu vàng kạch của quân đội, cả những tấm lưng cháy nắng. Dân chúng đến phụ lực buổi nay khá đông. Trước đây quân đội viễn chinh Pháp không dám đóng đồn ở vùng này. Dân chúng sống trong sự áp bức bóc lột ghê gớm.

- Cây cam nhà tôi bán được ba trăm, thằng tư Đầy nó thu hai trăm – một ông cụ đã nói với tôi khi tôi gặp cụ bên chợ - bây giờ quân đội ta về để chịu, mùa này tha hồ mà ăn trái cây. Thóc gặt một trăm dạ chúng thu hai mươi. Bởi vậy quân đội lập đồn chúng tôi hoan nghênh và tình nguyện giúp sức. Buổi đông thì bảy, tám mươi người, vắng thì ba bốn mươi người.

- Cây cau làm cột cờ kia là của nhà tôi - anh nông dân ngừng đầu nhìn chót vót há cả miệng – nó cao những 14 thước, tôi phải cưa bớt đi.

Quân đội xin một cây cau, dân chúng cho ba, xin một cây tre dân chúng cho mười (...)

Trong cuốn sổ tay tôi đã ghi lại về chuyến đi này một ý nghĩ: muốn yêu một cái rộng lớn trừu tượng phải bắt đầu yêu từ những cái nhỏ bé cụ thể.”

Trên đây là lược trích bút ký Đồn Ba Mít in hai kỳ trên báo Người Việt số 1 và số 2 ghi lại chuyến đi tới một vùng nông thôn ở vào thời điểm miền Nam đang khởi đầu công cuộc bình định và xây dựng sau khi đất nước bị chia đôi.

Truyện ngắn: Người bệnh giữa mùa xuân

Nhân vật chính trong truyện Người bệnh giữa mùa xuân là một vị chủ tịch sống trong một dinh thự giữa một thành phố đang đổi thay. Vị chủ tịch bỗng lâm bệnh, ông thấy như cái chết đang tới gần, ông xuống phố, nhận ra những sự thật và ông quay trở về. Dưới đây là lược trích truyện Người bệnh giữa mùa xuân:

“Mùa đông đã qua đi từ lâu và bây giờ người ta đang ở giữa mùa xuân. Thành phố không vui vẻ thêm chút nào, trái lại càng ảm đạm. Dân chúng lặng lẽ rời bỏ thành phố ngày một nhiều (...) Bây giờ cảnh vật không người chết rũ. Buổi chiều nay chết lịm trong im vắng. Gió len qua bờ cây rì rào. Đứng trên tầng gác cao của dinh thự vị chủ tịch của cái chính phủ hiện cai quản thành phố nhìn qua cửa sổ thu tất cả sự chết chóc vào trong thân thể mình. Vì nhìn trên người ông già mòm hủ hoại đang nhú lên ... Ông ngã người xuống nệm, người nhẹ lằng lằng và ông chột thở dài.

Tiếng gõ cửa rụt rè. Ông khó chịu lên tiếng:

- Cứ vào.

- Thừa đồng chí chủ tịch, đồng chí bí thư trung ương đảng muốn được vào thăm chủ tịch.

- Tôi đã bảo không ai được vào cả - ông đập tay xuống giường kêu to – không một ai được vào nghe chưa? Để cho tôi yên một mình.

Ông kêu to quá và nước mắt tự nhiên dàn dụa. Ông mệt muốn đứt hơi (...) Cùng lúc ông đưa tay vuốt má chùi những giọt nước mắt, nhận thấy da mình nhăn nheo ghê rợn. Và ông rùng mình ngây ngất với cảm giác ve vuốt triu mến. Thế là được thể giác quan và trí nhớ của ông mở rộng để đón một lượt những xúc cảm và hình ảnh xô bồ. Hình ảnh thưở ấu thơ mẹ và chị săn sóc khi ông ốm, tiếng chân rón rén ở sau lưng, bàn tay ấm áp đặt lên trán sầm sập mồ hôi. Rồi ông bỗng thêm khát ầu yếm, muốn gần đàn bà (...). Ông choàng thêm áo và do ngõ cửa bí mật dành riêng, ông rời dinh thự xuống phố (...) Ông bỗng bắt gặp một cặp trai gái tình tự sau gốc cây khuất bóng, nhìn dáng điệu ông nhận ra ngay đó là một cán bộ: - A, ông kêu nhỏ trong cổ. Và tự nhiên ông hổ thẹn như một đứa trẻ con trước cảnh ấy. Ông vội vã rảo bước. Qua một căn nhà làm trụ sở họp khu phố, cửa đóng kín, tiếng rào rào đưa ra. Ông ghé mắt nhìn vào và trông thấy ảnh mình treo trên tường giữa phòng (...) Hình dung lại cảnh tượng ông mới thấy là nó giả tạo quá (...) Đường phố vắng ngắt. Mùi tạt bệnh thốc lên mũi, ông lợm giọng. Người ông giãy lên, ruột như bị lộn ngược: - Thất bại ... Ông nhắm mắt nhanh và khụy vào bờ tường ngắt bật. Khi vị chủ tịch tỉnh lại ông thấy mình nằm trên chiếc chõng trong một căn nhà lá. Ngoài trời mưa lớn và vẫn là đêm (...) Ý nghĩ ông ngừng lại ngay, ông nín thở hé mắt. Hai vợ chồng chủ nhà vừa vào, ông định được ngay thành phần giai cấp của họ: lao động thành thị.

- Thế nào, các con xong xuôi chứ ...

- Chúng nó đi tàu sáng nay với bác cả rồi (...) - Đây này, lúc tôi về ngang trên phố gặp ông cụ này ngắt ở hè đường. Thương hại tôi chờ về đây. Chắc cụ trốn ở khu tự ra đói quá mà bơ vơ ... Vị chủ tịch nhắm nghiền mắt. Hai vợ chồng đến bên giường. Hơi thở ấm của người đàn bà sát da mặt người ốm. Nhịp thở bỗng gấp hơn. Vị chủ tịch vẫn nằm yên. Tiếng chân hấp tấp xa ra đầu nhà. Tiếng thì thầm:

- Nhà nó không để ý gì à ?

- Gì ?

- Chủ tịch ... u nó để đấy cho tôi ...

- Minh – tiếng chị vợ thất thanh – mình định làm gì?

- Làm gì à? Giết nó đi trả thù cho mình với bao nhiêu người nữa chứ.

- Minh, nhớ không phải thì sao? Không lẽ ông ta lại nằm ngoài đường. Vô lý (10).

(...) Bàn tay ấm đặt lên trán. Ông nhớ mẹ và chị tha thiết. Bàn tay ấy xoa dầu vào thái dương ông. Ông nằm im muốn chết (...) Người đàn bà lấy áo mưa đắp cho ông. Mưa ngoài trời trên mái lá:

- Cụ đi với chúng con nhé - người vợ ghé sát tai vị chủ tịch – vào Nam ấy mà (...) Vị chủ tịch

nắm lấy tay người đàn bà và khóc, khóc nức nở như trẻ nít (...)

Ngày thứ ba, vị chủ tịch lén bỏ trốn vợ chồng ân nhân về dinh thự khi đã khỏe mạnh . Và ngay buổi tối hôm ấy cặp vợ chồng lao động tốt bụng bị bắt tại nhà trong khi chưa kịp rời thành phố sang bên kia. Những đứa con đã đi trước không bao giờ gặp lại bố mẹ yêu quý nữa.

Vị chủ tịch thề không bao giờ xuống thành phố nữa và mùa xuân trôi qua bình thản trên phố phường câm nín hơi thở.”

Ở trên là lược trích truyện ngắn Người bệnh giữa mùa xuân in trên báo Người Việt số 2. Ngoài thơ, Thanh Tâm Tuyền còn sáng tác nhiều tác phẩm văn xuôi thuộc nhiều thể loại. Ông đã cho in: Bếp lửa (truyện dài -1957), Khuôn mặt (truyện ngắn-1964), Cát lầy (truyện dài -1966), Dọc đường (truyện ngắn -1966), Mùa khơi (truyện dài-1970), Tiếng động (truyện dài-1970), Tạp ghi (phiếm luận -1970).

Ngoài ra ông còn viết nhiều đoản văn, truyện dài trên các báo chưa được in thành sách. Sau năm 1975 người ta không còn thấy văn xuôi của Thanh Tâm Tuyền.

Thanh Tâm Tuyền và kịch: Bức họa

“Kịch 1 màn - các vai: Liên, Huy, Thu

Không gian và thời gian: một buổi tối mùa đông trên căn gác nhỏ giữa thành phố Hà-Nội sau ngày quân đội Việt Minh chiếm đóng.

Bài trí: Hai cái ghế bành cũ, một vài tấm ảnh cắt ở báo Tây dán trên tường. Hành lý gọn gàng xếp ở một góc. Cửa sổ mở ra một mái ngói.

Màn kéo lên; Huy đứng trước giá vẽ. Liên ngồi trên tay ghế. Thu ngủ trong lòng ghế. Nhịp cười trong trẻo thanh thoát vọng từ hậu trường rồi bị bịt nghẽn.

HUY (sửng sốt) - Cô Liên ...

LIÊN - Dạ

HUY - Tôi nhớ ra rồi ...

LIÊN - Anh nhớ cái gì?

HUY - Tôi nhớ ra rồi. trở về Hà-Nội gặp cô không chút gì thay đổi nhưng tôi vẫn cảm thấy thiếu thiếu một cái gì cần thiết lắm.

LIÊN - Một chút gì cần thiết lắm, tiếng cười phải không anh?

HUY - Đúng đấy cô ạ. Ngày trước cô hay cười ròn rã và vui lắm. Phải , tôi nhớ chắc chắn như thế. Sao bây giờ cô không cười. Không khí này làm cô nghẹn ngào? (...)

HUY - Ấy, cô cứ cười nữa đi, tôi nhớ ra tất cả, mười năm, mười năm ...

LIÊN - Mười năm? có quan hệ gì tới tiếng cười của tôi?

HUY - Mười năm, có lẽ hơn một chút. Tôi đã vẽ dở cho cô bức chân dung. Ngày ấy cô còn đi học và cặp tóc, Tôi cũng kê giá vẽ ở chỗ này, Nhưng cô không phải ngồi ở chỗ ấy. Cô ngồi gần cửa sổ kê bàn học của anh Thắng. Ngoài trời xanh lơ mùa xuân. Cô cười ...(...)

HUY - Vâng xin cô ngồi xuống, hơi nghiêng một chút ... Tôi cố vẽ cho xong đêm nay để mai sớm cô đi (...) Mười năm tôi không làm sao hoàn thành nổi một tác phẩm. Bức nào nữa vời tôi cũng hủy đi ...

LIÊN - Có , anh có hoàn thành được một bức ...

HUY - Bức nào? Sao tôi lại không nhớ?

LIÊN - Thế mà tôi nhớ. Sau trận Đông Khê - Thất Khê, anh Thắng chết ...

HUY - Phải, anh Thắng chết, Thắng chết, xác chết nằm trên người tôi.

LIÊN - Vì thế anh phát điên trở về hậu phương tỉnh dưỡng ...

HUY - Tôi nhớ ... Tôi nhớ ... Làm sao?

LIÊN - Anh Hoàng từ khu bốn ra thăm anh và từ biệt anh vào thành. Bữa ấy anh ngồi bưng mặt khóc. Anh gọi tên anh Thắng. Nước mắt rùng rùng anh lấy viết chì vẽ khuôn mặt tôi

HUY - Vẽ cô? Sao cô biết?

LIÊN - Anh Hoàng về kể lại và trao cho tôi bức vẽ ...

HUY - Bức vẽ nữa

LIÊN - Anh vẽ tôi một mắt và có râu xồm ...(...)

HUY - Tại sao cô lại nghĩ đến tôi, đến tác phẩm của tôi?

LIÊN - Vì anh Thắng đã chết, vì anh Hoàng ở trong kia, vì tác phẩm có hình bóng tôi, tác phẩm chung của anh Thắng, anh Hoàng, anh và tôi. Tôi không muốn tác phẩm bỏ dở. Chính ra tôi ở lại gặp anh để giúp tác phẩm này. Tôi đoán biết trước anh trở về Hà-Nội với với tác phẩm ấy trong tâm tư. Cần có tôi cho nó thành hình. Anh hiểu rõ vì sao tôi còn nán lại đón anh chứ?(...)

(Tiếng còi tàu vang trong đêm khuya)

THU - Mai ta đi tàu ấy phải không chị?

LIÊN - Ừ

HUY - Có phải đó là chuyến tàu phiêu lưu?

LIÊN - Không phải, đây là chuyến tàu đưa kẻ phiêu lưu về quê hương (...)"

Trên đây là lược trích vở kịch một màn in trên tuần báo Người Việt số 4. Về kịch: năm 1965

Thanh Tâm Tuyền cho xuất bản tập kịch Ba Chị Em, kịch của ông chưa từng được đưa lên sân khấu.

Trên báo Người Việt, Thanh Tâm Tuyền còn ký những bút hiệu khác, bút hiệu Cô Tâm Thu cho phần dịch thuật và trả lời thư bạn đọc, ông đã dịch thơ của Lorca, Tristan, Tzara, Eluar, Whitman sang Việt ngữ.

Chúng ta đã đi qua những tác phẩm của Thanh Tâm Tuyền in trong 4 số báo Người Việt. Với những sáng tác và những quan điểm đã đưa ra tự nó đã phác thảo một chân dung Thanh Tâm Tuyền ngay từ lúc lên đường của mình. Từ 1955 tới khi từ trần ngày 22 tháng 3 năm 2006 tại tiểu bang Minnesota - Mỹ, Thanh Tâm Tuyền đã liên tục sáng tác, và chính những sáng tác ấy đã khắc họa đậm nét chân dung một nhà thơ tiên phong, một nhà văn hôm nay. Ông đã sống như bao con người Việt khác, chính đời sống của ông và những tác phẩm đã xác quyết: không có tự do thì không có sáng tạo. Người làm văn nghệ không thể không: ghi lại, phản ánh, làm chứng cho thời đại mình sống, hơn thế nữa phải nói lên: những ước vọng và bước về phía trước.

3.

Mai Thảo – Đêm giã từ Hà Nội và Góc đường Tự Do

Trên bốn số tuần báo Người Việt bộ mới, không phải chỉ có Thanh Tâm Tuyền mà còn nhiều người bạn đồng hành khác, trước hết là những sáng tác của Mai Thảo:

- Đêm giã từ Hà-Nội - truyện ngắn (1)
- Một chiều qua Cửu Long (2)
- Đồn phòng ngự 21 - ký (3)
- Góc đường Tự Do - truyện ngắn (4)

Chúng ta hãy đi theo Mai Thảo bước vào Đêm giã từ Hà-Nội:

"Từ chỗ anh đứng, Phượng nhìn sang bờ đường bên kia. Những tầng bóng tối đã đặc lại thành khối hình. Từng chiếc một, những hàng mái Hà-Nội nhòa dần. Phượng nhìn lên những hàng mái cũ kỹ, đau yếu ấy, giữa một phút giây nhòa nhạt anh cảm thấy chúng chứa đựng rất nhiều tâm sự, rất nhiều nỗi niềm. Những tâm sự căm lạng. Những nỗi niềm ghen uất. Của Hà-Nội. Của anh nữa.

Dưới những hàng mái cong trũng ngập đầy lá mùa kia, đang xảy ra những tâm trạng, những biến đổi gì mà ở bên này đường Phượng không đoán biết được. Hà-Nội đang đổi màu. Đứng bên này bờ đường nhìn sang, Phượng bắt đầu tiếp nhận với một thứ cảm giác ớn lạnh, cách biệt: anh đã đứng trên một bờ vĩ tuyến mà nhìn về một bờ vĩ tuyến bên kia. Bên ấy có những hình ảnh của chia cắt, đứt đoạn. Bên ấy có những hình chiến lũy, những hàng rào giây thép gai, những đoạn đường cấm, những vùng không người. Phượng cũng không hiểu tại sao nữa. Giờ này anh còn là người của Hà-Nội, thở nhịp thở của Hà-Nội, đau niềm đau của Hà-Nội, mà

Hà-Nội hình như đã ở bên kia (...)

Buổi chiều, hồi 5 giờ gặp Thu ở cuối nhà Thủy Tạ, anh đã nhắc Thu đến một ngã đường. Đúng hơn đến một chuyến đi. Anh lại nhắc cả Thu đến một hạn định: Hôm nay là ngày cuối cùng người ta được tự do rời khỏi Hà-Nội (...)

Cái ý nghĩ cuối cùng của Phượng, gửi đến Thu. Anh nhìn sang bên kia đường. Vẫn không thấy gì. Có lẽ Thu đã ở lại. Phượng nhìn đồng hồ: chiếc kim dạ quang chỉ đúng 12 giờ đêm. Phượng cúi xuống nhắc va ly, bước đi.

Sau lưng anh bỗng có tiếng gọi nhỏ: “Anh” !

Phượng quay lại. Đôi mắt anh sáng lên trong tối. Từ bên kia bờ đường, từ bên kia Hà-Nội, một bóng người bé nhỏ đang vượt lòng đường đi sang bên anh. Thu. Bóng Thu siêu siêu vội vã. Một thoáng Thu đã đứng bên cạnh anh. Đôi mắt Thu còn ngấn lệ. Phượng đỡ lấy va-ly Thu.

Tiếng Thu vang lên trong đêm Hà-Nội:

- Em được đi rồi. Cả thầy mẹ em cũng đi, nhưng đi sau - và kéo tay Phượng - Chúng mình đi đi thôi anh ạ (...)

Phượng đưa Thu đi. Những ánh đèn xanh biếc của Hà-Nội nghiêng theo những bước chân bắt đầu rời khỏi Hà-Nội. Bóng Phượng, bóng Thu nhòa dần. Rồi mất hẳn. Họ đã đi vào tương lai.(...)

Trên đây là tóm lược truyện ngắn Đêm già từ Hà-Nội, ở trên đầu truyện tác giả có viết một câu ngắn: “Phượng nhìn xuống vực thẳm, Hà-Nội ở dưới ấy.” Cuối truyện Mai Thảo ghi: “Hà-Nội – 100 ngày, sau hiệp định Genève.” Trong truyện chúng ta gặp Phượng và Thu với niềm đau phải già từ Hà-Nội. Truyện đầy ắp một không gian Hà-Nội. Nhưng với truyện ngắn thứ hai còn dang dở trên báo Người Việt số 4 , không gian của truyện đã là Sài gòn và là gặp gỡ của hai người tưởng đã chia xa ở hai thế giới. Đó là truyện ngắn : Góc đường tự do.

“Người thiếu nữ nghiêng nón, bước xuống lề đường. Chiếc bóng dài thon để về phía trước người đang đi tới. Những tảng nắng nhòa nhòa trên những nếp áo. Nhị nghĩ đến người thiếu nữ 16 trong một họa phẩm của Tô Ngọc Vân. Bỗng anh kêu lên:

- Hương !

Người thiếu nữ đứng sững lại giữa lòng đường. Ít nhiều tảng nắng dạt khỏi tà áo. Mới đầu chỉ là hai con mắt rất to rất đen nhìn về phía anh. Thăm thẳm ánh lên một thoáng ngạc nhiên ngỡ ngờ (...) Người thiếu nữ bỏ nón. Nắng gọi chan hòa trên mái tóc Hương. Sự hiển hiện này chấp chới bằng nắng.

- Anh Nhị !

Thời gian của Nhị và của Hương bấy giờ là 8 giờ sáng. Không gian của hai người là góc đường Tự Do (...)

- Hương vào đây từ bao giờ?

- Em vào từ tháng chín năm ngoái

- Em ở đâu?

- Phan Thiết anh ạ.

- Bây giờ cơ mà?

- Vẫn Phan Thiết anh ạ.

Hai người yên lặng nhìn nhau. Thêm một phút trao gửi đắm thắm. Đủ rồi. Họ cùng mỉm cười (...)

Đến lượt Hương đưa mắt nhìn anh. Nhị đoán được câu hỏi. Anh trả lời:

- Anh vào đây được mười ba tháng rồi. Trong đợt di cư đầu tiên. Anh vẫn ở Sài gòn. Sống bình thường. Có một số bạn hữu cũng ở đây: Nam, Thư, Ngự, Hương còn nhớ các anh ấy chứ. Họ vẫn hỏi thăm đến Hương luôn. Anh bảo Hương đã ở lại Hà-Nội. Nhưng chẳng ai chịu tin cả. Nhị ngừng lại, không nói nữa. Hương chợt bắt gặp trong mắt anh một thoáng tối buồn rầu (...)

Cuộc sống của Hà-Nội, của hậu phương, của cuộc di chuyển rộng lớn, cuộc sống lửa đạn của thời đại mấy năm nay hình như không thuộc về những người đàn bà như Hương nữa (...)

Một chiều qua Cửa Long

Tác phẩm văn xuôi khi in trên Người Việt số 2: Một chiều qua Cừu Long, không ghi là truyện ngắn hay tùy bút, nhưng nó nằm trong tập truyện: Đêm già từ Hà-Nội (1956) và sau này trong tập Mưa núi (1970). Mai Thảo viết về một mảng đời sống của vùng đất mới, nơi tác giả lần đầu đặt chân tới, đó là sinh hoạt ban đêm của một bến sông trên dòng Cừu Long:

“Tôi thức giấc vì một tiếng động nhỏ nhẹ trong đêm tối: Trước mặt tôi là Cừu Long. Tiếng động dâng lên từ phía ấy. Thêm một tiếng động nữa. Rồi những âm thanh khởi đầu lẻ tẻ trở nên một sự xao động rì rào.

Buổi chợ đêm đã bắt đầu dâng lên. Xanh biếc, phảng phất. Chợ đi dần thành những bước thủy triều (...) Chỗ này người ta đã đốt lửa thật sáng đón thuyền về. Những chiếc đầu đoàn đã ghé bến. Có tiếng hỏi:

- Nhiều không (15)

Dưới nước đáp lên: nhiều.

- Gì thế?

- Toàn trê thôi.

Tôi sán lại, nhìn xuống một lòng ghe nhỏ thấp thoáng dưới ánh đuốc cháy. Cả lòng khoang đầy nước. Mặt nước sóng sánh ánh lửa. Nhiều sóng quá. Nhiều sóng quá. Những ngọn sóng của ngã ba, của giữa dòng về tới lòng thuyền rồi mà vẫn cháy lênh láng. Hình như nước vẫn còn sóng. Và những con sóng vẫn còn cháy. Mỗi khoang vẫn còn là một đời Cừu Long (...) Người đàn bà còn đứng ở chỗ cũ. Tôi đến hỏi chuyện. Chị cho tôi biết thêm là năm nào mùa cá cũng khởi đầu từ tháng sáu tháng bảy. Mãi đến tháng tư tháng năm mới hết. Tháng giêng tháng hai là giữa mùa (...) Tôi chỉ tay bảo chị:

- Chợ đêm nay đông ghê!- Chị trề môi:

- Đông ma gì, mới đầu mùa mà. Cá chưa đủ tháng, chúng tôi đánh cá cầm chừng thôi. Đợi cá đủ tháng vừa được nhiều, cá lại khỏe mới đưa đi xa được (...)

Tôi nhìn lên. Trời sáng rồi. Chợ Cừu Long tàn dần trong bình minh.”

Đồn phòng ngự số 21

Tác phẩm văn xuôi Đồn phòng ngự số 21 in trong báo Người Việt số 3 được ghi ở trên là tùy bút, nhưng ở ngay đoạn đầu người đọc đã gặp một nhân vật có tên là Vững. Tác giả viết về sinh hoạt của Vững và tiểu đội của anh trong những ngày đầu từ trên cao nguyên xuống xây dựng đồn:

“Đồn tiếp viện này vừa được thiết lập trên cây số 21. Ba mặt núi đá, cây cỏ hoang dã. Phía trước đồn, con đường trải nhựa băng qua, lúc nào cũng vắng bóng người đi. Thường thường mãi đến tận chiều mới có một vài chiếc xe đồ cũ, chở gỗ, lá từ vùng cao nguyên đổ xuống Sài Gòn. Bên kia đường, một lối đi nhỏ khuất khúc chạy thẳng vào một cánh rừng già. Đầu con đường, một tấm biển gỗ, chữ viết đậm nét: “Coupe Lê văn Viễn”. Chiều hôm qua, Vững đã chặt đổ gục tấm biển đó (...) Anh binh nhì Vững nhìn xuống tấm biển nằm dưới mặt đất. Sự gầy đổ này đánh dấu cho một thời oanh liệt tàn lụi (...) Căng lều nghỉ ngơi, phân chia công tác hai ngày. Đến ngày thứ ba, cả trung đội bắt tay vào việc. Tiểu đội Vững đào giếng (...) Hôm nay, Vững mở một chiến dịch mới trong vùng lòng chảo cháy nắng cũng giống như những chiến dịch mà những bạn anh đang mở ra ở các vùng mới tiếp thu: Bình Định, Cà Mau ... Những chiến dịch Hòa Bình mở ra khắp các vùng giải phóng trong nhịp điệu kiên thiết xây dựng. Một người bạn ngừng tay cuộc, bảo Vững:

- Này cậu, khá rồi đấy nhỉ?

- Khá cái gì?

- Cậu không thấy nhát cuộc chúng mình đi sâu hơn ban nãy à? Đất ở dưới mềm nhiều rồi.

Chắc có nước.

Vững cười: Có mê đi chứ! Chẳng lẽ lại phải chịu xin nước tiếp tế à (...)

Anh quay trở vào. Từ bao giờ đêm rừng đã đầy lên. Dưới chân anh, một tiếng sỏi đá lăn động trong bóng tối. Gió núi hiền hòa. Anh nhìn lên. Sao rừng muôn vạn lấp lánh. Anh nghĩ tới (16)

những bản xóm, đến những người thổ dân hiền lành. Anh nghĩ đến quê hương xóm làng. Đến đồng lúa hạt thóc. Đất nước sẽ được bảo vệ. Cứ điếm sẽ được bảo vệ. Vì những con người mang nặng tình đất nước, tình cứ điếm. Vì những con người sống chết với đất nước, cứ điếm. Sống chết với quê hương.”

Chúng ta vừa lướt qua những trang văn của Mai Thảo được in trên bốn số báo Người Việt. Mai Thảo đã từng có mặt tại đại hội văn nghệ liên khu tại làng Quần Tín, tỉnh Thanh Hóa vào mùa hè năm 1948 (III). Sau năm 1954 ông di cư vào Nam và đã có tùy bút in trên báo Đời Mới của Trần Văn Ân và Nguyễn Đức Quỳnh trước khi Đêm giã từ Hà-Nội xuất hiện trên số 1 tuần báo Người Việt.

Tháng 10 năm 1956 tạp chí Sáng Tạo ra số 1 do Mai Thảo chủ trương biên tập. Ngay nơi trang 1 của tạp chí, Mai Thảo viết : “Sài gòn thủ đô văn hóa Việt Nam.” Tạp chí Sáng Tạo ra tới số 31, tháng 9 năm 1959 thì tạm ngưng. Mãi tới tháng 7 năm 1960, Sáng Tạo ra số 1 bộ mới – Diễn Đàn Văn Học Nghệ Thuật Hôm Nay - với Mai Thảo đứng tên chủ nhiệm. Sáng Tạo bộ mới ra tới số 7 tháng 9 năm 1961 thì đình bản.

Sáng Tạo chết, Mai Thảo làm báo Điện Ảnh của Quốc Phong, báo Màn Ảnh của Mai Châu. Làm chủ bút tuần báo Nghệ Thuật. Cuối năm 1971 về làm báo Văn của Nguyễn Đình Vượng trong khi Trần Phong Giao ra tờ Giao Điểm. Không chỉ làm báo văn học nghệ thuật, Mai Thảo còn viết truyện dài cho các nhật báo. Ông là người hiếm hoi trong văn giới có thể sống bằng ngòi bút của mình.

Sau 30 tháng 4 năm 1975 Mai Thảo chạy thoát khỏi cuộc truy bắt, ông vượt biên và định cư tại Hoa Kỳ năm 1978, tại đây ông tiếp tục làm báo, viết văn. Mai Thảo tên thật là Nguyễn Đăng Quý, sinh ngày 08 tháng 06 năm 1927 tại Nam Định, mất ngày 10 tháng 01 năm 1998 tại California, Hoa Kỳ. Ông còn ký bút hiệu Nguyễn Đăng và khi làm thơ ký tên Nhị. Ông đã cho in nhiều tác phẩm, bản kê những tác phẩm của ông dưới đây là chưa đầy đủ: Đêm giã từ Hà-Nội (truyện ngắn – 1956), Tháng giêng cỏ non (truyện ngắn-1957), Viên đạn đồng chữ nổi (truyện dài-1966), Dòng sông rực rỡ (truyện ngắn -1968), Người thầy học cũ (truyện ngắn-1969), Chuyến tàu trên sông Hồng (truyện ngắn-1969), Mưa núi (truyện ngắn 1970). Khi nhắc đến Mai Thảo, người ta nói đến Mai Thảo của Đêm Giã Từ Hà-Nội và Mai Thảo của Tạp chí Sáng Tạo.

4

Quốc- Sỹ với Con thuyền ma và Gánh xiếc

Những trang văn xuôi đầu tiên của *Doãn Quốc Sỹ* in trên tuần báo Người Việt được ký là Quốc Sỹ; trong một bài tiểu luận bàn về trường đại học văn khoa, ông ký tắt: D.Q.S. Trên báo Người Việt, Quốc Sỹ cho in hai truyện ngắn Con thuyền ma, Gánh xiếc và truyện dài Đoàn Người Hóa Khỉ. Trước hết chúng ta đọc Con thuyền ma:

“Xưa có một đoàn người hện cùng gặp nhau ở miền biên giới nọ. Họ đều là những tráng sỹ ưa phiêu lưu. Chuyến này họ trù tính đi lâu để thăm nhiều miền xa lạ. Sau mấy tháng vượt đèo cao rừng rậm, họ tới một miền duyên hải núi non lờm chờm có những thành đá cao vờn vờn hướng ra biển. Lúc đó trời vừa tối, họ nghe thấy tiếng sóng rầm rộ vỗ vào chân núi và tiếng loài chim đêm vang lên rõ rệt. Không khí đượm một vẻ ma quái hoang vu.

Họ theo một con đường dốc thoải đưa xuống bờ biển và thấy đằng xa có ánh đèn. Họ tiến lại. Thì ra đấy là một chiếc thuyền khá lớn chỉ có một viên thuyền trưởng mà không có thủy thủ. Viên thuyền trưởng nói có thể chở mọi người đi xem Đảo Cực Lạc gần đó.

Mọi người hỏi Đảo Cực Lạc như thế nào. Viên thuyền trưởng đáp đảo này bốn mùa hoa cỏ tốt tươi, cây cối sầm uất, có đủ các thứ lúa chín vàng, gặt đi rồi nó lại mọc.

Mọi người vui vẻ buộc ngựa lại bờ biển, bên một hốc núi , rồi lên thuyền. Họ định đến thăm đảo rồi sẽ quay về xứ sở đón những người thân cùng đến hưởng hoa thơm, quả lạ và gặt lúa vàng ở đấy.

Viên thuyền trưởng tức khắc đẩy thuyền ra khỏi bờ. Vì trên thuyền không có thủy thủ nên viên thuyền trưởng nhờ mọi người cùng trèo giúp. Ai nấy vui vẻ vào việc mà không biết đã lên nhằm một con thuyền ma (...)

Trời không một vì sao. Biển mênh mông ánh nước đen ngòm (...) Chợt một người trong bọn hỏi viên thuyền trưởng tại sao trên trời không có lấy một vì sao. Viên thuyền trưởng đáp là đường đi tới Đảo Cực Lạc không có sao (...) Người khác lên tiếng hỏi: trên trời không có sao thì làm thế nào mà nhận được phương hướng? Viên thuyền trưởng đáp chính hấn là phương hướng rồi đừng nên nghi ngại gì cả (...) Chợt thuyền chòng chành, cả khối đen mênh mông xung quanh chuyển động dữ dội: bão biển. Thuyền sô lên cao, nhào xuống thấp, nghiêng ngã kinh hồn, vấp phải những tảng đá ngầm. Có nhiều chỗ rập nát và thủng. Trong khi chống đỡ với cuồng phong đã có mấy người tử nạn. Viên thuyền trưởng bảo mọi người khiêng những xác đó đặt vào chỗ rập nát và thủng của thuyền. Hấn niệm chú tự nhiên xác chết rữa ra thành nước dính vào thuyền và lấp kín những chỗ hư đó (...) Cơn bão biển này vừa qua, cơn khác lại tới. Sau đó một thời gian thuyền đã thủng khắp nơi và có nghĩa là khắp nơi đều có gấn xác người (...)

Trời không một vì sao. Biển càng mênh mông, ánh nước càng đen ngòm sau mỗi cơn bão. Con thuyền vẫn di chuyển đều do sức chèo của một số nhỏ những người ưa phiêu lưu còn sống sót.”

Trên đây là trích tóm tắt truyện Con thuyền ma, sau này truyện được in trong tập Sợ lửa mà tác giả ghi là truyện cổ tích (1956).

Trong Người Việt số 4, Quốc Sỹ cho in truyện Gánh xiếc, đây không phải truyện cổ tích nhưng vẫn là một truyện ẩn dụ. Nhân vật tôi kể lại một chuyến đi:

“Tôi đến kinh thành New Delhi vào mùa thu năm 1952. Tại thủ đô Ấn ngày đó đi đâu cũng thấy người ta bàn tán đến sáng kiến của nhà điêu khắc Karmarkar sửa soạn dựng một pho tượng bán thân Thánh Gandhi (...) Trên đường phố tôi gặp những người Ấn vận âu phục rất lịch sự, chân đi giày đánh bóng loáng nhưng đầu có quần khăn. Chợt tiếng thanh la kèm theo tiếng hò hét từ xa vọng lại. Anh bạn tôi nói:

- Đằng kia có gánh xiếc.

Tôi hỏi:

- Anh ở đây đã lâu hấn cũng có lần anh xem những trò xiếc đó.

Anh bạn gật gù: Nhiều lần anh ạ.

- Tôi có cảm tưởng đây cũng tương tự những gánh xiếc bán thuốc cao ở nước nhà.

Nghe tôi nói vậy, anh bạn vội lắc đầu cải chính:

- Không đâu, những trò quý thuật ở đây kỳ diệu hơn nhiều.

Tôi dừng lại nhìn về phía có gánh xiếc:

- Hay là chúng ta vào xem một lát! (...)

Anh bạn tôi lên tới chỗ bán vé. Rồi một lát sau chúng tôi cùng lớp khán giả mới nối đuôi nhau vào xem (...) Khán giả khá đông, ngồi theo hình vòng cung trên các ghế xếp thành từng bậc cao dần. Và cuộc diễn bắt đầu.

Mười năm phút đầu là những trò nhào lộn rất công phu (...) Sau ba tiếng vỗ tay của ông già hai cha con thôi nhào lộn chạy vào sau màn phong. Ông già lại ra đứng chính giữa và giới thiệu một thôi (...) Các khán giả đều thấy hoa mắt. Tôi có cảm giác như vừa lạc vào khu vườn vũ trụ, quanh mình là muôn vàn những hoa tinh tú nở hào quang.

Anh bạn tôi ghé lại gần giảng qua những lời giới thiệu của ông già: Ông ta nói sắp đến trò Chính: Hiếu tử đánh lại thiên thần.

Ông ta đứng nghiêm trang và vỗ tay ba cái. Người cha ở sau màn phong chạy ra đứng bên phải. Ông ta vỗ tay ba cái. Người con ở sau màn phong phóng chạy ra đứng bên trái. Ông hét lên một tiếng (...) Tiếng gầm thét càng dữ dội thì các vì sao càng như nhảy múa rồi tận cùng có tiếng hú dài thê thảm. Một cẳng người từ trên cao ném xuống, rồi một cẳng nữa. Một cánh tay người từ trên cao ném xuống, rồi một cánh tay nữa. Rồi cả thân người và sau cùng là cái đầu của người cha máu me đầm đìa (...) Kế tiếp là tiếng gầm thét dữ dội của thiên thần và tiếng hú

cầm hờn của người con (...) Chợt người con từ đâu xuất hiện khoác một cái áo vô cùng lộng lẫy. Ý hẳn là vừa cướp được của thiên thần. Hắn cúi xuống thu nhặt đầu, mình, chân tay của cha ghép lại cho đúng vị trí hình người rồi lấy chiếc áo thiên thần phủ lên. Hắn nhảy múa quanh thi thể hát lên một bài hát dạo. Bất chợt hắn cúi xuống lật tấm áo lên. Người cha bỗng ngời nhóm dậy, vẻ mặt tươi cười như không. Đầu, mình, chân, tay đã liền lại. Hai cha con nắm tay nhau cúi chào khán giả.”

Đã trải qua những giây phút kinh hoàng vì quỷ thuật trong rạp xiếc, nhân vật tôi nghi hoặc với trò: Hiếu tử đánh bại thiên thần rồi tinh cờ phát hiện ra người điều khiển trò quỷ thuật bằng cách thôi miên người xem. Cho nên khi trở lại rạp xiếc bằng sự tinh táo của mình, nhân vật tôi đã khiến cho người thôi miên thất bại. Cảnh người cha leo lên, người con leo lên thực ra chỉ là chú khỉ, con chuột ... Sự thật được phơi bày và lan truyền khiến cho gánh xiếc bị tẩy chay ở bất cứ đâu khi gánh xiếc tới. Ở những dòng gần cuối truyện, tác giả viết:

“Đó cũng là sự tích một gánh xiếc. Có điều khác là gánh xiếc ở Ấn Độ đến rồi phải đi, ở Bắc Việt hiện nay, trái lại, gánh xiếc đến chính dân chúng phải đi. Gánh xiếc chính quyền có khác (...)”

Truyện ngắn Gánh xiếc được xuất bản thành sách năm 1958 cùng với nhiều truyện ngắn khác. Ngoài hai truyện ngắn Con Thuyền Ma và Gánh Xiếc. Quốc Sỹ còn cho in truyện dài: Đoàn Người Hóa Khỉ (IV) từ Người Việt số 2. Đây là một sáng tác dưới dạng cổ tích lịch sử, có bóng dáng của lịch sử Việt. Báo Người Việt đã giới thiệu Quốc Sỹ như sau:

“Nghe Quốc Sỹ kể chuyện, ta nhớ đến người nông dân Việt, bình dị nhưng cời mở, ta thấy thét lên lời ca chính khí của người chiến sỹ Việt bất khuất, nhưng ta cũng say sưa với câu chuyện cổ tích của người bà Việt mái tóc bạc phơ kịt đưa vông ru cháu, hay trầm lặng trong chén trà của sỹ phu Việt suy ngẫm về đạo sống. Quốc Sỹ không thuộc về văn phái nào cả. Quốc Sỹ là ngọn bút của dân tộc.”

Doãn Quốc Sỹ sinh ngày 03-02-1923 tại xã Hạ Yên Quyết, Hà-Nội. Từng dạy học tại trường Nguyễn Khuyến (Nam Định -1951-1952) Chu Văn An (1952-1953). Năm 1954 di cư vào Nam dạy ở trường Trần Lục, làm hiệu trưởng trường trung học Hà Tiên, sau đó dạy trường Sư Phạm Sài Gòn, Đại học Vạn Hạnh, Đại học Văn khoa. Ông đã cộng tác với các báo: Lửa Việt, Dân Chủ, Người Việt, Tân Phong, Sáng Tạo, Văn Nghệ, Bách Khoa ... Ông đã cho in nhiều tác phẩm như: Sơ Lửa (truyện cổ tích -1956), U Hoài (tập truyện -1957), Gánh Xiếc (tập truyện -1958), Dòng sông định mệnh (truyện dài-1959), Khu rừng lau (gồm 4 quyển)... Ngoài những công trình sáng tác ông còn là tác giả nhiều sách biên khảo, trong đó có bộ Tuyển tập văn chương nhi đồng, ông chủ trương nhà xuất bản Sáng Tạo. Sau năm 1975, Doãn Quốc Sỹ bị bắt đi tù cải tạo 14 năm. Năm 1995 ông định cư tại Hoa Kỳ. Ở hải ngoại ông cho in: Vái Tứ Phương, Dấu Chân Cát Xóa, Minh lại soi mình. Về tác phẩm của Doãn Quốc Sỹ, những ghi chép trên đây là chưa đầy đủ.

Trong cuốn Cát bụi chân ai hồi ký của Tô Hoài viết năm 1990, bản in lần thứ 2 năm 1993 của nhà xuất bản Hội Nhà Văn (Hà-Nội) có một đoạn viết về Doãn Quốc Sỹ như sau:

“Tôi cũng thường đọc trên đài “thư Hà-Nội” gửi nhà văn Quan Sơn ở Sài Gòn. Chẳng mấy ai biết bút hiệu ấy của Doãn Quốc Sỹ ngày trước trên tuần báo Tiểu Thuyết Thứ Năm. Doãn Quốc Sỹ người Cầu Giấy, gần làng tôi. Chúng tôi quen nhau khi mới cầm bút. Một trong những truyện ngắn đầu tiên của Doãn Quốc Sỹ, Đôi Mắt Của Hiền, cô Hiền ấy, con gái đầu lòng bác Tú Mỡ. Bức thư tình đăng báo mà rồi nên nhân duyên. Doãn Quốc Sỹ theo nhà vợ ra vùng tự do ở Bắc Giang ít lâu rồi vào Hà-Nội, rồi di cư vào Nam. Báo chí và các nhà xuất bản ở Sài Gòn in sáng tác của Doãn Quốc Sỹ, lại biết Sỹ dạy học ở Hà Tiên, được tu nghiệp ở Mỹ mấy năm. Chẳng biết cách mạng có nợ tiền, nợ máu gì với cái gia đình công chức còm ở một làng nghề dệt nghề giấy ngoại ô này không, tôi tin là không, thế mà sao Doãn Quốc Sỹ viết chửi (20) cộng sản hăng thế. Chắc chẳng khi nào Doãn Quốc Sỹ nghe bài của tôi để biết đến những tiếng nói vùng quê của anh.(trang 229 C.B.C.A.).

5.

Nguyễn Sỹ Tế và Người sông Thương

Trong 4 số báo Người Việt, Nguyễn Sỹ Tế không xuất hiện với một sáng tác nào. Ông có hai bài tiểu luận:

- Mục đích của giáo dục (số 3)
- Nửa thế kỷ văn nghệ tôi đòi (số 4)

Ngoài ra với bút hiệu Người Sông Thương ông dịch thơ của:

- Pablo Neruda với bài : Ngực em đủ với tim ta
- Juan Liscano với bài : Thần nữ, biển khơi và đêm tối

Về văn, ông dịch Niềm Im Lặng Của Biển Cả của Vercors. Người Sông Thương đã giới thiệu tác giả và tác phẩm như sau: “Vercors là biệt hiệu một nhà văn Pháp cũng gọi là kỳ cựu: Jean Bruller (sinh tại Balê năm 1902). Là một người thiết tha với lý tưởng tự do. Trong hồi chiến tranh Pháp - Đức ông gia nhập hàng ngũ kháng chiến và đã viết nhiều tác phẩm cho in dấu diêm và lưu hành bí mật truyền tay. Đoán thiên “Niềm Im Lặng Của Biển Cả” ông viết vào mùa hè năm 1941. Là một tác phẩm của hoàn cảnh “Niềm Im Lặng Của Biển Cả” không ngờ đã trải qua thử thách của thời gian để trở nên một áng văn chương giá trị (...) Nếu như “Niềm Im Lặng Của Biển Cả” đã vượt qua không gian và thời gian ấy chính vì nó đã mang trong nó một sức sống tối cao nhân thế và một lần nữa khóc thương đậm đà cho mối hận tình muôn thưở: Mối tình giữa lúa đôi thù nghịch.”

Nguyễn Sỹ Tế sinh năm 1922 tại Nam Định. Ông dạy học ở trường Chu Văn An (Hà-Nội) những năm 1952, 1953. Năm 1954 di cư vào Nam. Ở trong Nam ông tiếp tục dạy học và làm hiệu trưởng trường trung học tư thục Trường Sơn. Cùng với việc dạy học ông còn viết văn và soạn sách giáo khoa như: Việt Nam Văn Học Nghị Luận (nhà xuất bản Trường Sơn-1962). Về sáng tác có: Chờ Sáng (1962). Sau tháng 04-1975, ông bị bắt giam 11 năm. Năm 1992 ông định cư tại Hoa Kỳ. Ông mất ngày 17 tháng 11 năm 2005 tại Hoa Kỳ.

6.

Trần Thanh Hiệp và Tàn phá

Trên trang bìa bốn của 4 số báo Người Việt có mục Dẫn đàn thì ba kỳ liên tiếp là bài của Trần Thanh Hiệp:

- Bi quan hay lạc quan? (số 1)
- Hướng về miền Nam (số 2)
- Văn minh nguyên tử lực (số 3)

Ngoài ba bài viết trên mục dẫn đàn ông còn viết:

- Vấn đề giai cấp xã hội (số 2 và số 3)
- Nhân sinh quan của người Việt (số 4)

Những bài viết của Trần Thanh Hiệp luôn luôn bám sát vào đời sống xã hội đương thời mà người thức giả không thể làm ngơ. Về sáng tác Trần Thanh Hiệp có cho in truyện ngắn Tàn Phá trên báo Người Việt số 4:

“Chiều quê còn nhớ người trai, vì ai vào chốn tử sinh ... Giọng hát của người thiếu nữ nhẹ và trong nhưng quện chặt với buồn thảm, bị ngắt quãng bởi mối xúc cảm sâu mạnh, trước khi ngừng bật, nức nở ... “Người về non nước xa xôi ...” Câu cuối cùng này kéo dài một cách yếu ớt như để trấn áp một lời cuốn nhưng thất bại. Người hát đã gục đầu xuống bàn, trán tì lên tay, hai vai khẽ run run trong khi tiếng vỗ tay ròn rã vang dội mang thêm từng búng cho buổi tiệc trà một vài tiếng xì xào lọt vào tai Hoàng: “cô ấy yêu một thương binh đấy !” ... Hoàng khẽ đập

khuyết tay vào sườn bạn, hỏi nhỏ: “Ai đẩy hở cậu?”

- A, Mai Dung, nữ học sinh ở tỉnh mới tản cư về. Nổi tiếng hát hay nhất vùng này đấy nhé! Câu giới thiệu tuy sơ sài của Thanh cũng đủ để kích thích óc tò mò của Hoàng. Chàng hỏi thêm:

- Nhưng sao lại mặc nhà quê thế kia hả?

- Chuyện! Tản cư mà lại? Thế cậu nhìn lại cậu xem sao? Chợt nhớ đến bộ quần áo nâu của mình. Hoàng cười:

- Này Thanh ạ, cô ấy hát hay thật. Nhưng coi bộ buồn thế kia thì chắc là tình sử phải lâm ly lắm nhỉ?

Hoàng phát biểu ý kiến của mình một cách linh cảm, giọng hơi đượm một chút hài hước, đưa mắt nhìn về phía Mai Dung.

- À, kể ra thì cũng khá lâm ly. Hiện nay có người yêu là một thương binh. Nghe đâu mối tình của hai người chóng nở với Mùa thu cách mạng nên vừa thơ mộng vừa hào hùng. Chưa kịp tính đến việc chung sống thì chàng đã phải tòng quân và sau một trận giáp chiến với quân Pháp đã cụt mất một chân. Hiện giờ chưa rõ sao cả. Chỉ biết rằng vì thế mà cô ta hay buồn lắm (...)

Hoàng vừa đặt chân lên thềm nhà thì em bé Vân đã reo lên: “Chị ơi anh Hoàng đã về”.

- Ở kia Hoàng, ở đâu về thế em?

- Em ở trên tỉnh về. Hôm nay chị không đi dạy học à?(23)

- Dạo này chị mở lớp riêng ở nhà. Và đây là cô Mai Dung, một học trò mới của chị đây.

Hoàng không ngờ lại gặp Mai Dung ở đây (...)

- Thế cô Mai Dung này, thật tình tôi hỏi cô nhé: Tại sao cô làm cán bộ?

- Thứ nhất là để góp phần vào cuộc kháng chiến. Thứ hai là để được học hỏi và nâng đỡ phụ nữ hương thôn, họ thiệt thòi lắm anh ạ! (...)

Hoàng dắt xe đạp cùng đi song song với Mai Dung. Mới có ba năm mà Mai Dung đã đổi khác hẳn (...) Tiếng nói khàn hẳn đi. Bước chân không còn khép kín. Có một cái gì đổ vỡ trong tâm hồn kia (...)

- Mai Dung ồm ồm đấy à?

- Không ồm ồm thì cũng như ồm anh ạ!

- Nghe nói lập gia đình rồi cơ mà!

- Em được đoàn thể gọi lên khu. Sau nhiều cuộc hội họp đã thông tư tưởng và luyện ái quan mới, em được lệnh kết hôn với Bảo. Em là cái máy, yếu ớt quá rồi, chỉ biết tuân lệnh mà thôi. Nhưng khổ cho em quá. Bảo không còn là Bảo ngày xưa, tuấn tú và hiền ngang nữa. Cái thân hình dù có tàn tật cũng không đáng kể, nhưng tinh thần Bảo đã khác hẳn (...) Anh Hoàng ơi! Em không đủ can đảm ở với họ nữa đâu, nếu cứ kéo dài mãi có lẽ em chết mất. Hoàng vẫn thương Mai Dung. Hoàng không muốn tỏ lộ nỗi niềm của chàng trước sự tàn phá đó. Mai Dung đã trả một giá rất đắt cho cuộc thí nghiệm điên rồ của nàng. Liệu còn lời được Mai Dung ra khỏi vực thẳm đó nữa không. Dẫu sao chàng vẫn cố hy vọng (...)

Không rõ là lành hay dữ. Tội nghiệp cho Mai Dung, con thiêu thân đã ném mình vào đĩa dầu đèn mà tìm cái chết (...)

Tàn Phá của Trần Thanh Hiệp là thân phận một nữ thanh niên nhiệt tình yêu nước nhưng đã bị đoàn thể lợi dụng tàn nhẫn, cuối cùng chỉ còn là cái chết.

Trần Thanh Hiệp sinh năm 1928. Di cư vào Nam năm 1954. Ông theo ngành luật và sau đó hành nghề luật sư tại Sài Gòn. Ông cộng tác với nhiều báo chí và đã từng góp tiếng nói trên các diễn đàn về những vấn đề văn hóa, xã hội. Trần Thanh Hiệp là một trong tám người của bộ biên tập Tạp Chí Sáng Tạo bộ mới. Ông đã cho xuất bản: Tiếp nối (1965), Vào đời, Ngày Cũ. Sau tháng 4 năm 1975 ông sống tại Pháp.

7.

Quách Thoại và Còn sáng tạo, ta hãy còn sáng tạo

Trên tuần báo Người Việt ngoài những bài thơ của Thanh Tâm Tuyên và của một số tác giả khác còn có thơ của Quách Thoại:

- Chúng tôi muốn thế (số 2)
- Bom !(số 2 – ký Đoàn Thoại Sơn)
- Những buổi chiều Việt Nam (số 3)
- Còn sáng tạo, ta hãy còn sáng tạo (số 4)
- Thằng bé nó cười (số 4)
- Khẩu cung (số 4)

Bài thơ Chúng tôi muốn thế được in trang trọng, chiếm trọn một trang báo có đóng khung, kèm theo lời giới thiệu của Thanh Tâm Tuyền: “Đây bạn đường mến yêu của tôi. Gặp Quách Thoại tôi kêu lớn lên như thế .Chúng tôi tuy nhiều nhưng lẻ loi, vì thế gặp nhau mừng vô kể. Tôi vội vàng lục trong tập thơ dày cộm – những ý tình thể hệ, hối hả truyền tới tay các bạn.”

Thơ Quách Thoại in trên Người Việt tất cả 6 bài , sau này đều in lại trong tập thơ Giữa lòng cuộc đời. Dưới đây một trong sáu bài thơ nói trên :

Còn sáng tạo, ta hãy còn sáng tạo

(Chung tặng các văn thi hữu.

Riêng tặng Thanh Tâm Tuyền và Mai Thảo.)

Tôi đổ lệ khóc đêm nay

Nào các anh có biết

Khi tôi đọc những bài văn anh

Bài thơ anh thấm thiết

Những mối tình yêu đời bất diệt

Của lòng anh của hồn anh trinh khiết

Hiện nguyên hình trên chữ mực vừa in

Tư tưởng dòng câu chứa đựng vạn niềm tin

Bao tâm huyết đổ dồn trên ý nghĩ

Thơ thay những ý tình tế nhị

Nói không cùng những cảm động ẩn trong lời

Tôi biết các anh những kẻ đã khóc cười

Là những kẻ còn tin yêu vững sống

Còn sáng tạo các anh còn sáng tạo

Mặt trời mọc

Mặt trời mọc

Rừng rưng mùa hoa gạo

Lỡ một ngày mai tôi chết trần trường không cơm áo

Thì hồn tôi xin phảng phất chốn trăng sao

Để nhìn các anh

Như vừa gặp buổi hôm nào

Và trong câu chuyện tôi sẽ cười nhắc bảo

Còn sáng tạo ta hãy còn sáng tạo

Quách Thoại sinh năm 1930 tại Huế. Năm 1948 ông vào Sài Gòn viết cho nhiều nhật báo. Năm 1949 làm tổng thư ký tòa soạn báo Nguồn Sống. Số báo đầu Quách Thoại viết tùy bút Nó Và Nàng, số thứ hai viết Hy vọng và tuyệt vọng. Ở số đầu Quách Thoại có đăng và viết giới thiệu bài thơ Thế kỷ hai mươi của Huy Cận. Báo Nguồn Sống còn có bài của Lý Văn Sâm, Lê Thương. Sau 1954, thơ Quách Thoại in trên các báo Người Việt, Sáng Tạo. Ông mất vì bệnh lao ngày 07 tháng 11 năm 1957. Năm 1963 tạp chí Văn Nghệ xuất bản tập thơ Giữa lòng cuộc đời, đây chỉ là một phần trong số những tác phẩm mà Quách Thoại để lại (V).

Thanh Tâm Tuyền viết về thơ Quách Thoại: “(...) tôi tìm thấy trong thơ của Thoại một thứ nhịp điệu tôi gọi là nhịp điệu của hình ảnh . Trong một bài thơ giữa những tiếp nối của ý tưởng bỗng xuất hiện hình ảnh, có khi một có khi là một mớ xô đẩy nhau, tưởng chừng không ăn nhập gì

vào bài nhưng chính thực ở đây tỏa ra một thứ ánh sáng , một thứ âm nhạc bao trùm làm rung động toàn bài. Một ví dụ nhỏ như trong bài “Còn sáng tạo ta hãy còn sáng tạo” đã đăng ở Người Việt, đang kể lể, Thoại bỗng viết :

Mặt trời mọc

Mặt trời mọc

Rừng rưng mùa hoa gạo

Lỡ một ngày mai tôi chết trần trụi không cơm áo

Từ cái nhịp điệu của hình ảnh , rồi bằng vào kinh nghiệm riêng khi làm thơ cũng như khi đọc thơ, dần dần tôi tìm đến được thứ nhịp điệu của ý tưởng , cả hai thứ nhịp điệu trên chỉ là sự thể hiện của nhịp điệu của ý thức , hơn bao giờ hết người ta sẽ thấy các nhà thơ hôm nay là những ý thức muốn biểu diễn bằng thi ca.” (VI)

Thanh Tâm Tuyền viết về những kỷ niệm với Quách Thoại: “Thoại thường nói với tôi , nguồn thơ của thi sỹ ngày nay khó mà cạn được bởi trong nhà thơ còn có sự chung đụng của một nhà tư tưởng , một chiến sỹ . Kỷ niệm quý báu nhất Thoại để lại cho tôi là những người bạn còn sống , thứ cần thiết cho một đời sống cô đơn, như Duy Thanh Ngọc Dũng , Thái Tuấn , Trần Lê Nguyễn , nhờ Thoại mà tôi gặp gỡ những người ấy...” (VII)

Ở trên chúng ta đã đi qua những sáng tác , những ý kiến của Thanh Tâm Tuyền và năm người bạn trong những bước đầu gặp nhau trên bốn số tuần báo Người Việt bộ mới xuất bản vào những tháng cuối của năm 1955 ở Sài Gòn . Bài viết có thể kết thúc ở đây.

Ghi chú:

A. Trọng Lang và Nguyễn Đức Quỳnh

Khi giới thiệu 4 số tuần báo Người Việt bộ mới, chúng ta đã ghi nhận những tác giả cộng tác trên diễn đàn này, trong đó có hai tác giả đã nổi tiếng từ thời tiền chiến, đó là Trọng Lang và Nguyễn Đức Quỳnh.

Khi đăng tải phóng sự Những tâm trạng bi thương: Một người mẹ của Trọng Lang, Người Việt đã viết lời giới thiệu: Người văn nghệ già không vì niên kỷ. Tuổi tác nặng thêm nhưng tâm hồn vẫn trẻ mãi còn rung cảm trong nhịp thể hệ. Trọng Lang có thể tự hào đến bây giờ mình vẫn còn trẻ mãi. Những tâm trạng bi thương là chứng cứ. Những mảnh đời vụn nát hôm qua cũng như hôm nay vẫn thừa xúc động tâm hồn giàu có của Trọng Lang, cây bút phóng sự sâu sắc phong phú vững chãi nhất của văn chương V.N.hiện đại. Phơi lên ánh sáng Những tâm trạng bi thương cái hằng ao ước của Trọng Lang là thôi khỏi viết về chúng nữa. Và đó cũng là niềm ao ước chung của những người “trẻ” theo nghĩa trên.

Trọng Lang tên thật là Trần Tấn Cử, sinh ngày 02-10-1906 tại làng Do Lễ, huyện Thường Tín tỉnh Hà Đông, nay là Hà-Nội. Từng viết cho các báo Thực Nghiệp, Phong Hóa, Ngày Nay, năm 1932 làm chủ bút báo Bắc Kỳ Thể Thao ...

Tập phóng sự đầu tiên của ông là tập Trong làng chạy in trên báo Ngày Nay từ số 3 đến số 13 năm 1935. Trong tập Nhà Văn Hiện Đại của Vũ Ngọc Phan (1943) trong phần III Những nhà viết phóng sự, Trọng Lang xếp cùng với ba tác giả là: Tam Lang, Vũ Trọng Phụng và Ngô Tất Tố. Trong phần nhận xét, Vũ Ngọc Phan viết về Trọng Lang như sau: “Trong số các nhà văn viết phóng sự gần đây, Trọng Lang có óc phê bình hơn cả. Văn ông đanh thép và sắc cạnh” (Nhà văn hiện đại tr.610- NXB Thăng Long-SG1960) Số lượng tác phẩm của Trọng Lang rất lớn. Những tác phẩm chính gồm: Hà-Nội làm than (1938), Làm dân (1942)...Năm 1954 ông di cư vào Nam và tiếp tục cộng tác với nhiều diễn đàn. Năm 1964 ông cho in Diên ...thời đại.

Trọng Lang mất ngày 29-04-1986 tại Sài Gòn. Trọng Lang góp mặt trên Người Việt với phóng sự Những tâm trạng bi thương gồm :

- Một người mẹ (số 1)
- Mồ hôi nước mắt trong thùng nước (số 4)

Khác với Trọng Lang, Nguyễn Đức Quỳnh góp mặt trên Người Việt với bút hiệu Âu Âu Thành Đô trong bài viết in trong hai số 3 và 4 Góp phần xây dựng văn nghệ. Với suy tưởng và trải nghiệm của chính bản thân mình, Nguyễn Đức Quỳnh chứng minh chủ nghĩa Mác là một ngụ thuyết. Ông viết: “Chủ nghĩa Mác đã rèn luyện môn đồ thành con người chỉ biết suy nghĩ (luận) theo có một chiều (duy vật biện chứng), chỉ biết có hành động (luật) theo có một hướng (độc tài vô sản) nên tất nhiên con người đó phải thui chột hết tình cảm. Mà con người đã không rung động thì làm gì còn có tính chất ... con người nữa (...) Hậu quả tất nhiên của nền Triết học duy lý khiến cưỡng ấy phải là một chế độ chính trị xu thời, tiền hậu bất nhất, luôn luôn bẻ queo thực tế khách quan đi cốt sao cho phù hợp với chủ quan lệch lạc của mình.”

Nguyễn Đức Quỳnh sinh ngày 23-11-1909 tại làng Trà Bồ, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Mất ngày 21-06-1974 tại Sài Gòn. Từ những năm 1930 Nguyễn Đức Quỳnh đã cộng tác với các báo, nhưng đáng chú ý nhất là tạp chí Văn Mới và sự hình thành nhóm Hàn-Thuyên với góp mặt của; Trương Tửu Nguyễn Bách Khoa, Lê Văn Siêu, Nguyễn Tế Mỹ, Đặng Thai Mai, Đào Duy Anh, Phạm Ngọc Khuê, Lương Đức Thiệp ... Ông đã biên soạn nhiều sách lịch sử như: Gốc tích loài người (1943), Đời sống thái cổ (1942), Tây phương cổ sử (1944), Lịch sử thế giới (1944). Trong hai năm 1941 và 1942 ông cho ra đời bộ ba tiểu thuyết: Thăng Cu So, Thăng Phương, Thăng Kinh. Năm 1946 ông ra chiến khu và hoạt động tại Thanh Hóa. Năm 1952 ông vào Hà-Nội rồi Sài Gòn làm tuần báo Đời Mới của Trần Văn Ân, trên báo Đời Mới ông cho in: Làm lại cuộc đời với bút hiệu Hà Việt Phương. Năm 1957, nhà xuất bản Quan Điểm cho in cuốn tâm bút Ai Có Qua Cầu với bút hiệu Hoài Đồng Vọng. Vào những năm 60 ông sinh hoạt với những người trẻ ở Đạm Trường Viễn Kiến, ông còn viết nhiều tác phẩm in trên nhật báo Tin Sáng của Lý Đại Nguyên.

Mai Thảo viết về Nguyễn Đức Quỳnh: “(...)Trong cái đám hai trăm đại biểu từ khắp nơi đeo bạc đà, vượt tiêu thổ, về họp mặt dưới những chùm hoa gạo đỏ thắm trên mái đình làng Quần Tín, người Hàn Thuyên gần đủ mặt, chỉ thiếu Lê Văn Siêu (...) Đã ngót ba mươi năm. Tôi còn như đang nhìn thấy anh đến. Tráng kiện, mạnh mẽ. Khuôn mặt rám nắng, vàng trán mênh mông. Cái nhìn sáng và sắc, chém đỉnh chặt sắt (...) và nụ cười, nụ cười thân yêu bè bạn sau này không bao giờ quên của cả một lớp người văn nghệ trẻ tuổi ở miền Nam, anh Nguyễn Đức Quỳnh tức khắc là “người” của đám người viết mới như tôi trong đại hội. Bên cạnh một Trương Tửu lè phè, xập xệ, một Đặng Thai Mai nhợt nhạt đau yếu, anh là khuôn mặt sống động và nghệ sỹ nhất của nhóm Hàn-Thuyên chúng tôi thấy mặt lần đầu (...) Họp mặt Quần Tín cũng là một chia lìa. Những người Mác-xít, chưa ra mặt hẳn, đã muốn áp đặt đường lối chính trị của họ vào hội thảo văn học (...) Trên bàn chủ tịch đoàn, Nguyễn Đức Quỳnh là người duy nhất đánh phá đường hoàng vào sự trầm trọng lệch lạc này (...)” (III)

Thanh Tâm Tuyền viết về Nguyễn Đức Quỳnh: “Cùng với ‘Những Ngày Thơ Âu’ của Nguyên Hồng, Thăng Kinh là quyển tiểu thuyết quan trọng đối với tôi. Đó là quyển sách đã vỡ lòng, đã mở mắt, đã đưa tôi vào đời. Tôi đã ném mùi súng sướng và vị đắng cay khi đọc quyển sách ấy. Tôi đã gặp một ngọn lửa đốt cháy tôi – ngọn lửa của đời sống. Tôi không phải là người của một vài cuốn sách. Trước và sau khi đọc ‘Thăng Kinh’, ‘Những Ngày Thơ Âu’, tôi đã đọc hầu hết tiểu thuyết Việt Nam, tôi hiểu được giá trị, tôi cảm được cái hay của nhiều tác giả khác, nhưng chỉ có hai tác giả Nguyễn Đức Quỳnh và Nguyên Hồng gây được ở tôi lòng ngưỡng mộ. Tôi không nói yêu, không nói phục, tôi nói ngưỡng mộ. Văn chương phát sinh từ lòng ngưỡng mộ. Hết lòng ngưỡng mộ, hết văn chương. Kể được ngưỡng

mộ chưa chắc đã sung sướng bằng kẻ ngưỡng mộ. Nên tôi không bao giờ quên ơn người đã khơi dậy lòng ngưỡng mộ nơi tôi.”

Hôm nay thì tôi hiểu: thơ mở một cõi ngoài cho người ta sống và tiểu thuyết mở chính cõi này cho người ta sống. Tiểu thuyết là mối hạnh phúc đau đớn anh nhận được, mở cho anh cửa ngõ trần gian nơi anh đắm đuối thèm khát tới. Anh sẽ vẫn còn sống được khi anh còn say sưa với những quyển tiểu thuyết như tôi đã say sưa Thăng Kinh. Mọi quyển tiểu thuyết lớn lao đều mở rộng lối để đón người, Những người phải sống.” (III)

Sự góp mặt của Trọng Lang và Nguyễn Đức Quỳnh trên báo Người Việt, diễn đàn của những người viết trẻ vào thời điểm khởi đầu của họ (1955) và ghi nhận về các tác giả và tác phẩm tiên chiến này cho thấy: dòng văn học Việt Nam trước 1945 vẫn được tiếp cận, không phải chỉ ở thời kỳ này mà thơ của Nguyễn Đình Thi và Huy Cận trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp cũng được nói tới. Đây là sự tiếp cận với cái tiền phong, với cái mới. Đồng thời nó nói lên tính liên tục của văn học nghệ thuật miền Nam: dòng chảy của văn học nghệ thuật không bao giờ ngừng, không thể bị cắt đứt, hay phủ nhận. Tính liên tục ấy phải được hiểu rằng cái mới, tinh thần tiên phong phải được nuôi dưỡng và đương nhiên phủ nhận cái cũ lạc hậu, cái cũ xác chết. Văn học nghệ thuật đích thực bao giờ cũng kêu đòi cái mới, cái tiến bộ.

B. Thời điểm 1955

Tại miền Nam, khoảng một năm sau khi đất nước bị chia hai. Trong khi Thanh Tâm Tuyền và những người bạn xuất hiện trên báo Người Việt ở Sài Gòn. Tại Huế, có tờ Văn Nghệ Mới, Nguyễn Văn Xuân đã cho in trọn bài luận thuyết Xây dựng một nền văn nghệ hiện thực dân chủ tiên bộ, cùng với truyện ngắn, truyện dài Đất Ô Châu, Trần Lê Nguyễn viết Báo Thời Đại. Cũng tại Huế vào thời điểm này còn có tờ Mùa Lúa Mới với thơ của Đỗ Tấn và văn của Võ Phiến với Chữ Tình, Người Tù. Những tác giả này, bằng những tác phẩm của mình đã lên tiếng như một chọn lựa. Người từ miền Bắc vào, người từ hàng ngũ bên kia bước qua bên này, người chọn lựa ở lại, người từ nước ngoài trở về ... tất cả đều đã phải trải qua những chọn lựa khó khăn. Nhìn lại hai mươi năm văn nghệ miền Nam với những thành quả nó để lại rồi nhìn từ khởi điểm của nó, chúng ta thấy rằng đó là thành quả của lựa chọn: lựa chọn tự do. Không có tự do thì không thể có sáng tạo. Không có sáng tạo thì không có văn học nghệ thuật. Có tự do sáng tạo mà chúng ta đã có được những tác giả có bản sắc riêng và những tác phẩm giá trị.

Có một điều cần lưu ý ở đây: sự lựa chọn tự do không phải chỉ dành riêng cho những người từ miền Bắc di cư vào Nam, sự lựa chọn đó còn là sự lựa chọn ở lại miền tự do của những người như Bình Nguyên Lộc, Hồ Hữu Tường, Sơn Nam, Võ Hồng, Phan Du ...

Còn tại miền Bắc, quân đội Việt Minh tiếp quản Hà Nội, chính quyền cộng sản kiểm soát toàn miền Bắc. Hà Nội có một hội tụ: những văn nghệ sỹ đi kháng chiến trở về như Tô Hoài, Tú Mỡ, Phan Khôi, Nguyễn Đình Thi, Quang Dũng, Hữu Loan ... Những người đã ở hay về tề từ trước năm 1954 như Sao Mai, Ngọc Giao, Hoàng Dương, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Tiến Chung, Hoàng Công Khanh. Những người tập kết từ miền Nam ra như Nguyễn Bính, Vũ Anh Khanh, Đoàn Giỏi, Trang Thế Hy, Xuân Vũ ...

Vào thời điểm 1955, tại Hà Nội cũng đã có những lên tiếng về tự do sáng tác, sang đầu năm 1956 Giai Phẩm Mùa Xuân ra đời, Hoàng Cầm cho in bài thơ Nhất định thắng của Trần Dần, giai phẩm bị tịch thu, Hội văn tổ chức phê bình và lên án Trần Dần và tác giả Nhất định thắng bị bắt giam tại Hòa Lò, Hà Nội.

Tháng 8 - 1956 Giai phẩm mùa thu I. Sau đó ra thêm hai tập.

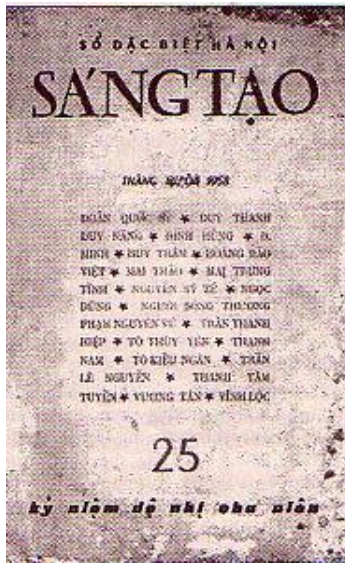
Tháng 9 - 1956 báo Nhân Văn ra số 1, do Phan Khôi làm chủ nhiệm, Trần Duy làm thư ký tòa soạn, Minh Đức xuất bản, ban biên tập gồm: Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, Lê Đạt, Hoàng Cầm.

Ngoài ra còn có những diễn đàn khác như Đất Mới, Trăm Hoa, và một thời gian ngắn tuần báo Văn Nghệ cũng góp phần vào công cuộc đổi mới văn học nghệ thuật. Ở chính thời điểm này

văn học đã có được những tác phẩm giá trị về nghệ thuật cũng như tính tiên phong. Bên cạnh Phan Khôi, Hoàng Cầm ... những tên tuổi mới đã xuất hiện như Trần Dần, Phùng Cung, Lê Đạt, Bùi Quang Đoài, Phùng Quán, Hoàng Tích Linh.

Ngày 09 tháng 12 năm 1956 chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh về chế độ báo chí. Ngày 15 tháng 12 Ủy ban hành chính Hà-nội ra thông báo đóng cửa báo Nhân Văn. Báo Nhân Văn chỉ ra được 5 số, Tự do báo chí, tự do sáng tác đã bị chặn đứng. Một thời kỳ đã kết thúc.

C. Tạp chí Sáng Tạo



Tạp chí Sáng Tạo do Mai Thảo chủ trương biên tập số 1 phát hành tháng 10 năm 1956 gần một năm sau khi tuần báo Người Việt đình bản, trên diễn đàn này chúng ta gặp lại Thanh Tâm Tuyên với những người bạn cũ và thêm nhiều bạn mới. Sáng Tạo ra được 31 số thì tạm ngưng đó là tháng 9 năm 1959. Đây là một diễn đàn mở rộng. Bên cạnh những người viết mới còn có những tên tuổi của tiền chiến như: Vũ Hoàng Chương, Lê Văn Siêu, Đinh Hùng. Các nhà giáo nhà nghiên cứu như Phan Văn Dật, Nguyễn Đình Hòa, Nguyễn Duy Diễm, Lê Thương, Lê Cao Phan, Nguyễn Sa, Nguyễn Phụng, Lữ Hồ. Những người đã viết từ trước năm 1956 như Vũ Khắc Khoan, Tô Kiều Ngân, Mặc Đỗ, Tạ Tỵ, Vĩnh Lộc, Thanh Nam ...

Tạp chí Sáng Tạo bộ mới số 1 phát hành tháng 07 năm 1960 - Diễn Đàn Văn Học Nghệ Thuật Hôm Nay - do Mai Thảo làm chủ nhiệm với bộ biên tập gồm: Doãn Quốc Sỹ, Duy Thanh, Mai Thảo, Nguyễn Sĩ Tế, Thái Tuấn, Thanh Tâm Tuyên, Tô Thùy Yên, Trần Thanh Hiệp. Ngoài bộ biên tập còn có sự góp mặt của 15 tác giả khác như: Thạch Chương, Sao Trên Rừng (Nguyễn Đức Sơn), Thảo Trường, Trần Thy Nhã Ca, Viên Linh, Trần Dạ Từ, Dương Nghiễm Mậu ... Tạp chí Sáng Tạo bộ mới ra tới số 7 tháng 09 năm 1961 thì đình bản.

Lời nói đầu của Sáng Tạo bộ mới viết: “Chúng tôi là những người viết trẻ, tự nhận chưa làm được gì cho nghệ thuật. Sự chân thành chúng tôi mang đến cho nghệ thuật là ý thức chúng tôi. Sáng Tạo từ nay sẽ đặt hẳn mình là diễn đàn là ý thức của những người viết trẻ, của văn nghệ mới. Trên “diễn đàn văn học nghệ thuật hôm nay” dựng lại, chúng ta, người viết và người đọc cùng tìm trả lời cho câu hỏi: thế nào là nghệ thuật hôm nay?”

Trong bảy số báo có đăng tải 4 cuộc thảo luận bàn tròn chủ yếu là của bộ biên tập:

- Số 1 - Nhân vật tiểu thuyết
- Số 2 - Nói chuyện về thơ bây giờ

- Số 3 - Ngôn ngữ mới trong hội họa
- Số 4 - Nhìn lại văn nghệ tiền chiến ở Việt Nam

Trong bốn cuộc thảo luận về nghệ thuật thì ba cuộc thảo luận về văn chương, một cuộc thảo luận về hội họa, còn các ngành nghệ thuật khác như: điêu khắc, kiến trúc, điện ảnh, sân khấu, âm nhạc chưa thấy được bàn đến. Trong cuộc thảo luận Nhìn lại văn nghệ tiền chiến ở Việt Nam đã có một kết luận như sau:

“Chúng ta đã làm một cuộc thanh toán với thể hệ trước qua việc xác định lại giá trị đích thực của văn chương nghệ thuật tiền chiến. Chúng ta đã kiểm điểm, nhận định, trong ý thức hoàn toàn chủ quan của thể hệ chúng ta với mục đích và hy vọng duy nhất: Cùng với nhau rũ bỏ những ám ảnh quá khứ để nhìn vào thực trạng, khơi mở một con đường tiến tới trước nghệ thuật hôm nay. Có thể thể hệ sau chúng ta sẽ làm lại hành động này với thể hệ chúng ta. Và chúng ta chấp nhận đó là một hành động tất yếu cho sự tiến hóa của nghệ thuật. Nghệ thuật là một vận động biện chứng của hủy diệt và sáng tạo.”

Qua bốn cuộc thảo luận bàn tròn cùng những quan điểm đã được trình bày trên Tạp chí Sáng Tạo, chúng ta thấy chỉ có một điểm chung cho bộ biên tập và những người cộng tác là: sáng tạo và đổi mới không ngừng. Sáng tạo và đổi mới như thế nào là thuộc về người sáng tác. Cho nên ngay trên diễn đàn Sáng Tạo, Thanh Tâm Tuyền trong bài viết Nhân nghĩ về hội họa (Sáng Tạo số 26 tháng 11 năm 1958) đã viết: “Tôi nói thẳng là tôi không đồng ý về hội họa trừu tượng vô hình dung ...” Ngay sau đó (Sáng Tạo số 27 tháng 12 năm 1958) Tô Thùy Yên lên tiếng bênh vực hội họa trừu tượng trong bài viết Để phục hồi hội họa trừu tượng. Tô Thùy Yên viết: “Tôi đứng lên giải vây cho hội họa trừu tượng, đồng thời đánh phá một số quan niệm sai lầm về văn nghệ được tung ra trong mục đích triệt hạ dễ dàng hội họa trừu tượng.”

Sau này, trong Sáng Tạo bộ mới số 3 tháng 09 năm 1960, Thanh Tâm Tuyền cho in bài Nghệ Thuật Đen. Sau đây là đoạn kết của bài viết: “Gọi nghệ thuật đen không phải vì những ý nghĩa suy đồi lảm lạc người ta gán cho nó. Gọi nghệ thuật đen bởi liên tưởng tới một màu da của nhân loại, màu da đen. Đen có thể là một màu đẹp như đêm tối trong suốt vô cùng, như tròng mắt của người thiếu nữ Á đông. Nhưng hiện thời đen tiêu biểu hết nghĩa cho một cảnh ngộ trong ấy con người chịu đựng sức nặng đè ép của sự vật của một trật tự mấy nghìn đời. “Cớ sao tôi xanh, tôi sần và tôi đen đến thế.” Hãy nghe tiếng kêu ấy của chàng nhạc sĩ da đen, hãy nghe những âm thanh đổ vỡ lỏng chỏng hay một mối mê thiết của chàng như hình ảnh của một thế giới đục tình bi đát.

Danh từ nghệ thuật đen được tạo thành từ hình ảnh một màu da lại luôn là thân phận của người một thân phận mọi. Bởi thế nghệ thuật đen chính là nghệ thuật hôm nay.”

Trước vấn đề được Thanh Tâm Tuyền đặt ra, trong Sáng Tạo bộ mới số 5 tháng 11 năm 1960, Thạch Chương đã viết bài Giới thiệu một nhận thức siêu thực về nghệ thuật. Kết luận của bài viết, Thạch Chương gọi nghệ thuật hôm nay là nghệ thuật trắng. Ông viết: “Nghệ thuật trắng là một lối nhìn hoang sơ nhất, trinh khiết nhất và do đó cũng ghê gớm nhất. Nó chính là siêu thực đơn và thuần vậy, và phải thẳng thắn nhận định như thế.”

Sau đó trên Sáng Tạo bộ mới số 7 tháng 09 năm 1961, trong một truyện ngắn tiểu luận nhan đề Buồn vàng Dương Nghiễm Mậu lại gọi nghệ thuật hôm nay là nghệ thuật vàng. Dương Nghiễm Mậu viết: “Dù em đen và em sần, dù em trắng và em sần. Đó là em. Còn anh, anh sần và anh vàng ... Anh vàng và anh buồn em ơi.”

Tạp chí Sáng Tạo số 1 phát hành tháng 10 năm 1956 tại Sài Gòn và số cuối cùng (số 7 bộ mới) phát hành tháng 09 năm 1961, có một thời gian bị ngắt quãng, tổng cộng được 38 số. Sự có mặt của Tạp chí là một đóng góp đáng kể cho sinh hoạt văn học nghệ thuật của miền Nam, nó đã giới thiệu được những tác giả mới, những tác phẩm mới khác với thời kỳ trước.

15 năm sau, năm 1970 Nguyệt san Tân-Văn cho xuất bản Tuyển truyện Sáng-Tạo do Mai Thảo chọn và giới thiệu gồm những truyện ngắn của các tác giả: Duy Thanh, Dương Nghiễm Mậu, Mai Trung Tĩnh, Phạm Nguyên Vũ, Song Linh, Thảo Trường, Thạch Chương. Đây không phải

là những tác giả dựng lên tạp chí Sáng Tạo, mà là những tác giả đến với tạp chí. Mai Thảo đã viết bài giới thiệu cho tuyển tập này như một nhìn lại tạp chí Sáng-Tạo: “ (...) Trước sau, đối tượng của trận đánh lớn vẫn là một: phá đổ cái cũ, tạo dựng cái mới. Nói một cách khác, đó là kết thành của hoài bão và khát vọng chân thành nơi một lớp người muốn tạo dựng một nền văn học nghệ thuật của chính mình. Gọi lên đường ấy là trở lại đời sống, thoát ly quá khứ, thức tỉnh ý thức, thế nào cũng được. Điều đáng ghi nhận là lên đường ấy đã có. Có với sự có mặt của một lớp người viết mới. Tạp chí Sáng Tạo là một trong những diễn đàn đã được dự phần vào lên đường này.”

D. Thạch Chương và Duy Thanh

Trong Tuyển truyện Sáng-Tạo, Mai Thảo đã chọn truyện ngắn của hai tác giả đặc biệt, nói đặc biệt vì đó là một nhạc sỹ và một họa sỹ đã nổi tiếng:

Thạch Chương là bút hiệu của nhạc sỹ Cung Tiến, tên thật là Cung Thúc Tiến, ông sinh ngày 27 tháng 11 năm 1938 tại Hà-Nội đã sáng tác âm nhạc từ lúc còn học trung học trước khi di cư vào Nam năm 1954. Ông từng du học chuyên ngành kinh tế và một thời gian phục vụ trong quân đội. Sau năm 1975 ông định cư tại Hoa Kỳ. Ông đã dịch Hồi ký viết dưới hăm của F. Dostoievski, Một ngày trong đời Ivan Denissovitch của A.Soljenitsyne cùng nhiều truyện ngắn và thơ của nhiều tác giả nước ngoài. Ông đã cho in nhiều sáng tác và tiểu luận trên tạp chí Sáng-Tạo. Về âm nhạc có các tác phẩm nổi tiếng như: Thu vàng, Hoài cảm, Hương xưa, Mất biếc ... nhạc của Cung Tiến không phải là tầm gửi với ca từ, ông không hạ thấp và làm tầm thường âm nhạc khi phổ thơ, hơn thế nữa, Cung Tiến làm cho thơ và nhạc cùng cất cánh. Về những tác phẩm phổ thơ của Cung Tiến, chúng ta có thể nhắc đến: Thuở làm thơ yêu em của Trần Dạ Từ, Lệ đá xanh của Thanh Tâm Tuyền.

Duy Thanh sinh trưởng tại miền Bắc, ông học hội họa cùng với Ngọc Dũng ở Hà-Nội và tại đây ông đã mở cuộc triển lãm đầu tiên trước khi di cư vào Nam năm 1954. Hội họa là sinh hoạt chính của ông. Năm 1964 Duy Thanh cho xuất bản tập truyện Lốp gió. Sau năm 1975 ông sống với gia đình tại Hoa Kỳ và không còn hoạt động nghệ thuật nữa.

Thạch Chương và Duy Thanh hầu như chỉ viết trên tạp chí Sáng-Tạo. Chúng ta không thấy Thạch Chương bàn về âm nhạc và Duy Thanh không bàn về hội họa như họa sỹ Thái Tuấn. Những sáng tác văn thơ của Thạch Chương và Duy Thanh không nhiều nhưng nó mới mẻ, chính điều đó góp phần làm rõ nét thêm bản sắc riêng của tạp chí Sáng-Tạo.

E. Tạp chí Hiện đại và Tạp chí Thế kỷ hai mươi

Vào thời điểm 1960 khi tạp chí Sáng-Tạo bộ mới phát hành thì trước đó và cùng lúc có thêm hai tạp chí có khuynh hướng đổi mới xuất hiện:

1 - Tạp chí Hiện-Đại số 1 phát hành tháng 04 năm 1960 do Nguyễn Sa chủ trương biên tập ở những số đầu có sự góp mặt của bốn tác giả trong bộ biên tập tạp chí Sáng-Tạo là Duy Thanh, Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ. Tới số 4 Hiện-Đại giới thiệu ban biên tập gồm những tác giả: Đinh Hùng, Hoàng Anh Tuấn, Lưu Trung Khảo, Mạc Đổ, Nguyễn Sa, Nguyễn Duy Diễm, Nguyễn Thức, Tạ Ty, Thái Thủy, Thanh Nam, Trịnh Viết Thành.

Tạp chí Hiện-Đại ra tới số 9 tháng 12 năm 1960 thì đình bản, chính từ tạp chí này có ba nhà thơ đã được giới thiệu: Nguyễn Sa, Trần Thy Nhã Ca, Hoàng Anh Tuấn. Hiện-Đại với sự góp mặt của ba tên tuổi thời tiền chiến là: Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Bằng Bá Lân. Đa số các tác giả khác đều đã từng xuất hiện trong thập niên 1950 trên nhiều diễn đàn khác nhau từ bắc tới nam.

2 - Tạp chí Thế-Kỷ-Hai-Mươi số 1 phát hành tháng 07 năm 1960, Giám đốc Nguyễn Cao Hách, chủ trương biên tập Nguyễn Khắc Hoạch, tòa soạn gồm: Lý Hoàng Phong, Tô Thùy Yên, Trần

Lê Nguyễn.

Tạp chí Thế-Kỷ-Hai-Mươi đặc biệt có sự góp mặt của một số giáo sư đại học như: Nguyễn Khắc Hoạch, Nguyễn Văn Trung, Thanh Lăng, Nguyễn Đăng Thục, Lý Chánh Trung. Bên đó là các tên tuổi khác như nhạc sỹ Phạm Duy, họa sỹ Thái Tuấn và Nguyễn Trung, nhà phê bình điện ảnh Hà Thúc Cẩn. Có sự cộng tác của năm cây viết trong bộ biên tập của tạp chí Sáng-Tạo là: Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Sỹ Tế, Duy Thanh, Tô Thùy Yên, Doãn Quốc Sỹ. Tạp chí có sự hiện diện của nhiều cây bút độc lập như: Thảo Trường, Lôi Tam, Trường Duy, Võ Phiến, Cung Trầm Tưởng, Kiên Minh, Trần Dạ Từ, Viên Linh, Dương Nghiễm Mậu, Sao Trên Rừng (Nguyễn Đức Sơn).

Tháng 12 năm 2009
Dương Nghiễm Mậu

Chú thích :

(I) Nguyệt san Văn Nghệ Mới xuất bản tại Huế năm 1955. Nguyễn Văn Xuân cho đăng truyện ngắn, truyện dài Đất Ở Châu, Luận thuyết Xây dựng một nền văn học nghệ thuật dân chủ tiến bộ. Luận thuyết này đã in trên báo Đời Mới của Trần Văn Ân và Nguyễn Đức Quỳnh với bút hiệu Việt Hiến. Nguyễn Văn Xuân sinh năm 1921 tại làng Thanh Chiêm, Điện Bàn, Quảng Nam mất ngày 04 tháng 07 năm 2007 tại Đà-Nẵng. Tác phẩm đã xuất bản Bão rừng (1957), Khi những lưu dân trở lại (1967), Phong trào Duy Tân (1969)... Trên Văn Nghệ Mới còn in kịch dài Bão Thời Đại của Trần Lê Nguyễn, năm 1968 vở kịch được nhà Sáng Tạo xuất bản. Trần Lê Nguyễn tên thật là Nguyễn Huy Tạo, sinh ngày 04 tháng 08 năm 1924 tại Thạch Thất - Sơn Tây mất ngày 07 tháng 07 năm 1999 tại Sài Gòn.

(II) "Thềm cũ", Hà-Nội "Ơi núi rừng" đây là Thanh Tâm Tuyền nhắc đến bài Sáng mát trong như sáng năm xưa của Nguyễn Đình Thi in trên báo Văn Nghệ (1949) thời kháng chiến chống Pháp:

Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cốm mới
Cỏ mòn thơm mãi dấu chân em
Gió thổi mùa thu vào Hà-Nội
Phố dài xao xác heo may
Nắng soi ngõ vắng
Thềm cũ lối ra đi
Lá rụng đầy
Ôi nắng dội chan hòa
Nao nao trời biếc
Gió đượm hương đồng rộng
Hương rừng chiến khu
Tháp Rùa lim dim nhìn nắng
Những cánh chim non
Trông vời nghìn nẻo
Mây trắng nổi toai bời
Mấy đũa giết người
Hung hăng một buổi
Tháng tám về rồi đây
Hôm nay nghìn năm gió thổi
Trời muôn xưa
Đàn con hè phố
Môi hớn hở
Ngày hẹn đến rồi
Các anh ngậm cười bãi núi ven sông

Hà-Nội
Ở núi rừng .

Về sau trong Người chiến sĩ NXB Văn học, Hà-nội 1960 có in bài Đất Nước, trong đó có một vài câu và một số chữ là ở trong bài Sáng mát trong như sáng năm xưa.

(III) Ngôi sao Hàn Thuyên của Mai Thảo và Anh đã đọc Thằng Kinh chưa của Thanh Tâm Tuyền - Tập san VĂN số: Vĩnh biệt Nguyễn Đức Quỳnh tháng 06 năm 1974 Sài gòn

(IV) Đoàn Người Hóa Khí của D.Q.S sau này có in lại trên Sáng Tạo số 30 và 31.

(V) Theo Xuân Trường trong bài Một nhận định về Quách Thoại - Văn Nghệ số 24 tháng 6/7 năm 1963 Sài gòn.

(VI) Nỗi buồn trong thơ hôm nay của Thanh Tâm Tuyền - Sáng Tạo số 31 tháng 09/1959 Sài gòn

(VII) Những kỷ niệm về Quách Thoại - Sáng Tạo số 5 bộ mới tháng 11/1960 Sài gòn.

Hai nhánh sông tâm hồn trong thơ Hồ Dzếnh

Nước Trung Hoa mênh mông, Nước Trung Hoa cổ cũ. Nước Trung Hoa ngựa hồng nghìn dặm mỗi, đường vào Tây Xuyên Ba Thục khó hơn đường lên trời, những người con gái thắt bím bó chân sống như hình bóng, những triền núi lớn thật lớn, những con sông dài thật dài, nước Trung Hoa quê hương của Lý Bạch phóng túng hình hài, của Đỗ Phủ đau buồn thân thể, nước Trung Hoa đó, như một thế giới, nội địa cũng đảo hoang, biên giới đã lưu đày, đi suốt một đời người đi không hết nước, nước nghèo quá đói, người triệu triệu thừa, khí trời thật nhiều mà thở không vào, đất đai muôn dặm mà ở không được, những xum xuê tươi tốt tràn đầy ở đâu chẳng thấy, chỉ cái khó, cái đói, cái cực, đời đời kiếp kiếp thắt bó từng vòng rút buốt, nước Trung Hoa đó của thâm cung bí sử, giặc giã không dứt, thiên tai, hạn hán tàn phá không ngừng. Và một buổi chiều kia rầu rầu úa héo trên thiêm thiếp quê cũ chẳng dung người, quê cũ đã phụ rồi, vòm trời mây trắng bao la của nước Trung Hoa lạ lùng đã in cái hình bóng bé nhỏ li ti di động của một người Hoa nghèo khổ bỏ một nước Trung Hoa nghèo khổ mà lên đường. Đi qua Vân Nam. Đi từ Dương Tử đi tới Hồng Hà. Đi từ Trung Hoa đi tới Việt Nam. Và từ cuộc gặp gỡ trong mưa sinh buồn rầu trên đất khách giữa một người Hoa bán thuốc dạo và một cô lái đò Việt trên một dòng sông Thanh Hóa, đã có một gã làm thơ Hồ Dzếnh Minh Hương. Nước Trung Hoa, không thấy, không biết, hiện hữu mơ hồ mà ám ảnh dằng dặc, đã trở thành một thứ hậu trường tâm hồn Hồ Dzếnh:

*Tôi nhớ màu quê khát gió quê
Mây ơi ngưng cánh đợi ta về
Cho ta trông lại từng xanh thắm
Ngâm lại bài thơ Phương Thảo Thê*

*Liều Động Đình thơm chuyện hảo cầu
Tóc thê che mượt gái Tô Châu
Bâng khuâng trắng sáng trời Viên Hán
Một giải Giang Nam nước rợn màu*

*Ai hát mà nay gió vẫn thơm
Ai đau, non nước nảo âm đờn
Chiêu Quân nếu mãi người cung Hán
Thi tứ tìm đâu nét tử hờn.*

Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa. Hai dòng máu Hoa Việt trộn lẫn trong huyết quản nhà thơ Minh Hương mở thành hai chân trời. Chế Lan Viên.

Ta nằm ở giữa cân trời đất

Khối ngọc chưa nghiêng một hướng nào

Nhưng Hồ Dzếnh thì khối ngọc đa nghiêng một hướng nào. Khối ngọc họ Chế là cái khối ngọc của ý thức dành cho nó cái quyền tự do chưa gia nhập, chưa tả hữu. Khối ngọc Hồ Dzếnh là cái khối ngọc tình cảm, vào thơ Xuân Diệu thành những dấu chân đam mê chạy theo sức xô đẩy vũ bão của tâm hồn. Thơ Hồ Dzếnh bởi vậy đã hình thành từ một lựa chọn quê hương. Người Minh Hương họ Hồ đã lựa chọn quê ngoại Việt Nam. Đến đây và ở lại. Đến đây và thương yêu. Từ tập truyện ngắn đầu tay Chân Trời Cũ đến tập thơ đầu tay Quê Ngoại, Hồ Dzếnh đã đi một chặng đường dài từ những hậu trường của kỷ niệm và quá khứ phảng phất tiềm thức u minh ra những tiền trường là đất nước Việt Nam nhận làm quê hương mới có. Tôi nghĩ trong cõi thơ tiền chiến, đó là hiện tượng đôn hậu và ngọt ngào nhất của một lựa chọn trở thành, bắt nguồn từ lựa chọn một ngã đường, một mảnh đất, một vòm trời. Không phải để truy kích một ngọn suối bản để xem phát xuất từ mạch đất ngầm nào, mà để theo dòng suối chảy đi vào những khu vực đời sống phì nhiêu mà dòng suối băng qua trong tuần tự mở rộng thành sông, lớn dần thành biển. Có quê hương, Hồ Dzếnh có tất cả. Người cha xưa gánh thuổng dạo đi lang thang qua những xóm thôn Việt Nam xa lạ, tuổi đã tịch liêu chỉ có thể mơ về quá khứ. Nhưng người con trẻ trung chừng ấy, như con chim ra ràng mới cất cánh bay lên, thì ám ảnh tiền thân không thể mãi mãi là giam nhốt siêu hình. Con chim đã bay lên. Bay vào nắng trong veo. Bay vào Việt Nam đón nhận. Con người không lựa chọn là con người của những chấp nhận thỏa hiệp. Nhưng con người có lựa chọn là con người của những khẳng định tuyệt đối.

Tô Châu lớp lớp phù kiều

Trăng đêm Dương Tử mây chiều Giang Nam

Rạc rời vỏ ngựa quá quan

Cờ treo ý cũ mây dàn mộng xưa

Hồi tưởng về Trung Hoa mịt mù ngàn dặm, thơ chỉ đẹp cái đẹp náo nùng của những vang vọng cùng thẳm. Lạnh tanh và xa vắng. Đó là những đường dây ràng buộc nhào mỗi cuối cùng của tâm linh lặn chìm, tưởng khép. Đóng mà kỳ thực đã mở ra những cửa ngõ mới cho hồn. Tôi yêu tập thơ Quê Ngoại là vì thế. Ở điểm quá khứ đã bị lừa gạt, quá khứ mang tên Trung Hoa, hiện tại được xây cất hiện tại mang tên Việt Nam. Ở điểm một đêm đã tàn rụng, đêm Trung Hoa lung linh ma quái. Cho ngày Việt Nam thay thế, ngày Việt Nam vang vang những tiếng đời nhảy múa quanh mình. Hãy tìm đọc lại Quê Ngoại. Nếu yêu Hồ Dzếnh. Cái trẻ thơ, cái vụng dại, đầy đặc trong thiên đường ca quê mới Việt Nam này lại chính là cái lớn lao của Hồ Dzếnh có đời mình bằng đã có Việt Nam. Quê Ngoại xanh ngắt màu hy vọng, hồng tươi dáng hạnh phúc, thắm thiết những tình ý đợi chờ, trong suốt một tình yêu vô điều kiện. Quê Ngoại là một tiếng thơ tạ ơn đời. Quê Ngoại là một chiếc khay vàng hiến dâng Mẹ hiền một niềm biết ơn trang trọng. Trong cái thế giới ngọt ngào bít bùng tức thờ của những tháp ngà tiền chiến như những phần mộ lạnh buốt, thơ Hồ Dzếnh, hơn cả Xuân Diệu, và theo tôi, hơn cả Nguyễn Bính đầu mùa, là những xâu chuỗi lạnh lạnh nhạc vàng gõ vui từng nhịp nắng mênh mông dài tràn thanh niên. Tôi nhớ mãi cái cảm giác của tôi, hai mươi tuổi, tiếp nhận một tập thơ còn trẻ hơn hồn mình phơi phới, một tập thơ cô non lá lá, một tập thơ cốm mới đậm đà, một tập thơ mười tám cái xuân đầy, đọc mỗi câu tưởng như có mặt có đường ngọt ngào trong cổ. Thơ Hồ Dzếnh tiền chiến là cái trạng thái ngu ngơ trong suốt nhất của một tiếng thơ mà chủ đề là tình yêu và ánh sáng. Ngó thật kỹ, Quê Ngoại không hẳn một nếp nhăn. Nó là một khối lạc quan và tin tưởng toàn vẹn. Với tôi, một tập thơ đầu tay phải như thế. Phải có cái khí thế vạm vỡ của sống như một lao vào, cái vóc dáng của yêu như một kín trùm dào dạt.

Dấu cho lở cả thiên đường

Thì xin một nửa tấc vườn vắng hoa.

Hồ Dzếnh không làm thơ đâu. Thơ đã có, đâu đó, trên mây trên cành, trong nước chảy dưới chân cầu, trong không khí thơ một thuyền đầy thơ một chuyến lớn chở Hồ Dzếnh đi vào thênh thang tiếng nói. Một người không phải là thi sĩ. Tất cả tuổi trẻ là thi sĩ. Mắt ngó mê, tay nâng niu, hồn đợi chờ, trái tim xao xuyên, mạch máu nhẩy đập, chim ngủ trong hoa, hoa nở trong mặt trời, tứ phía đều trăng sao. *Thì xin một nửa tấc vườn vắng hoa.* Thế đâu là xin. Có gì mà xin. Thế là cho. Cho hết cả mùa hồn, gặt hái được nhánh nào cho luôn nhánh ấy, cuộng quệt thơ ngây và hồn hậu sống. Thế là thơ đầu đời, thế là sức khỏe của thơ có, thế là thơ không yếu đau. Rồi ý thức tới. Chứ sao. Nhưng cái gì tạo thành ý thức sinh động hồng hào, cái ý thức chúng ta cần phải có không phải như một trở lực mà một động lực sống, nếu không là những va chạm tình cảm bàng hoàng dội dập lại thành những cực điểm hân hoan hay thành những tán cùng bi đát?

*Trời đẹp như trời mới sáng gương
Chim ca ánh sáng rộn ven tường
Có ai bên cửa ngời hong tóc
Cho chảy lan thành một suối hương*

Trời, đất, chim ca, ánh sáng, mái tóc, trở thành một suối hương. Tạo vật trong thơ Hồ Dzếnh, cuộc đời vào thơ Hồ Dzếnh biến hình từ một chủ quan không bao giờ chối từ cái quyền uy tỏa chiếu rạng ngời và đổi thay lộng lẫy của nó. Như thế là chủ động. Như thế là sáng tạo. Như thế là thơ. Thơ là mặt trời của đời người Hồ Dzếnh. Những năm tháng sau này, tiếng thơ Hồ Dzếnh không còn gì đáng nói. Tim trú ẩn trong tôn giáo như Hàn Mặc Tử:

*Thuở nhỏ tôi run lúc đổ chiều
Gió về trút lá trái cô liêu
Đường xa thấp thoáng hàng mây trắng
Gối lè giường đơn lạnh rất nhiều*

*Đèn chụp chao xanh dội chữ vàng
Tay lùa tóc biếc, mắt theo trăng
Tôi mơ khi học bài luân lý
Cửa hé nhà ai sáng dịu dàng*

*Chữ nở ra hoa sách có người
Tay nâng nâng sách ép lên môi
Rùng mình khi thấy hồn thay khác
Ngây cả giang sơn, đắm cả trời*

*Núi dựng cô đơn buồn xếp hàng
Ngõ chiều mây trắng phát phơ tang
Ái ân khôn lập hồn sa mạc
Vĩnh viễn thế lương lạnh bóng tàn*

*Chiều buốt linh hồn, tôi đến đây
Nguyện cầu tháng giá chấp hai tay
Run run mắt lệ nhìn xa thẳm
Mơ lửa trời thiêng cháy vụn ngày*

Để làm gì sự đổi khác đó, vươn tới đó, hiểu biết đó? Hồ Dzếnh hóa thân và Hồ Dzếnh đã chết trong cái lớn giả tạo và vô ích lắm. Nhân gian yêu thi sĩ như một loài chim lạ. Đậu xuống bất cứ một chỗ đậu nào, thi sĩ chết. Tạo dựng một thế giới bàng hoàng và lộng lẫy. Đó là sự tôi hiểu về

ý thức thi sĩ về sự cần có thơ cho đời sống chúng ta. Khi nhìn thấy Hồ Dzếnh đã sống và Hồ Dzếnh đã chết.

(Trích Văn, số đặc biệt về Hồ Dzếnh, NXB Nguyễn Đình Vượng, Sài Gòn, 1973)

Ngọn hải đăng mù

Khúc bãi hình cánh cung. Phần cuối bãi đá ngầm lờm chờm khuất lấp với xóm chài Merang bởi một ngọn núi trọc kéo dài từ những cánh rừng dừa lá ngọn tới sát chân sóng. Ngọn hải đăng chót vót trên đỉnh núi trần trụi.

Đó là một ngọn hải đăng mù. Đúng vậy. Một ngọn hải đăng mù. Trên chóp đỉnh bốn cây cột sắt cao ngất, nằm giữa tầm bay của gió và in hình vào nền trời xanh biếc của đảo, ngọn hải đăng đêm ngày vẫn đứng đó, uy nghi và khả kính như một vị thần hiền trước một hải phận dữ, trong cái vị thế dẫn đường giữa sương mù và giông bão cho tàu thuyền đêm tối đi qua. Có điều là tự bao lâu rồi, ngọn đèn biển ấy không còn sáng nữa. Nó đã mù.

Mỗi lần từ hòn đảo tạm trú của chàng và đồng bào chàng đi vòng cánh bãi sang làng Merang để tìm một phiến cỏ óng mượt cho giấc ngủ lữ thứ quên đời dưới những bóng dừa, Hiền thường đứng lại một lát dưới chân ngọn núi. Nơi đây, bóng đá thả xuống, mặt cát mát đầm. Tựa lưng vào vách núi, cõi lòng như đã chết đã lặng vì quê hương nghìn trùng cách biệt, Hiền ném cái nhìn trở về trại tạm trú san sát những dãy lều vải động ảnh dưới nắng đảo dữ dội, theo dọc khúc bãi nơi hàng chục con thuyền Việt Nam đưa người tị nạn vượt biển đã chấm dứt cuộc hành trình dưng cảm, bây giờ thân thể tan nát vì sóng đảo nhồi dập, cát bãi đã chôn vùi dần, từ chiếc một, tới ngang thân. Chàng nhìn tiếp ra khơi xa, tới rợn ngời khúc biển trước mặt, mặt biển bên trên thường ngày phẳng lặng mà kỳ thực hung hiểm vô chừng với những cồn cát bồi lở bất thường theo nhịp quấy động không ngừng của những luồng nước ngầm chảy xiết

Rồi, xoay ngược tầm mắt, Hiền nhìn lên ngọn hải đăng cao. Suốt một giải bãi Merang, địa hình phẳng thấp với những cánh rừng dừa tầm tắp bất tận chỉ có ngọn núi trọc sừng sững đối diện với khúc biển hung hiểm là chiều cao và tầm xa duy nhất, ngọn hải đăng chót vót trên đỉnh núi trần trụi vậy là một ngọn hải đăng cần. Và nó đã được xây cất ở cái vị trí cái địa thế lý tưởng nhất của một ngọn đèn biển.

Nhưng tại sao nó mù? Hàng hải thế giới từ phía Tây ngược đường lên Hương Cảng, Đông Kinh, từ phía Đông xuôi đường xuống Úc Châu và Nam Dương quần đảo, mùa hải trình này đã mượn một con đường biển khác? Tàu thuyền thế giới bây giờ trang bị hiện đại đã có điện tử và quang tuyến đưa đường không còn phải trông chờ vào giòng ánh sáng dẫn đạo của ngọn đèn biển trên đỉnh núi trọc? Tám bản đồ những nước Á Châu có hải phận ở vùng biển Thái Bình, quà tặng để lại của người chủ lều cũ đã đi Mỹ ngày Hiền mới tới đảo, những vụ chìm đắm, mắc cạn vì đêm tối sương mù và giông bão vì đá ngầm sóng ngầm xây đến cho những thương thuyền tối tân nhất vẫn thường thấy loan tin trên báo chí, khí tượng học tới bây giờ vẫn phải thường trực đóng vai trò báo động nhất là cho tàu thuyền trên biển - đại dương vẫn muôn đời là một nắm mờ - cho Hiền biết hai giả thuyết nảy sinh trong đầu chàng về sự đã hết cần thiết của ngọn hải đăng mù đều không phải là sự thật. Vậy tại sao nó còn đứng đó mà đã hết chiếu sáng? Tại sao nó đã mù? Và mù tự bao giờ?

Một buổi chiều, sau giấc ngủ giữa rừng dừa đầy mắt, Hiền đi vào xóm chài Merang, đã hỏi chuyện một ngư phủ Mã già và một em nhỏ Mã đang cời trần xối nước ào ào bên cạnh một thành giếng trong vát. Về sự tắt lạng của ngọn hải đăng mù. Bằng nhưng cử chỉ hỗ trợ cho một thứ tiếng Mã đơn giản nhưng hiểu nỗi chàng đã học được ít nhiều qua những lần chào hỏi và bắt chuyện với đám người Mã tươi tỉnh cời mở bên làng Merang, chàng đã hỏi có phải ngọn hải đăng chỉ mới bị mất ánh sáng trong thời gian gần đây và nó sẽ một ngày được Sở Khí Tượng địa phương phái người tới sửa chữa? Ông lão và đứa em nhỏ Mã Lai đều cười, lắc đầu, không

phải. Họ nói ngọn hải đăng có đó đã tự nhiều năm không thể nhớ. Cũng từ nhiều năm nó đã mù. Và không nghe thấy chuyện nó một ngày có chuyên viên làm cho sáng lại.

Hiển đành chịu không đặt thêm những câu hỏi những giả thuyết khác về sự mù lòa của ngọn hải đăng. Nhưng mỗi lần từ đảo tạm trú sang làng Merang, tới ngang ngọn núi trọc nhìn quanh, chàng thấy những mục đồng mã chẵn dê trên sườn núi, bày dê tan đàn lang thang, những đứa nhỏ đen cháy ngồi vắt vẻo trên những tảng đá vừa đùa nghịch vừa ca hát, những ngọn cỏ bông phất phất lồng nắng, những thân dừa thẳng vút và lá bay theo gió ở xa xa, rồi chàng nhìn những đò thuyền tị nạn chôn vùi vì đã hoàn tất hành trình trên cái nghĩa địa cồn bãi lộ thiên của chúng, rồi chàng nhìn những con dã tràng mài miết mất hút trên mặt bãi phẳng mịn, những lớp sóng cuộn cao và đỏ xuống trắng xóa trong âm động bỗng trầm và liên tục muôn đời của biển, chàng thấy hết thảy đều thuận hợp, những ngọn cỏ bông nắng, những hàng dừa múa gió, những đò thuyền ngủ yên vĩnh viễn sau khi đã làm xong cái nhiệm vụ đưa người được giao phó, thảy đều thuận hợp, dã tràng chạy, sóng cuộn rượt, biển và cái âm thanh muôn đời không dứt của biển, thảy đều thuận hợp. Riêng chỉ ngọn hải đăng, ngọn hải đăng mù trên đỉnh núi trọc là không. Sự mù lòa của nó là một nghịch lý. Một nghịch lý lạ lùng và khó hiểu.

Chỉ mãi về sau này, lúc rời đảo tạm trú, Hiển mới tìm được một giải đáp cho cái hiện tượng nghịch lý của ngọn hải đăng mù. Cũng không chắc là giải đáp của Hiển có thật đúng không. Thi thể còn ướt đầm nước biển của người cha đứa nhỏ - đứa nhỏ sau đó được toàn trại nhận làm cha đỡ đầu - hai mươi bốn giờ sau nhà chức trách Mã xuồng từ thủ phủ tiểu bang Trengganu mới tìm thấy và vớt lên được khi nó nổi lên, cánh khúc biển có cồn ngầm và sóng ngầm chảy xiết khoảng hai dặm Anh, ngay dưới chân ngọn hải đăng mù. Người chết nằm sấp. Đầu chìm trong nước. Một cánh tay vớt lên thành đá, trong cái động tác của một người bơi từ khơi xa vào mặt lã vừa tới bờ, cái phao được thuật lại là đeo ở cánh tay ấy, đã mất.

Trên con đường nhỏ, con đường hàng ngày Hiển vẫn đi tới ngang ngọn núi trọc sang làng Merang, xác người đàn ông được đặt nằm trên cát rồi khiêng vào tạm trú. Đám cảnh sát Mã khiêng cái xác tới hết khúc bãi, trả cho tám người trẻ tuổi trong tổ chức thanh niên chí nguyện của trại dàn hàng đón lấy. Họ kéo thẳng chân, đặt hai tay người chết lên ngực rồi nâng giữa tử thi lên ngang tầm vai, đi thẳng qua bãi đá bóng, tới đặt cái xác xuống, ngay ngắn, đầu hướng ra khúc biển dữ - nơi người chết buổi chiều hôm trước đã từ trên thuyền nhảy xuống - trên hai phiến gỗ rừng lầy trong kho vật liệu cất dựng chỗ tạm trú cho những người mới tới đảo, hai phiến gỗ kê chính giữa cánh cửa lớn đi vào hội trường trại.

Lúc đó là buổi chiều. Vừa qua giờ phát thư. Hơi nóng dữ dội đã hết choáng váng trên những lều vải san sát. Mặt cát phẳng trước nhà hội trường đã mát lại, dần dần. Mọi người từ nằm khu trong trại lui lại giờ nhen lửa thổi bữa cơm chiều trước những cửa lều, đi hết ra khỏi bãi trống ngoài hội trường, đứng thành một vòng tròn rộng chung quanh tử thi. Cái vòng tròn im phắc. Một lát. Rồi nó đứt ra một đoạn. Từ chỗ đó, ban đại diện và hội đồng tư vấn trại đưa đứa nhỏ từ ngoài tiến vào.

Đó là một đứa nhỏ Việt Nam, mũi tẹt, tóc đen. Một đứa nhỏ vượt biên. Mấy chị phụ nữ trong ban phiên dịch và tiếp tân các phái đoàn ngoại quốc tới trại tính mặc cho đứa nhỏ một bộ đồ mới thay cho cái quần cụt sờn rách và cái áo ngắn tay đứt hết hàng khuy ngực nó đã mang trên người từ Việt Nam. Rồi họ rút lại ý định, nói là cứ để nguyên nó vậy cho người chết dễ nhận. Không ai nghe thấy một tiếng động nào, ngoài tiếng sóng từ bên kia những cồn cát. Bàn tay bụ bẫm và nhỏ thơ nắm chặt lấy tay người trưởng trại, đứa nhỏ, cặp mắt đen nháy mở lớn, đi nghiêm trang theo sự hướng dẫn, từ từ tiến tới gần tử thi. Lúc người trưởng trại giữ nó đứng lại và cuối xuống hỏi: "Cháu biết đây là ai không?" đứa nhỏ chớp mắt rồi nhìn đăm đăm và gật đầu. Bàn tay nó thoát buông khỏi tay người trưởng trại và chỉ xuống cái xác chết vẫn còn ướt sũng, nó nói: "Đây là cha tôi." Mấy nghìn cặp mắt của cái vòng tròn người bất động cùng nhìn cái ngón tay chỉ thẳng trong không khí. Khi đứa nhỏ bỗng run bắn rồi nức nở ngã sấp xuống cái tử thi và vùi đầu trên đó, cả ngàn con người im sững đều bật thành tiếng khóc.

Tám thẻ tùy thân còn cất dấu được tới ngày vượt biển luồn vào gấu áo mang theo nhưng chữ còn đọc thấy cho biết người chết tên là Đặng Vũ Thi. Rồi bằng vào những thuật lại của đám

người đồng hành đã cùng cha con Thi trôi dạt suốt mười bốn ngày đêm trên một con thuyền, người ta biết được về Thi và cái chết của Thi như thế này. Thi 48 tuổi, sinh quán vùng ngoại ô Nghi Tàm, Hà Nội. Hiệp định Genève, Thi vừa lấy vợ và sinh con gái đầu lòng, bằng đường biển Hải Phòng xuống tàu đem cái tiểu gia đình vừa dựng vào Nam. Khỏe mạnh, chăm chỉ và lặng lẽ ít nói, Thi mở được một tiệm sửa xe gắn máy ở gần khu Trường Đua Phú Thọ cho tới ngày đúng lớp tuổi mình Thi bị gọi động viên. Ở đơn vị pháo binh, lúc cầm máy điều chỉnh tọa độ và định hướng cho những cuộc pháo kích cũng như lúc chuyển súng giữa rừng, Thi vẫn là anh thợ sửa xe máy trầm lặng ít nói, những biểu tỏ dũng cảm phi thường không có, chỉ là anh pháo binh mờ nhạt làm tròn những công tác chiến trận thượng cấp đã qui định rõ ràng. Đầu năm 73, Thi bị thương ở trận đánh Đồng Xoài. Nằm trong một quân y hậu cứ sáu tháng rồi được giải ngũ. Nhờ vậy mà khi miền Nam mất, ra khỏi quân đội đã hơn hai năm, Thi không bị đưa đến một trại tập trung cải tạo nào, chỉ phải đi học một lớp chính trị sơ đẳng bảy ngày do Phường Khóm tổ chức. Lúc này, Thi đã có thêm ba đứa con. Hai đứa con gái thứ trên mười tuổi sinh kế liền con chị đầu lòng. Thằng con trai út duy nhất ra đời sau một khoảng cách, lúc phong trào vượt biển đã âm thầm lan tới khu phố Thi ở, thằng nhỏ mới hơn bốn tuổi.

Người hàng xóm mách mối vượt biển và đi thuyền cùng với cha con Thi thuật lại với ban Tư vấn trại là cuộc vượt biển mà mãi mãi rồi Thi mới chịu thực hiện với đứa con út mang theo, động lực chính là sự khuyên nhủ dỗ dành và đốc thúc khẩn thiết của người vợ. Người đàn bà ấy dưới chế độ mới đã thấy sự tìm đường ra đi, dù là chia lìa đứt rứt, cho người đàn ông được sống đời mình trong tự do hơn là sự đoàn tụ trong cùng đường và tuyệt vọng. “Nghe em. Còn mấy lượng vàng vừa đủ trả tiền chỗ trên thuyền cho cha con anh. Anh đưa con chúng ta đi cho sau này nó được học tập, nó không phải sống trọn đời nó với cái chế độ này, nó được nên người. Vợ chồng ta yêu thương ăn ở với nhau suốt bấy nhiêu năm như thế đủ rồi. Anh phải đi đừng bịn rịn. Rồi mẹ con em tìm đường đi sau. Chúng nó là gái không cần. Nhưng thằng con trai của chúng ta, anh phải đưa nó đi theo mới được.” Bao nhiêu đêm nghe vợ vừa ôm, vừa khóc vừa dỗ dành đứt từng khúc ruột, cuối cùng Thi bồng đứa con trai bốn tuổi nửa đêm ra biển.

Những ngày trên biển của Thi được kể tiếp, và những phút sau cùng, cho đến khi xác Thi nổi lên dưới chân ngọn hải đăng mù:

- Suốt mười bốn ngày đêm, anh ấy chỉ ngồi yên một chỗ. Ai hỏi mới nói. Ngoài vài lúc mệt lã thiếp đi, cứ ôm con thức suốt đêm ngày và suốt dọc đường, chỉ ngồi nhìn trở lại, nhìn trở về Việt Nam. Chiều hôm qua, cả thuyền reo hò khi trông thấy bờ đảo xa xa, anh ấy cũng chỉ lặng lẽ ngó theo mọi người không nói. Thuyền đã cạn lương thực từ hai năm trước. Nước chỉ còn đủ mỗi người một ngụm, ai nấy đều mệt lã. Dầu cũng gần cạn không thể kéo dài đường thêm nữa. Thuyền quay mũi tiến vào nhưng không hiểu sao sóng không lớn lắm, mà cứ một quãng lại bật văng trở lại. Tưởng đắm mấy lần. Mãi sau người tài công mới khám phá ra rằng khắp khúc biển chạy dài đều có đá ngầm sóng ngầm, và tốt nhất là có một cái gì dò đường đi trước thấy khúc nào nước không chảy xiết ra hiệu cho thuyền đi theo cái gì đó là *một người*. Cả thuyền nhìn nhau im phắc. Anh ấy cũng vậy, ôm chặt con, nhìn vào bờ và cuối đầu xuống. Trồi lại sắp tới. Vẻ lo âu kinh hoàng hiện rõ. Cuối cùng có một tiếng “*tôi*” cất lên. Tiếng *tôi* ấy là của Thi. Cả thuyền mừng rỡ. Thế rồi anh ấy đứng dậy, trao đứa con cho người ngồi cạnh, nói với nó: “Bỏ vào bờ rồi bỏ lại trở về thuyền.” Đoạn anh ấy đón lấy cái phao, đeo nó vào cánh tay và ra mạn thuyền tung mình nhảy xuống.

Mọi người chỉ còn nhìn thấy kẻ xuống biển dò đường trong một khoảng khắc ngợp lặn nổi chìm qua những con sóng. Rồi cái phao bật lên, văng đi.

Suốt đêm đó, những người trẻ tuổi trong đoàn thanh niên chí nguyện của trại thay phiên nhau cầm đuốc tới sáng trước cái quan tài được đóng lại bằng những phiến gỗ tươi dùng để cất nhà cho người tỵ nạn mới đổ về từ cánh rừng già sau trại. Và buổi sáng, lúc mặt trời vừa tỏa hết đóa nan quạt rực rỡ của nó trên mặt biển óng ánh, cả trại xếp hàng vượt qua những cồn cát những hàng dương đưa tiễn Thi đến nơi an nghỉ cuối cùng của người vượt biển là một cồn cát

thấp kể liền cái nghĩa địa tàu thuyền. Thi được đưa xuống lòng đất của hòn đảo xa lạ anh đã tới được bằng cái chết của anh, đầu hướng về Việt Nam.

Sau này, trong ý nghĩ Hiền, mỗi lần trí nhớ chàng hiện lên vùng trời vùng đảo Mã khuất tịch và lòa nắng ấy là hòn đảo tạm trú của chàng có hai ngọn hải đăng. Một ngọn không biết đã có từ đời nào, đứng chót vót trên đỉnh ngọn núi trọc. Ngọn ấy mù. Còn sống, còn chót vót, nhưng mù. Và một ngọn đã nghìn năm đã hư vô. Ngọn ấy cháy sáng mãi mãi, vùng sáng vĩ đại, tầm sáng bát ngát. Ngọn đèn biển thứ hai này xuyên thủng hết mọi thứ sương mù và đêm tối dày đặc nhất của trái đất này cộng lại. Đó là ngọn đèn biển vượt tuyến, một ngọn đèn biển Việt Nam. Ngọn lửa bắt từ ấy sáng rực, từ cái phút Thi lao mình xuống biển.

Rồi đây ý nghĩ đi xa hơn tới cùng khắp nhân thế hiện giờ, là sự kiếm tìm giải đáp cho một hiện tượng nghịch lý. Ngọn hải đăng mù cuối cùng không phải là một trạng thái nghịch lý. Cái thế giới Hiền đang sống này thiếu gì những hải đăng mù. Nhiều lắm. Nhan nhản. Trăm nghìn. Bọn lãnh đạo hèn dòn lùi bước trước cái xấu cái ác lẩn tới. Những hải đăng mù. Bọn trí thức. Bọn cầm bút quốc tế tác giả của những bản tuyên ngôn nhân quyền lầy chần động, nhưng không dám có một dòng chữ, một tiếng nói, một hành động nào cho những người như Thi, như đứa con nhỏ của Thi. Những hải đăng mù. Bọn chính khách, bọn đại diện hàng năm đáp phản lực cơ tới họp ở những tòa nhà kiếng cao ngất soi bóng xuống mặt hồ Leiman và giòng sông Hudson, nhân danh loài người, nhân danh tự do và giải phóng, nhưng cầm họng ngoảnh mặt trước cả trăm nghìn trí thức nghệ sĩ cùng quê hương với Hiền đang bị đầy ải trên chính quê hương họ. Những ngọn hải đăng mù. Những ngọn hải đăng mù nhiều vô tận ấy là hiện tượng nghịch lý vĩ đại nhất của thế giới ngày nay.

Nhưng một hiện tượng nghịch lý đơn lẻ khi đã đạt tới một tỷ lệ nào để trở thành phổ quát, lại không nghịch kỳ nữa. Mà trở thành hợp lý. Riêng Đặng Vũ Thi lao mình xuống biển tìm đường vào cho đồng hành, và chết, mới nghịch lý. Hiền chỉ tìm được giải thích cho ngọn hải đăng mù trên đỉnh núi trọc ở hòn đảo tạm trú chàng đã sống năm tháng ở đó trước khi lên đường sang Mỹ như thế mà thôi. Vậy chắc là như thế.

Buổi nói chuyện thứ nhất với Mai Thảo Thụy Khuê



Thụy Khuê: Thưa anh Mai Thảo, anh sống ở Cali nhưng mỗi năm anh trở lại Paris một lần vào đúng mùa thu.

Mai Thảo: Mỗi năm tôi thích tới Paris vào mùa thu, trước hết là bởi vì ở bên California, nơi tôi đang sống, có quá nhiều mặt trời, quá nhiều nắng và những địa phương xa mà tôi muốn tới thì tôi không muốn gặp cái nắng mà tôi đã có quá nhiều ở California; thứ hai nữa, cũng hơi có một chút thực tế, đi vào mùa thu thì chi phí chuyến dịch bớt đi, ít hơn là ở mùa mọi người cùng đi du lịch và điểm sau cùng là đối với tôi, Paris đẹp nhất lúc mùa thu tới.

TK: Anh rời nước đã 13 năm, có lẽ hôm nay là lần đầu tiên anh nói chuyện với thính giả trong nước. Người ta thường nói: xa mặt cách lòng.

MT: Cho tôi nói lại, đây không phải lần đầu tiên, đây là lần thứ nhì. Lúc chúng tôi vượt biển tới Hoa Kỳ, chương trình Việt ngữ của đài Tiếng Nói Hoa Kỳ đã mời tôi tới để phỏng vấn, để hỏi chuyện về tình hình Việt Nam. Riêng lần này được nói chuyện ở Paris với đồng bào trong nước, thì cái điều mình ở xa, đương nhiên là có thiệt thòi. Sự khuất cách bao giờ cũng thiệt thòi, bởi vì tôi vẫn cho rằng người ta phải thấy nhau, người ta phải sống cùng với nhau, chứ không thể có một khoảng cách nào hết. Nhưng nói về tâm thức của người nhà văn, và tôi trả lời trong tinh thần như vậy, thì không có sự xa cách nào hết, nếu lúc nào anh cũng bận tâm, anh cũng gắn bó với đời sống và với những cảnh ngộ, hoàn cảnh của giống nòi mình, thì sự không-xa-cách đó tôi cảm thấy rất rõ ở tôi, và ở trong tinh thần viết văn của tôi, trong công việc làm của tôi, bây giờ là tờ báo Văn đã được tạc bản ở Hoa Kỳ, tới nay đã 10 năm rồi.

TK: Nếu nhìn lại 20 năm Văn học miền Nam, Sáng Tạo giữ vai trò gì trong nền văn học ấy?

MT: Bây giờ có một số bài viết, một số tờ báo, một số sách nghiên cứu văn học, đặt ra vai trò của Sáng Tạo trong thời kỳ 1956-57, sau cuộc di cư từ Bắc vào Nam năm 1954. Lúc chúng tôi làm tờ Sáng Tạo, chúng tôi không nghĩ chúng tôi có một vai trò nào hết, mà chỉ là chúng tôi thích viết văn và thích tập hợp nhau lại trong một diễn đàn chung, diễn đàn ấy còn mở rộng cho hết thầy mọi người. Tờ Sáng Tạo cũng như những anh em viết thường trực ở Sáng Tạo, lúc đó không tự đặt cho mình một vai trò nào, ngoại trừ một nỗ lực tìm kiếm, khám phá một số chân trời mới cho văn chương; và chúng tôi đã làm công việc đó trong tinh thần không-phải-là-một-vai-trò ở trong sinh hoạt văn học nghệ thuật của lúc bấy giờ. Sau này thì người ta nói đến vai trò, đó là những người khác nói chứ không phải anh em Sáng Tạo khẳng định cho mình một vai trò nào hết.

TK: Anh đã phải chôn tránh, anh đã bị chính quyền Cộng Sản truy lùng, tuy nhiên trước khi ra đi anh cũng đã gặp một số văn nghệ sĩ miền Bắc vào Nam, anh còn giữ những kỷ niệm gì về họ?

MT: Sau năm 1975, trong đợt đầu tiên của những văn nghệ sĩ từ Hà Nội, từ ngoài Bắc vào Nam và có đến tìm gặp tôi, thì tôi có gặp lại một số: Trước hết là một số bạn cũ từ thiếu thời, sau nữa là một số bạn hữu đã có với tôi những sinh hoạt trong 5 năm tôi đi theo cuộc kháng chiến chống Pháp, và một số nữa thì tới gặp tôi có lẽ bởi vì tò mò muốn biết tôi là ai, muốn biết tôi như thế nào. Thế thì ở trong những gặp mặt đó, một số người đã ở hẳn với tôi cả tuần lễ trước khi trở về Bắc. Chúng tôi cũng có một ưng thuận với nhau là không bao giờ đề cập tới những khác biệt về chính kiến hay là về chế độ hết mà chỉ gặp nhau, gặp lại nhau nói chuyện có tính chất bình thường và cố gắng né tránh tất cả những xung đột về ý kiến của mình về vấn đề này, vấn đề nọ. Vấn đề là chúng tôi đã cố gắng né tránh không nói đến miền Bắc và cũng không nói đến miền Nam nữa. Đó là những kỷ niệm, có một số rất đẹp. Tôi nghĩ cũng không nên nhắc tên những người bạn tôi gặp, bởi vì có thể họ sẽ bị phiền phức ở bên nhà, nhưng tôi nhắc đến một người đã mất rồi, chắc cũng không thiệt hại gì cho ai hết: một nhà phê bình văn học tên là Nhị Ca. Anh ấy là người đã phê bình thơ Hồ Chí Minh, hồi ký chiến trường của Võ Nguyên Giáp, phê bình cả thơ của ông Trường Chinh nữa. Anh ấy có nói với tôi là đã phê bình thì phê bình lãnh tụ luôn. Nhị Ca là người bạn rất thân và tôi rất yêu mến, đã đi chơi với tôi một cách rất công khai, không sợ hãi gì ở Sài Gòn lúc bấy giờ, và tôi rất buồn là mới nghe tin Nhị Ca đã chết, hình như một vài năm rồi, bởi vì hồi vào, anh ấy có kể chuyện cho tôi nghe là đã phải sang Bắc Kinh ở đó tới bốn năm, cùng với một số cán bộ cao cấp, để chữa bệnh ho lao và chỉ có mỗi Nhị Ca còn sống sót trở về Việt Nam mà thôi, những người kia đều từ trần ở bệnh viện nào đó ở Bắc Kinh.

TK: Anh còn giữ những kỷ niệm gì về *Đêm Giã Từ Hà Nội*?

MT: Chị muốn nói đến tập truyện đầu tiên của tôi là *Đêm Giã Từ Hà Nội*? Tôi không có kỷ niệm gì nhiều về cuốn sách đó cũng như với tất cả những cuốn sách tôi đã viết, bởi vì tính tôi như

vậy, khi tôi đã viết xong một cuốn sách rồi thì coi như công việc đã qua đi. Nhưng cuốn Đêm già từ Hà Nội có gây được một cái bất ngờ là thường thường người viết tác phẩm đầu, chưa có tiếng tăm gì thì khó lòng được ai biết tới, nhưng không ngờ là cuốn Đêm già từ Hà Nội khi viết ra, thì đối với những cuốn sách cùng xuất bản lúc bấy giờ, nó là cuốn sách gây sôi nổi một cách đặc biệt bởi vì có lẽ những người đọc, phần lớn là những người ở miền Bắc và họ còn có một tâm trạng nào đó gắn bó với Hà Nội, cho nên nguyên cái tựa sách đã làm họ chú ý và tìm đọc. Bây giờ cuốn Đêm già từ Hà Nội đã xa nhưng tôi cũng không cho tái bản lại nữa bởi vì tôi nghĩ văn chương tôi lúc bấy giờ còn nhiều điểm non yếu, không thể bằng cái viết đã thành thạo như bây giờ của tôi được.

TK: Những bạn văn cũ của anh bây giờ còn ở trong nước, sống trong hoàn cảnh nào?

MT: Những bạn hữu của tôi ở bên nhà cũng như toàn bộ giới văn học nghệ thuật miền Nam, có một đời sống, nói chung rất điều đứng sau năm 1975, điều đứng về tất cả mọi phương diện, trước hết một phần đáng kể đã bị bắt giữ và lưu đầy tới những trại gọi là trại học tập, họ bị chở ra miền Bắc, tận biên giới Việt Hoa. Trong lúc tù đầy như vậy, thì chị đã có thể hình dung ra được đời sống của gia đình họ ở nhà như thế nào rồi. Là cột trụ gia đình mà bị bứng đi như vậy, trong lúc mưu sinh ở nhà thay đổi hoàn toàn, tất cả đều ở trong vòng kiểm soát của nhà nước hết. Khi những tù nhân, những bạn tôi và những người làm văn học nghệ thuật miền Nam cũng như giới trí thức hay quân đội bị lưu đầy, bị tập trung, thì đời sống họ cũng không có gì là khả quan hơn hết. Ăn thua là ở trong tinh thần của từng người. Có những người tôi rất phục, ở nơi họ, không coi hoàn cảnh ra gì, không coi sự nghèo khổ ra cái gì hết và kể cả họ, cũng không coi những trừng phạt của nhà nước đối với họ là gì cả. Về những tin tức của anh em ở nhà, như Doãn Quốc Sỹ, Tô Thùy Yên, Nguyễn Sỹ Tế, v.v... và một số người nữa, tôi được tin luôn luôn. Một mặt khác, trong thời gian gần đây, ở vùng California có rất nhiều người về thăm lại Việt Nam, tôi thường lợi dụng dịp đó nhờ họ gặp, tiếp xúc hoặc thăm hỏi hoàn cảnh từng người mà tôi muốn biết tin; tin tức tôi được biết về họ rất đầy đủ và liên tục, gần như tháng nào cũng có tin. Riêng trường hợp Thanh Tâm Tuyền được trả tự do và sang Mỹ cũng chưa lâu, sang cùng với vợ con, lúc mới tới ở vùng Lafayette, tiểu bang Louisiana, bây giờ đổi về tiểu bang Minnesota, có người bạn thân của Thanh Tâm Tuyền là nhạc sĩ Cung Tiến đang ở đó. Đời sống Thanh Tâm Tuyền cũng có vấn đề của nó, bởi vì tù đầy về, sức lực suy yếu rồi và tuổi thì không thể gọi là tuổi trẻ được nữa, thành ra việc hợp nhập vào đời sống ở Mỹ cũng có rất nhiều vấn đề đặt ra; nhưng Thanh Tâm Tuyền là người có tinh thần rất vững vàng và những khó khăn đó, Thanh Tâm Tuyền cũng không coi ra cái gì hết và đời sống Thanh Tâm Tuyền ở Minnesota bây giờ rất bình lặng, nếu không muốn nói là khép kín trong gia đình mà thôi.

TK: Anh nghĩ sao về văn học phản kháng trong nước?

MT: Trong cuộc phỏng vấn mới đây cho tờ báo Hợp Lưu của nhóm Nguyễn Khánh Trường, tôi có nói đến văn nghệ phản kháng. Tôi cũng không thể trả lời được gì nhiều bởi vì tôi không theo dõi từ đầu và những tiểu thuyết, những bài viết, những bài báo của những người ở trong khuynh hướng gọi là đối kháng ở Việt Nam bây giờ gửi ra, tôi cũng không đọc được nhiều. Tôi cho là phong trào đối kháng đó có, đáng lý nó phải có từ lâu rồi nhưng có lẽ bởi vì trước kia sự kiểm soát của đảng, của nhà nước gắt gao quá; hay là họ không có tinh thần đối kháng lại chế độ, chính sách của chế độ, lúc ấy họ không có môi trường, không có phương tiện nào để tỏ hiện sự đối kháng của họ ra, mà thời gian gần đây thì họ đã có một số điều kiện để có thể lên tiếng, hay để có thể xuất bản sách không theo đường lối, chính sách của văn chương xã hội chủ nghĩa. Nhưng nói phong trào đối kháng sẽ đi tới đâu thì tôi không rõ bởi vì nếu đảng hay nhà nước lại thi hành chính sách kiểm soát khắc khổ trở lại thì cái đối kháng ấy có thể bị dập tắt.

TK: Có lần anh nói anh không trở về nữa, cho dù chế độ cộng sản có tan rã, đã lưu vong thì cứ xa thôi, ở xa thôi, vì sao thế anh?

MT: Trường hợp của tôi là trường hợp hơi đặc biệt một chút. Năm 1976 khi nhà nước cộng sản phát động chiến dịch truy lùng, bắt giữ những nhà văn, những người làm báo, làm thơ ở miền Nam, tôi nằm trong danh sách những người bị bắt nhưng tôi là người may mắn đã lọt lưới và đã đi vào đời sống ẩn lánh cho tới ngày vượt biển. Hiện nay, theo như tôi hiểu về trường hợp của tôi, tôi vẫn là người bị truy lùng như thường, bản án của tôi không được hủy bỏ tí nào hết, và nếu tôi về, tới phi trường sẽ bị bắt ngay. Đó là nói nếu tôi muốn về thì cũng không thể nào về được. Còn thì tôi không muốn về nữa bởi vì trong ý nghĩ của tôi, trong nhận thức của tôi, thì chế độ, mặc dầu đã lung lay, nhưng mà nó chưa sụp đổ ngay đâu, như một số người vì lạc quan hay vì lý do này nọ đã tưởng như thế. Riêng về điểm mà tôi cho là chế độ cộng sản còn tồn tại một thời gian nào đó; thì bây giờ tuổi tôi đã lớn, tôi không chờ ngày đó, tôi không thể chờ nổi, hoặc là khi về được thì tôi không còn thấy gì nữa; điều thứ ba là tôi cũng không có gắn bó gì nhiều lắm nữa đối với quê nhà, cha mẹ tôi đã mất sau năm 1975, bạn hữu những người thân thiết nhất, người đã đi được, người chưa, nhưng tôi nghĩ là họ có thể sớm muộn cũng ra khỏi Việt Nam và tôi sẽ gặp lại tất cả ở hải ngoại. Còn gia đình tôi, một số người thân thuộc, các em tôi chẳng hạn, chúng nó đang ở trên con đường, người trước, người sau, đoàn tụ gia đình hết, thành ra tôi không thấy có cái cần thiết nào phải trở về Việt Nam nữa.

TK: Trong tháng qua, Việt Nam có ba nghệ sĩ lớn đã từ trần, hai nhà thơ Lưu Trọng Lư, Hồ Dzếnh và nhạc sĩ Phạm Đình Chương mà anh đã quen, hoặc đã thân trong quá khứ, xin anh nói về họ.

MT: Trước hết là nhà thơ Lưu Trọng Lư và nhà thơ Hồ Dzếnh, có thể nói là tôi có chung sinh hoạt một thời kỳ chứ tôi không phải là bạn thân của họ bởi vì họ thuộc lớp văn nghệ lớp trước, gọi chung là lớp tiền chiến, lúc đó tôi còn rất trẻ và mới bắt đầu khởi sự đi vào văn nghệ mà thôi. Họ là người lớp trước, người nào cũng hơn tôi mười mấy tuổi. Tôi chỉ có sinh hoạt với ông Hồ Dzếnh một cách tình cờ, tôi gặp ở Hưng Yên và ở Hà Nội, lúc ấy tôi đang đi học. Với Lưu Trọng Lư, tôi gặp ngoài kháng chiến, ở Thanh Hóa, ở Khu IV, khi Lưu Trọng Lư từ vùng Bình Trị Thiên đi ra để họp những khóa văn nghệ được tổ chức những năm tôi ở ngoài đó. Tôi không có cảm tình lắm với nhà thơ Lưu Trọng Lư, bởi vì trong thời kỳ tôi gặp, ông ta rất quá khích, những lời, những lập luận, tuyên bố của ông, thái độ của ông ở những đại hội văn nghệ được tổ chức lúc bấy giờ, Lưu Trọng Lư làm ra một tinh thần sắt thép, quá khích, tôi không thích cái đó. Rất nhiều người đã không thích. Còn Hồ Dzếnh, trước hết tôi rất yêu thơ Hồ Dzếnh và Hồ Dzếnh là người rất đơn giản, không điệu bộ, kiêu cách gì, mặc dù lúc đó ông ta coi tôi như một đàn em lớp sau mà thôi. Riêng người thân nhất là nhạc sĩ Phạm Đình Chương, tôi không ở trong giới âm nhạc nhưng chúng tôi thích đi chơi, và cảm thấy rất hợp với nhau. Có thể nói là trong 20 năm ở miền Nam, người đi chơi với tôi nhiều nhất không phải là các anh em viết văn mà là một nhạc sĩ, một người đánh đàn, một người soạn nhạc, đó là Hoài Bắc Phạm Đình Chương. Phạm Đình Chương vừa mất là điều đối với tôi rất buồn bã, một đau buồn rất lớn lao, và tôi đã ở bên cạnh Phạm Đình Chương cho tới lúc giải phẫu và cho đến lúc Phạm Đình Chương trút hơi thở cuối cùng.

Buổi nói chuyện thứ nhì với Mai Thảo

Trong lần gặp gỡ ngày 28/8/1994, Mai Thảo đã thay đổi cái nhìn về đất nước, và chúng ta hiểu thêm vài khía cạnh nữa về con người Mai Thảo: luôn luôn nhìn lại chính mình, tôn trọng tự do của người khác, và coi thường sự nghiệp văn chương. Thụy Khuê

Thụy Khuê: Thưa anh Mai Thảo, từ trước đến nay anh vẫn luôn luôn nghĩ là không muốn trở về nước, vậy bây giờ thì sao, thưa anh.

Mai Thảo: Về câu hỏi: "Về Việt Nam?", tôi đã trả lời nhiều lần là tôi không hề có ý định trở về

quê nhà, nhưng bây giờ thì tôi có nghĩ với tôi là để xét lại điều đó xem sao, nếu thuận tiện thì tại sao tôi không về thăm Việt Nam được, thăm những bạn hữu hiện còn đang ở Việt Nam và thăm đất nước chúng ta. Tôi bỏ đi đã 16 năm nhưng mà không bao giờ quên.

TK: Với tất cả thay đổi hiện nay về tình hình đất nước, từ việc Mỹ bỏ cấm vận đến việc người Việt Nam ở hải ngoại thường về nước, cái nhìn của anh về đất nước có gì thay đổi không?

MT: Cái nhìn về Việt Nam của tôi nó không được chu đáo cho lắm, nó cũng không được tường tận cho lắm bởi vì vẫn là nhìn qua một khoảng cách rất xa. Nhưng qua lời thuật lại của một số người đã về Việt Nam, thì tình trạng đã khả quan hơn trước nhiều lắm, dễ thở hơn cho mọi người, kể cả cho những người làm văn học nghệ thuật nữa; và những quốc gia ở trên thế giới, theo tôi, rất muốn Việt Nam được tốt đẹp hơn về mọi mặt, về thể chế, về xã hội, về đời sống, nhiều quốc gia đã đầu tư vào Việt Nam, thì đó cũng là điều rất tốt. Trước kia, khi nghĩ tới Việt Nam là người ta nghĩ đến một chỗ đói khổ, cùng cực, Việt Nam phải khắc định sự đổi khác đang có, đó là Việt Nam hiện nay, năm 1994.

TK: Về giới văn học ở hải ngoại, hôm nay anh có nhận xét gì về họ?

MT: Về lĩnh vực văn chương ở ngoài nước, hình như nhịp viết của hầu hết mọi người đã chậm, đã ngưng lại; chắc Thụy Khuê cũng thấy điều đó, nhất là về mặt sáng tác, cách đây 5, 7 năm hay 3, 4 năm, viết rất khỏe, rất đều đặn, rất sung sức nhưng bây giờ thì bớt hẳn đi. Có lẽ một phần vì một số nhà văn, phần lớn là nhà văn nữ, khi đã có một, hai cuốn sách được in ra thì cái viết khựng lại, đó là một lý do mà tôi nhìn thấy. Hai nữa, tôi cho là cũng vì mưu sinh bây giờ hơi khó khăn, có suy thoái kinh tế, cho nên không viết nữa, và một mặt nữa là hình như văn chương bây giờ cũng bớt là nhu cầu hàng đầu, mọi người chỉ nghĩ đến vấn đề mưu sinh mà thôi. Và điều cần thiết, điều quan trọng là nhu cầu văn học, nhu cầu hàng đầu, bắt buộc phải trở lại với dân chúng, trở lại với người đọc, nhưng hiện nay thì cái sự trở lại ấy chưa có.

TK: Về việc giao lưu văn hóa, dường như từ trước đến nay anh không đồng ý với quan điểm của những tờ báo như tờ Hợp Lưu, bây giờ thì sao, thưa anh?

MT: Một tờ báo như tờ Hợp Lưu với nội dung và bài vở ở cả trong và ngoài nước là một hình thức báo chí mà tôi không đồng ý. Cái sự không đồng ý đó vẫn còn, bởi vì tờ Hợp Lưu vẫn tiếp tục làm như vậy ngay từ số đầu tiên cho đến bây giờ. Nhưng dần dần tôi thấy, tôi nói rất thành thật, sự không-đồng-ý của tôi nó cũng vậy thôi. Tại sao tờ Hợp Lưu lại không làm cái việc mà Hợp Lưu đang làm, cũng là một diễn đàn anh em cả thì cứ việc mà làm và tôi cũng nghĩ rằng anh em Hợp Lưu cũng phải có tinh thần tự do dân chủ nào đó trong việc thực hiện tờ tạp chí của mình. Điều đó khiến tôi yên tâm, bởi vì không đồng ý thì không đồng ý, nhưng biết đâu điều đó cũng có thể đem lại những sự kiện tốt. Tôi thì tôi chỉ ở trong thái độ của tôi mà thôi, chứ không phải vì tôi không đồng ý mà tôi chê bai hay đã kích những công việc làm - không phải là của Hợp Lưu nữa - mà của những tờ báo khác không giống với ý nghĩ tôi về văn chương hay về thái độ của người làm văn học nghệ thuật đối với thời thế hay đối với đất nước của mình; nhất là bây giờ cửa ngõ quê nhà đã mở ra rất rộng, điều đó tôi cũng biết chứ không phải là tôi không biết.

TK: Những người cầm bút cùng thế hệ với anh hầu hết đều đã ngưng sáng tác hoặc sáng tác rất ít, tại sao vậy?

MT: Những người ở trong lớp tuổi của tôi bây giờ đều đã nhiều tuổi rồi. Tâm trạng chung là muốn nghỉ ngơi. Cách đây ít ngày tôi gặp anh Như Phong, tôi có hỏi anh ấy rằng: Nghe nói bạn nghỉ ngơi một thời gian rồi sẽ viết hồi ký, hồi ký ở trong tù, hồi ký miền Nam, thì Như Phong trả lời là không viết gì cả nữa, bây giờ còn viết gì nữa, nhiều tuổi quá rồi thì thôi, nghỉ. Tâm trạng của Như Phong cũng giống như tâm trạng của một số người không có diễn đàn của riêng mình; nhà văn nào cũng thích có một diễn đàn của riêng mình hoặc của những

người thân thiết như những người bạn đường của mình. Vì không có cái đó, gọi như là đất dụng võ của người ta, thì người ta cũng bớt muốn tiếp tục lại công việc văn chương. Hai nữa là ở đây, chúng tôi không có sinh hoạt, văn chương đòi hỏi phải có sinh hoạt, phải có gặp nhau, phải có bàn chuyện, phải có bàn tròn, phải có những sinh hoạt chung với nhau rồi bảo nhau viết, bảo nhau thực hiện một số báo. Cái sinh hoạt đó ngày xưa ở nhà có. Mỗi nhóm có một sinh hoạt của mình, như tôi cũng có sinh hoạt với anh Nguyễn Sỹ Tế, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên... Bây giờ đâu còn nữa. Bây giờ thỉnh thoảng gọi điện thoại thăm nhau chứ làm gì có sinh hoạt. Đó cũng là một lý do để cho việc ngồi trước bàn viết của từng người nó bớt đi.

TK: Tại sao anh chưa viết hồi ký?

MT: Tôi không thích viết hồi ký. Trong ý nghĩ của tôi, có thể là một ý nghĩ nó hữu hạn hoặc sai lầm, nhưng mà tôi không muốn viết hồi ký ở nơi tôi cho là đời sống của tôi và đời sống của những người cùng thời với tôi, có những sự việc, những này nọ của văn chương, tôi cho cũng thường thôi. Những việc ấy có một giá trị nào đó khi nó còn. Đại khái như những tờ báo như tờ Sáng Tạo hay tờ Nghệ Thuật tôi làm. Sau đó, tôi cho là những việc ấy đã qua đi thì cũng vậy thôi, cũng không có gì ghê gớm cả. Trong ý nghĩ làm nền cho việc viết hồi ký thì tôi đã nghĩ như vậy rồi, ý nghĩ nằm trong chữ KHÔNG. Không viết [cười]. Không viết. Không viết. Nhưng còn điều nữa, rất thực tế, hồi ký chắc chắn là phải khá dài chứ không thể viết thu gọn lại như một số hồi ký của các nhà văn Pháp, họ viết ngắn, cái đó tôi viết không nổi. Mà dài thì phải kể ra những sự việc này nọ, thập niên 50, thập niên 60, thập niên 70... dù muốn thu gọn thế mấy chẳng nữa thì cũng là khoảng thời gian gần một đời người. Trong lúc đó thì anh phải nhớ lại, anh phải có một số tài liệu để căn cứ vào đó mà viết, thì tôi quên hết rồi, gần như tôi quên hết. Nếu phải đi tìm tài liệu ghi chép lại sự việc này nọ là một việc rất mất công, sức làm việc của tôi bây giờ bớt đi rất nhiều, tôi làm biếng lắm, làm biếng lắm, trở lại nhịp làm việc như ngày xưa, đối với tôi, rất khó.

TK: Trong tủ sách của anh, không có quyển nào của anh, tại sao vậy?

MT: Tôi không bao giờ giữ, điều đó đã có ngay từ ở Sài Gòn. Tôi cũng không hiểu tại sao cả. Nhưng những sách của tôi đã được in ra, bao giờ họ cũng tặng cho tác giả một số sách, số sách ấy nhiều khi tôi cho hết sạch đi, tôi không giữ, tôi không muốn giữ cái gì của tôi cả, bảo tại sao thì tôi không trả lời được, nhưng tôi không giữ. Trong chỗ tôi đang ở hiện thời, giá sách không bao giờ có sách của tôi hết. Có người hỏi xin thì tôi lại phải ra tiệm để lấy cuốn sách nếu muốn biếu người ta. Những cái mình viết ra thì cứ để cho nó cầm bằng theo gió bay đi. Có lẽ tôi thích thế. Đối với riêng tôi, nhiều khi nhảm lắm, là vì sách vở của mình, mình không giữ thì còn ai giữ cho mình nữa, nhưng tôi thản nhiên khi không có cuốn sách nào của tôi ở cạnh mình hết, hình như nó lại đem cho tôi một sự nhẹ nhõm nào đó.

TK: Thế có nghĩa là anh không bao giờ đọc lại những điều mình viết?

MT: Đọc lại thì không. Tôi nói thế này không phải là một sự nhũn nhặn đâu, tôi nói thành thật đó: tôi cho là những điều tôi viết ra thì cũng vậy thôi, cũng không có gì đáng kể cho lắm. Nhiều khi mình cũng khôn lắm chứ, đọc lại nhiều khi mình thấy dở chết đi! [cười] ... sao ngày xưa lại viết lách như thế này! [cười] Chẳng hạn vậy. Thế thì không đọc lại thì không có chuyện gì! [cười] Không có chuyện gì!

TK: Thì cũng phải có một vài cuốn sách anh thích chứ?

MT: Gọi là có những cuốn sách tương đối được hơn những cuốn khác, một người không bao giờ cho mình là đã đạt tới một mức độ nào đó, thì ở tôi là sự không bao giờ tôi thích những cuốn sách tôi viết ra. Những cái tôi viết ra, cho là nó có may mắn vì có người đọc; có thời kỳ tôi được coi là một trong những tác giả có sách nhiều người đọc nhất, tôi vẫn nghĩ là có một may mắn nào đó mà thôi.

TK: Thì cũng phải có những cuốn mà anh cho là được chứ?

MT: Cái cho là được thì nó không phải do tôi mà là do người khác, do người đọc, hay bạn hữu. Đại khái như, tôi cũng rất ngạc nhiên, là tập thơ Tôi thấy hình ta những miếng đèn, tôi làm thơ chơi thôi, buồn thì làm thơ, ban đêm uống rượu, chưa ngủ làm thơ chơi. Bất đồ có anh nhà xuất bản Văn Khoa, nói là: Tôi rất thích những đoạn thơ ngắn của ông, ông cho chúng tôi xuất bản. Tôi bảo thơ bán gì được mà xuất bản. - Không, kệ tôi, ông cứ bằng lòng cho chúng tôi xuất bản, chúng tôi trả bản quyền như một cuốn truyện của ông vậy. Thế thì cuốn thơ được in ra và tôi cũng ngạc nhiên là nó được rất nhiều người yêu mến. Thì cái được, cái khá cũng không phải ở tôi, tôi ngạc nhiên cơ mà. Đại khái như tập thơ hay một số truyện trong thời kỳ trẻ tuổi của tôi, gọi là lối viết mới, lúc bấy giờ không ai viết như vậy, rồi thì nó... lãng mạn là vì lúc đó người ta yêu thích điều đó nhất. Thụy Khuê phải nhớ là trong chiến tranh, tinh thần lãng mạn của con người nó càng tăng lên để chống lại những thảm kịch, những khốc liệt thời chiến. Thì có một số truyện được, do tôi tính bằng con số là những nhà xuất bản đã tái bản rất nhiều lần như tập Sống chỉ một lần, tái bản lại đến 5 lần, hay tập Để tưởng nhớ mùi hương, 4 lần. Thế thì điều tôi vừa trả lời, cái được là do người đọc, do bằng hữu, do những nhà phê bình nói là cuốn này được hơn cuốn này, khá hơn cuốn nọ, chứ tôi thì tôi thấy sách của tôi thường thôi.

TK: Hình như là anh không thích giới phê bình văn học, anh không thích những người viết phê bình?

MT: Có chứ! Tại sao lại không bởi vì nếu không có [phê bình] thì chẳng có văn học nào có hết. Người viết phê bình có một vai trò rất quan trọng trong văn học, trong văn chương của tất cả mọi quốc gia và của bất cứ thời nào. Nhưng viết phê bình có thẩm quyền và có uy tín là lại một chuyện khác. Theo tôi người phê bình ở trước người nhà văn là do trí tuệ tiên phong hay do kiến thức về văn học, nhiều khi người sáng tác không có, họ chỉ có năng khiếu về viết văn thôi, chứ kiến thức nằm ở người phê bình văn học. Ta đã thấy chữ phê và chữ bình trong đó, việc phê bình đến nơi đến chốn rất khó chứ không phải là dễ.

Lần trò chuyện cuối cùng với Mai Thảo

Tháng 7 năm 1997, chúng tôi sang Mỹ, lại thăm Mai Thảo, có câu chuyện văn chương dang dở với ông. Nay đọc lại những ghi chép thấy cũng nên in ra. Đây là những ý kiến cuối cùng của Mai Thảo về đời sống văn học mà chúng tôi ghi nhận được.

Thụy Khuê: Những tờ báo mà anh đã làm, thì anh có một chủ trương nào chính xác không?
Mai Thảo: Những tờ báo mà tôi đã chủ trương thì nó là cái giàn phóng, cái plate-forme, cái tribune commune, nói chung là như vậy, tụ họp mọi người lại đây để cho có một chỗ đất đứng rồi thì anh muốn làm gì thì làm. Nó chỉ là một chỗ départ, một chỗ để khởi hành. Bây giờ nếu tôi khoẻ trở lại thì tôi cũng làm y như vậy. Làm một chỗ để đứng. Tôi rất yêu cái tinh thần, tinh thần thật ở Pháp. Camus. Bon. Sartre. Bon. Tôi chịu ảnh hưởng của mấy người đó. Khi sang Paris tôi hay ngồi ở Flore, Aux Deux Magots ở Saint-Germain-des-Prés. Tôi ngồi chỗ ngày xưa hai người đó ngồi. Tôi cho là họ rất hay. Thành ra tờ Sáng Tạo mới có những tiểu đề ở dưới gọi là Dẫn đàn văn học nghệ thuật hôm nay - aujourd'hui, chứ không có hiện đại gì cả.

TK: Hôm nay khác hiện đại như thế nào?

MT: Hôm nay là bây giờ. Là cái mình đang sống. Mình không nói cái bây giờ thì nói cái gì? Nhưng nói như vậy thì nó có cái chướng, thành ra người ta ghét mình. Bọn ghét nó gọi chúng tôi là bọn Kiêu binh Tam phủ (người dùng cái danh từ này là Nguyễn Tuân, để chỉ một đám người khác). Nhưng mà bọn vua Lê, chúa Trịnh nó nói như vậy là nhằm.

TK: Bọn vua Lê chúa Trịnh là ai?

MT: Miền Trung.

TK: Tại sao?

MT: Tại vì họ không có bản chất để hiểu.

TK: Nhưng họ có đọc các anh không?

MT: Đọc mà không vào thì sao?

TK: Thế còn những người ở miền Nam ?

MT: Những người ở miền Nam, tôi cho rằng tới lúc nào Thụy Khuê để ý thì sẽ thấy không ai bằng Bình Nguyên Lộc. Có những người như Hồ Hữu Tường hay Tam Ích thì họ quá là politique. Bình Nguyên Lộc đóng vai trò của người viết tiểu thuyết. Còn Hồ Biểu Chánh thuộc thể hệ trước rồi, mình không hiểu được.

TK: Thế còn Võ Phiến?

MT: Võ Phiến cũng có chỗ được chỗ không được. Đại khái như phê bình văn học, đối với tôi thì không được. Văn học miền Nam tổng quan đó thì không được. Thơ dở. Tạp văn hay.

TK: Anh nghĩ sao về Vũ Khắc Khoan? Anh hay đi chơi với Vũ Khắc Khoan lắm phải không?

MT: Vũ Khắc Khoan thật là nghệ sĩ. Nghiêm Xuân Hồng và Vũ Khắc Khoan thì cứ phải dùng tiểu tư sản để đánh bọn cộng sản. Nhưng mà đâu có đánh được (cười)! Đi chơi ở Sài Gòn thì chỉ đi với Mai Thảo, chẳng đi với ai cả. Nhưng chúng tôi cũng chẳng là cái gì ghê gớm cả. Lúc nó chết, tôi có bay sang đưa đám nó. Tôi buồn lắm. Nó cũng giải phẫu hai lần rồi nó chết. Nó đùa nghịch chứ không đứng đắn gì cả.

TK: Hình như lúc đó anh nhiều tiền lắm, anh tiêu vung lên, anh bao bạn bè?

MT: Những bạn văn khác, thường thường họ phải đi dạy học để đưa tiền cho vợ con. Tôi chỉ đi chơi với Phạm Đình Chương, Vũ Khắc Khoan. Thường thường tụi nó không có tiền, không có phương tiện để đi chơi đêm, tôi thì lúc đó nhiều tiền lắm. Tôi best-sellers mà!

TK: Sáng Tạo thành lập bằng tiền của ai?

MT: Bằng cái hợp đồng tôi ký với một thằng Mỹ ở Virginia, không biết bây giờ sống chết thế nào. Đó là cái hợp đồng bán báo, không có điều gì cần giấu diếm hết, đại khái nếu mình in 5000 tờ, thì nó mua đứt cho mình 2000, vừa đủ tiền in, tiền giấy, không có cái nghĩa gì khác hết, và cũng không có điều kiện gì khác hết.

TK: Anh best-sellers từ lúc nào?

MT: Ngay từ cuốn đầu "Đêm giã từ Hà- nội". Lúc đó không phải cuốn sách về nghệ thuật viết mà là cuốn sách chống Cộng cho nên các cơ quan quân đội nó mua để phát cho lính, rồi thì cứ từ đó mà lên... sách Mai Thảo nổi danh như cồn!

TK: Rồi anh trở thành biểu tượng của giới trẻ?

MT: Vừa biểu tượng của giới trẻ, vừa chống Cộng nữa. Mình bèn thôi, mình không chống Cộng nữa, mình biên truyện tình thôi.

TK: Tại sao anh không chống Cộng nữa?

MT: Bởi vì chúng nó cứ bảo mình là xịa (cười)!

TK: Tiểu thuyết của anh ăn khách vì sao?

MT: Hoàn toàn có mục đích viết cho độc giả bình dân coi với những truyện tình tay ba.

TK: Anh có tiếc gì không?

MT: Không bao giờ tôi tiếc cái gì cả. Đối với tôi những cái tôi viết ra không có cái nào được cái nào không được cả, đại khái hết.

TK: Anh đọc gì?

MT: Lecture thì nó lung tung lắm. Bởi vì mình không chủ trương đi theo văn học Pháp gì cả. Bạ cái gì mình đọc cái đó mà thôi.

TK: Về cái ảnh hưởng, cái khuynh hướng, anh có thấy ngay không?

MT: Thấy chứ. Thấy ngay chứ. Thanh Tâm Tuyền là người thơ. Còn tôi chỉ là người romancier, có người đọc. Có nhiều người thích đọc.

TK: Thanh Tâm Tuyền ra hải ngoại thì sao?

MT: Bình thường.

Đến đây có khách đến thăm Mai Thảo, câu chuyện tạm ngừng, định hôm sau tiếp tục, nhưng rồi bất chợt sức khoẻ ông kém đi nên câu chuyện bỏ dở.

Văn chương Mai Thảo: biên địa của cảm xúc và cái đẹp, giao thoa với ý thức về đời sống Bùi Vĩnh Phúc

Mai Thảo đã đến với văn chương từ lâu lắm rồi. Cuốn sách đầu tiên được xuất bản của ông, *Đêm Giã Từ Hà Nội*, in năm 1956; nhưng thực ra, Mai Thảo đã bắt đầu viết từ trước đó. Từ những ngày ông còn đi kháng chiến. Thế nhưng, kể từ di cư vào Nam 1954, cùng với những người bạn như Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ... chủ trương tờ *Sáng Tạo*, Mai Thảo mới chính thức đóng cái dấu ấn văn chương của mình xuống những trang sách văn học Việt Nam. Cái dấu ấn ấy như thế nào? Nó có tác dụng gì trên thương trường của người đọc hay có ảnh hưởng gì trong cách cầm bút của những người viết (cùng thời và sau ông)? Văn chương Mai Thảo, từ khi những trang sách, những bài viết đầu tiên của ông trên *Sáng Tạo* được mở ra trước mắt người đọc, đã được nhìn ngắm, đánh giá như thế nào? Và thực ra, nếu nhìn văn chương như một khía cạnh của đời sống, với những đóng góp của nó để đời sống trở nên có xương thịt (và, hy vọng, có ý nghĩa) hơn, thì văn chương của Mai Thảo nên được nhìn ngắm từ góc độ nào? Có định được một vị trí, một góc độ thích hợp để tiếp cận với một tác phẩm hay với một công trình đóng góp văn học, người ta mới dễ tìm ra được những điểm sáng, đẹp và có giá trị của đối tượng nghiên cứu. Dĩ nhiên, nói như thế không có nghĩa là người ta sẽ chỉ có thể chọn được một vị trí, một góc độ duy nhất để đánh giá một đối tượng. Nếu đối tượng ấy thuộc phạm vi văn học, mỗi người làm việc đánh giá có thể chọn cho mình bất cứ một điểm phát xuất nào cho việc tiếp cận, tùy theo cảm quan hay mỹ quan của riêng mình, để từ đó, nhìn ngắm cái đối tượng mà mình nghiên cứu. Điều tôi muốn nói ở đây, cho rõ, là hướng nhìn mà tôi chọn trong bài này là hướng mà, trong cảm nhận của riêng tôi, tôi thấy hợp lý để đi vào văn chương Mai Thảo trong bối cảnh mà nó đã xuất hiện kể từ năm 1956 đến nay.

Nói đến Mai Thảo, hay rõ hơn là nói đến văn chương Mai Thảo, thường người ta thấy có hai thái độ nhận định. Thái độ thứ nhất cho rằng đây mới đúng là văn chương, hiểu theo nghĩa văn chương làm thăng hoa đời sống; hay rõ hơn, từ "thăng hoa" ở đây được hiểu theo một nghĩa hẹp, là làm cho đời sống với những góc cạnh bình thường của nó trở nên đẹp đẽ, lấp lánh và lãng mạn hơn, và, như thế, giúp cho người ta quên đi những nỗi đau đời, quên đi những thực

tại đấng cay của xã hội. Thái độ thứ hai, ngược lại, cho rằng văn chương Mai Thảo quá cầu kỳ, đi đến chỗ làm dáng ngôn ngữ; hơn thế nữa, thái độ này còn đi đến chỗ gần như “buộc tội”, cho rằng Mai Thảo đã dùng văn chương để đi ra ngoài đời sống với những khổ đau muôn mặt của nó, đặc biệt trong bối cảnh của những năm mà miền Nam sôi động trong cuộc chiến.

Theo tôi, cả hai lối nhìn này, một cách vô hình trung, đã bóp bẹp đối tượng nghiên cứu theo cái nhìn khá cực đoan cùng với những cảm xúc riêng về đời sống, hay cùng với triết lý sống, của người nhận định.

Thái độ thứ nhất đánh đồng văn chương Mai Thảo với mục đích duy nhất là làm đẹp ngôn ngữ và tô vẽ đời sống. Văn chương Mai Thảo thật sự rất đẹp và đầy cảm xúc. Bài nhận định này cũng sẽ thử soi chiếu những nét nổi bật ấy trong địa lý ngôn ngữ cũng như trong không gian đầy cảm tính của Mai Thảo. Dù sao, cảm xúc và cái đẹp cũng chỉ tạo nên một trục dọc (cho dù trục này quán xuyên tất cả những gì Mai Thảo viết ra). Theo dõi hành trình văn chương của Mai Thảo, người ta có thể nhìn ra một trục ngang nữa. Và trục này sẽ cho ta nhìn thấy một Mai Thảo bám sát vào đời sống, chịu những thử thách của cuộc đời, để nó quay, đảy, cuốn, hút mình vào những tâm điểm của nó (gần những vùng cư trú tinh thần và vật lý mà ông đã chọn để định cư). Tuy nhiên, ông cũng không hoàn toàn chỉ là một mảnh kim loại, nhận chịu một cách vô ý thức những lực cuốn hút của từ trường. Mai Thảo có phản ứng lại. Với ý thức của mình như một con người trong cuộc. Với tư cách của một công dân. Với tư cách của một nhà văn, của một nghệ sĩ.

Thái độ thứ hai, trước hết, cho rằng văn chương Mai Thảo cầu kỳ, làm dáng. Và, trong nhận xét đó, hàm ý rằng cái văn chương ấy không tự nhiên và không có giá trị nội tại vì nó được “may mặc” và “tô vẽ” nhiều quá. Điều này có lẽ tùy vào mỹ quan của mỗi người. Nhưng, theo tôi, bất cứ một người Việt nào có đọc sách mà không nhìn ra những nét đẹp trong ngôn ngữ và cảm xúc được diễn tả trong những đoạn văn đẹp của Mai Thảo (và những đoạn này rất nhiều), người ấy đã đánh mất sự rung động của mình trước khả tính và mỹ tính của văn chương và ngôn ngữ Việt Nam. Cái khả tính và mỹ tính ấy cho chúng ta, và bất cứ một người ngoại quốc nào có khả năng đọc và thẩm thấu tiếng Việt, ngôn ngữ Việt, ở một trình độ cao, thấy rằng, để diễn tả cái đẹp—trong bản chất, qua hiện tượng, và trong suy tưởng—tiếng Việt Nam có thể làm được bất cứ những gì, trong đặc tính riêng của nó, mà những ngôn ngữ của những dân tộc khác có thể làm được. Dĩ nhiên, tôi không muốn nói rằng, chỉ với cách thức diễn đạt của Mai Thảo, người ta mới thấy được khả tính và mỹ tính của tiếng Việt. Bất cứ một nhà văn, nhà thơ có tài nào của chúng ta cũng làm được việc đó. Và họ đã làm tốt. Hãy đọc Nam Cao, Võ Phiến, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Du Tử Lê, Nguyễn Đình Toàn, Nhất Hạnh, Phạm Công Thiện, Vũ Khắc Khoan, Doãn Quốc Sỹ, Hồ Dzếnh, Văn Cao, Phạm Duy... và biết bao nhà văn, nhà thơ khác của chúng ta. Những người ấy làm cho chúng ta hãnh diện về tiếng nói và ngôn ngữ của dân tộc. Tất cả những người ấy đều làm cho chúng ta yêu quê hương hơn. Nhưng chữ nghĩa của Mai Thảo là một nét đặc thù riêng ở nơi ông. Có thể nó cầu kỳ ở một vài khía cạnh nào đó, nhưng cái cầu kỳ ấy đẹp. Nó đẹp, cũng như sự giản dị có cái đẹp của nó. Cái đẹp của văn chương Gustave Flaubert và cái đẹp của văn chương Alphonse Daudet là hai cái đẹp khác nhau. Một cái cầu kỳ, trau chuốt. Một cái đơn sơ, nhẹ nhàng. Cũng thế, cái đẹp của chữ nghĩa Hemingway và cái đẹp của chữ nghĩa Kahlil Gibran không đồng dạng. Một cái trơ, trần, ngắn gọn, và sắc. Một cái mượt mà, thanh cao, nhiều tính gợi ý, gợi hình. Nhưng mỗi cái đẹp ấy đều đã được sáng tạo với một sự khổ công nào đó. Và những ánh sáng phát ra từ chúng đều khiến cho chúng ta hạnh phúc để cảm nhận rằng đời sống đã trao tặng cho chúng ta nhiều điều. Và những người được đời sống dùng như sứ giả của sự trao tặng kia đều là những người đáng để cho chúng ta yêu mến.

Thái độ thứ hai, ngoài việc ngầm ý hạ giá văn chương Mai Thảo (chúng ta sẽ phân tích kỹ về giá trị của thái độ này khi đi sâu vào bài), còn đi xa hơn nữa: “Buộc tội” Mai Thảo như một người bất tham dự, chỉ đứng vòng ngoài và quay mặt với thân phận chung của dân tộc. Tôi thông cảm với những người có thái độ này ở chỗ tôi hiểu họ là những người đã thực sự nhập cuộc (hiểu theo một nghĩa giới hạn và giai đoạn nào đó của lịch sử Việt Nam). Họ là những

người có lòng và có ý thức về sự đóng góp của mình. Tôi cũng yêu cái nhiệt thành và thiện chí của họ (Chúng ta, mỗi người trong đời, đã không từng có những lúc nhiệt thành và thiện chí sao?) Tuy nhiên, tôi nghĩ, trong sự thiện chí và nhiệt thành của mình, và trong sự tham dự của mình nơi đầu-bên-kia-của-chiếc-ván-bập-bênh của đời sống, những người có thái độ “buộc tội” Mai Thảo có thể đã quên đi là đời sống cần sự cân bằng. Mà sự cân bằng của chiếc ván-bập-bênh (see-saw) của cuộc đời, của kiếp người, cũng cần những quy luật của nó. Nếu ván-bập-bênh là một trò chơi cho trẻ con, chủ đích của nó là tạo sự cân bằng, hiểu theo một nghĩa nào đó thể hiện qua sự lên xuống đều đặn của hai đầu ván, khiến cho hai đứa trẻ ngồi ở hai đầu cảm thấy sung sướng khi được hạ xuống, bỗng lên đều đặn như thế, khiến cho chúng cảm thấy có một sự cân bằng và công bằng nào đó trong trò chơi ấy, trong sự tham dự của mình vào trò chơi, thì đời sống, nếu được nhìn (cynique hay không cynique) như một trò chơi, nó cũng cần một sự cân bằng như thế. Trong cuộc chiến ở bất cứ nước nào, thời nào, ngoài tiếng đạn bom tan nát, ngoài những hình ảnh xót xa, những giọt nước mắt, vẫn còn có những người làm thơ và những kẻ yêu nhau, vẫn còn có những câu thủ thi và những lời hò hẹn. Có những người vẫn tiếp tục nghiên cứu về những đồng tiền cổ, về lịch sử của một đoạn văn, của một từ ngữ... Đó là những cái thuộc về trái tim xã hội, thuộc về nhân văn, thuộc về văn hóa con người. Chúng làm cho đời sống được cân bằng, làm cho con người tiếp tục ước mơ về những điều tốt đẹp. Chúng làm cho con người tiếp tục sống. Will Durant, trong cuốn Bài Học Của Lịch Sử, có viết đại khái là, “lịch sử nhân loại như một dòng sông đôi khi đầy máu me và xác những người chém giết nhau; mà các sử gia thường chỉ chép những hành động đó thôi. Nhưng trên bờ sông còn có những người khác cất nhà, làm vườn, nuôi con, làm thơ.” Và ông muốn chép những truyện ở trên bờ sông ấy. Bây giờ, đối với chúng ta, lịch sử đã cho chúng ta một khoảng cách để nhìn lại, tôi thấy là văn chương của Mai Thảo, hay rõ hơn là chủ đề trong văn chương Mai Thảo, Tình Yêu, ở một giai đoạn nào đó, có thể đã thể hiện cái nhìn ở đầu bên kia của chiếc ván-bập-bênh. Tôi sẽ nói thêm về điều này khi chúng ta đi vào phần phân tích, theo trục ngang, ý thức văn nghệ của Mai Thảo như một người cầm bút.

Kể từ tác phẩm đầu tiên, Đêm Giã Từ Hà Nội, được in ra vào năm 1956, cho đến những truyện ngắn, và đặc biệt là những bài báo Sở Tay viết đều đặn mỗi kỳ trên Văn, tờ báo được Mai Thảo cho tục bản ở ngoài nước, sau khi thành công trong việc vượt biển vào năm 1977 và định cư ở Mỹ năm 1978, con đường ý thức của Mai Thảo—thể hiện qua các bài viết, các tác phẩm và chủ đề trong các tác phẩm của ông—có thể được xét trên một trục ngang như tôi thử trình bày dưới đây. Sự phân chia các thời điểm trên trục này chỉ nằm trong mục đích giúp người đọc có một cái nhìn về tính chuyển động trong ý thức sáng tạo của một nhà văn mà thôi. Nó không có tính cách chặt chẽ và khô cứng; vì các mốc thời điểm được liệt kê trên trục có thể được kéo xê xích một vài năm, cũng như, trong một giai đoạn nào đó, người ta có thể thấy một ý thức nổi bật lên như một nét chính, nhưng như thế không có nghĩa là trong giai đoạn ấy, những thể hiện của những ý thức khác (được bộc lộ rõ nét hơn ở những thời kỳ trước và sau giai đoạn ấy) không được quyền có mặt. Sự chia mốc, bởi thế, xin được nói lại, chỉ được dùng để phân định những chặng ý thức nổi bật trong tiến trình sáng tác của Mai Thảo mà thôi.

Như thế, trong cái nhìn của tôi, xuyên qua những tác phẩm, Mai Thảo đã để cho người đọc thấy ông đã đi qua những giai đoạn sau, với những ý thức sáng tạo nổi bật song hành với chúng:

1956-1960: Giai đoạn chống Cộng, khẳng định thái độ và lập trường sống, chọn lựa tự do như một vùng đất tất yếu để đời sống được tiếp tục sinh thành và triển nở trong tất cả những mặt tự nhiên và cần thiết của nó.

Những tác phẩm chủ yếu trong giai đoạn này có thể được nhắc đến là: Đêm Giã Từ Hà Nội, Tháng Giêng Cỏ Non, và những đóng góp của ông (thảo luận, thư toà soạn...) trên Sáng Tạo.

1960-1970: Giai đoạn “hiện sinh” và lãng mạn hoá đời sống. Bối cảnh của chúng là vũ trường; những thành phố và những cuộc tình lang bạt; không gian ước mơ của lãng mạn, của hương hoa và mộng tưởng, được dựng nên trong một thế giới “thanh bình riêng biệt” (“a separate peace”, như thế giới của hai nhân vật nam nữ chính trong A Farewell to Arms của Hemingway).

Những vật thể và sự kiện biểu trưng của chúng là rượu, người nam “lang bạt”, người nữ “lãng mạn”, những cái hôn, những cơn say, những canh bạc, những “lối đi dưới lá”, những “đêm ngà ngọc”, những “mùa mưa”, những “cơn bão”... Những tác phẩm chủ yếu của giai đoạn này khá nhiều; có thể kể: Khi Mùa Mưa Tới, Cùng Đi Một Đường, Tới Một Tuổi Nào, Mái Tóc Dĩ Vãng, Sau Khi Bão Tới, Cũng Đủ Lãng Quên Đòi, Mười Đêm Ngà Ngọc... và đặc biệt, Căn Nhà Vùng Nước Mặn, Viên Đạn Đồng Chữ Nổi.

1970-1975: Giai đoạn ý thức về vai trò sáng tạo, vai trò của người nghệ sĩ. Cái nhìn của Mai Thảo mang nhiều màu sắc “dấn thân” hơn giai đoạn trước. Ngoài những tiểu thuyết feuilleton đăng hàng ngày, hàng tuần trên một số báo chí thời đó vẫn phải chảy theo một dòng thị hiếu như trong giai đoạn “hiện sinh”, tinh thần dấn thân và ý thức nhập cuộc của kẻ sáng tạo nơi Mai Thảo được thể hiện rõ nhất qua loạt tùy bút ông viết hàng tuần trên trang cuối của báo Khởi Hành do Viên Linh chủ trương. Bài tựa Đứng Về Phía Những Cái Mới mà Mai Thảo viết như một lời giới thiệu cho tập Tuyển Truyện Sáng Tạo, do chính Mai Thảo chọn, vào tháng 8 năm 1970, cũng đã nói lên được cái tinh thần dấn thân đó.

1987-hiện tại: Giai đoạn hồi cố, qua một số truyện ngắn, một số tùy bút, một số ghi nhận. Ý thức chống Cộng phần nào được hồi phục trong suy tưởng của Mai Thảo khi nhắc về những bằng hữu cũ hay khi lên tiếng về những vận động cho tự do, cho nhân quyền, cho quê hương. Tuy nhiên, nổi bật nhất trong giai đoạn này vẫn là những ghi nhận về đời sống và về những sinh hoạt nghệ thuật (đặc biệt là văn học) ngoài nước qua mục Sổ Tay ông viết đều đặn hàng tháng trên báo Văn tục bản trong nhiều năm qua. Từ những ghi nhận về đời sống và văn học này, những hồi quang của kỷ niệm cũng có một cái nền rất... hôm nay để lấp lánh, rục rĩ trở lại.

Nhìn theo trực ngang, tôi tạm thời phân định ý thức sáng tạo nơi Mai Thảo là như vậy. Nhưng, như đã nói về sự mềm dẻo, uyển chuyển của các mốc điểm, những chặng hay những tầng ý thức này cũng có thể xuất hiện chồng chéo và bám rết vào nhau trong các tác phẩm, ở những thời kỳ khác nhau, của ông. Sự phân kỳ chỉ là để nắm bắt cái hiện tượng tinh thần nổi bật trong những giai đoạn sáng tác được phân chia phần nào có tính chấp định (arbitrary) ở trên. Nhìn theo trực dọc, cảm xúc và cái đẹp — trong sự diễn tả, trong cách sử dụng ngôn ngữ, trong việc làm mới cú pháp — là hai nét quán xuyên và nổi bật trong tất cả các tác phẩm của Mai Thảo. Trong giai đoạn khoảng đầu thập niên 1970, có những người dùng danh hiệu “hiện sinh” để gán cho văn chương Mai Thảo. Một hai nhà nhận định văn học không chịu, cho rằng, thật ra, Mai Thảo là một nhà văn hiện thực. Vào thời khoảng 1970 ấy, cả hai tính từ chỉ định hiện sinh và hiện thực này, ở một cách nhìn nào đó, đều có thể dùng để nói về văn chương Mai Thảo (nhất là từ hiện sinh. Tôi nhớ dạo ấy trào lưu hiện sinh đang nổi lên mạnh mẽ trong không khí sách báo Việt. Và ngay trước đó vài năm, Mai Thảo đã phóng tác Aimez-vous Brahms? của Françoise Sagan, một nhà văn hiện sinh đang lên của Pháp, thành Cô Thích Nhạc Brahms? và cho in ngay sau đó). Tuy nhiên, có lẽ vì bám vào các giai đoạn sáng tạo của Mai Thảo trên trực ngang mà người ta đã dùng những tính từ này để xác định văn chương của Mai Thảo. Nếu nhìn theo trực dọc để thấy hai đặc điểm bao trùm tất cả mọi sáng tác của nhà văn, là cảm xúc và cái đẹp, tôi nghĩ tôi sẽ gọi Mai Thảo là nhà văn duy mỹ và duy cảm. Tính chất duy mỹ này Mai Thảo chia sẻ rất nhiều với Nguyễn Tuân và, phần nào, Thạch Lam, những người mà ông tự nhận là có chịu ảnh hưởng. Về tính chất duy cảm, Mai Thảo vượt xa Nguyễn Tuân và Thạch Lam nhiều lắm. Tôi không nói chung về mặt văn chương, vì trên phương diện này, cả Nguyễn Tuân, Thạch Lam, cũng như Mai Thảo, đều có những đóng góp riêng của mình trong dòng văn học Việt Nam. Tôi chỉ muốn nói về khía cạnh cảm xúc. Văn chương Mai Thảo cảm xúc tràn đầy; mà ở Nguyễn Tuân và Thạch Lam, cảm xúc chỉ dâng lên tới một độ nào mà thôi. Dưới đây, chúng ta sẽ phân tích một số những khía cạnh thể hiện cảm xúc và cái đẹp trong văn chương Mai Thảo trên trình tự dọc như chúng ta đã thử làm ở trên. Cảm xúc và cái đẹp ở đây, qua sự trình bày và phân tích một số đoạn văn của Mai Thảo, hy vọng sẽ cho chúng ta thấy được rõ hơn con người văn chương của ông, đồng thời cũng cho ta thấy được những đóng góp của Mai Thảo trong việc làm mới ngôn ngữ và cách nhìn cuộc đời bằng ngôn ngữ của nhà

văn. Nội giới và ngoại giới của con người, qua đó, như được soi chiếu bằng một luồng ánh sáng lạ, khiến ta nhìn ngắm những vùng không gian đó bằng một con mắt mới hơn trước.

Giai đoạn 1956-1960: Trong Đêm Giã Từ Hà Nội, tập truyện ngắn đầu tay của ông, người đọc đã bắt đầu nhìn thấy phong cách Mai Thảo trong cách dùng từ, trong cách đặt câu và diễn ý. Phong cách này đã cho người ta thấy thái độ bút thoát khỏi dòng văn chương cũ của những nhà văn đi trước như Nguyễn Công Hoan, Thanh Châu... hay của những nhóm văn học trước đó như Xuân Thu Nhã Tập hay Tự Lực. Tâm tình ở đây là tâm tình của kẻ bị thời cuộc đẩy ấn đến chỗ bút thoát và lên đường. Những trang sách chứa đầy tâm sự. Những ánh lửa đỏ bập bùng hay lấp lóe của một phố phường Hà Nội đêm giã từ năm xưa vẫn còn cháy mãi trong lòng kẻ ly cách. Dĩ nhiên, sự kiện đi tìm về những nẻo đường tự do sau khi phải bỏ quê nhà yêu dấu, nơi Mai Thảo, đã hàm chứa trong nó một thái độ chính trị, hàm ý chống đối. Sự chống đối này được thể hiện một cách vừa lãng mạn vừa văn chương qua những trang sách của ông. Sang đến Tháng Giêng Cỏ Non, tập truyện được xuất bản vào năm kế đó, 1957, những tâm tình cũ tiếp tục được nuôi nấng. Lập trường tự do được thể hiện rõ hơn nữa. Về mặt phong cách viết, Mai Thảo đẩy xa hơn nữa cái phong cách mà ông đã tìm ra trong tập truyện đầu. Vào khoảng 1956, 1957, trong văn chương Việt Nam, những câu viết như trong những đoạn trích dưới đây là những câu viết đẹp. Và mới.

Thời gian nghiêng đi (...) Vậy mà Xuân đã về rồi. Mùa Xuân của những ngã đường cỏ non, của những ngày khởi đầu nhung lụa, của những đợt khói hương thơm ngát trong đêm giao thừa, của buổi gặp lại, của ngày trở về. Mùa Xuân tự do thứ nhất ở đây vẫn chứa đựng cái hình ảnh muôn đời đôn hậu của Đoàn Viên...

(Tháng Giêng Cỏ Non)

Hãy đề ý sự lặp đi lặp lại của những nhóm từ trong các đoạn văn, những nhịp đi dịu dàng của bằng trắc, của sự cân đối trong ngữ pháp và trong hình ảnh. Hãy nhìn vào cách diễn ý.

Hồi đó, chúng tôi đến Án Đổ mỗi ngày mỗi nhiều. Những đợt chính huấn cải tạo của Cộng Sản càng rộng thì số người bỏ đi càng thêm đông đảo. Góc núi Án Đổ biến thành một cứ điểm của tự do (...) Đêm hôm đó tôi ngồi nói chuyện với chị Định ở bờ suối đến khuya. Đêm rừng đẹp một vẻ huyền ảo quanh tôi. Sao sáng muôn vàn trên khắp Án Đổ. Trời lạnh đặc. Sương phủ xuống trắng xóa những thành đá. Chị Định thúng thắt ho. Tôi nghĩ đến những ngày cuối cùng của chị. Đến những ống Streptomisine. Đến căn bệnh hiểm nghèo sẽ cướp mất của chúng tôi người chị thân yêu...

(Giai Đoạn Chị Định)

Về nội dung, cho dù truyện ngắn Giai Đoạn Chị Định phản ánh một thái độ chống Cộng, nó vẫn không mang chứa sự căm thù, bởi, qua nó, cái đẹp đẽ, ấm áp, thiết tha và gần gũi của tình người vẫn là những điểm nổi bật lên. Về hình thức, những câu đơn, ngắn gọn và đẹp, được sử dụng rất khéo. Những nhóm từ chưa phải là câu được cắt ra khỏi câu chính, cho đứng riêng rẽ, để nhấn mạnh.

Tập truyện ngắn mà nhiều người vẫn cho là hay nhất của Mai Thảo là tập Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đỉnh Trời, được xuất bản năm 1963, cũng có thể được viết ra trước và sau thời điểm 1960 một chút. Trong tập truyện này, ngoài ba truyện Luân, Người Đàn Bà Trong Vòng Đai Trắng và Người Điên Dưới Chân Sườn Tam Đảo là những chuyện mang một không khí chiến thời, thời Việt Minh, thời kháng chiến, thời về Tề, v.v..., những truyện còn lại có những bối cảnh của đời sống miền Nam. Đặc biệt truyện Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đỉnh Trời không cho người đọc xác định được rõ không gian của câu chuyện kể nằm ở đâu. Trong tập truyện ngắn này, phong thái Mai Thảo đã thật rõ. Nhất là ở trong cách diễn ý rất đẹp và trong những cảm xúc tràn lên trên từng câu văn.

Chàng có đôi mắt sâu như đựng chứa những hoang vu tiền sử, những đỉnh trời cao ngất không ngó thấy, những không gian buốt lạnh không có dấu chân và sự sống loài người. Đôi mắt phẳng phát niềm mơ màng khó hiểu, như những cửa ngõ mở vào một thứ thế giới hư vô riêng biệt. Đôi mắt như hai vì sao trầm lặng buồn rầu ẩn chứa mọi phần tâm linh cùng thẳm, tất cả định mệnh chàng ủ kín trong đó, đôi mắt có một sức quyến rũ mãnh liệt, lúc ngủ, tròng mắt yên tĩnh bao

bọc lấy đời sống hàng ngày, lấy tôi, trong cái nhìn khoan dung thỏa thuận. Đôi mắt khi cháy lên, khi ánh lửa dị thường nói sự bất gặp của linh hồn chàng với niềm khát vọng tiền kiếp, đẩy chàng tách rời khỏi đời sống, mọi người chung quanh, đi vào những miền gió bão hoang vu, bí mật và xa xôi như khối lửa nghìn đời xa cách, nhưng vẫn còn đó, vẫn thăm thẳm cháy trong lòng đất.

(Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đỉnh Trời)

Trong những đoạn trích dẫn dưới đây, trích từ truyện ngắn Luân, cảm xúc và cái đẹp tràn lên mệnh mang. Trong hình ảnh, trong chữ dùng, trong ngữ điệu, trong cú pháp. Và trong nỗi thiết tha nhóm lên khi thì dịu dàng, khi thì chắt ngắt trong trái tim tác giả.

Mấy tháng về sau, khi cụ Chánh đau nặng, Luân phải đi chợ xa thay mẹ, chúng tôi thường chiều chiều kéo nhau ra khỏi thị xã lên trên con đê cao đầu làng Mậu Dương đón Luân gánh hàng từ phía Tân Châu về. Vượt qua con sông Hồng mệnh mỏng lúc đó đã đổ thẫm rắng chiều, cái bóng nhỏ bé của Luân khi hiện ra ở đầu con đê cao vẫn có cái tác động màu nhiệm đổi thay cảnh vật, làm tươi sáng cả một vùng hoàng hôn bát ngát đang thắm vào tâm hồn để xúc động của chúng tôi.

(...) Con mắt yêu thương của chúng tôi, trước sau đều nhìn thấy bất cứ cái gì ở Luân cũng hay cũng đẹp. Riêng tôi, đẹp nhất là cái tiếng nói. Chỉ là âm thanh mà nghe thành hình ảnh. Tiếng nói mỗi khi nghe thấy, nhớ tới, thường làm tôi nghĩ đến một buổi sáng ở một cửa rừng vui nào với những hàng cây thưa, những thảm cỏ mượt, những tiếng chim ca ánh sáng trên đầu, cái buổi sáng bình yên trong ca dao, có cu gáy có bướm vàng của Huy Cận.

Tiếng nói có một ấn tượng vui ám tượng tự như khi đi một mình trên cánh đồng mưa tôi chợt bước vào một đầu phố, một thôn xóm có ánh sáng, có người ở, có tiếng cười, có sự sống chung quanh. Tôi vẫn nghĩ tâm hồn Luân phải trong đẹp lắm Luân mới có được tiếng nói thủy tinh trong suốt như vậy.

Cũng giống như ở đoạn trên, đoạn văn dưới đây cho thấy Mai Thảo đã sử dụng kỹ thuật viết câu dài rất thành công để diễn tả một dòng ý thức. Đó là một dòng chảy và cháy không ngừng. Để ý, cả đoạn này chỉ là một câu được phát triển với những giới ngữ (prepositional phrases) dùng làm trạng từ chỉ thời gian.

Tôi muốn bảo Luân, anh nhớ đến em trong tiếng súng ban đêm, những vết lửa dài cháy vào bóng tối, lúc bò núi sau lưng cái hình ảnh xót thương còn mang hình trái núi, lúc xuống đồng bằng trước mặt cái hình ảnh xót thương đã mang hình những ngọn lửa dài, lúc anh muốn chết, lúc anh muốn sống, lúc tuyệt vọng tối đen vực thẳm, khi tin yêu sáng chói mặt trời, lúc nhìn xa cái hình ảnh lớn theo ngút mắt, lúc tưởng gần cái hình ảnh thu cũng nhỏ vào một góc trái tim như một tấm hình kỷ niệm.

Trong đoạn kết, Mai Thảo dùng những câu thật ngắn và gọn. Hai câu cuối cùng được tách ra thành một đoạn riêng. Tính chất ngắn, gọn của các câu văn ở đây khác hẳn tính chất đan kết, liên tục, mở rộng của những ý nghĩ reo vui như những bọt sóng trong đoạn nói về tiếng nói của người con gái tên Luân; của những yêu thương bùng cháy không dứt như một vết lửa cháy mãi trong đêm tối. Cái ngắn, gọn ở đây mang tính tragic pha với pathos. Nó nằm trong cái biểu tượng của con bướm chết. Một cái đẹp mong manh, tàn lụi trong cái vô nghĩa và vô tình của cuộc đời.

Sáng hôm sau, tôi xuống núi thật sớm. Như người đi trốn. Tôi không có can đảm ở lại để nhìn thấy cái hình ảnh lam lũ của Luân đầy lười cày trên nền đất rừng cần cỗi. Trời đã sáng nhưng hai bên núi rừng còn yên lặng ngủ. Gần tới đường lớn tôi trông thấy một con bướm. Nó đậu trên một bụi cây thấp. Mình nó vàng ánh với những chấm đen ở hai đầu cánh. Tôi bắt lấy con bướm và bỏ đi không nhìn trở lại.

Suốt dọc đường tôi nghĩ đến Luân, đến Phạm, đến Trương, đến tôi. Lúc nhìn xuống, con bướm tự lúc nào đã chết nát trong lòng bàn tay.

Tôi nghĩ Luân là truyện ngắn hay nhất của tập truyện Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đỉnh Trời. Tập truyện này cho chúng ta thấy Mai Thảo đã kéo chúng ta lại gần với văn chương Việt Nam trong giai đoạn ấy hơn nữa bằng chính cái khả thể của ngôn ngữ Việt. Ông cho người đọc thấy rằng

cái ngôn ngữ ấy có thể diễn tả được những điều thiết tha và đẹp đẽ, mà vẫn hết sức mới, nếu nhà văn chịu khó khổ công với suy tư và với chữ viết của mình. (1)

Giai đoạn 1960-1970: Đây là giai đoạn sáng tác mạnh nhất của Mai Thảo. Ta cũng không nên lấy làm lạ về điểm này. Xã hội miền Nam trong thời khoảng ấy, mặc dù với nhiều biến động (nhất là sau năm 1963), vẫn là một xã hội đang trong một cơn sốt vỡ da. Chiến tranh tâm lý. Cách mạng. Đảo chính. Người Mỹ đổ quân vào Việt Nam. Những giá trị tinh thần xuống dốc. Giá trị vật chất lên ngôi. Phòng trà. Vũ trường. Cao ốc cho thuê. Mậu Thân. Khói lửa trên cả bốn vùng chiến thuật. Trong không khí náo loạn ấy, con người ta, phần bị quay theo cơn lốc hoàn cảnh, phần mệt mỏi buông thả bản thân, khó nhìn thấy mình đứng vững. Về mặt văn học, hiện tượng sách dịch nở rộ, đem theo những lượng nước cuối mùa của các trào lưu triết lý Tây Phương ập vào xã hội miền Nam. Những tư tưởng tự do về mọi mặt (đặc biệt trên mặt lý luận ái) có cơ hội bành trướng tốt. Báo chí chạy đầy những truyện dài đăng từng kỳ mỗi ngày (feuilleton). Các tác giả thi nhau viết và kéo dài số lượng chữ viết của mình để có được nhiều tiền hơn. Ngoài ra, kỹ thuật feuilleton còn đòi hỏi sự dằng dai, ngắt điểm ở những đoạn “gay cấn” trước khi chữ “còn tiếp” được đặt ở cuối cột báo để “câu” độc giả. Trong một hoàn cảnh như thế, các nhà văn “ăn khách” được khuyến khích sản xuất hàng loạt truyện dài để đăng trên các trang báo. Tuy nhiên, vì kỹ thuật feuilleton đòi hỏi, các tác giả rất khó giữ được cho bố cục của câu chuyện được hoàn chỉnh. Cùng với các nhà văn đương thời khác, trong giai đoạn này, Mai Thảo sáng tác rất nhiều. Dù sao, sở trường của Mai Thảo là tùy bút, hoặc truyện ngắn nghiêng về tùy bút, nên khi đi vào truyện dài đăng báo, về mặt nghệ thuật, ông không được thành công cho lắm. Nói như thế nghe ra có vẻ nghịch lý với nhiều người. Bởi lẽ, cùng với Duyên Anh và một số nhà văn khác trong thời ấy, truyện dài của Mai Thảo là những truyện bán chạy nhất, được độc giả mua nhiều nhất. Có nhiều cuốn được tái bản đi tái bản lại nhiều lần. Chuyện ấy hầu như không xảy ra trong trường hợp những tác phẩm thật sự có giá trị về mặt văn học của ông. Có lẽ chúng ta cũng nên phân tích thử sự kiện này về trường hợp của Mai Thảo.

Hầu hết, nếu không nói là tất cả các truyện dài của Mai Thảo xuất hiện trong thời kỳ này, và sau đó kéo dài đến đầu tháng 4, 1975, đều có chủ đề về tình yêu. Tình yêu được lãng mạn hóa. Tình yêu trở thành cái lý tưởng gần như là tuyệt đối trong cuộc sống. Trong một không khí chiến tranh tàn khốc như vậy, con người phải bám vào một cái gì đó để mà sống. Họ tìm được câu trả lời nơi các nhân vật của Mai Thảo. Trong một cuộc sống thác loạn với bao giá trị tinh thần và đạo đức đang sụp đổ, con người cần phải bám vào một cái gì đó để tin tưởng rằng cuộc đời vẫn còn những cái đẹp, những cái đáng cư mang, gìn giữ. Họ tìm thấy cái đẹp ấy nơi văn chương Mai Thảo, nơi những cảnh ngộ và tình huống mà ông đã tạo dựng ra để tình yêu lên ngôi. Mặc dù có hình ảnh của những quán rượu, những sàn nhảy, những cơn say, những canh bạc... chen kẽ, tình yêu trong truyện dài của Mai Thảo vẫn là điểm sáng chói lọi, rực rỡ và lấp lánh, nổi bật lên. Nó lý tưởng quá, và nó có vẻ không thật. Nhưng con người lúc đó cần một niềm tin. Cho dù niềm tin mà họ tìm kiếm có là một ảo vọng đi nữa, họ vẫn cố bám lấy nó. Bởi vì nó giúp người ta tiếp tục sống. Chiến tranh đã phơi bày bao nhiêu là sự thật phũ phàng, bao nhiêu là hiện thực tàn nhẫn; bởi thế, nếu tình yêu trong văn chương Mai Thảo có là một điều không thật, có được lãng mạn hóa đến mức tuyệt đối, người ta vẫn tin vào nó. Hay ít ra, họ muốn tin vào nó. Tin vào nó như tin vào một cứu rỗi cần thiết.

Dĩ nhiên, từ “con người” trong phần phân tích của tôi ở trên cũng chỉ là một cách dùng mỹ từ pháp. “Con người”, như là số đông của một tập thể. Tuy nhiên, vẫn có những con người bên ngoài số đông ấy.

Họ có thể là những người lính có ý thức, từ mặt trận trở về để nhìn lại thành phố. Nhìn vào thành phố rồi họ nhìn tiếp vào tấm gương phản ánh xã hội là văn học. Và họ tức giận. Họ cũng có thể là những nhà văn khác, ý thức vai trò cầm bút của mình như một sứ mệnh. Như Camus, họ muốn cất lên tiếng nói của lương tâm con người; từ đó, kêu gọi con người tự xét lại chính mình để hướng về những giá trị có tính cách vĩnh cửu và xứng đáng. Những giá trị ấy có tính cách giải độc và rửa sạch. Những người ấy không thích (hoặc, nói cho mạnh hơn, không chấp

nhận thái độ của Mai Thảo). Họ có cái lý của họ. Và cho đến bây giờ, thật sự, tôi cũng vẫn yêu mến và chia sẻ với những người ấy trong thái độ và ý thức trên.

Nhưng, nếu chúng ta đứng ở một góc cạnh khác để nhìn vấn đề, thì, có lẽ, đời sống nó có những phương cách tự hàn gắn của nó. Tôi vẫn yêu Camus, tôi vẫn yêu thái độ dấn thân và ý thức làm đẹp cuộc sống. Tôi vẫn yêu cái vai trò của nhà văn như một người soi sáng lương tâm, thức tỉnh cái phần tinh anh sâu thẳm nơi con người trong những cảnh ngộ tủi nhục, éo le, đắng cay, bi đát, khốc liệt... của cuộc sống. Tôi vẫn yêu những điều ấy. Nhưng, cuộc sống vẫn có những cách thể tự hàn gắn, tự cứu chữa riêng của nó. Và tôi nghĩ rằng, ở một góc cạnh nào đó, việc Mai Thảo ca ngợi tình yêu, lãng mạn và lý tưởng hóa một nụ hôn, một ánh mắt... cũng có thể đã có tác dụng cứu chữa, hàn gắn riêng ấy. Cũng thế, những người yêu thích truyện tình của Mai Thảo, trong đời sống riêng của họ, ở một góc cạnh nào đó, cũng có thể đã tìm được một nơi chốn cư ngụ cho trái tim của mình, mà đời sống, cách này hay cách khác, đã làm cho mệt mỏi hay chảy máu.

Về mặt văn chương, xét một cách chung, truyện dài của Mai Thảo không dở. Nó chỉ có vẻ bị yếu đi khi ta so nó với những viên ngọc được Mai Thảo mài dũa kỹ. Đó là những tùy bút và những truyện ngắn của ông.

Dùng một hiện tượng có tính thời đại là phim bộ Hồng Kông (2) để so sánh, ta có thể nói, ở một góc cạnh nào đó, truyện dài của Mai Thảo cũng như phim bộ. Người nào đã thích, bị hút vào là có thể mê mẩn tâm can. Những người có một... mỹ quan nào đó có thể xem thường phim bộ, vì nó lê thê và nghệ thuật diễn xuất có vẻ lặp đi lặp lại, nhiều chỗ xem ra thừa. Nhưng nếu người ta chịu khó bỏ thời giờ vào để theo dõi nó, phim bộ có những đoạn rất hay. Và các tài tử diễn xuất thật xuất sắc. Truyện dài của Mai Thảo, có thể phần nào bị làm cho hư hỏng về mặt bố cục vì kỹ thuật feuilleton, vẫn được viết bằng một thứ văn chương rất đặc sắc. Ngoài hai cuốn *Tới Một Tuổi Nào* và *Cùng Đi Một Đường* là hai cuốn hình như bị viết quá vội (nhưng vẫn có những đoạn hay), chúng ta có thể tìm được rất nhiều đoạn văn tả tình, tả cảnh, những đoạn chảy của dòng ý thức, của sự đọc thoại nội tâm thật đẹp và nhiều cảm xúc trong bất cứ một truyện dài nào khác của ông. Chúng ta hãy thử tìm kiếm một vài đoạn văn như thế để hiểu thêm về văn chương của Mai Thảo.

Hãy nghe Mai Thảo tả một điệu nhạc:

Bản nhạc gọi lên hình ảnh một đêm mùa thu. Một đêm mùa thu đầu đó, xa xôi, không phải là một đêm Saigon nồng cháy và chan hòa tiếng động. Một đêm mùa thu Paris. Một đêm mùa thu Hà Nội, lá vàng lá tả bay trên những con đường không tiếng vang, những con đường phẳng phát sương mù và lắng đọng rất nhiều bóng tối. Trên những con đường ấy là những bước chân rất êm của những người tình. Đầu ngả đầu, vai kề vai, tay trong tay nắm, thần trí mơ màng, tâm hồn phơi phới, trên những con đường lá vàng, những người tình diu nhau bước đi. Và nhạc duỗi theo những dấu chân mơ hồ. Vây láy. Và nhạc nói hộ tiếng thì thầm của tình yêu. Tiếng gió. Tiếng lá. Tiếng nước chảy nhẹ dưới chân cầu. Điệu nhạc xa vắng, khuya khoắt, ướt át.

(Sau Khi Bão Tới, tr. 20)

Và hãy nhìn dòng ý thức của nhân vật chính, trong cơn say:

Đời chẳng có gì hết. Một bài thơ nào đó của một thi sĩ nào đó, một bài thơ như một biển chán chường một rừng phiền muộn, có những câu hay quá đi. Ai đã làm chi đời ta chưa, ai đã dùng chi đời ta chưa. Rồi. Chưa. Không biết. Tất cả đều mơ hồ. Hết thấy là mù sương. Đời không còn gì. Ba mươi năm trên vai mà trống không bình sinh. Dừng chợt nhớ chàng đã ba mươi tư tuổi đầu. Thế là giữa tuổi đời đương hoa, hay đã tà tà xế bóng? Không biết. Nhọc mỗi trong thân. Lãng đãng trong hồn. Và chỉ còn cái đáng kể là một tử rượu còn đây. Say. Chỉ có say và quên là đúng nhất. Nhận đi, cái buổi chiều thành phố buồn bã này là ngày sinh nhật của mình. Tôi ra đời trong một ngày buồn bã.

(...) Ngày tháng là một giòng chảy. Và chàng là một con phao. Lênh đênh, nổi chìm, vô định. Rượu, đàn bà, đêm, những thú vui tàn rữa buồn rầu. Tôi là một thằng hề. Thằng hề múa máy quay cuồng, hoa chân múa tay. Điệu dáng nó ngộ nghĩnh. Quần áo nó kỳ quái xanh đỏ sặc sỡ. Nó nhào lên trên đường giây định mệnh treo căng như một trò đùa nguy hiểm, nhưng thằng hề

kỳ thực đã chỉ che đậy qua cái bề ngoài vui quấy kia một tâm trạng náo nùng thâm thương. Màn trình diễn chấm dứt với những chuỗi cười vang động. Đèn tắt ngoài tiền trường sân khấu. Thằng hề đi trở vào. Lũn thúi, âm thầm. Nó đến ngồi trước tấm gương nhòe đục của buồng hoá trang tiêu tụy, nó ngẩng nhìn nó trong gương và trong cặp mắt nó chọt một giòng lệ thấm từ từ chảy xuống.

(...) Khuôn mặt đó là của chàng. Hoang mang mỗi một. Trên một nền đêm, một nền đêm khuya khoắt lâm chung, trên một nền chiều, trên một nền thắm sâu tàn héo. Những chiều gục đầu. Những đêm rã rượu. Sóng rượu ào ạt tràn lấp. Con say vật vã chập chờn. Đôi mắt buồn như một đáy hư vô (...). Gió lên từ những vực thẳm nào. Gió làm rùng mình. Mưa bay vào một chiêm bao nào. Mưa là một lưu đày trắng xoá. Tình yêu. Hạnh phúc. Những danh từ trống rỗng, vô nghĩa.

(Sách đã dẫn, tr. 31, 202, 310)

Đó là một dòng ý thức tội nghiệp. Rất chân thật và rất thâm thương. Nó có tác dụng cứu chữa hoặc hàn gắn không? Nhìn theo hướng ý-thức-trị-liệu-pháp của các nhà tâm lý mới của thời đại này, tôi nghĩ nó có thể có tác dụng trị liệu và cứu chữa. Khi ta biết ta chỉ là một dòng chảy buồn sâu, khi ý thức ta đang rơi vào một cơn lưu đày trắng xoá, con người có thể sẽ tìm ra lối thoát như bản năng sống còn của con người đã dạy cho nó. Cũng thế, nếu nhận diện được mặt mũi của cơn say, nếu nhìn thấy được ta là một giọt lệ, là một biển đau trong một rừng sâu, có thể người ta sẽ tìm được đường cứu chữa.

Cơn say có hai bộ mặt đặc biệt của nó. Một vô cùng hung dữ và một thì rất đổi hiền lành. Say là gào hét, đập phá, dồn trút những ẩn ức chứa giấu thành những hành động điên cuồng và hung bạo. Say là một cơn lốc tan hoang. Những hành động điên cuồng của cơn say mang ý nghĩa một tự hủy của bản năng mù loà đã ra thoát những bờ hạn ngăn cản của lý trí. Nhưng say không chỉ là một cơn lốc. Mà say còn là một giọt lệ, một biển đau trong một rừng sâu. Người ta nghĩ đến cái nửa chùng của nhân thế, cái buốt lạnh của tâm can, niềm cô đơn của một trái tim không tình yêu, một tình yêu không hạnh phúc. Và nhỏ lệ xuống những đau buồn ấy.

(Sách đã dẫn, tr. 201)

Tôi biết là Mai Thảo đã có những cơn say như thế. Như những nhân vật chính của mình. Và tôi xót xa cho ông. Tôi cũng quý ông hơn. Bởi vì ông đã đủ chân thật để nhìn rõ khuôn mặt cũng như tấm lòng sâu thẳm của cái nhân-vật-chính-là-tôi ấy.

Cơn say, như thế, không chỉ là đập phá, gào thét... Nó còn làm ứa ra những giọt nước mắt. Người con gái ta yêu đã bỏ đi. Chỉ vì một hiểu lầm. Chỉ vì chúng ta quá nhiều tự ái để không thể đưa bàn tay về phía nhau nữa.

Lúc này, nếu chàng được ngồi một mình, chắc chàng sẽ để mặc cho một giòng nước mắt chảy ra. Người đàn ông không bao giờ khóc. Nhưng tôi có khóc đâu, chỉ là nước mắt tôi, tôi không thể nào cầm giữ được, chỉ là thất vọng tôi, tôi không thể nào lẩn tránh được, chỉ là vết thương của tôi, tôi đang nhìn thấy nó, ở giữa trái tim rùng rùng máu chảy, chỉ là nỗi chết trong tôi, nỗi chết đó đã nảy mầm, nó là một loài cây kỳ lạ thắm sâu, lá nó có gai sắc, cành nó là mũi nhọn, nó đang đâm nát tâm can thần trí tôi.

(Sách đã dẫn, tr. 254)

Có thể người ngoài cuộc sẽ cho rằng đây là một đoạn văn sướt mướt, diễn tả một tâm tình sướt mướt. Có thể là như vậy. Nhưng những người nào đã qua cái kinh nghiệm của sự mất mát kia có thể lại thấy họ tìm được một niềm thông cảm trong nỗi đau của nhân vật. Đời sống ở đây, cái sướt mướt ở đây, lại trở nên rất thật với họ.

Mai Thảo không chỉ giỏi trong việc mô tả nội tâm. Thật sự, ông cũng là một nhà văn tả cảnh rất độc sáng. Dù sao, có thể nói, hầu hết hoặc tất cả các cảnh được tả trong văn chương Mai Thảo đều in rõ nét ấn tượng. Nó là cảnh được nhìn qua cái lăng kính riêng của nhân vật. Rất ít khi cảnh trong văn Mai Thảo lại là cảnh khách quan, không được nội tâm hoá. Hãy xem một bức họa ấn tượng của Mai Thảo về Đà Lạt:

Hoàng Hôn Đà Lạt, lúc ngày và đêm bắt gặp nhau thành một hòa nhập thắp thoáng là một cảnh tượng chơi vui với những nhòe nhạt, những bông bành và những lặn chìm hư ảo. Không có cái

gì rõ nét. Từ những ngọn núi đến những cánh rừng. Từ những thung lũng mù sương đến những sườn đồi dào dạt gió thổi. Người ta sống, vừa với một tâm hồn của rừng, vừa với một cảm giác của biển. Những đỉnh núi nhòe mờ, có thể là vươn lên từ một biển mây trời lớp lớp mênh mông, lại có thể là những hòn đảo hoang ngoi lên từ một mặt đại dương mịt mù bát ngát. Ánh lửa kia là một vì sao. Nhưng ngọn đèn ấy lại là một ngọn hải đăng. Biển và núi rừng hòa hợp linh hồn vĩnh cửu của biển và của rừng ở đây, tạo cho hoàng hôn Đà Lạt những nét đẹp lạ thường. Hoàng hôn Đà Lạt đẹp thăm thẳm. Hoàng hôn Đà Lạt đẹp hoang đường. Người ta không đứng từ một phía này ngắm nhìn thiên nhiên từ một phía khác. Mà người ta nhập vào thiên nhiên, có nó trong máu, trong tim. Người ta không ở một lề đường tạo vật để rung động cùng tạo vật. Mà người và tạo vật là một. Tạo vật là hơi thở.

(Sách đã dẫn, tr. 266)

Và một bức ấn tượng họa khác về cảnh Nguyên Đán ở một chốn quê hương miền Bắc:

Phủ cảm thấy rung động và hồi hộp lạ thường. Cũng những bụi tre um tùm vây lấy những mái hiu hắt. Thời tiết tạo thành một nếp sinh hoạt đặc biệt “Bắc Kỳ”. Phủ chợt nhớ tới quê nội chàng. Những ngày còn nhỏ tuổi, cha chàng thường cho chàng về thăm quê trong dịp Nguyên Đán đầu xuân. Thứ mưa đang bay ngoài khung kính xe cũng là thứ mưa đã tạt qua vòm trời thơ ấu của Phủ. Nhẹ như tơ. Thoang thoang nghi ngờ. Có mà như không có. Mưa bay nghiêng, gió cuốn nhẹ, hắt những giọt mong manh lên trời. Mưa bay muôn chiều trong không gian như một điệu múa dịu dàng và kỳ ảo. Bấy giờ Phủ còn nhỏ tuổi. Chàng đi trên mặt con đê cao. Cỏ mùa xuân hai bờ xanh mướt. Từ dưới chân đê, những đợt khói bay lên trên những mái rạ. Người ta đang chọc tiết lợn ở những khoảng sân sau. Người ta đang gói bánh chưng. Phủ mê cái không khí sửa soạn Tết nhất thôn dã ấy vô tả.

(...) Bấy giờ con đường dài hơn mười cây số từ phi cảng Phú Bài về tới thành phố Huế đã lần lượt đánh thức dậy tất cả những râu chuối hình ảnh xưa cũ và thơ ngây đó trong lòng Phủ.

Tưởng như có một giọt nắng đang chảy trong óc, lan ra, làm sáng cả hồn. Tưởng như có một hơi gió lùa đi, làm mát mẻ cái thế giới bên trong nhiều chán chường ngọt ngọt.

(Khi Mùa Mưa Tới, tr. 185, 186)

Cũng trong truyện dài Khi Mùa Mưa Tới, tôi đã bắt gặp... một cái hôn thật đẹp, thật đầy, thật táo bạo, và thật quê hương, nở ra ở giữa lòng xứ Huế cổ kính, trong vườn chùa Linh Mục, cùng với mùa mưa dầm dã đã bắt đầu. Xứ Huế của thành quách cổ cũ, của núi non lừng lừng nghìn đời, của dòng sông thơ lờ lững. Cái hôn nở ra như một đóa mộng ướt mưa, chấp chới. Trong văn chương Việt Nam, nói riêng, và thế giới, nói chung, tôi chưa từng thấy một chiếc hôn nào dài và đẹp đến thế. Mai Thảo cho cái hôn này kéo dài 5 trang chữ nhỏ. Ở đây, tôi chỉ trích vài đoạn đẹp và sinh động nhất. Đọc đoạn văn này, trí ta như nghe thấy khúc nhạc Tứ Khúc Bốn Mùa (The Four Seasons) của Antonio Vivaldi oà lấp trong hồn. Và hiển hiện trước mắt ta là bức tranh tuyệt đẹp Cái Hôn (The Kiss) của người họa sĩ tài hoa nước Áo Gustav Klimt mà nhà An Tiêm, Saigon, ngày xưa đã dùng làm mẫu bìa cho cuốn Một Thời Để Yêu và Một Thời Để Chết của E. M. Remarque. Chẳng biết bây giờ, trên nửa đời người rồi, Mai Thảo có còn nhớ đến đóa mộng cũ, ngời ướt sương mưa đó không?

Qua hàng mi dài vút của nàng, tầm mắt Linh đụng vào một hình thể yêu dấu ở gần. Tất cả bát ngát lớn lên. Đôi mắt Phủ cũng là đôi mắt nàng long lanh vô bờ. Khoảng trống bên sóng mũi cao của chàng như một thung lũng ngon chạy dọc theo một triền núi đẹp, miệng chàng mở hé, môi hồng sắc máu rung động. Linh thấy nở lên như một đài hoa hàm răng chàng óng ánh. Rồi tất cả bật đi và bị nuốt chửng. Linh không nhìn thấy gì nữa. Cái hôn bắt đầu và nàng đã nhắm mắt lại. Trong một khoảng khắc thần tiên, trời đất tối đen như đêm, nàng nồng nàn hôn trả Phủ, hai người nồng nàn hôn nhau, mọi lời nói mọi ý nghĩ bị ngăn chặn lại, và trong hòa hợp truyền thắm mê đắm, trong cái hôn trao gửi khít khao kỳ diệu, Linh sống một cảm giác tốt đỉnh bàng hoàng. Những hoa sao nháy múa trong đầu nàng. Trong đầu nàng như có bóng Ngự Bình nghiêng xuống, giòng Hương Giang chảy qua, nó chảy trong một đêm ngà ngọc, kín kín, thăm thẳm, nó chảy trong cái thiên đường bé nhỏ kiêu hãnh, những lớp sóng đỡ nàng lênh dênh thành một vòng hoa, những lớp sóng bao trùm nàng cho cả một rừng tóc lướt thướt chết đuối,

trong đầu nàng có sự im lặng thành kính say say lả lả, có tiếng chim hót vui như tiếng hót ánh sáng ở một cửa rừng, có sự thức tỉnh sáng suốt và trong vắt của cả một đời người mà cái hôn đầu là tấm gương lớn cho nàng soi ngắm hình thù của rung động, lại có sự mê thiếp sượng sần tối tăm như nàng sắp ngã, đang ngất, nàng đang bị giết chết, giết chết bằng cái chết của men, của đường của mật nấu cất ngất ngư trong nắng. Từ miệng nàng tới đầu, bốc thoát ra một nghìn chân tóc. Từ miệng nàng tới cổ họng xuống thân thể nhẹ bồng và tay chân hững hờ không biết đặt vào đâu là sự truyền lan cực kỳ mãnh liệt của một cảm giác xa lạ, cảm giác đó như một trái chín nàng vừa rớt người hái xuống, cắn đầy miệng, ngửa cổ nuốt đầy cuống họng, nàng thờ không được nữa, nàng không muốn thờ mà, nàng sống không được nữa, em muốn chết mà, cái chết nghệt thờ trong hôn anh, em muốn nhìn niềm vui lạ thường oà sáng trong em, giữa anh và em. Và Linh lim dim mở mắt nhìn nàng đang hôn. Cái nhìn e dè không rõ như có mưa dầm làm mờ mờ cảnh trí hư ảo, nàng chỉ nhìn thấy những sợi mi của nàng, những sợi mi dài đang ngậy ngất chết, đang mê mải nhìn nàng và Phủ hôn nhau (...)

Cái hôn bất tận, kéo nàng ngã vào vùng phiêu lưu quay cuồng của cảm giác vừa tiếp nhận, vừa khám phá. Cái hôn dẫn đi. Trên những cánh đồng cỏ mùa xuân, cỏ thơm nõn như chuốt lọc ánh sáng, cỏ mềm mại như nõn nà da thịt, cỏ cao bông tới ngực, tới đầu, đôi chân son hồng của Linh chạy mãi miết, cánh đồng mùa xuân chấp chới muôn ngàn màu sắc, của bướm, của sương đang tan của nắng đang dấy, của suối chảy róc rách thành sóng vỗ hiên hoà, của trời cao mênh mông với đất dưới này được nối liền bằng thân thể nàng vươn lên thành chiếc cầu vòng bảy sắc kỳ diệu, cánh đồng mùa xuân là một hội vui vĩ đại hân hoan, Linh muốn tham lam ôm đầy tay, uống đầy hồn, nàng chỉ có một nhưng nàng muốn muôn nghìn, nàng đòi tình yêu cho nàng một đôi cánh, tình yêu cho nàng liền, nàng đòi tình yêu đi vào đôi chân cuống quýt của nàng đòi hài bảy dặm, tình yêu cũng cho nàng liền, thế là Linh bay đi, bay tới đâu cũng gặp nàng đang ra đời, đang lớn, đang yêu và đang sung sướng.

Cái hôn dẫn Linh đi. Trên những con đường tình tự. Những khoảng tối ẩn ẩn hiện hiện có lợi cho những cặp tình nhân, những khoảng tối làm cho những mái tóc được kê liền, những bờ vai được tựa vào những bờ vai, những ngón tay bỗng đan thêm một vòng khăng khít. Con đường nhỏ, biệt lập với đời sống, chỉ những kẻ yêu nhau được phép đi vào. Đất thật mềm, lá thật xanh, yên lặng thật đầy, cái đẹp lắng đọng và lớn. Vừa đi Linh vừa biết, bằng những khám phá kỳ ảo. Biết thân thể không phải chỉ là cái bất động của hình hài trống không mà thân thể chỉ là giới hạn chứa đựng những cảm giác phá vỡ nó như một nhà ngục. Biết cuộc đời không phải là cái thần nhiên thảng thảng cái dửng dưng ngày ngày, nhạt nhạt đời đời kiếp kiếp và cuộc đời làm bằng những đỉnh cao vút choáng váng, những vực thẳm hun hút ghê hồn, nhưng người ta không có quyền sợ, người ta sống nghĩa là người ta dám.

(Sách đã dẫn, tr. 126-130)

Đoạn văn trên là đoạn tôi trích dài nhất trong bài nhận định này. Bởi lẽ nó chính là biểu tượng đẹp vào rõ nhất về dòng văn của Mai Thảo. Cảm xúc tràn lấp và hình ảnh thì hết sức chuốt lọc. Văn chương Mai Thảo, một cách nào đó, cũng chính là một thứ văn chương ẩn tượng. Tấm gương duy mỹ và duy cảm kia, để ché đi một chút, với một vật nắng chiếu qua, hay với một cơn mưa phủ xuống, đã để lại những hình ảnh rất rõ nét trong mắt nhìn, trong tâm trí và trong cảm nhận người đọc. Tôi ít thấy một nhà văn Việt Nam nào ẩn tượng đến như Mai Thảo.

Truyện dài của Mai Thảo, dù sao, nhìn ở một góc độ khách quan và thành thật nhất, vẫn không có một "chiều sâu" tư tưởng nào khả dĩ giúp cho nhà văn được nhìn ngắm như là người của một thế hệ. Mỗi thế hệ, trong bất cứ xã hội nào, cũng có những khác khác, những vấn đề của nó. Chính là khi đối mặt với vấn đề, khi đưa ra một hướng đi, thử một giải pháp, nhà văn hoặc tác phẩm của hắn trở nên một biểu tượng cho thế hệ mình. Ở Nhật sau thế chiến thứ hai, Yukio Mishima và Kawabata là hai biểu tượng sáng chói. Ở Pháp, trong khoảng trước và sau thời gian đó, Albert Camus và Jean Paul Sartre là hai biểu tượng nổi bật. Ở Việt Nam, những nhà văn như Võ Phiến, Thanh Tâm Tuyền, Vũ Khắc Khoan... đã là những biểu tượng. Mai Thảo, trong cái nhìn này, không phải là một biểu tượng. Ông là người làm mới ngôn ngữ, làm mới

phong cách diễn tả, làm chúng ta yêu văn chương hơn. Có lẽ điều ấy quá đủ. Và có lẽ Mai Thảo cũng chỉ muốn được sống thoải mái trong vai trò ấy.

Trong giai đoạn 1960-1970, ngoài những truyện dài mà ta đã thử bàn về những giá trị và giới hạn của chúng, Mai Thảo còn in được những tập truyện ngắn có giá trị như Bầy Thỏ Ngày Sinh Nhật, Dòng Sông Rực Rỡ, Người Thầy Học Cũ. Nhiều truyện ngắn của Mai Thảo là những đóng góp đẹp cho văn chương Việt Nam. Bố cục cẩn thận, phong cách diễn tả độc đáo, truyện ngắn Mai Thảo, nhiều khi, còn chuyên chở những suy nghĩ (hay là những chủ đề nhỏ) rất con người. Truyện ngắn, cũng như tùy bút, như đã nói, giúp Mai Thảo đi gần đến chất thơ hơn. Và thơ, đó chính là bản chất của văn chương ông. (3)

Nói đến tùy bút, trong giai đoạn này, độc giả cũng được đón nhận một tác phẩm đẹp của Mai Thảo. Đó là quyển Căn Nhà Vùng Nước Mặn. Tôi không rõ những bài tùy bút trong tập sách này được ông viết trong giai đoạn nào, có thể là đâu đó trước hoặc sau thời điểm 1960. Nhưng cuốn sách được in và xuất bản vào năm 1966. Hai bài tùy bút nổi bật nhất của tập này là Căn Nhà Vùng Nước Mặn và Chuyến Tàu Trên Sông Hồng. Trong bài đầu, tả về ngôi nhà ở một vùng biển của mình, một căn nhà quê hương, Mai Thảo có những đoạn thiết tha và thật đẹp như sau:

Tôi sẽ về thẳng một mạch. Như con chim sẽ qua hàng nghìn đỉnh cây, hàng nghìn nóc nhà và thẳng cái tổ của nó trên kẽ mái. Tôi đi theo sức hút màu nhiệm của một hình ảnh đẹp. Mỗi cây số đường gần, thấy lòng ấm nóng trở lại. Cảm động và thơ dại trở lại...

(...) Tôi đã về nhà tôi, tôi đã về nhà tôi. Tôi có thể im lặng ghen ngào cảm động đến nói không thành tiếng...

(...) Nó ý thức được sự có mặt của tôi. Tất cả đều nhìn thấy, nghe thấy. Những cánh cửa thông thoáng gió biển. Những bờ tường lênh đênh. Những lối đi có bụi phủ ngập xuống những ngày tôi cúi đầu bỏ đi. Cầu thang gác lượn vòng ở một góc tối. Những hòn ngói rêu phủ kín mặt. Căn nhà thức giấc...

(...) Để đuổi khỏi những hình bóng ma quái lẫn quất ám ảnh, tôi sẽ mở tất cả cửa sổ, mở thật rộng. Trời sáng bên ngoài. Những phiến lá bàng đỏ như son. Gió biển ve ve thổi qua. Bức màn tre phàn phật nằm ngang theo chiều gió trùng trùng.

(...) Buổi sớm chim sẽ đánh thức tôi dậy. Tôi mặc áo xuống vườn một mình. Cỏ hoang cao và đầy. Nhiều khoảng đất trống.

(...) Tình cảm bay múa thì hình ảnh cũng múa cũng bay theo. Lúc đó tôi sẽ khám phá thấy, một lần nữa, rằng đời sống con người phân hóa đến đâu cũng vẫn chỉ là những khối nhỏ bé, vây chung quanh một khối lớn. Những khối nhỏ này bắt nguồn từ khối lớn ấy, cái khối lớn ấy là quê hương.

(...) Tôi sẽ nằm gọn trong cái khối lớn ấy. Như con tằm nằm gọn trong lòng ổ kén. Như đứa trẻ ú ớ nằm trong đáy nôi.

(Căn Nhà Vùng Nước Mặn)

Ở nơi vùng đất lữ thứ này, bây giờ, 1994, đọc lại đoạn văn trên của Mai Thảo, tôi thèm trở về một căn nhà quê hương biết bao. Một căn nhà với cửa sổ mở tung vào trời xanh trên cao, những phiến lá bàng đỏ như son, tiếng chim sẽ gọi nhau chấp chới. Mùi đất ngai ngái thơm sau cơn mưa đầu mùa. Khu vườn, với những đóa hoa hồn nhiên thơ ngây mỉm cười cùng trời đất. Đó chính là những hình ảnh hồn hậu của quê hương.

Nói đến quê hương, bài Chuyến Tàu Trên Sông Hồng là một bài tùy bút tuyệt đẹp mà tôi nghĩ người ta nên đưa vào Sách Giáo Khoa. Như người Pháp đã làm như thế với những bài văn tuyệt đẹp và tha thiết của Alphonse Daudet. Những vùng đồi núi Pyrénées, Provence của miền Nam nước Pháp. Cảnh trí và trời đất Luberon, cậu bé chần cừu, cô chủ nhỏ dễ thương, và những vì sao. Chuyến Tàu Trên Sông Hồng, trong bối cảnh Việt Nam, là cái nhìn thiết tha mãi về quê hương như thế.

Hình dung thấy con tàu đỏ trên con sông đỏ. Con sông Hồng Hà. Như dòng máu đỏ tươi chảy băng băng khắp vùng trí nhớ băng khuâng. Con sông như một đời sống vĩ đại. Bên này bãi lở. Bên kia bãi bồi. Tiếng sóng giữa dòng trùng trùng ca hát. Tiếng sóng đập cái tiếng đập menh

mông đầu ghềnh nơi tả ngạn bị hút xoáy mãi miết, nước xôn xao róc rách đầy lùi mãi những bãi dâu và những nương khoai vào những chân tre cù. Nơi tả ngạn, ngọn sóng hiền lành lẫn lẫn êm ả trên những bãi ngằm nổi hình mùa lũ này qua mùa lũ khác. Đứa nhỏ trôi theo con tàu trên dòng trường giang hùng vĩ chợt nhớ tới những con sông làng thôn mềm dải lụa có trâu đầm từng đàn dưới bóng đũa nghiêng, có những chiếc cầu đá dẫn tới một phiên chợ sớm đầu đình, có những cầu gạch mở vào những cái ngõ lang thang mất hút, có cổ gà trên gò đồng, cổ ống trên mỏ má, có những cầu tre tay vịn chông chành, đêm đêm có ánh đom đóm lập lòe, có ánh trắng xanh lướt chờ tới những khoảng sân gạch bát tràng nồng ấm hương lúa đầu mùa. Tiếng quạt thóc rào rào. Màu lúa vàng điệp dưới ánh trắng nhể nhại. Tiếng cười tiếng đùa rộn rã là âm thanh đầm ấm của những năm tháng được mùa thỏa thuê trong hạnh phúc quê mùa và yên vui đơn giản. Đứa nhỏ nhớ mãi cái cảm giác lạ xạ dưới lòng chân khi nó dang tay đi rề rề, miệng ngậm một con rơm tươi giữa đám thợ gặt từ những phương trời khác đeo hái tới làng, lại đeo hái lên đường tới những cánh đồng chưa gặt khác. Nó thấy người ta nói chuyện tiếu lâm, người ta tự tình, người ta yêu nhau. Và khi đám con trai lạ bỏ làng đi, nó cũng đứng tần ngần dưới chân đê nhìn theo cái hàng một dài tấp kéo dài trong ánh bình minh rồi nhỏ dần, nhỏ dần như một sợi chỉ và mất hút. Nhớ tiếng trống làng thùng thùng. Tiếng chuông châu buổi tối. Tiếng mõ niệm buổi trưa. Tiếng gà gáy sớm. Tiếng chó sủa đêm. Nhớ những âm thanh mộc mạc nghìn đời của đất của đồng của hoa của cỏ. Nhớ tiếng ếch tiếng nhái ảo uộp dưới ao bèo Nhật Bản, tiếng ve ran ran, tiếng sáo diều vi vu bất tận trên nền trời rộng, tiếng đòn gánh kéo kẹt rập rình, tiếng chân đi nặng nặng của đám tuấn vác mỡ canh đêm, là những tiếng động cũ kỹ, thuần túy của xóm làng có ao sen đầu đình giếng đá đầu quán, có những chuyến xe buýt cà rịch cà tang thờ khói khét lẹt trên mặt đê cao.

Đứa nhỏ sống trong thứ thời gian rất thơ và rất xanh của bốn mùa, thứ không gian tình cờ của mưa mưa nắng nắng, nó sống trong cái thế giới của chuồng trâu bếp lửa, của khói rạ lượn lờ trên mái tranh, của hương hoàng lan thoảng thoảng trong cây, của hương bồ kết cay cay trong tóc. Nó nhớ lại tuổi nhỏ như một con chuồn chuồn ngát ngư trong biển nắng, cái tuổi nhỏ như say rượu, cái tuổi nhỏ nằm tròn thành một giọt sương mai giữa đất trời, cái tuổi nhỏ ru nó bằng nhịp võng đưa, cái tuổi nhỏ thật nhỏ, cũng thật hiền, thật non và cũng thật xanh, cái tuổi nhỏ của cái mũ trắng nó đang đội, của cái quần trúc bầu sọt soạt nó đang mặc, của tóc mới đâm cứng như rễ tre, của da mới vỡ đầy vết lang ben, của tiếng nói khao khao như tiếng gà trống, cái tuổi nhỏ thật là tuổi hồng, cái tuổi nhỏ ở đồng chưa từng biết thế nào là ánh điện, là đường nhựa, là ngã tư, là phố phường.

(Chuyến Tàu Trên Sông Hồng)

Mai Thảo đã làm sống lại bao nhiêu hình ảnh quê hương thơ đẹp và thao thiết như thế. Có ai lại không thiết tha yêu mến quê hương sau khi đọc xong những dòng văn trên?

Trước khi xét đến giai đoạn kế tiếp, cũng nên nói về cuốn truyện vừa Viên Đạn Đồng Chữ Nổi, đầu tiên đăng từng kỳ trên tuần báo Nghệ Thuật do Mai Thảo chủ trương, Đăng Giao trình bày, sau được Văn in thành sách vào năm 1966. Cuốn sách có bối cảnh lịch sử là cuộc chiến Việt Pháp nơi miền đồng bằng Bắc Việt. Nhân vật: ông quận trưởng Vinh, một cô gái tên Nữ, và một cán bộ Cộng sản tên Niệm. Thời đó, có một vài bài phê bình liên quan đến cuốn truyện này, đặc biệt trên tờ Văn Mới. Bài phê bình đặt vấn đề về ý thức chính trị của tác giả chứ không bàn chuyện văn chương. Cái nhìn của Mai Thảo, dù sao, trong cuốn sách này quá lý tưởng. Những tình tiết, diễn biến trong truyện khó có thể xảy ra theo như cách Mai Thảo dàn xếp. Cuốn sách được đề ý vì nó mang một chủ đề lạ trong thế giới văn chương Mai Thảo thời ấy; hơn nữa, nó lại còn được mang ra mổ xẻ, phân tích. Nhưng có một điều cũng nên nói về cuốn sách này là, dù cho nó có đề tài về chiến tranh, một đề tài xa lạ trong văn chương Mai Thảo, Viên Đạn Đồng Chữ Nổi vẫn là một cuốn sách của ông, với những đoạn văn rất đẹp và nhiều cảm xúc.

Giai đoạn 1970-1975: Tiếp tục viết và cho xuất bản một số truyện dài, trong đó có Sống Chỉ Một Lần, Lối Đi Dưới Lá, Để Tưởng Nhớ Mùi Hương, v.v..., với những giá trị và giới hạn như đã được phân tích chung, trong giai đoạn mới này, Mai Thảo, trong một thay đổi ngoạn mục và chắc chắn là với một ý thức rõ rệt, đã viết một loạt tùy bút trên báo Khởi Hành trong vòng trên

dưới hai năm, và trong năm 1970 cho xuất bản ngay thành sách. Cuốn sách, với cái tên thích hợp là Tùy Bút, tập hợp những bài viết rất sắc bén và tài hoa của Mai Thảo về những vấn đề của đời sống và những hồi cố về kỷ niệm. Vai trò của người nghệ sĩ trong đời sống được nhìn ngắm kỹ và đặt thành vấn đề suy tưởng:

Người đời vẫn không hiểu văn nghệ sĩ là loài chim biển mở ngực đau thương lấy hết máu hồng, nuôi đời khôn lớn. Không phải thế. Máu đời đã sẵn những dòng đầy ắp trong da thịt và hình hài đời tự nó nở hoa. Văn chương khác. Nó không đến với cuộc đời như loài chim biển ấy. Tôi không có chết cho anh được sống. Chỉ là một ảo tưởng quá độ về vai trò, vị trí và lẽ phải về hiện hữu mình, những kẻ viết ra chữ, hát ra thơ, nghĩ mình là con tầm nhả tơ vàng dệt đời thành lụa, con ve sầu góp tiếng kêu cho nóng những mùa hè, chú lái khờ tặng hết những kim cương châu báu đầy tay, cho thật hết không đời nhận lại. Có những cuốn sách có trời trong sách. Có những bài thơ có biển trong vần. Có. Nhưng nghệ thuật chỉ là cái sự nói ra, bằng một cách nào, những điều đã có. Người làm nghệ thuật không đóng một vai trò nhất định nào. Cho anh. Cho nó. Y không tạo nổi những bình minh, dựng được những mùa Xuân. Nghệ sĩ chỉ là kẻ nhắc tuồng tối tăm bình thường đứng dưới căn hầm sâu khấu đỏ anh biết thế không?

(Kẻ Nhắc Tuồng)

Đây là tập hợp những suy tưởng về đời sống, về chỗ đứng và thái độ của người nghệ sĩ, về những tiếng mưa rơi trong đêm réo gọi về những ngày thơ ấu cũ, về những chuyến tàu lửa của cuộc đời, những giá trị ẩn giấu mà ta phải tìm kiếm trong cuộc hành trình kia... Chỉ tiếc, quyển sách, có lẽ vì được in gấp, đã để lại quá nhiều lỗi chính tả. Còn về nội dung, đây thật sự là một cuốn sách đẹp, với những suy tưởng đẹp và có chiều sâu của Mai Thảo.

Cũng trong giai đoạn này, khi cho in Tuyển Truyện Sáng Tạo, tập hợp những truyện ngắn đặc sắc của một số những nhà văn đã từng xuất hiện trên tờ báo này, Mai Thảo trình bày lại ý thức lên đường cũng như ý thức nghệ thuật của mình. Cái ý thức đó, ông muốn xem là một ý thức nên có của những người cầm bút.

Nghệ thuật hôm nay phải nói được chúng ta, trình bày được tâm trạng đời sống lớp người chúng ta, nếu không nó sẽ chẳng bao giờ nói được gì hết. Nghệ thuật không còn là một giải thoát, niềm an ủi vỗ về, sự trốn chạy khỏi đời sống, bàn tay xoa dịu con người lãng quên trong chốc lát những ảo tưởng hư ngụy, những thảm kịch, những vấn đề mà một ý thức soi chiếu xuống những đáy sâu thẳm của tâm linh, xuyên qua những biến động ngoại cảnh đã lột trần chúng ra trong những quần quai và những kêu gào đòi được biết đến. Nghệ thuật hôm nay là vũ khí hành động của con người vĩ đại lớn lên trong thức tỉnh của ý thức. Nó phải đánh vào những miền bóng tối, những hoa lá ngụy trang che giấu đời sống. Nó phải có mặt ở khắp nơi, ở bất cứ nơi nào dự phần vào đời sống chúng ta. Nó phải nói được tất cả: những đau đớn và xé, những thất vọng chán chường, những chiến thắng, những lần thất bại, nỗi hoang mang kinh hoàng, niềm vui tin lấy lại, những băng hoại sa đọa đau thương, những trở chiều, những phục sinh dững cãm. Nó phải trình bày được những biểu lộ khác biệt, những mâu thuẫn rối rắm, những khía cạnh sinh động của con người thời đại trên hành trình đi vào trọng tâm và bản thể đời sống khám phá ở gốc nguồn và nền tảng tất cả sự thật về mình, những nguyên tố liên quan thiết yếu đến đời mình. Nghệ thuật đó không dẫn tới quan niệm phi lý, chối bỏ đời sống.

(Phản giới thiệu Tuyển Truyện Sáng Tạo)

Cho dù những nhận định, những đề nghị, đi rất gần với những tuyên ngôn văn nghệ này, là những điều được Mai Thảo viết lại từ những gì mình đã viết trên Sáng Tạo Tục Bản, số một bộ mới, những điều được viết lại này cho thấy rõ sự xác tín của ông trên khía cạnh văn nghệ. Về vai trò và ý nghĩa của nó. Văn nghệ mới, trong hướng kêu gọi của Mai Thảo, và chính ông đã làm được những điều thiết tha đặt ra cho nó chưa; hoặc nếu đã làm được, thì ở mức độ nào. Việc nghiên cứu và trả lời những câu hỏi này cho một giai đoạn văn nghệ của văn học miền Nam Việt Nam cần phải được đào sâu và được phân tích trong một chủ đề khác. Sẽ là một điều tốt nếu nó trở nên một chuyên đề cho những nhà nhận định, phê bình và khảo cứu đào sâu, để, từ đó, đặt nền móng cho những hành trình văn học mới của chúng ta.

Giai đoạn 1978 cho đến hiện tại: Kể từ vượt biển và định cư tại Mỹ năm 1978 đến nay, Mai Thảo ra được một tập chân dung văn nghệ, viết về các người viết văn cùng thời, trong một cái nhìn thật thân hữu. Và với một phong thái thật Mai Thảo. Cuốn sách cũng là một tài liệu cho việc tìm hiểu những sinh hoạt văn học cũng như lối sống của những nhà văn được Mai Thảo đề cập. Ngoài ra, ông còn in được một vài tập truyện ngắn nữa. Cái mới trong các truyện ngắn của Mai Thảo ở đây là ông đưa được vào trong chúng những hoàn cảnh mới, những thái độ mới, những suy nghĩ mới. Còn về phong cách viết, xem như không có gì thay đổi.

Nhưng theo tôi, phong thái và bản sắc đặc biệt của Mai Thảo trong giai đoạn này được thể hiện không phải qua những cuốn sách mà ông đã xuất bản. Nó thể hiện qua Sổ Tay, một thứ lá thư tòa soạn mà ông cho đăng đều đặn trên Văn từ nhiều năm nay. Ở đây, trong vóc dáng, trong lối vở, và ngay trong bản chất, Sổ Tay là một loại tùy bút mới của Mai Thảo. Như con cá được lội trong dòng nước khỏe khoắn quen thuộc, Mai Thảo, một cách hết sức sinh động, bàn về đủ mọi thứ chuyện liên quan đến đời sống, đến văn học, đến xã hội, đến bằng hữu, đến kỷ niệm...

Câu văn của Mai Thảo ở đây thường "tự nhiên" hơn là câu văn của ông ở những chỗ khác. Rất nhiều câu cụt và ngắn một cách cố ý. Mà vẫn có nghệ thuật. Hình ảnh và nhịp điệu của chúng phối phối bay múa. Nhịp điệu của hình ảnh? Vâng, đó là một đặc trưng của văn Mai Thảo.

Mưa. Mùa Thu. Mưa dương cầm Nghiêm Phú Phi. Thu vĩ cầm Đan Thọ. Phần tôi, sáng nay một hơi thuốc lá thấy ngon hơn, hơi thuốc của thơ Hồ Dzếnh: ngỡ lòng mình là rừng, ngỡ hồn mình là mây, cộng với cái nhìn bởi nắng đã lui quân nên dầm dề bóng rợp, đã những ý thơ, hình thơ, ảnh thơ, tứ thơ về mùa thu, về mưa trời, về tháng chín óng ả hiện hình dưới hàng hiên tâm hồn sáng nay tôi đang ngồi, trên một ghế bành tưởng tượng, nhìn mưa Mỹ nghiêng nghiêng chờ mùa thu Việt tới (...) Mùa thu. Moderato, trong nhạc dân gian Phạm Duy. Lá vàng mùa thu. Doloroso, trong nhạc trữ tình Cung Tiến (...)

Thơ tiên chiến về mưa thu, nắng thu lấp lánh thật nhiều châu báu, kim cương nơi thể thơ như một bình ngọc riêng được đúc ra để đựng hết mùa thu ngáy ngắt là thể thơ lục bát. Câu sáu đội mưa thu bay. Câu tám nhật nguyệt đồng rưng.

(Văn số 40, 10/1985)

Đích thực mưa xuân. Phối phối, nghiêng nghiêng. Và lục bát trên những mái nhà. Và tứ tuyệt trên những đường phố. Và song thất ở những ngã tư (...) Đêm qua thức giấc, thoáng nghe thấy, thật xa, những tiếng mưa trên những cảnh ngộ, những thân thế quê nhà. Tiếng mưa dài như một cuộc đời buồn. Những tiếng mưa tầm tổi.

(Văn số 57, 3/1987)

Rời thì là một lạnh buồn vô tận đấy nhĩ? Rời thì là một nhớ nhà vô chừng đấy nhĩ? Khi, giữa một đêm quê người, một đêm ở Mỹ như đêm qua, tôi thức giấc lúc ba giờ sáng, vì trận mưa tháng bảy rì rào trên mái. Nằm nghe mưa. Thấy mưa trong cảnh ngộ mình, trong tâm thể mình. Hiện giờ. Thấy những khoảng cách mịt mùng. Thấy những không gian vô bờ. Thấy những thượng tầng lạnh buốt. Đất nước. Mưa đang ở phía ấy. Trên suốt ba miền đất nước hồng thủy. Mưa đang ở phía ấy, từ Hà Nội vào, từ Sài Gòn ra, những trận mưa trồn mùa trên một Việt Nam buồn, mưa chế độ đang làm cho hàng triệu người phải kéo cao cổ áo, rảo bước, cúi đầu xuống. Khi cái chế độ thù nghịch từ hơn mười năm rồi, chẳng còn dành cho ai một trú ẩn nào.

(Văn số 50, 8/ 1986)

Mai Thảo đã làm mới phong cách viết trong những câu văn như vừa trích dẫn. Ngữ pháp của Mai Thảo mang rất nhiều chất thơ. Nhiều khi, nó tạo ra những phân cảnh. Không phải là những cảnh liên tục. Nhưng chỉ là những phân cảnh. Như của kỹ thuật làm phim. Nhiều khi, những câu văn của Mai Thảo là những close-ups, những gros plans, những cận ảnh. Cận ảnh được phóng lớn nhờ vào những câu thiếu thành phần. Chỉ là một từ, một trạng từ, một tính từ hay một danh từ. Có khi chúng là những cụm trạng từ (adverbial phrases), hay những giới ngữ (prepositional phrases), hoặc là những nhóm từ bổ nghĩa kéo dài ra từ một câu hoàn chỉnh. Và được cho đứng một mình. Có khi chúng là những cụm từ tiếp nối ý cho một câu đi trước. Lại được cho đứng một mình. Để hình ảnh hoặc âm thanh của chúng lan đầy ấn tượng trong ta. Kỹ thuật ấy, thơ thường sử dụng. Như Du Tử Lê đã đẩy nó đến tận biên giới của phân cảnh.

Đọc thêm một đoạn nữa để thấy rõ hơn điều tôi vừa nói:

Mưa tuyết ở Mạc Tư Khoa. Như trong Docteur Jivago. Bão tuyết ở Luân Đôn. Như trong tiểu thuyết gián điệp John Le Carré. Biển tuyết ở Thượng Hải. Như trong thơ Bạch Cư Dị. Tuyết phủ kín mặt đất. Tới chân trời. Tuyết làm đông đặc các giòng sông, cắt đứt mọi giao thông, khiến hàng chục thành phố phải đặt trong tình trạng báo động, công sở đóng cửa, nhi đồng nghỉ học, ông già bà già từng chùm cao niên chết công trong những ngôi nhà quan tài tuyết lập một đêm thành mộ thu con người nhỏ lại trước chi phối đời đời. Cửa thời tiết. Khi thời tiết làm dữ. Cửa khi hậu. Khi khí hậu hiền lộng. Dẫu là con người sắp bước vào thế kỷ 21. Dẫu là con người đã lớn bổng trong chinh phục thiên nhiên. Dẫu là con người, bởi những bước hài bầy dậm của văn minh cơ khí, đã nghĩ mình vạn năng, đã tưởng mình thần thánh. Thành ra mùa đông không chỉ là một cảnh tượng tuyết. Còn là một bài học nhân văn. Thành ra tuyết phủ không chỉ là một giá lạnh thượng tầng. Còn là một thức tỉnh. Con người thấy lại kích thích nó. Sự nhỏ bé nó. Sự hữu hạn nó. Như vậy chỉ cần một mùa đông lâu lâu lại khốc liệt hơn mọi mùa đông khác mà thôi.

(Văn số 57, 3/ 1987)

Cách viết của Mai Thảo cũng như lối diễn tả của ông được nhiều người bắt chước. Thời đó cũng như bây giờ. Nhưng, cẩn thận, nếu không có một tay nghề vững chãi, một nội lực hành từ và bố câu thâm hậu, và một ý thức thật vững chắc về ngữ pháp, hãy tránh sự bắt chước bừa bãi. Bởi vì nó có thể giết chết câu văn của ta. Hơn nữa, việc cắt câu văn quá cụt và vụn có thể làm cho bài văn như bị băng bó, hoặc chênh vênh, dễ gãy đổ. Thật ra, chính Mai Thảo cũng phải cẩn thận, vì, kể từ sự làm mới thật rõ rệt về bút pháp trong tập Tùy Bút đã nhắc ở trên, in ở Sài Gòn, ông đã đẩy những yếu tố của câu văn mình đi phân ly trăm nhánh. Cái tài của Mai Thảo sáng lên ở chỗ ông là một điệu thủ về cách sử dụng chữ nghĩa và hình ảnh. Và nhịp điệu nữa. Ông cắt chỗ này, gọt chỗ kia, làm cho nhiều câu trở nên ngắn. Nhưng lại có những đoạn văn ông viết thật dài. Ý tứ của chúng, cũng như hình ảnh và nhịp điệu trong chúng bỗng bẻ, xoắn xuýt với nhau trong một chỉnh thể toàn bích. Mai Thảo đã quá thân thiết với chữ nghĩa để không cần chăm chú theo dõi xem câu nào, đoạn nào nên dài, nên ngắn. Chính cảm xúc và sức hút về một cái đẹp trong ông đã tự điều chỉnh những câu văn mà ông viết ra.

Thật sự, lối văn cắt gọn ngữ pháp như vậy đã được nhiều nhà văn ngoại quốc sử dụng. Và ta cũng nên hiểu rằng thủ pháp đó là để nêu bật hình ảnh và tạo cảm xúc. Nhưng, nếu hình ảnh và cảm xúc cứ được nêu bật để lên đến một tần số nào đó, tác dụng biểu cảm và nhấn mạnh của chúng sẽ nhạt và yếu đi. Như miếng bánh madeleine chấm nước trà được đưa lên miệng của Marcel Proust. Lần đầu, nó khơi quật trở lại bao nhiêu cảm xúc, bao nhiêu hình ảnh, bao nhiêu hoa lá, bao nhiêu kỷ niệm. Lần thứ nhì đưa lên miệng, miếng bánh mang trong nó ít cảm xúc và hình ảnh hơn lần đầu. Và cứ thế, mỗi lần sau lại mỗi nhạt đi. Vấn đề là sự quyết định về tần số và về vị trí, thời điểm của những câu văn dài ngắn. Nhiều hay ít. Chỗ nào dài, chỗ nào ngắn. Mai Thảo là một nhà văn có tài. Ông đẩy thủ pháp này đi rất xa. Có thể nói ông gần như luôn luôn thành công trong phong cách của mình. Nhưng cũng có khi ông bị vấp. Hãy đọc thử đoạn văn ngắn sau:

Một số bạn bè tôi đang vậy. Đã dành được một số tiền. Còn nguyên một tháng nghỉ phép. Những địa chỉ tá túc ở những viễn phương đã có, khỏi cần khách sạn. Cửa tiệm đã có người coi dùm, vợ chồng cùng đi được. Thêm phi trường đã thạo. Thêm thủ tục đã thuộc. Vậy năm ngoái là Hương Cảng, năm nay là Paris. Và rủ tôi cùng đi.

Đây là một đoạn văn (paragraph) trong bài tùy bút Mười Năm, Kỷ Niệm Và Trí Nhớ. Đây là một trong những bài tùy bút đẹp nhất của Mai Thảo mà tôi được đọc ở ngoài nước. Với cái nhìn và tâm thế hồi cổ, ông đã viết bài này với những xúc động đầy trong một biển kỷ niệm xôn xao òa lấp. Rất nhiều đoạn văn đẹp tha thiết như muốn bóp nghẹt trái tim ta. Hình ảnh quê hương hiện về lênh đênh, mềm mại, hùng vĩ, lai láng... Ông nói về sự du lịch ngày xưa và sự du lịch bây giờ. Ông cho rằng, với phương tiện hiện tại của khoa học kỹ thuật, với điều kiện sinh sống cho phép tại những đất nước giàu mạnh như ở Mỹ, ở Pháp, v.v..., nhiều thân hữu của ông đã sẵn sàng để lên đường. Sự du lịch không còn là một khó khăn quá đáng như khi còn ở quê nhà nữa.

Đoạn này gồm nhiều câu ngắn, cú pháp bình thường theo... thể điệu Mai Thảo. Nhưng khi cắt câu quá ngắn như vậy, ta phải để ý kỹ hơn đến việc hành từ. Phải để ý đến nhịp điệu. Hai động từ ở thể quá khứ “đã có” ở câu 4 và 5 hình như đòi hỏi phải được tách rời xa nhau hơn, để câu văn nghe bớt chói. Hai câu 6 và 7 có hơi nhiều hơn mức nên có của những âm /thờ/ (th). Chúng làm cho những từ ngữ bị rối lên. Một vài nhà văn cổ điển và hiện đại của Pháp, của Mỹ là những người rất nổi tiếng, chỉ vì viết những câu như vậy mà bị phê bình mãi. Có lẽ chúng ta cũng nên lưu ý. Bốn câu cuối, ngoài liên từ “vậy” được dùng rất nhẹ (và nếu phát âm cũng thế, rất nhẹ) vì nó chỉ là một thành phần rất phụ của cấu trúc câu, có thể được chia làm 5 vế đọc, như lối chúng đã được Mai Thảo ngắt. Bỏ từ “vậy” rất nhẹ ra, mỗi vế trong cả 5 vế này đều có 5 từ. Khi đọc lên một loạt 5 vế 5 từ như vậy, sự đều đặn nhằm chán là điều không thể tránh khỏi. Nhất là, hơn nữa, hai âm /i/ ở hai câu cuối như vậy (Paris, cùng đi) làm cho tác dụng thẩm mỹ của âm điệu bị mất đi nhiều.

Nhưng, chúng ta ai cũng có thể có lúc vấp vào những điều như thế. Vấn đề là tránh được càng nhiều càng tốt. Mai Thảo là một nhà văn có tài, đặc biệt về phương diện chữ nghĩa, âm điệu. Những lỗi như vừa kể trong văn của ông phải nói là rất hiếm. Tôi chỉ hơi tiếc vì bài tùy bút trong đó chúng xuất hiện lại là một bài văn quá đẹp của ông. Để công bằng, trước khi viết những lời kết thúc bài này, tôi xin trích thêm một đoạn văn khác, rất đẹp, cũng ở trong bài tùy bút vừa nói của Mai Thảo. Qua đó, với chữ viết và cách diễn tả của ông, tôi thấy yêu quê hương thêm. Và cùng lúc, ông làm tôi thêm yêu thương thiết tha chữ nghĩa quê nhà.

Đã đi từ đó. Mười sáu tuổi, thoát ly gia đình bạc đẽ trên vai lặn mình vào trường kỳ kháng chiến. Lửa khởi chiến đở rực ba mươi sáu phố phường Hà Nội thiên đô. Những bờ bãi ngút ngàn dọc theo hai bờ Hồng Hà. Những con đường của toàn quốc tiêu thổ chạy dài bất tận giữa những thị trấn và những xóm làng đã san bằng thành bình địa. Những đêm Sơn Tây, sông Đáy chầm giòng qua Phủ Quốc như một bài thơ Quang Dũng. Những chiều Phú Thọ, bốn phía núi chập chùng. Những buổi trưa trung du, cái nắng lả lả trên những sườn đồi hoang vu. Những tinh sương Việt Bắc, con suối độc bốc hơi giữa ngút ngàn hoang dã. Những đêm ngủ dưới trời sao, lưng nằm trên cỏ rừng, đầu kê lên một phiến đá núi. Gió biên giới lồng lộng qua những mái nhà sàn, ở dưới là biển sương dày đặc. Những thị trấn mang những cái tên không bao giờ quên cho người lữ hành trẻ tuổi mà ngọn gió của thời thế tao loạn đã ném bồng vào phiêu lưu chuyển dịch là Đồng Quan, Cống Thần, Chợ Đại. Từ Hà Nội đi ra. Xa Hà Nội, nhìn về Hà Nội. Trong tôi, suốt một thời gian dài là hình ảnh những vầng trăng xanh lạnh trên một vòm trời viễn phương. (...) Trên một chiếc xe vận tải, một bộ đồ thợ máy, mưu sinh cùng với xe dịch, tôi đã đi theo không ngừng những chuyến chở hàng từ Sài Gòn-Chợ Lớn về các tỉnh và đưa hàng từ các tỉnh về Chợ Lớn-Sài Gòn. Mỹ Tho, Long Xuyên, Châu Đốc, những tỉnh miền Tây. Thành phố soi mình trên giòng Cửu Long bao la, mỗi châu thành là một trên bến dưới thuyền tấp nập. Buôn Mê Thuột, Pleiku, Kontum, những thị trấn Tây Nguyên nằm dưới những bóng núi, bóng rừng trùng điệp, thị trấn nào cũng dày đặc những lô cốt phòng ngự, và những quân phục, cảnh thổ in hình cây súng và cái nón sắt, dấu vết chiến tranh ở cả những ngọn cỏ đường. Những thành phố miền Trung, từ Đà Lạt ngút ngàn thông reo đổ đèo Ngoạn Mục xuống, Phan Thiết. Nắng dữ dội những rừng lá choáng váng. Phan Rí Thành, Phan Rí Cửa, hoàng hôn những đoàn tàu đánh cá trở về. Phan Rang, những trưa hè oi nồng. Nha Trang, thủy triều lên trên bãi biển phẳng tấp. Tuy Hoà, những dãy phố buồn, những hàng cây thấp. Quy Nhơn, mộ Hàn Mặc Tử trên một lưng đồi cao, giữa những giấy kẽm gai. Huế, mưa sớm Nam Giao, mưa chiều Vọng Cảnh, những buổi sáng dài vô tận, thời gian ở đây như ngừng lại với người. Quảng Trị, soi cái bóng trên giòng Trà Khúc. Bến Hải, một cây cầu, hai bóng cò, đôi bờ đất nước ngó sang nhau.

*

Để kết, về Mai Thảo, người ta nên nói những điều gì?

Tôi không biết những người khác sẽ nhìn văn chương Mai Thảo và những đóng góp của ông theo chiều hướng nào. Riêng tôi, đọc văn ông và nhìn sự tham dự của ông vào trong sinh hoạt văn chương và văn học miền Nam từ khi thấy được cái đẹp của chữ nghĩa, cái hay của văn

chương, tôi chỉ muốn nói một điều: Mai Thảo là một nhà văn chân thật. Và tha thiết với văn chương. Dĩ nhiên, bằng cung cách của riêng ông.

Với văn chương, ông đã phơi bày tấm lòng mình, tâm sự mình, thiết tha mình, và những áp ứ mình. Và với văn chương, ông đã thật lòng đóng góp. Ông đã, trong giới hạn và phạm vi của riêng ông, làm cho văn chương Việt Nam sinh động và đẹp đẽ hơn. Đóng góp nổi bật của Mai Thảo là làm cho câu văn Việt trở nên mới. Cách diễn tả của ông cũng thế. Điều đó, cũng như ông trong văn, có thể nói Xuân Diệu là người đầu tiên đã làm được nó, trong thơ. Cho dù có những lúc cái nhiệt thành và sức sống của tuổi trẻ có làm ông lên tiếng chối bỏ những nhịp cầu quá khứ, những nhịp cầu đã đưa dẫn ông tiến về những bến bờ mới của hành trình mình, ông cũng đã có những dịp nhìn lại. Có lẽ để thấy rằng văn chương là một dòng chảy không ngừng nghỉ. Nó mang trong nó cái lẽ biến dịch. Nhưng nó cũng có ở trong lòng mình cái chất vĩnh hằng. Mỗi bồi đắp là công của những hạt phù sa, kéo theo mình những trân quý của thời gian và sự sống. Mỗi nhịp cầu là mỗi chiu chất ngửa lòng. Văn chương của Mai Thảo, đọc lại, thấy như tiếng còi tàu kia, trên sông Hồng, dài và lạnh, nhưng có một âm vang kỳ lạ, chuyên chở và vất đẩy ta vào một góc ấm êm của quê hương ngày cũ.

Tiếng còi được ném lên vòm trời khởi sự là một thứ âm thanh đặc quánh hơi nước, tiếng còi vút lên thật cao, còi rùng mình rồi phóng về hai phía, vể lên, bằng cái âm thanh ngân ngân vang vang kỳ lạ của nó tất cả những bờ bãi, những cuối mòm, những đầu ghềnh, những khúc quanh, những ngã ba nhạt nhoà trong bóng tối. Tiếng còi vang động một vùng làng xóm ngủ thiếp, lọt vào những cánh cổng đóng kín, lan tới những khoảng sân vắng, những cái bếp tro than nguội lạnh, những bờ ao kín đặc trong sương, tự lòng sông chuyển cả không gian mịt mù, chuyển cả thời gian thăm thẳm, chuyển những vì sao lạc, những ánh trăng suông, cái điệp điệp trùng trùng của trường giang, cái mênh mông ngút mắt của bãi bờ, của cửa biển, của khơi xa, của núi rừng vào những làng xóm, làng xóm trùm kín lấy, và lắng đọng bồi hồi mãi.

(Chuyến Tàu Trên Sông Hồng)

Phải, ta là những vùng làng xóm ngủ thiếp, những cánh cổng đóng kín, những khoảng sân vắng, những cái bếp tro than nguội lạnh, những bờ ao kín đặc trong sương... Tiếng còi mang lại cho ta những tiếng quê nhà. Làm ta tỉnh thức. Mở tung những cánh cửa. Bước ra ngoài sân vắng, còi lại đồng tro than tường đã nguội lạnh kia. Dưới tro, những ánh hồng vẫn âm ỉ cháy. Tiếng còi thổi mạnh, như ta chúm môi thổi vào đám lửa chực tàn. Hơi nóng bùng lên. Rồi ánh lửa tỏa lan ấm áp.

Tiếng còi. Và ta lắng đọng bồi hồi mãi.

Mai Thảo chính là tiếng còi tàu đó. Văn chương ông cũng là một tiếng còi như thế. Nó mở lại cho chúng ta những cảm xúc và những cái đẹp mà, trong chúng và với chúng, ta đã nhìn thấy mình lớn lên.

Cảm xúc, cái đẹp, và sự nhận biết ý nghĩa cũng như giá trị của cái đẹp và cái cảm ấy, sẽ tiếp tục nuôi lớn mỗi một chúng ta.

Ở đây kia, phía bầu trời xa thẳm, có một vạt mây trắng vẫn đang bay.

Bùi Vĩnh Phúc

(California, 03.1994, xem lại 09.2009)

Chú Thích:

(*) Xem Bùi Vĩnh Phúc, Lý Luận và Phê Bình/ Hai Mươi Năm Văn Học Việt Ngoài Nước (1975-1995). Westminster, California: Văn Nghệ, 1996.

(1) Cũng trong giai đoạn sau cuộc di cư 1954 cho đến khoảng đầu thập niên 60, một nhà văn khác là Võ Phiến, với một phong thái khác hẳn (trong cung cách diễn ý cũng như trong cú pháp), cũng đã khiến cho chúng ta tự hào về truyện ngắn Việt Nam. Với Võ Phiến, chúng ta tin được rằng, qua chữ nghĩa Việt Nam, một nhà văn có tài có thể làm cho người đọc tìm sâu vào những ngõ ngách của tâm hồn con người, cũng như là có thể giúp cho họ theo dõi tỉ mỉ những hành vi, cử chỉ hết sức tế nhị của nó. Trong những phạm vi và khía cạnh cần thiết ấy của văn

chương, ngôn ngữ Việt đã chứng tỏ là nó không thua kém bất cứ một ngôn ngữ nào. Miễn là nó được sử dụng bởi những người có tài và có lòng thiết tha thương yêu nó.

(2) Cuộc đời là những thay đổi, bồng bênh, lên xuống. Tiểu luận này được viết vào tháng 3, năm 1994; bây giờ, xem lại vào tháng 9, 2009, cụm từ “phim bộ Hồng Kông” có lẽ không còn thật sự thích hợp nữa. Bây giờ là thời của phim bộ Đại Hàn. Nhưng, trên đại thể, nếu so sánh giữa truyện dài feuilleton Việt Nam của thập niên 60 đến giữa tháng 4, 1975, với phim bộ Đại Hàn bây giờ, thì, nói chung, vẫn cứ như thế, cũng giống như so với phim bộ Hồng Kông, cho dù, xét về mặt kỹ thuật dựng phim và diễn xuất thì phim Đại Hàn được thực hiện với nhiều công phu hơn.

(3) Năm 1989, trong một tác phẩm bất ngờ, là thơ, mang tựa đề Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền (Văn Khoa xuất bản), Mai Thảo đã để lộ rõ bản chất con người nhà thơ của mình. Tập thơ cô đọng lại cuộc đời và phong cách Mai Thảo. Văn chương cũng như con người. Bằng một cách nói rất thơ, như xoá bỏ tất cả, để chỉ còn giữ lại một vài dòng thơ của mình—và rồi, sau đó, cũng có thể xoá bỏ chúng luôn—, Mai Thảo viết ở những dòng cuối trong phần “Bờ Cõi Khởi Đầu”, như một thứ Tựa cho tập thơ này:

“Cõi không là thơ. Không còn gì nữa hết là thơ. Nơi không còn gì nữa hết là khởi đầu thơ. Một xoá bỏ tận cùng. Từ xoá bỏ chính nó. Tôi xoá bỏ xong tôi. Không còn gì nữa hết. Tôi thơ.”

Thử đọc một vài bài trong tập thơ này của Mai Thảo:

Tín hiệu

Đăm đăm cặp mắt mở mơ hồ
Cái trắng vô hình cái ngó khô
Đâu đó mưa đêm từng tiếng thả
Từ đỉnh thời gian xuống đáy mờ
(Mưa đêm)
Đôi lúc những hồn ma thức giấc
Làm gió mưa bão táp trong lòng
Ngậm ngùi bảo những hồn ma cũ
Huyết đã chôn rồi lấp đã xong
(Quá khứ)
Những hàng dây điện mắc song song
Chờ những buồn vui tới khắp cùng
Đường dây ta mắc qua đời lạnh
Chỉ một u u tín hiệu trùng

Hợp âm

Con chim gió đã bay qua hồ lửa
Rừng cháy xanh. Ngọn ngùn. Thời gian
Chuyển cảnh.
Khung cửa mùa Đông. Những chùm hoa sứ
Tiếng đàn. Tiếng gió hoang mang
Mưa trắng. Những cành cây đen xám
Ồn mình trong mưa. Nỗi hạnh phúc dịu dàng
Con chim nào tiếng hót để rơi trong giếng bão:
Một vệt xanh mềm trên khung vải thời gian

Gió ẩm thấp. Gió đi vào mộng寐
Chiếc bàn. Chiếc ghế. Và một bình hoa
Bông hoa nhỏ lãng du về cánh rừng xa thẳm
Người lãng du về những nỗi nhớ xót xa
Tiếng sóng biển. Tiếng rì rào lá gọi
Vỗ hoang mang một hợp âm mềm
Trắng. Xanh. Vàng.
Nhưng hợp âm vươn mình trên khung vải
Trong góc tranh buồn chiếc lá chết. Nâu
Tảng đá xanh. Âm u tia lửa
Nhưng thế kỷ dài im lặng nghe mưa
Tắm chần màu xám. Nỗi buồn màu đỏ
Ly nước trong. Trong như mắt ai xưa
Đêm bùng lên một màu đen hoang
Cành hoa thức. Mùa xanh vẫy gọi
Mưa trắng. Những cành cây đen xám
Tiếng nhạc loang mềm như rượu ngọt
Hợp âm gió. Tiếng biển và lá
Hợp âm trầm không một âm vang.

10.1996

Mùa xưa

Đi trong rừng gió giật. Trời mưa
Bầy ngựa đen sải qua đồi chóp
Những lá cây rụng đầy ảnh lạ
Chớp lóe. Tiếng gió rền im bật âm xưa
Con chim gai phục trong bụi lửa
Những đóa hồng giấu tắt nụ cười
Tiếng chim hót. Trời xanh đập trong lồng ngực
Mùa xưa. Mùa xưa còn dấu chân người
Những tàn tro. Những con đường gió giật
Hồ nước xanh một chất trần gian
Những bông hoa trắng. Mùi thơm bay trong trí nhớ
Lũ thời gian như ngựa sải qua ngàn
Tiếng trống đập. Trời thu bật máu
Những chớp lửa rền không một âm vang
Mùa xưa. Mùa xưa thao thiết
Hương đầy nỗi nhớ trần gian
Cánh cửa lay. Con trăng bạc lạnh
Chùm hoa vàng. Nỗi nhớ. Sương mù
Một ngọn lửa rung rung máu đỏ
Gió trả về những tiếng gọi không
Những lá cây rụng đầy ảnh lạ
Chớp lóe. Tiếng gió rền im bật thanh không.

11.1996

Quá khứ

Buổi chiều. Buổi chiều không màu
Một dòng sông lạnh nát nhàu tiếng mưa
Hôn em một nụ hôn xưa
Nghe trong mùi tóc những mùa gió bay
Môi ta ngậm cuộc tình này
Mà nghe nặng nặng trên tay bóng sầu
Hôn em một nụ hôn đau
Mà nghe rơi tả trên cầu tiếng mưa
Mưa dầm chan, mưa đò đưa
Mưa dầm thấu, mưa thổi lùa xót xa
Hôn em một nụ hôn nhoà
Trên da thịt ngổ bao la giọt cuồng
Mưa quán quít, mưa dầm tuôn
Mưa nghe mẫn mẫn, mưa buồn buồn tan
Hỏi em giữa cuộc chan chan
Có nghe vắng một tiếng đàn bên sông.

09.1978

Hoài Bắc Phạm Đình Chương không còn nữa

Buổi sáng ngày 22, thứ năm, khoảng 9 giờ rưỡi, được cấp tốc chở đi từ chỗ ở của người em gái là ca sĩ Thái Thanh, tới bệnh viện Mỹ Kaiser thuộc thành phố Anaheim, Hoài Bắc Phạm Đình Chương hấp hối ở dọc đường đã trút hơi thở cuối cùng ở một phòng cấp cứu của bệnh viện này. Lúc đó là mười giờ sáng.

Là một người ở cạnh Phạm Đình Chương coi như gần trọn cuộc đời của hai chúng tôi, cùng có một thiếu thời đeo bạc-đã đi vào kháng chiến chống Pháp ở hai liên khu Ba và Bốn, tôi đã chứng kiến nhiều lần những thời kỳ đau yếu của bạn., người ở cùng với những ống thuốc và lui tới các phòng mạch có thể nói là nhiều nhất trong bọn chúng tôi. Và chứng bệnh ở lâu nhất trong cơ thể Phạm Đình Chương là chứng đau bao tử. Nhớ những buổi chiều kéo dài trong nhiều năm, trên chiếc Volkswagen rồi trên chiếc Peugeot 203, trên đường đi vào phi trường Tân Sơn Nhất nhậu nhẹt với thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ (cùng với trung tướng Nguyễn Bảo Trị, là bạn học cùng lớp với ông) trong những hợp mặt rất đông vui với gia đình Không Quân, lúc ở câu lạc bộ Mây Bốn Phương, lúc ở câu lạc bộ Huỳnh Hữu Bạc, Phạm Đình Chương thường vừa lấy xe vừa lấy ra hai gói thuốc nước màu hồng, chia cho tôi một: "*Thuốc tráng bao tử đó. Đỡ lắm. Anh cũng nuốt một liều đi cho chắc ăn rồi chúng ta mới nhập vào những trận rượu tràn bờ của Tân Sơn Nhất được.*" Nhiều lần đau yếu khác nữa. Với một người chỉ có một thể lực trung bình, lại phải sống một nhịp sống ở ngoài sự bình thường không thể tránh được của một nghệ sĩ lớn, trên cả hai phương diện trình diễn và sáng tác, lấy đêm làm ngày và ngược lại. Với nhiều thời gian dài tối nào cũng phải có mặt với dàn nhạc, trên sân khấu, như thời kỳ ông đàn hát ở Baccara, ở Bodega, nhất là thời kỳ ở Đêm Màu Hồng, những tiết mục trình diễn buổi tối đổi thay như thế nào đều do ông hoàn toàn điều khiển. Với một tinh thần trách nhiệm rất cao với những hợp đồng đã ký hết và với lớp thính giả thường xuyên, tôi nhớ có những buổi tối, rất mệt mỏi, ông bảo tôi: "*Đáng lẽ tôi phải nghỉ ngơi mấy ngày ở nhà mới phải. Nhưng không có tôi không được.*" Và ông lại bước đến sân khấu.

Thế nhưng những đau yếu đẩy chỉ cách quãng, rồi Phạm Đình Chương lại bình phục, với cái lối sống vừa ung dung vừa mạnh mẽ, khiến nhìn lại suốt chiều dài 45 năm âm nhạc Phạm Đình Chương, gần như tôi không thấy một gián đoạn đáng kể nào. Sang tới Hoa Kỳ, sau vượt biển và mấy tháng ở Pulau Bidong cũng vậy. Từ lúc mới tới, ở Northridge, sau chuyển về Westminster, về Glendale, về South Gate và bây giờ ở thành phố Norwalk, ông can đảm đi làm ở một hãng Mỹ gọi là drafting. Mấy năm lao động vinh quang này, Hoài Bắc thường nói đùa với tôi: *"Cái hãng của tôi chắc là một hãng điên, nên mới thu dụng một nhân viên như tôi, nhiều tháng tôi còn được tuyên dương như một nhân viên đặc lực nữa."*

Tình trạng sức khỏe của Phạm Đình Chương chỉ thực sự trở thành một trở ngại cho gia đình và bạn hữu từ cuối năm ngoái. Bệnh hoạn trở lại và kéo dài với sự sút cân, mất ngủ, tiêu hóa khó khăn khiến ông phải xin nghỉ việc không ăn lương mấy tháng liền. Cho tới khi chúng tôi vui mừng thấy ông đi làm trở lại. Hỏi về sự bình phục, ông giải thích: *"Bọn bác sỹ Mỹ chữa lung tung quá, lúc ruột, lúc mật, lúc bao tử. Sau mới thấy là gan và cho thuốc về gan, thế là tôi hết đau ngay"*.

Tôi không biết khi đó Phạm Đình Chương đã biết đau gan đây là ung thư gan hay không. Bởi tôi không hỏi. Rồi ông bị cho nghỉ việc. Thì tôi chỉ nghĩ là kinh tế Mỹ đã có những dấu hiệu suy thoái cùng khắp, với hàng chục ngàn công nhân, công chức bị lay off thì bạn tôi cũng nằm trong cái đợt sa thải rộng lớn ấy mà thôi. Còn mừng cho bạn nữa. Nghĩ thầm: Nó lại được sống thành thời rồi, cứ ăn lương thất nghiệp một năm cái đã, rồi xét.

Bởi vậy mà sự ngạc nhiên của tôi đã rất lớn với cái tiệc cưới cháu Duy Minh của anh chị Phạm Duy, có mặt đầy đủ hợp ca Thăng Long, Thái Thanh tới bàn tôi, nghiêm trang: *"Anh Chương đau nặng lắm, anh đã biết vậy chưa?"* Tôi ngẩn ngơ: *"Đau nặng? Nó đang cười nói ở bàn bên kia mà! Đau nặng thì làm sao tới đây được?"* Thái Thanh, có lẽ không muốn nói đến hai chữ ung thư giữa một tiệc cưới: *"Anh chỉ cần biết anh ấy đang đau, lần này rất nặng. Anh sang ngồi chơi với anh ấy đi."* Người đau nặng ở Phạm Đình Chương tới đó, nhớ lại tôi thấy thật là can đảm. Chào hỏi mọi người, cười nói như không. Tới lúc chúc mừng hai họ và cô chú rể bằng bản nhạc danh tiếng đã được hát ở hàng ngàn đám cưới và trong bất cứ một cuộc vui tập thể nào là bản *Ly Rượu Mừng*, Phạm Đình Chương đích thân lên dàn nhạc, gọi hết thầy mọi người, kể cả tôi: *"Mai Thảo, không biết hát hồng gì, cũng lên đây!"* Và chúng tôi đã tuân lệnh nhạc trưởng, lên đứng chen chú, kín đặc sân khấu sau Phạm Đình Chương, không một ai có thể ngửa được đó là lần cuối cùng của tác giả *Ly Rượu Mừng* trước mặt mọi người.

Sau đó Phạm Đình Chương đi Houston. Để gặp bác sỹ Hoàng Dương, một bạn nổi tiếng về khoa châm cứu (đã chữa cho Nghiêm Phú Phi, Phạm Huấn, Du Tử Lê,..v.v..) trong chủ đích nhờ bác sỹ Dương đem lại chio sức mạnh mẽ về thể chất lẫn tinh thần trước khi trở về Cali, và lên bàn giải phẫu. Biết tôi cũng sắp đi Houston, điện thoại cho tôi: *"Tôi ở với Hoàng Dương hai tuần. Anh về đây sớm hơn là dự định đi, Để cùng làm mấy bữa Oysters ở Houston với nhau đã."* Một thứ món ăn đồ biển mà hai đứa tôi cùng yêu thích lắm từ ở Saigon là oysters gọi là hào tươi Cap Saint Jacques, đem từ Vũng Tàu về, những con hào tươi sống, cạy vỏ ra, để cho lạnh buốt trên nước đá, uống với rượu chát trắng Pháp. Không đổi được chuyến bay, tôi chỉ tới được Houston đúng ngày Phạm Đình Chương ở đó trở về.

Tôi hỏi Hoàng Dương. Được trả lời như sau: *"Hắn chịu lắm. Nói châm cứu của tôi làm sức khỏe hẳn người không còn mỗi mệt. Chỉ có điều là những người yêu Hoài Bắc ở Houston nhiều quá, lôi kéo ông bạn đi chữa bệnh của chúng ta hết party này đến hợp mặt khác, mà đáng lẽ Hoài Bắc phải dành hết thời giờ cho nghỉ ngơi và tinh dưỡng, giữ cho tinh thần thanh thản và đáng lẽ phải ở với tôi nhiều hơn hai tuần"*. Về chứng ung thư, Hoàng Dương nói tiếp: *"Tôi không thể chữa được khỏi bệnh. Nhưng châm cứu có thể kéo dài đời sống Hoài Bắc thêm một vài năm,*

nếu không chỉ sáu tháng thôi.” Sáu tháng. Đúng hệt như một bạn thân khác của Phạm Đình Chương là bác sỹ Nguyễn Ngọc Kỳ đã cho Vũ Quang Ninh biết. Sáu tháng thôi.

Tôi và vợ chồng nhiếp ảnh gia Lê Phúc, người chụp những tấm ảnh cuối cùng cho hợp ca Thăng Long với Hoài Trung, Thái Thanh và Hoài Bắc ở giữa, tới thăm người bệnh ở ngôi nhà vùng Norwalk. Ngôi nhà này từng đã có không biết bao nhiêu bữa ăn tối cuối tuần đầy ắp những tiếng đùa cười, và trêu chọc nhau giữa chúng tôi, thường là mấy cặp vợ chồng Lê Trọng Nguuyền, Hoàng Thi Thao, Thái Tú hạp, với Kiều Chinh và tôi. Hôm đó là ngày 18, bốn trước ngày 22-7. Phạm Đình Chương tới một phòng giải phẫu ở một bệnh viện Mỹ vùng Hollywood. Tươi cười, tỉnh táo, khen Hoàng Dương chăm cứu giỏi, làm khỏe khẩn hẩn. Nói Ý Liên (người vợ trẻ sau này của PĐC, xem bài *Ở Con Đường Mai Thảo Khi Qua Sài Gòn Bolsa, lth*) đi làm, nhưng đồ ăn đã nấu sẵn từ buổi chiều hôm trước, “vợ vét” hết ra, nếu các bạn muốn, có thể ở lại ăn trưa. Chúng tôi không ở. Và tuần sau, trở lại Norwalk khi bạn tôi đã giải phẫu xong và đã trở về nhà. Ngôi với nhau ngoài hàng hiên. Trước những bụi hồng. Cuộc giải phẫu được coi như tốt đẹp, dài 6 tiếng đồng hồ, còn hạ hồi chưa biết thế nào.

Cho nên tối hôm đó một vấn đề được đặt ra và mọi người cùng đồng ý. Đó là ngôi nhà ở Norwalk sẽ bán đi hoặc cho mướn tức khắc, và cái tiểu gia đình của Phạm Đình Chương sẽ về mướn một apartment ở khu Tiểu Sài Gòn. Cho gần với bạn bè và những bác sỹ Việt Nam quen biết, chúng tôi có thể thay phiên lui tới với Chương hằng ngày và dễ dàng hơn.

Tới hợp mặt ngày 17-8 ở ký viện quốc tế South Coast Repertory ở Costa Mesa, chào mừng 35 năm điện ảnh Kiều Chinh và ra mắt cuốn Kiều Chinh, Hà Nội, Sài Gòn, Hollywood. Với sự dẫn giải về phần sự nghiệp điện ảnh của Kiều Chinh, của anh chị Lê Văn từ Virginia bay sang. Cặp vợ chồng này đòi tôi đưa tới thăm Phạm Đình Chương, hôm đó là buổi chiều thứ ba, 20, ở phòng mạch bác sỹ Nguyễn Ngọc Kỳ. Chúng tôi được bác sỹ Kỳ dành cho một phòng riêng để tự do trò chuyện. Và trò chuyện khác lâu. Với một Phạm Đình Chương vẫn minh mẫn hoàn toàn, duy chỉ nước da vàng, cặp mắt đã vàng, theo bác sỹ Kỳ nói riêng với chúng tôi, đó là những dấu hiệu của ung thư gan còn có những độc tố hòa vào máu huyết mà cuộc giải phẫu đã không thể nào triệt hủy hết được. Rồi chia tay nhau. Đó là lần cuối cùng tôi nói chuyện với người bạn đã kề sát với tử thần.

Một kẻ sát, tuy chúng tôi cũng biết chẳng được còn có với Phạm Đình Chương một thời gian lâu dài nữa, nhưng không một ai ngờ nó lại sát liền đến thế. Hai ngày sau, khi ca sỹ Anh Ngọc và tôi có việc đi Los Angeles và đang ở nhà nhạc sỹ Lê Trọng Nguyễn thì điện thoại của chị Nghiêm Phú Phi báo cho biết Phạm Đình Chương đã từ trần như tôi đã thuật lại ở trên. Chúng tôi tức tốc tới bệnh viện Kaiser và Phạm Đình Chương, nét mặt thư thái như người nằm ngủ, đã ra khỏi cuộc đời rồi, không còn biết đám bạn hữu chúng tôi, cùng chảy nước mắt, đứng chung quanh giường bạn.

Bài viết về một người bạn thân vừa nằm xuống, như những vòng hoa phủ kín quan tài, những điệu văn và những lời vĩnh biệt nói trước linh cửu, những nhành hương thấp trước di ảnh, như những hợp mặt tưởng niệm chắc chắn sẽ được tổ chức ở nhiều nơi cho một tài năng lớn của một thời như Phạm Đình Chương, với riêng tôi đều có một vẻ vì vừa buồn rầu vừa vô ích nữa. Ý nghĩ xám ngắt này tôi đã có trước cái chết của Thanh Nam, khi đưa Vũ Khắc Khoan vào hỏa táng ở Minnesota, khi ở San Jose đứng trước linh cửu Trần Cao Lĩnh. Như thuở nào ở nhà, chúng tôi đứng trước lòng huyết Đình Hùng, đưa Quách Thoại tới nghĩa trang, đi theo chiếc xe tử mã chở Nguyễn Đức Quỳnh tới nơi hỏa táng.

Cuối cùng chỉ còn là một cảm giác buồn bã mênh mênh. Mênh mênh. Và còn để làm gì nữa. Như Anh Ngọc la lớn: “*Tại sao lại thế được*”. Như Khánh Ly khi được tin, trả lời một người bạn:

"Đang ngồi ngủ ra đây". Như Thái Thanh: "Từ nay chúng ta còn hát bản *Ly Rượu Mừng* làm sao được nữa". Như Phạm Đình Chương, lần cuối cùng nói với Lê Văn, khi được hỏi về cái chương trình định thực hiện và mang đi lưu diễn ở nhiều tiểu bang, về mười khuôn mặt nhạc sỹ danh tiếng và được yêu thích nhất của một thời, đã trả lời: "*Phải tạm đình hết trong một thời gian*". Cười và nói thêm: "*Cái khó của chương trình này là có nhiều người làm nhạc rất hay nhưng sáng tác lại quá ít. Có người cả đời chỉ có một vài bài thôi. Khó nữa là có những bài quần chúng yêu thích và chỉ biết đến thì tác giả lại thất không phải là tác phẩm đặc ý của mình*". Như với Lê Trọng Nguyễn, thính giả chỉ thích bản *Nắng Chiều*, với Cung Tiến là bản *Thu Vàng*, nhưng khi nói sẽ chọn trình diễn hai nhạc phẩm này thì cả Cung Tiến lẫn Lê Trọng Nguyễn đều dấy lên đàn đạch và bảo rằng nhưng nhạc phẩm họ vừa lòng không phải là mấy bản tầm thường ấy.

Bài viết vội vã này cho kịp số báo chỉ có một mục đích. Đó là thuật lại và trả lời cho hàng trăm cú điện thoại của bạn hữu xa gần, đòi tôi vì ở gần, cho biết Phạm Đình Chương, từ lúc gặp phải chứng bệnh khốc liệt, rồi tới trước và sau giải phẫu, rồi tới những giờ phút cuối cùng ra sao. Như thế đấy, thưa các bạn, Hoài Bắc Phạm Đình Chương ra đời ngày 14 tháng 11 năm 1929, tuổi Hồ Cáp, 62 tuổi vừa rời bỏ chúng ta. Gần đây trong bài vào tập *Bốn Mươi Năm Âm Nhạc và Mây* cho một tập nhạc Phạm Đình Chương, tôi có nói đến một thái độ sống rất thành thật của Phạm Đình Chương. Không giả hình, không đóng kịch, không đeo mặt nạ. Khiến con người nghệ thuật và con người ngoài đời của ông không có xung đột mà là một nhất quán tốt đẹp. Khiến cái tên Hoài Bắc dùng cho trình diễn và cái tên thật Phạm Đình Chương dành cho soạn nhạc, năm chữ ấy là một độc âm mà thôi. Hình ảnh thì là cái hình ảnh tôi thích nhất và muốn giữ mãi về Phạm Đình Chương, qua cái phong cách nghệ sỹ bao giờ cũng rất thanh thản, ung dung. Đó là một đám mây. Là *Bốn Mươi Năm Âm Nhạc và Mây*. Một giải mây bay thanh thản và ung dung qua vòm trời âm nhạc một thời.

Giải mây ấy vẫn còn bay, mãi mãi thanh thản. Mãi mãi ung dung. Chỉ có điều là nó đã bay tới một bầu trời khác, không phải là bầu trời của một thời âm nhạc nữa. Và Chương ơi, vĩnh biệt.

1991

Thơ Mai Thảo Lê Thị Huệ

Ở những trang thứ nhất tác giả thổ lộ tâm tình: *Một xóa bỏ nó. Tôi xóa bỏ xong tôi. Không còn gì nữa hết. Tôi thơ.*

Ở những trang cuối cùng có đôi hàng chữ nghiêng vai tâm sự: "*Có như thơ với ông, trọn đời như một tình yêu kín thâm tới cuối đời mới chịu phơi bày ra ánh sáng*"

Mai Thảo sống suốt đời với chuyện.

Theo lời giới thiệu trang sau, ông đã viết 45 tác phẩm văn xuôi, đến năm 62 tuổi mới in tập thơ đầu tiên. Tập thơ chỉ gom lại những bài ông sáng tác những năm quanh đây, mà cuộc trốn tránh vượt thoát đất nước Cộng Sản 1975 là một khởi đầu

Không biết có nên tiếc là ông đã không nghĩ đến thơ sớm hơn không.

Một người đàn ông. Tuổi lục tuần. Tứ cố vô thân. Không quê nhà. Không chốn ở (ở apartment). Không xe. Chưa vợ. Một "Cõi Không!". *Không cả không là cái số không.*

Người đàn ông ấy rất điềm tĩnh ngó thông suốt cái cuộc đời ấy, và làm thơ! *Thơ* trộn vào: *một ngụm chiều rơi lệ*. Thơ rót ra: *và một bình đêm rót rất đầy*.

Thơ nhảy vọt *Dậy đi! Dậy hết thành đông bão. Nhảy dựng ngang đời thế đá tung*. Thơ bình thân dĩ bệnh: *Gối tay lên bệnh nằm thanh thân... Dĩ nó chớ gây thành chuyện lớn. Nó nghĩ sao rồi nó lại cho*.

Vẫn. Có thể ngồi lên một thảm cỏ xanh, và làm một bài thơ ướt nước nhất. Thanh niên nhất.

*Tường. Ở bên kia có một nàng
Cỏ nằm phơi nắng chẳng che thân
Tường bên này có tên nhìn trộm
Hai cỏ cùng hai vũng mát đầm*

Hãy nghe một người đàn ông sáu mươi tuổi ngoài, làm thơ tả ông mặt trời:

*Trưa. Những buổi trưa rất đẹp người
Trên đầu chói lọi ông mặt trời
Trán ai cũng chút mồ hôi thấm
Ráng tới xong ngày mới nghỉ ngơi*

Có phải cái tâm lúc sáng tác bốn câu thơ trên trẻ thơ quá không? Tưởng như con nít học lớp sáu mới dương mắt ngó thấy và chợt khám phá cảnh tượng trên lần đầu và vọt miệng làm thơ. Tuổi sáu mươi này có những giây phút "ngộ" như vậy. Phải mới mẻ như một đứa trẻ. Có vậy mới yêu sáng tác. Phải hơi ngơ ngẩn lệch hồn đôi chút. Vậy mới làm thơ. Cứ phăng phăng đi qua cuộc đời đi. Thơ mới níu cuộc đời, mới ở lại với đời.

Ở cái thế sự thông thường, những bài thơ "ngộ" ở tuổi sáu mươi thường là những bài thơ ngộ cảnh điền viên, ngộ chùa ngộ chùa cho gần với thiên đàng gần với niết bàn. Thơ Mai Thảo khác. Và có những câu thơ rất Mai Thảo đã gây đôi chút phiền lòng cho thế sự thông thường. Ví dụ như khi thơ phê diễn rục rở ý niệm về sự đau khổ của cái việc lăn vào làm kiếp người:

*Chúa khỗ hình trên gỗ đóng đinh
Nghìn sau tôi tới đứng im nhìn
Thấy trưa thả bóng từ thân tượng
Xuống nói vai mình thánh giá in*

Cả cái tựa đề của tập thơ *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền* cũng được mô tả là không thể sự thông thường chút nào cả

Tập thơ phần lớn là những bài bốn câu bảy chữ. Tuy có những bài dài tuyệt vời thơ mộng như *Em Đã Hoang Đường Từ Cổ Đại*. Nhưng có vẻ thơ Mai Thảo dễ nhớ và nhớ lâu với những bài bốn câu bảy chữ. Bốn câu rất vàng ròng của nghĩa. Bảy chữ rất khít khao của thanh âm trác trác bằng bằng cổ điển thi ca Việt Nam. Làm nhớ đến một người, Bà Huyện Thanh Quan.

Thơ Bà Huyện Thanh Quan cũng đẹp ở hơi hướm khít khao của một chuỗi âm thanh rót ngọt vào lỗ tai một suối thơ:

*Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa*

*Lom khom dưới núi tiêu vài chú
Lác đác bên sông rợ mấy nhà.*

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia
Dừng chân đứng lại trời, non, nước
Một mảnh tình riêng ta với ta.*

Những bài thơ bốn câu bảy chữ của Mai Thảo trong tập *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền* vánh vát không khí cổ điển của loại thi ca Bà Huyện Thanh Quan này. Là lối dàn chữ đẹp, điều này cũng dễ thấy trong văn xuôi của ông.

Hãy nghe Mai Thảo chơi chữ:

*Tận ngữ tìm lung một tĩnh từ
Tưởng còn sót lọt ở phần thư
Đập tay điệu thuốc tân không rụng
Đã lượng đời voi tới đáy ư?*

Khác với những bài khuôn thước giới hạn như trên, thơ Tự Do của Mai Thảo tràn đầy những tính chất mới mẻ. Đó là những bài rất gần với thân thể Việt Nam đâu đây, gần với những nỗi niềm thời đại trước mặt. Những bài như *Hỏi Minh Giữa Biển*, *Viết Văn Trở Lại* là những bài dài hơi, trẻ trung, băng băng, tuôn tràn, sinh động, sôi nổi, có mùi Sáng Tạo hơn. So với những bài thất ngôn như bài *Em Đã Hoang Đường Từ Cổ Đại ...* Các bài *Chờ Đợi*, *Nghìn Năm*, *Thơ Say Trên Máy Bay* là thơ của một thể sống cự phách, lão luyện, già đời, và quá đổi ngâm ngùi.

Có những tác giả ta không nên gặp mà chỉ nên tìm đọc tác phẩm của họ. Gặp họ ta hơi thất vọng. Có những tác giả gặp họ xong, đọc tác phẩm thấy hay hơn. Và có những tác giả gặp họ rồi, đọc tác phẩm xong, ta phân vân không biết người hay hơn hay tác phẩm hay hơn. Trường hợp của Mai Thảo, tôi chắc bạn bè của ông cùng đồng ý với tôi: Ít ra đối với văn xuôi, Mai Thảo nổi hơn nhiều nhân vật nam trong chuyện của ông.

Bởi trong văn xuôi, có vẻ như ông tả người khác. Ông dấu mình hơi kỹ. Ông khéo léo lặn chìm giữa những nhân vật ông yêu mến và không yêu mến. Có như ông tách được một lối cho ông và những lối cho các nhân vật của ông.

Đến khi ông cho xuất bản tập thơ, ta mới thấy Mai Thảo dồn tất cả những kinh nghiệm, những tâm tình của chính cuộc đời ông vào thơ. Ông là nhân vật chính trong thơ ông. Nên thơ thật hơn. Thơ thấm thía hơn. Như những chi tiết về đời sống riêng tư của tác giả, đời sống một mình chưa lập gia đình, thói uống rượu, những cuộc tình lãng mạn nhất nước, tấm lòng quý bạn nhất trên đời, đã được phô bày rõ ràng trong tập thơ *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền*

Một điểm đặc biệt khác nữa là nếu trong văn xuôi của Mai Thảo đàn bà là nguồn sáng tác chính, thì trong thơ ông đàn bà là cảm hứng phụ. Độc giả đã quen chờ đợi những tình ý bay bướm, những văn chương bay lượn trong chuyện của Mai Thảo, sẽ ngạc nhiên khi thấy suốt tập thơ *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền* chỉ có dăm ba bài thơ phụ nữ. Như bài thơ tình đại lãng mạn Mai Thảo là bài *Em Đã Hoang Đường Từ Cổ Đại*, và bài thơ tình nghịch đã thành đề tài trong giới cầm bút là bài *Chỗ Đặt*.

Mỗi sự nghiệp sáng tác thường chỉ có một hai tác phẩm xuất sắc nhất. Mỗi tác giả thường chỉ được nhắc đến ở một hai tác phẩm nổi bật nhất. Liệu tập thơ *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền* sẽ là sáng tác được nhắc đến hơn nhiều tác phẩm văn xuôi khác của Mai Thảo chăng.

1990 trích báo *Thời Tập* do Viên Linh chủ biên tại Hoa Kỳ

Ở con đường Mai Thảo khi qua Sài Gòn Bolsa Lê Thị Huệ

Con đường Mai Thảo.

Bolsa không có một con đường tình yêu tên Mai Thảo nhỉ ?

Hình như Túy Hồng có yêu Mai Thảo chút chút, hình như Trần Thị Lai Hồng yêu Mai Thảo chút chút, hình như Vũ Quỳnh Hương cũng yêu Mai Thảo chút chút, và hình như tôi cũng yêu Mai Thảo chút chút. Hình như tất cả những người đàn bà gặp Mai Thảo đều có yêu Mai Thảo chút chút. Mai Thảo là người đàn ông của tình nhân. Mai Thảo chọn độc thân suốt đời để mãi mãi có thể trân trọng với tất cả những người đàn bà mà Mai Thảo gặp. Nói như một người nào đó đã nói, Mai Thảo là người đàn ông có thể rút một chuỗi ngọc trai ra trao tặng đến bất cứ người đàn bà con gái nào mà Mai Thảo đối mặt. Đó là một sự tôn thờ và âu yếm phái nữ tuyệt vời rất đàn ông Việt Nam chỉ tỏa ra từ một Mai Thảo chân thật.

Phố Bolsa đằng sau Song Long có một truyền truyện.

Ngày Mai Thảo nằm trên giường bệnh giầy nhợ treo lủng lẳng màu nước tiểu lẫn màu cognac chỉ còn là một đáy cốc lú cuối đời chệnh vênh trên mặt bàn. Căn phòng sau Song Long mở toang hoang để những người đàn bà con gái có thể vào ngó Mai Thảo lần cuối. Tôi đến thăm Mai Thảo cùng một người bạn gái. H. gặp Mai Thảo lần đầu tiên trong đời. Một assembler ngoan và hiền mới cùng chồng đoàn tụ HO. Mai Thảo nằm trên giường bệnh mà cũng còn đa tình dễ sợ. Mai Thảo nguyệt háy tôi vài câu âu yếm như người bạn văn lâu ngày không cần nói nhiều cũng biết y đang nói gì. Rồi Mai Thảo quay sang trò chuyện từ tốn ngọt nhẹ với H. từ đầu đến đuôi. Sắp chết mà nói chuyện còn tình dữ ha.

Sau khi ông Mai Thảo chết. H. thổ lộ, biết không, sau khi Huệ rời Orange County, H. vẫn thỉnh thoảng lên chồng đưa thức ăn lên phòng ông Mai Thảo và thăm hỏi ổng đấy. Ông Mai Thảo dễ thương ghê.

Ông già sắp chết sướng néh.

Đêm sâu. Mai Thảo không có mặt. Phạm Đình Chương không có mặt. Và tình yêu Liên tắt dùm đèn ngấm bài thơ "Gửi Người Dưới Mộ" của Đình Hùng.

Hai lần tôi gặp Liên trong hai đêm tối. Một lần ở nhà Phạm Đình Chương ở ngôi nhà vùng Norwalk, khi tôi ngó thấy Ý Liên lần đầu tiên tôi nói với Mai Thảo và Phạm Đình Chương Liên là Liên tiểu thuyết. Liên im ắng nhìn tôi và ngồi yên trong vị trí tôi đặt định cho Liên. Đêm nay tôi gặp lại Liên hai ông kia không còn. Nhưng một người đàn ông khác, ông Đặng Trần Thức quay lưng lại mời Liên ngâm một bài thơ. Đêm sâu và giọng Liên nhưng êm: "*Trời cuối thu rồi em ở đâu. Nằm trong mồ lạnh chắc em sầu*" Tình yêu Liên rút lòng ra rũ rượi như bóng ma da đêm. Đâu đó thấy hai chiếc bóng Phạm Đình Chương và Mai Thảo in trên tường nhà Trần Diệu Hằng đêm nay!.

Tình yêu đổ xuống trên sàn nhà Đào Trung Đạo như Người Đàn Bà Múa Hoa Cải Nguyễn Thị Minh Ngọc đã gục chết dưới ánh mắt của người đàn ông trong đêm biểu diễn "chui" ấy.

Những tình yêu chui ông Mai Thảo ạ. Chiều cuối năm trai gái tụ họp biểu diễn văn nghệ chui. Chữ nghĩa mới nhất Etcetera và Mimi vừa khui chai, "chảnh" và "chui" trên VietWeekly. Nguyễn Thị Minh Ngọc biểu diễn kịch đi quanh nhà rắc muối và hú hồn ông "sống khôn chết thiêng" cho ông về xem chúng tôi yêu chui nghệ thuật. Ông Mai Thảo, và những tình yêu chúng tôi bay bay vào đời nhau. Buổi tối ấy có Liên cầm cờ Trưng Trắc, có Minh Ngọc hậu cứ Trưng Nhị. Rồi có Trần Diệu Hằng, Đào Trung Đạo, Thơ Thơ, Y Sa, Mimi, Etcetera, Đinh Anh Dũng, Đặng Trần Thức, Lê Thế Đan, Trương Thanh Nga, Bội Phương, Ngọc Loan, Tuyết, Đạt đàn flamenco, ông đàn bầu Afganistan... Những người đàn ông đàn bà len lách đời nhau để nói lời tình yêu cho nhau nghe. Chỉ có người trong cuộc mới biết ai đang tỏ tình với ai. Anh chàng Etcetera thông minh hóm hỉnh đêm hôm ấy bỗng nói: Con người ta sanh ra đời là đã diễn kịch. Làm sao để sống thật, nhớ. Làm sao để có thể dừng đóng kịch đây ?

Linh hồn của Bolsa nằm ở đâu. Sau này mỗi lần ghé Nam Cali, đi ngang Song Long, tôi ngó lên góc phố khuất sâu và bóng Mai Thảo không còn ở đấy. Chỉ thấy những giòng chữ thô thiển trảng những cửa hiệu Bolsa, Senior Apartment, cười toe như tất cả những bảng hiệu ở xứ sở này cười rất vô duyên chào đón những khách lạ hành hương Bolsa.

Lần này không biết có phải vì tình yêu Nga đến và tình yêu Liên sang trang hay không mà khi ngồi trên chuyến xe có bốn người đàn bà và một người đàn ông rúc rích cười giỡn suốt, khi đi ngang Song Long tôi nhìn lên góc phố xưa mà lòng chợt quét qua khuôn mặt Etecera, Mimi, Y Sa, Thơ Thơ đang chờ đón. Hình như có một vết sáng nào đó vừa chuyển giao.

Bolsa của thời ông Mai Thảo lập quốc thôi thì bây giờ chuyển qua tay những người đàn bà đồng danh "tuổi ba mươi băm đời đi nhé" Mimi, Y Sa, Trương Thanh Nga đêm nay đề.

Nè mấy cô gái, sửa Sài Gòn Nhỏ thành Saigon Bolsa hay Saigon N đi nhe. Sao lại cứ phải be bé nhỏ nhỏ ho gà "*anh thấy em nhỏ xíu anh thương*" nhớ. Sáng tạo. Sáng Tạo. Và Sáng Tạo lên, phải không ông Mai Thảo. Sài Gòn Nhỏ là bắt chước lít tờ Italy, là cũ kỹ, là ươm ươm ươm ươm, nghe ko gõ gõ nữ lưu Bolsa chi cả. Làm ơn trảng những cửa hiệu Bolsa lên cấp đi. Làm ơn thay máu. Đừng Sài Gòn do dỏ, em thấy anh nhỏ xíu em thương định mệnh be bé nhược tiểu ấy mãi. Sao không là Saigon Bolsa định mệnh to đùng.

Đêm sâu và giọng nhung 2000 ma ảo của Liên ru hời. Những tình yêu chúng tôi về đây bón máu cho Sài Gòn Bolsa. Không thơ không nhạc không kịch không truyện, Sài Gòn hay Bolsa gì cũng vứt đi. Cả cuộc đời này đồ bỏ. Cả thế giới này là chó nhai. Gym giếc thể thao thể dục cho cổ vào mà không yêu thơ không yêu sách là thành những cỗ người Thẩm Mỹ Viện cứng ngắc không đeo gáy và đu giai tình như bọn trai gái chúng tôi đêm nay đâu. Hãy mua thơ đề. Hãy xem kịch nhiều lên. Làm ơn đọc sách dùm. Để ngộ ra tình yêu đêm màu hồng "*Hỡi Liên, những Liên, và những Liên*" như trong câu thơ bạn của ông Mai Thảo là ông Thanh Tâm Tuyền đã thơ. Ở mãi với đời tóc xanh như tình yêu Liên nồng nàn chưa thố lộ nhé. Như lời Liên hứa với tôi đêm nay giữa một tháng chạp ngoài kia đầy gió và một Sài Gòn Bolsa đang chờ cơn mưa cuối năm hành hương.

21/12/2003

Sắp giỗ Mai Thảo

Mai Thảo, vượt biên Pulau Besar Mã Lai và từ đó... Hà Cẩm Tâm

Sau 12 ngày đêm giông tố bão bùng, tấp vô bao nhiêu bến bẫy nhiều bờ, cảnh sát Mã Lai cho xăng dầu rồi đuổi ra khơi, trời tối mịt mờ, sóng xô đầu bạc cao vút âm vang. Chiếc tàu nhỏ xíu như chiếc là chòng chành giữa lòng chảo khổng lồ

Có ngày yên ả như mặt nước hồ thu, sóng lăn tăn tấu khúc trữ tình, những gam biêng biếc chập chùng sắc biển. Có đêm trắng phau màu tuyết Alaska. Anh Mai Thảo dưới hầm tàu chui lên xẹt lửa bập bập điều thuốc Vàm Cỏ. Mặt không vui không buồn, tóc dựng đứng, nhìn trời rồi ngó biển. Tôi lấy cây viết nguyên tử ngòi bi hí hoáy tốc họa anh trên tờ giấy bạc Việt Nam Cộng Hoà. Biển lại nổi điên. Anh Văn Phụng đứng ngả nghiêng lần hạt chuỗi, miệng lép nhép kêu thủ vương thương xót. Tất cả nhào xuống hầm đập nắp kín mít Sóng ủa vào hầm như thác Niagara. Mọi người thi nhau ói mưa đến mặt xanh. Tất cả nằm chờ chết. Cuối cùng rồi cùng đập phá tàu cho bể tan tành để tấp vào một hòn đảo nhỏ của miền Tây Mã Lai tên là: PULAU BESAR, thuộc tỉnh TRENNGANU

Trên đảo chỉ loe hoe vài chục thanh niên đen dứa đang bắt cá trong con lạch nhỏ. Mừng rỡ chuyện trò. Vô rừng đốn cây làm trại ở, theo dân đánh cá ra khơi kiếm thức ăn. Thấm thoát ba bốn tháng, thuyền Việt Nam tấp vào đảo vô số. Số người vượt biển đã hơn 400 người.

Trên chiếc tàu MT 802 đầu ngò có Mai Thảo, Văn Phụng, Châu Hà, Quyên Di, cô ca sĩ gì quên tên, kịch sĩ Ngọc Phu, và rất nhiều văn nghệ sĩ khác. Tin tức đi thật nhanh. Cứ hai tuần một là có một ông cha đến phát thư. Anh Mai Thảo và tôi là hai người được thư và tiền nhiều nhất (money orders). Có lẽ nhờ tôi vẽ cảnh trại ty nạn Pulau Besar Trennganu West Malaysia gửi qua Nguyễn Hoàng Đoàn làm bia tờ Hồn Việt nên địa chỉ và tên của các văn nghệ sĩ được bạn bè biết và gửi tiền tiếp tế.

Dài theo bờ biển là cả một bảo tàng viện của những con tàu lớn nhỏ bể tan tành nằm tro xương trên cát. Đẹp và xúc động tột cùng. Chiếc tàu chỗ còn một mắt lú lên cát trùng trùng nhìn sóng vỗ. Lúc ở Saigon trước 1975, Mai Thảo là người được rất nhiều người không ưa, trong giới nghệ sĩ cũng như giới không nghệ sĩ. Kể ra tôi cũng không có cảm tình với Mai Thảo. Vũ Khắc Khoan, Phạm Huân, Mai Thảo, Phạm Đình Chương là vua "Đêm Màu Hồng" và các dancing. Mai Thảo độc thân, lúc nào cũng chễm chệ ở La Pagode, Continental, Brodard, Grival đường Tự Do. Những ngày ở trại Pulau Besar tôi mới có dịp giao du, nhậu nhẹt, và tán gẫu với Mai Thảo. Tài hoa và hiền hậu. Mai Thảo không bao giờ dùng chữ nghĩa để đá phá, hạ nhục người khác. Đến quán nhậu anh ăn rất ít nhưng kêu thức ăn rất nhiều rồi bỏ đó. Tôi hỏi sao kêu nhiều mà chả ăn gì cả. Anh ôn tồn: Chỗ người ta bán thức ăn thì phải mua thức ăn. Cá đám la cà đây nhậu suốt đêm mà chả ăn gì cả à ! Cho người ta sống với chứ ! Anh là người tử tế. Biết bao kỷ niệm chung sống với anh suốt 8 tháng ở Pulau Besar.

Khi qua Mỹ đầu tiên Mai Thảo về Seattle làm báo với Thanh Nam. Tôi đến Mỹ sau anh mấy tháng ở tiểu bang Pennsylvania và moved về Washington State theo lời rủ rê của Thanh Nam, Vũ Đức Vinh, và Mai Thảo ... Rồi lại moved về California, cũng Mai Thảo rủ rê ... và đi lang thang gần hết nước Hoa Kỳ. Đã 10 năm anh Mai Thảo ra đi. Còn biết nói chi ngoài hai chữ Nhớ Thương. Anh thường nói với các bạn bè thân: Các "toa" lấy vợ để làm khổ người ta và làm khổ mình. "Moa" chả bao giờ lấy vợ. Anh nói và anh làm đúng như lời anh nói.

Anh không phải là người ham tiền. Có một ông nhà giàu muốn mua cái manchette báo Văn 50 ngàn dollars vào những năm Mai Thảo làm chủ bút. Anh nói KHÔNG và cuối đời giao Văn cho

một người bạn văn nghệ. Có lần trong một quán ở miền Nam Cali ai cũng khen một ông đại nhạc sĩ già tuổi 80 mà vẫn khỏe và làm tình như tuổi thanh niên, bồ bịch lung tung và luôn luôn cường tráng. Mai Thảo nói: Đó là đồ quý.

Mai Thảo là thế đó. Dễ ghét mà rất dễ thương. Có khi anh như một trẻ thơ, nói những lời thật ngây thơ và có khi rất e lệ khi trò chuyện với phái nữ. Tóm tắt: Mai Thảo tài hoa và quá dễ thương. Phần đông các bà các cô có yêu anh chút chút. Why not.

2007



Mấy tháng cuối cùng với Vũ Hoàng Chương

Vượt qua cây cầu Calmette soi bóng trên một con kinh tù đọng, con kinh chạy dọc theo vùng ngoại vi tràn lan náo nhiệt nhất của Sài Gòn là khu Chương Dương, Ông Lãnh, chiếc xe đạp lọc cọc chở tôi đi trên một mặt nhựa lồi lõm, dừng tới tòa nhà xám bần của hãng làm phân bón thì rẽ trái và lặn vào một con đường trải đá xanh.

Con đường thoát đầu nhỏ hẹp vào tới sâu phình rộng dần dần và mở thành một vùng ngoại ô tràn lan náo nhiệt khác là vùng Khánh Hội. Tại đây hai bên hàng quán, chợ búa chen chúc ngổn ngang không hàng lối, sáng chiều là bụi cát rác rưởi đủ loại dấy bốc mù mịt do chân trần những bầy trẻ nhỏ đen đúa nhếch nhác chạy nhảy la hét hất tung lên. Cuối đáy con đường là phường Cây Bàng. Nó đứng chắn ngang với những rào cây um tùm như một biên giới tươi xanh ngăn chia chợ búa thị tứ ồn ào trước mặt với phía sau, cũng chỉ là những xóm ngõ bình dân lao động, nhưng một ngày đã trở thành tao nhã, tao nhã từ vết nắng sớm đến nét trăng chiều, từ ngọn cỏ bờ đến cụm hoa đồng, vì còn là một địa chỉ lấy lừng của văn chương, nơi một mái lầu thi ca lừng lẫy.

Chiếc xe chở tôi rẽ phải trên một con đường nhỏ, yên tĩnh, rẽ trái vào một con đường nhỏ yên tĩnh nữa, rồi tới một đầu ngõ khuất khúc. Tôi xuống xe, dắt bộ tới cuối ngõ, tới trước một căn nhà gỗ hai tầng. Đây một cánh cổng khép hờ đi vào, tôi đã tới Góc Bút của Vũ Hoàng Chương. Thi sĩ mới dọn về đây ít lâu sau biến cố tháng tư 1975, cái tiểu gia đình gươm đàn nửa gánh gồm có thi sĩ, người bạn trăm năm của ông là nữ sĩ Đinh Kiều Oanh và đứa con trai nuôi là Vũ Hoàng Tuấn, ông đặt tên cho con bằng lấy tên Tuấn của Nguyễn Tuấn, nhà văn viết tùy bút rất hay và là bạn thân của thời kỳ tiền chiến.

Địa chỉ mới của Vũ Hoàng Chương nguyên là chỗ ở của gia đình thi sĩ Đinh Hùng, em vợ ông ngày trước. Chỗ ở này sinh thời, Đinh Hùng, tự xưng là Đinh Công Tử, nghịch ngợm đặt tên là động Hoa Lư, trong cái ý nhà vua xưa Đinh Bộ Lĩnh dấy nghiệp ở động Hoa Lư thì Đinh Hùng

đời sau cũng có một động Hoa Lư ở phường Cây Bàng như thế. Đinh Hùng mất, vợ con vẫn ở, tên Hoa Lư vẫn còn. Nhưng từ Vũ Hoàng Chương dọn về ở chung, Hoa Lư còn có thêm một tên mới. Đó là Gác Bút.

Hỏi tại sao không dùng lại tên Gác Mây của căn lầu trên vùng Phú Nhuận vừa rời bỏ, thi sĩ cười, hóm hỉnh: "Đổi đời, giờ là Gác Bút mới đúng. Vì Hà Nội nó bắt ta gác hết bút lên rồi, đâu còn cho viết nữa."

Tôi đến thăm Gác Bút thường ngày như vậy và thường vào buổi chiều. Thường, vì muốn, vì cầu, với tôi. Hai mươi năm sinh hoạt thơ văn của miền Nam, được ông nhận cho kết giao, rồi thân thiết mày tao và được ông xem như một tấm lòng tri kỷ, dù tuổi tôi thua ông đúng một giáp mười hai năm, tôi đã đến thăm mọi chỗ ở của thi sĩ rất nhiều lần. Ở căn nhà một ngõ hẻm Phan Thanh Giản. Ở căn nhà giữa khu Bàn Cờ. Rồi ở Gác Mây, căn phòng trên lầu trong đáy cùng biệt thự Úc Viên của Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội. Nhưng nhiều lần cũng chỉ có nghĩa hàng tuần, hàng tháng. Với Gác Bút, gần như chiều nào tôi cũng từ Sài Gòn đạp xe sang phường Cây Bàng và tới Động Hoa Lư.

Lý do là miền Nam mất, thời thế xập đổ tan tành, tôi đã sống với đổi đời trong một tâm trạng cực kỳ tro bụi, thất lạc và cảm thấy cần thiết hơn lúc nào hết cho đời mình những gặp mặt với Vũ Hoàng Chương, nhập vào vùng phong thái an nhiên trầm tĩnh của ông, chờ ông pha trà cho uống, nghe ông nói chuyện thơ và quên hết với ông trong cái không khí thoát tục và xa đời của những buổi chiều trên Gác Bút lừng tiếng.

Thời gian này, sức khỏe của Vũ Hoàng Chương đã hết sức suy nhược và gia cảnh thì đã rớt xuống tới đáy cùng của túng thiếu cùng quẫn. Những tháng sau cùng ở Gác Mây, Phú Nhuận, ông đã đau yếu rất nhiều. Trong lòng ngực mỏng, con tim đã yếu. Trên cái vóc hạc, xế chiều đã tới. Vũ Hoàng Chương gần như không ra khỏi nhà nữa. Lên xuống mấy bậc thang lầu, cũng phải đứng lại nhiều lần để thở. Có việc phải đi đâu, bao giờ cũng phải Đinh Kiều Oanh cùng đi. Ở Gác Mây anh em văn nghệ đã phải chia lượt tới viếng thăm ông đau yếu nhiều lần. Đem thuốc thang tới nữa.

Về Gác Bút, tình trạng sức khỏe của thi sĩ càng mong manh. Những thiếu thốn vật chất, mặc dầu thi sĩ chẳng còn nhu cầu gì -ông đã bỏ thuốc phiện- càng làm trầm trọng mau chóng sự mong manh ấy. Ở Gác Bút, ông gầy teo, gần như không đi xuống tầng dưới nữa. Nhiều buổi chiều tôi tới, ông đắp một tấm chăn mỏng, nằm mỗi một thiêm thiếp trên mặt sàn trống trải, hình ảnh cuối đời hợp nhập với hình ảnh hoàng hôn thắm màu đang hát hiu buồn xuống ở chung quanh.

Điều này cũng là một lý do nữa để hàng ngày tôi lặn lội đạp xe sang thăm người Gác Bút. Thần trí ông vẫn minh mẫn, lấp lánh. Thần thái ông vẫn nhẹ nhàng ung dung. Nhưng thịt xương không phải là thần trí và thần thái. Thi sĩ đã hơn sáu mươi tuổi. Và không phải là linh cảm nữa mà là tôi đã nhìn thấy tài thơ cực phách, chẳng còn chịu ở hơn nhiều lắm nữa với đời. Những ngày tháng còn lại của Vũ Hoàng Chương ở Gác Bút là số ngày tháng cuối cùng.

Vậy mà, ngược nghịch, lạ lùng những ngày tháng cuối cùng này lại là thời kỳ sung sướng nhất của thi sĩ.

Bạn hữu ở gần nhìn thấy rất rõ ràng những tỏ hiện nhảy nhót niềm sung sướng cuối đời không ngờ có ấy. Qua đột biến lạ lùng: một thân thể non tây lỏng trong một bình sinh xế tà thình lình đuối dạt được khỏi nó tấm mùng khói sương cô tịch vây phủ, tự thấp sáng lại bằng một thấp sáng rực rỡ. Giữa thấp sáng lại này, một Vũ Hoàng Chương rất hài đồng, rất tươi thắm và cũng rất lớn đi ra.

Làm xanh thắm lại cái úa héo, giữ chặt trên cành sinh trái tử sắp rụng, chất lực diệp tố đến tự những nguồn hô hấp nào? Tự hai nguồn. Một của thơ. Một của đời sống. Hai nguồn, trong một liên hệ tuyệt diệu.

Nếu tài thơ lớn bao giờ cũng ung dung chuyển đẩy được nó tới nhiều đất trời khác biệt, không chôn chết một đất trời cố định -những sức thơ tần thường không bao giờ thực hiện được vận động này của thơ- cõi thơ sau, cõi thơ sáu mươi, cõi thơ phơi phơi vô cùng riêng Vũ Hoàng Chương đưa mình tới được là một thoát vượt, một bỏ lại rất xa cách sau lưng mọi cõi thơ Vũ Hoàng Chương trước. Và với cõi thơ sau này, ánh sáng của ngôi sao bắc đầu mới khởi sự trong suốt, thật sự vôi vọi.

Hãy nhớ lại ba ngọn đỉnh của vòm trời cũ. Là Mây, Hoa Đăng và Rừng Phong.

Tâm thức ba vùng trời cũ là:

Đêm hỏa táng trần tâm cõi đời nghiêng đổ

Thịt xương ơi, nằm nhé đất oan khiên

Trần cấu lằng lằng ngoài cửa mộ

Ta thoát hình nương khói bay lên

Đâu đó tà dương hề treo ngọn bắc

Đâu đó cuồng phong hề reo đáy chai

Mùa chi ngày chi tuổi bao rồi nhỉ

Quanh chiếu rọi tang thương hề tình anh ngoài đời

Đó là tâm thức hình giáo quấy động quần quại trong một thạch động kín bịt. Hồn tuy tấm dấm khổ đau những muốn bay lên cùng khinh thanh, chướng nghiệp chưa rũ được, căn chưa thông tỏ làm sao phá tung được nhà ngục hình hài. Tường là thoát hình, đâu có thoát hình. Thịt xương ném trả đất oan khuất, đâu có ném trả. Thực hiện cuộc thiêu hủy trần tâm bằng một lửa. Thì thiêu hủy. Nhưng khác nào ngọn lửa hủy giận dữ của Hồ Dzếnh: "Lửa giận tan rồi, than tối đen."

Đâu đó tà dương. Đâu đó cuồng phong. Đâu đó trần cấu lằng lằng. Đâu đó thôi. Thấy là đâu đó, hư vọng, cái bay cái thoát không hề có một điểm khởi hành đích thực. Ở nội tại, trong thực thể, là trường hợp một tâm thái giải phóng khỏi hệ lụy chưa thật sự trở thành. Một làn mây vướng. Một ngọn đèn thấp, nội giới không phóng thoát là cái chao đèn giam nhốt hết ánh sáng. Một cánh rừng, rễ cành nghìn nhánh xiềng xích trong đất, không có ngọn đi lên với trời.

Đó là những Mây, là Hoa Đăng, là Rừng Phong, ba cõi ngôn ngữ vĩ đại về hệ lụy trần thế, trần thế không tự nó là hệ lụy, là bể khổ, hệ lụy trần thế từ nơi tâm hồn người. Cái ngục anh giam anh. Cõi đời không phải ngục. Cõi đời không bao giờ là ngục.

Rồi Vũ Hoàng Chương ra thoát được cái ngục mình. Cuộc phục sinh thành, đã trao cho thi sĩ một chìa khóa ngục mở vào những ngày tháng cuối cùng, những ngày tháng sung sướng.

Và Vũ Hoàng Chương đã mang con người sung sướng ấy của mình đi qua đời, đi qua cộng sản đi vào vĩnh viễn. Thời gian ấy sống gần ông (mấy tuần chót ở Góc Mây, mười tháng ở Góc Bút trước bắt giữ), cho tới buổi trưa ngày 30 tháng 11 năm 1976, từ chỗ ăn một vùng ngoại ô Chợ Lớn âm thầm trở lại phường Cây Bàng lần cuối để thắp một nén hương vĩnh biệt trước di ảnh bạn, cho tới những buổi trưa đảo nằm một mình trong một đáy rừng Mã Lai Á khuất tịch, tôi thường suy nghĩ, tìm kiếm lý giải, về một vận động từ bi thăm đưa tới thăng hoa sung sướng phóng thoát của một đời người. Vũ Hoàng Chương đã có được thăng hoa ấy. Qua thái độ ông, buổi sáng bị bắt. Trong bốn tháng nằm trong hầm tối. Trong năm ngày cuối cùng trở về Góc Bút. Bằng vào những chi tiết chị Vũ kể lại, sẽ được nói tới ở phần sau này. Tâm thức tôi, thiếu hụt tầm vóc, không sao đạt tới được thăng hoa như bạn. Bởi vậy mà giải thích hiện tượng, rất buồn thảm. Và cũng rất cực nhọc.

Đó là ngọn lửa và trái tim Thích Quảng Đức, ngọn lửa và trái tim tươi thắm phóng thoát trần thế từ một ngã tư đường Lê Văn Duyệt? Những cuộc đàm đạo trong tao nhã, tịch lặng với Thượng Tọa Thích Trí Thủ, một tâm thái phóng thoát khác, ở cái hiện sau xa đời của ngôi chùa Gia Định (thời gian sau này, Già Lam tuần nào cũng cho đón thi sĩ tới chùa, giữ ông cả buổi)? Hay đơn giản đó chỉ là sự bắt gặp trên một mức độ tràn đầy của bản thể viên mãn với đời sống, với nghệ thuật, với thi ca, qua những biến thiên cùng ý nghĩa và chân tướng biến thiên được soi tỏ qua cái hình ảnh một người đi mãi, đã vượt khỏi đỉnh núi bấy lâu chần lấp, thấy được từ cái

chết chần lấp cả biển, cả trời và cả chính mình? Hay là sự màu nhiệm của tuổi? Sự mà nhiệm mà Nguyễn Khuyến đã thấy trong bài thơ *Khóc bạn* bất hủ: "*Tuổi già hạt lệ như sương*".

Thế còn vai trò của thơ?

Thơ đóng vai trò gì trong tâm thức phóng khoáng?

Nhà thơ lớn nào cũng nô lệ cho ngôn ngữ của chính mình. Tôi chỉ nói những nhà thơ lớn. Vì là một hiện tượng đặc thù chỉ có ở những nhà thơ lớn, những tầm thơ, những vóc thơ đích thực phát minh sáng chế ra ngôn ngữ. Khởi thủy là sự phá vỡ, sự vượt bỏ những biên thùý đã có, ngôn ngữ mới được sáng chế ra bởi tri thức thần diệu của thiên tài khi đã hình thành, đều có một hiệu năng ghê gớm giam nhốt kẻ đã sáng tạo chúng, là thiên tài, trong chúng. Mỗi chữ, mỗi lời của ngôn ngữ sáng tạo đều hiển lộ cái hiệu năng ghê gớm đó. Và rõ nhất ở địa hạt thi ca. Thiên tài bị giam nhốt trong cái lồng ngôn ngữ nguy nga vừa sáng tạo ra, tới khi phá được lại để rơi vào một cái lồng vừa mới sáng chế. Như thế mãi mãi không ngừng. Đó là quy luật của ngôn ngữ siêu việt, ngôn ngữ thơ. Đó là định mạng khốc liệt của thiên tài, trước ngôn ngữ mình.

Quy luật và tương quan vừa nói thể hiện rất rõ từ *Mây*, tới *Hoa Đăng*, tới *Rừng Phong*. Trờì thơ thi sĩ càng triển khai tới đâu, ông càng bị ngôn ngữ ông chi phối, khống chế và giam cầm tới đó. Hiện tượng này còn nhìn thấy ở một nhà thơ lớn khác, Bùi Giáng nhưng ở trong một trạng thái mịt mùng mê loạn, với Bùi Giáng ngôn ngữ mê sáng biến tướng, quy luật và tương phản chìm ẩn không định hình rõ rệt, và Bùi Giáng cũng không đạt được cho mình sự phóng thoát, như Vũ Hoàng Chương.

Một đêm tôi ở lại với ông thật khuya, tới sát giờ giới nghiêm cộng sản. Xã hội thê lương nằm phục bốn chung quanh tường Gác Bút. Ông đưa tôi xem một lá thư Trần Dần. Bị trừng phạt nặng nề, bị treo bút vĩnh viễn, nhà thơ Trần Dần, tài thơ trác tuyệt nhất của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, không được vào Nam, đã gửi cho ông một lá thư đầy những lời lẽ kính trọng, như ông vẫn nguyên vẹn là thi bá của cả một thế hệ thi sĩ đã hai miền chia cách suốt 30 năm chiến tranh. Lá thư, tôi chỉ còn nhớ được câu này: "*Thơ anh, thơ Đình Hùng, sống muôn đời với thi ca Việt Nam.*" Đêm đó, cầm nổi kính phục của Trần Dần đối với ngôi sao Bắc đẩu miền Nam trên tay, tôi nhìn bạn ngồi thư thái êm đềm trước mặt, đã chia xẻ được với thi ca một niềm sung sướng thống khoái vô tả. Kính phục của Trần Dần chắc còn lớn lao gấp bội. Nếu nhà thơ miền Bắc còn nhìn thấy được cõi thơ cuối đời và cái hiện tượng thăng hoa của tâm thức phóng thoát, ở thi sĩ!

Ông đưa tôi coi tiếp những thư từ bạn bè ngày trước viết vào từ Hà Nội. Thư Lưu Trọng Lư. Thư Hoàng Lập Ngôn. Thư Hoàng Cầm. Lá thư ngắn nhất của Nguyễn Tuân. Vắn vắn: "*Mấy lời hỏi thăm cổ nhân. Thư bất tận ngôn.*" Ông cười:

- Thăng Tuân ngày xưa với tao thân lắm. Khâm Thiên, bàn đèn, tao đâu nó đó, mà nó sợ. Chỉ dám dùng bốn chữ thư bất tận ngôn.

- Mà trả lời bọn họ không?

- Có. Thăng nào viết thư thăm, tao cũng phúc đáp cho phải lễ. Bằng một vài đoạn thơ.

Ông cười thành tiếng, ánh mắt tinh nghịch vui thú:

- Thăng Dịch vào, nói bọn chúng nhận được thơ tao thích lắm, vác đi khoe cùng nhưng chỉ dám khoe với bạn thân. Tao trêu chúng mà. Với thằng Hoàng Lập Ngôn, tao hỏi mấy chục năm cộng sản, cái xe mê ly đặng tử có còn lăn bánh? Và bánh thực hay bánh vẽ. Thăng Tuân, tao gửi cho nó một bài thơ chữ Hán, lấy điển người xưa mừng nó vẫn là nó không bao giờ thay đổi. Nó đọc, nó hiểu, chắc buồn lắm. Đã đi theo Đảng, Nguyễn Tuân bây giờ còn là Nguyễn Tuân ngày trước thế nào được nữa.

Dịch là Vũ Hoàng Dịch, em ruột thi sĩ. Bạn thân của Trần Dần, Dịch không viết bài nào đả kích lãnh đạo trên Nhân Văn Giai Phẩm, nhưng chỉ thân với Trần Dần vẫn bị hạ tầng công tác, sống uất ức và bất mãn ngấm ngầm cho đến ngày vào Nam thăm anh. Chị Vũ Hoàng chương kể cho tôi nghe hôm Dịch vào, thân tàn ma dại, hai anh em ôm chặt lấy nhau giây phút trùng phùng, Dịch bật khóc nức nở khiến Vũ cũng phải chảy nước mắt. Dịch ở trên Gác Bút năm ngày. Suốt đêm, hai anh em Vũ uống nước trà, trò chuyện. Hôm Dịch trở về, nhà còn mấy chỉ vàng và cái

cassette là quý nhất người anh cho hết người em. Dịch ngậm ngùi từ biệt: "Em khó lòng vào được nữa. Bọn nhà văn nhà thơ Hà Nội ai cũng nhớ đến anh. Đều thèm gặp lại anh lắm, nhưng họ sợ liên lụy chắc không ai dám tới. Em vào thăm anh thế này, về thế nào cũng có chuyện với đoàn thể. Em rất lo cho anh. Anh liệu giữ lấy thân."

Vũ Hoàng Chương gật, điềm tĩnh: "Anh hiểu cả. Khởi phải lo cho anh." Rồi ngồi yên nhìm em đi. Quả nhiên, lần hai anh em gặp nhau lại là lần cuối cùng. Khi thi sĩ mất, Vũ Hoàng Dịch cũng không được vào đưa đám. Thăm anh về, Dịch bị báo cáo và bị đoàn thể khiển trách nặng nề vì không được Đảng cho phép mà dám ở với Vũ Hoàng Chương. Đúng như lời Vũ Hoàng Dịch, Hà Nội văn nghệ vào Nam đủ mặt, chỉ một hai người dám liều tới thăm Gác Bút, như Vũ Đình Liên, Anh Thơ, Đoàn Văn Cừ, Lưu Trọng Lư, còn nhóm người cùng một thời Tự Lực với ông như Xuân Diệu, Huy Cận, Thế Lữ, Hoài Thanh, hoặc vì đồ kỵ với tiếng thơ lầy lừng của thiên tài, hoặc vì hèn nhát sợ bị liên lụy, đều tránh mặt. Tôi nghĩ là trong thâm tâm, Vũ Hoàng Chương hẳn buồn lắm trước tư cách hèn dớt của nhóm bạn bè cũ, nhưng điều này ông không bao giờ nói ra. Ông hiểu cho họ, tâm thức phóng thoát là một trời thơ trong suốt bát ngát, thế thái ảm lạnh chỉ có thể là một bóng mây chốc lát rồi tan đi.

Có điều là chính vì thái độ đồ kỵ, hèn dớt của nhóm nhà văn, nhà thơ Hà Nội cùng một thế hệ với ông mà Vũ Hoàng Chương đã bỏ Gác Mây về Gác Bút. Chuyện như thế này:

Khi nhóm nhà văn nhà thơ tiền chiến theo Đảng đã đủ mặt ở Sài Gòn, họ đến gặp Lê Trảng Kiều, Bằng Bá Lân, Quách Tấn, cả Vũ Bằng nữa, mà không một ai chịu tới thăm nữ sĩ Mộng Tuyết ở Úc Viên biệt thự. Là phụ nữ, lại thiếu cao ngạo, thiếu bản lãnh, sự "tẩy chay" này khiến Mộng Tuyết rất dỗi lo sợ. Nữ sĩ hốt hoảng đi tìm hai người viết nằm vùng là Sơn Nam và Vũ Hạnh để tìm hiểu lý do. Bà than:

- Năm 1934, tôi đã được giải thưởng thơ của Tự Lực Văn Đoàn. Các anh Xuân Diệu, Thế Lữ bao nhiêu năm vẫn giao du với tôi và Đông Hồ rất thân thiết. Tôi lại chỉ làm thơ vịnh hoa, vịnh trăng, không chống cộng, chống cách mạng. Nay các anh ấy vào, đi thăm hết cả mà không một ai đến tôi là làm sao? Tôi có tội phải cho tôi biết chứ!

Vũ Hạnh lắc đầu:

- Chị được coi là không có tội. Các đồng chí không tới thăm chị chỉ vì Vũ Hoàng Chương hiện đang ở đó!

Lần chót tôi tới Gác Mây, Vũ Hoàng Chương thuật lại nguyên nhân trường hợp Mộng Tuyết bị tẩy chay cho tôi nghe. Ông nói:

- Tao không trách Mộng Tuyết. Chẳng thể bình tĩnh thản nhiên như mình được. Vợ Đình Hùng lên nhiều lần, lần nào cũng khẩn khoản mời vợ chồng tao về ở cùng, nói sống chết thế nào còn có nhau. Chính tao cũng đã định về phường Cây Bàng từ lâu. Chỉ ngại dọn nhà. Gặp Vũ Hạnh về, Mộng Tuyết không dám nói rõ sợ tao giận, nhưng tao đã hiểu. Mà nghĩ tao có nên rời khỏi Gác Mây?

Một tòa biệt thự lạnh lẽo. Hai cánh cổng sáng chiều đóng chặt. Một nữ chủ nhân hoang mang lo sợ trước đổi đời. Thời thế tối tăm, hung dữ đã giết chết cái không khí thanh lịch, đài các của hoa lan, hoa quỳnh. Gác Mây đâu còn là Gác Mây nữa. Úc Viên biệt thự tầm thường đâu còn xứng đáng là chỗ ở của thi bá. Từ ngày Vũ Hoàng Chương bị làm khó ở căn nhà vách ván lụp xụp ở khu Bàn Cờ, rồi Mộng Tuyết hết lời mời mọc, thi sĩ đành tới nhờ Úc Viên, tôi biết ông miễn cưỡng và chúng tôi cũng không thích ông dòi vào cái chốn phong lưu trường giả ấy. Trong truyền thống những thi sĩ lớn của dòng thơ Việt mọi thời, hoàn cảnh đời sống hàng ngày của Vũ Hoàng Chương phải được trải mãi trên tấm thảm gấm của Bàn Bách và Đạm Bạc như trên tấm thảm ấy đã Tú Xương, đã Tản Đà, đã Nguyễn Bính, đã Đình Hùng, đã Hàn Mặc Tử. Tôi mừng rỡ:

- Bọn khốn nạn khởi sự làm khó mày rồi đấy. Làm khó từ chỗ ở trước. Ở đây ra vào kiểu cách, khó chịu lắm. Về phường Cây Bàng đi. Ngại dọn nhà sẽ có bạn bè đến dọn.

Vũ Hoàng Chương thật sự có vẻ vui thích trước ý nghĩ ông về sống trên căn gác xép ngày trước của Đình Hùng. Ông đã gần Đình Hùng một đời. Bây giờ gần thêm nữa. Và tôi chia sẻ với ông niềm sung sướng đó. Ông nói:

- Một tuần lễ nữa, tao đi.

Năm ngày sau tôi trở lại Úc Viên, để thấy Vũ Hoàng Chương đã đi sớm hơn ông đã hẹn. Hai ngày trước, một nhóm sinh viên Luật yêu thơ ông, trước là học trò ông, tới thăm thầy đã đi mượn xe, khuôn đồ đạc dùm thầy xuống khỏi Gác Mây, hộ tống thầy về đất Hoa Lư. Lần trở lại Úc Viên này, tôi không vào. Chỉ đứng lại với Mộng Tuyết ít phút ở cổng. Mộng Tuyết có vẻ ngượng:

- Anh Chương đi rồi. Giữ ảnh ở thêm ít ngày thế nào cũng không chịu.

Tôi không giấu được buồn bã:

- Từ phút anh Chương rời khỏi đây, Hà Nội đã chấm dứt tầy chay chị rồi chứ? Những ai đã tới thăm chị rồi? Chúng mình cùng một cảnh ngộ, đã sống thân thiết với nhau mấy chục năm trời, bây giờ chết cũng phải tình nghĩa cố kết hơn lúc nào hết. Cho họ khỏi coi thường. Không ai đến thăm thì thôi. Chị đã bảy mươi tuổi, còn sợ gì nữa?

Về sau tôi được biết Vũ Hoàng Chương về phường Cây Bàng buổi chiều thì ngay buổi tối ngày hôm đó, Vũ Hạnh chở Vespa Xuân Diệu tới thăm Mộng Tuyết. Rồi hôm sau, Huy Cận, Chế Lan Viên tới. Khi Mộng Tuyết nói thi sĩ đã rời khỏi Gác Mây, đám nhà thơ miền Bắc đặc biệt đổ kỵ với riêng ông chỉ vì trời thơ hai miền hào quang ông át lấn mọi hào quang khác, đã giả vờ tỏ vẻ hối tiếc không biết trước để tới thăm thi sĩ sớm hơn, những tâm địa tầm thường ấy không dám thú nhận thái độ tiểu nhân của họ, trước cái phong cách đĩnh đạc và trầm tĩnh của thi sĩ. Mặc cảm tự ti đưa tới ghen ghét hạ đẳng ấy là một của những nguyên nhân đưa tới bắt giữ thi sĩ ngót một năm sau, buổi sáng ngày 13 tháng 4 năm 1976.

Sống với cộng sản, trường hợp của miền Nam là ở lại, là vẫn có mặt ở Sài Gòn sau ngày 30 tháng 4, kẻ sĩ, nhà thơ, nhà văn thất thế, khi mọi phương tiện lên tiếng đã bị triệt hủy hoàn toàn, chỉ còn một cách thể biểu hiện nhân phẩm duy nhất là giữ vững bản ngã, giữ vững nhân cách giữa bi thảm, không cho sa đọa. Và như vậy, đối diện với nghịch cảnh, đối diện với kẻ thù, đối diện với cái chết. Bi thảm này tên là Định Mệnh. Hàng ngàn nhà văn nhà thơ trên khắp mọi phần đất thế giới đã đứng trước định mệnh khốc liệt như thế, trên tổ quốc đất nước họ, trước bạo lực quân phiệt và chuyên chính vô sản. Anh em văn nghệ miền Nam, ngoại trừ một thiểu số khiếm nhược, nói chung đã có một phong cách nghiêm chỉnh, lúc thất thế, trong bi thảm, trước kẻ thù. Nhưng gương mẫu nhất, rực rỡ nhất tuy từ hai cách thể biểu hiện khác biệt, qua suy nghĩ và nhận thức tôi là Vũ Hoàng Chương và Thanh Tâm Tuyền.

Tôi sẽ đi vào phong cách và bản lĩnh Thanh Tâm Tuyền trước chuyên chính đồ một dịp khác. Khi viết về Thanh Tâm Tuyền. Riêng ở Vũ Hoàng Chương nếu như vẫn đứng thẳng được trước một kẻ thù đòi ta quỳ gối, vẫn bảo toàn được nhân cách và bản ngã giữa một chế độ dồn tận lực nó vào nghiền nát nhân cách và bản ngã, phải có một bản lĩnh hơn người, bản lĩnh Vũ Hoàng Chương nằm ở nơi ông, trước nguy cơ mà không hề rút thu vào một chìm ẩn an toàn. Như thường là phải vậy. Mà ngược hẳn, ở ông là một tiếp tục triển khai bản chất thể hiện nhân cách ông - và từ đó thơ ông và đời sống ông- một cách hết sức rực rỡ, hết sức tận cùng, không một phút giây e dè khiếp sợ.

Nói một cách khác, giữa cộng sản, Vũ Hoàng Chương vẫn sống tự do và đường hoàng như không có cộng sản. Như không có lá cờ đã đổ chói ngoài phường Cây Bàng. Như không có cái lưới an ninh đã dày đặc khắp vùng Khánh Hội. Như miền Nam chưa mất. Như vẫn là như trước. Chân lý Vũ Hoàng Chương, riêng ông đạt tới chân lý tuyệt diệu này, tóm gọn ở một chữ "không". Đối phó với cộng sản bằng không đối phó, không đối phó gì hết. Chấp nhận cộng sản bằng không chấp nhận gì hết. Đất trời thẳng thốt lật xấp đi như vậy, đêm biến thành ngày, ngày biến thành đêm như vậy, nguyệt thực nhật thực, địa chấn, hồng thủy bàng hoàng là vậy, mà quạt nan trong tay, áo nâu màu Phật, cốt cách trịch tiên, thần thái phiêu hốt, đệ nhất đương thời thi sĩ vẫn ung dung đi tới những ngày tháng còn lại của mình. Với toàn vẹn Vũ Hoàng

Chương là Vũ Hoàng Chương. Với tận cùng Vũ Hoàng Chương là Vũ Hoàng Chương hơn bao giờ hết.

Thêm thương tiếc và căm giận cộng sản đã hủy diệt của văn chương ta một trí tuệ như Thanh Tâm Tuyền biết bao nhiêu. Bọn chúng tôi, Thanh Tâm Tuyền trẻ nhất mà có một tầm nhận thức rất viễn kiến, rất xa rộng Ai cũng thấy những điều hần thấy. Nhưng thường là hần thấy trước nhất, sớm nhất. Nhớ năm đó là 1974. trước cảnh cùng quẫn của thi sĩ, Thanh Tâm Tuyền, Vũ Khắc Khoan, Tô Thùy Yên, Phan Lạc Phúc, Thanh Nam, Hoài Bắc và tôi cùng đứng ra tổ chức một Đêm Thơ Vũ Hoàng Chương, mời bạn bè yêu thơ tới dự, lấy tiền giúp gia đình thi sĩ. Mục đích chỉ là vậy. Nếu không có Thanh Tâm Tuyền: "Thi ca Tây phương có truyền thống mỗi năm, mỗi thời, tôn vinh một nhà thơ lớn nhất, tại sao chúng ta không nhân đêm thơ, tôn vinh trước thi ca và người đời nhà thơ lớn nhất của chúng ta. Một thứ vua thơ. Và không ai xứng đáng hơn Vũ Hoàng Chương sự tôn vinh ấy." Thế là với bài nói chuyện mở đầu của Thanh Tâm Tuyền, trình bày ý nghĩa tôn vinh một người của nghệ thuật, đêm thơ đó đã là đêm tôn vinh Vũ Hoàng Chương.

Kích thước cao ngất của Vũ Hoàng Chương mà Thanh Tâm Tuyền đã nhìn thấy rất sớm, tôi tiếp nhận được những minh chứng sáng rõ suốt thời gian mấy tháng cuối cùng ở gần thi sĩ. Cộng sản tới Sài Gòn, mọi người viết miền Nam đều ngừng viết. Kinh nghiệm sống rất giàu có với cộng sản của nhà văn miền Nam từ 1945 cho biết người viết miền Nam ý thức và tự trọng chỉ có hai thái độ: hoặc đối kháng, hoặc im lặng. Duy Vũ Hoàng Chương không im lặng. Bằng không im lặng rất hơn người, rất thi bá của ông đã nói, sống giữa cộng sản mà ông coi như không hề có cộng sản. Đã nói, giữa đại nạn, trước nguy cơ, ông phiêu hốt an nhiên, không thềm bần tâm, không thềm đối phó. Trời đêm cộng sản, mây đen phủ trùm mà ánh sáng của Bắc Đẩu vẫn sáng, sáng buổi sáng bị bắt, sáng bốn tháng trong ngục, sáng tới lúc từ trần. Trên suốt giải đất từ Nam Quan đến Cà Mau, thơ đích thực là thơ đã bị giết chết. Mà trên sàn Gác Bút hieu quạnh, thơ đích thực là thơ vẫn phun châu nhả ngọc, lại như tới lúc đó, cõi thơ tuyệt luân ấy, trời thơ lồng lộng ấy mới viên mãn, mới tràn đầy.

Chúng tôi ở lại, đem cái con người xã hội của mình ra đối phó với chế độ. Trước bạo lực man rợ, tri thức kiếm tìm phương thức đối phó, bắt buộc phải đặt nó trên cùng một bình diện với bạo lực man rợ. Đương nhiên vậy. Không thể khác. Thái độ này đúng, nhưng Tây phương. Và bị dạt, bị thảm khốn tả. Bởi tri thức cuối cùng vẫn bị bạo lực man rợ nghiền nát. Vũ Hoàng Chương không thế. Ông "muôn đời" hơn chúng tôi, Đông phương hơn chúng tôi, "thơ" và "thi sĩ" (vẫn hiểu theo tinh thần Đông phương muôn đời) vẫn hơn chúng tôi. Nên thể hiện được trước định mệnh chân lý đơn giản mà kỳ ảo này: bản ngã đạt tới đại thành là một bản ngã bất khả xâm phạm, bất khả hủy diệt. Một bản ngã cõi biếc. Không gọn, không bợn. Thành ra giữ cộng sản, chúng tôi kéo lết cái cái ý thức bị thảm quẫn quai, rất nặng nề, bên cạnh một Vũ Hoàng Chương hết sức khinh thanh.

Những ngày tháng cuối cùng của thi sĩ óng ánh như vậy, tinh khiết như vậy. Rất thơ, như vậy. Đôi khi ông xuống đời thăm bạn. Xuống. Và hàng tuần tôi tới ông, từ dưới một mặt đất xã hội mà đi lên với Gác Bút đã cởi giải mọi oan khiên hệ lụy với đời.

Bấy giờ là khoảng tháng 7, tháng 8, 1975. Thời kỳ yên ổn vẫn còn, nhưng các nhà văn nhà thơ quân đội như Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Cung Trầm Tưởng, Văn Quang, Phan Nhật Nam, đã bị gọi đi trình diện học tập, và thời gian một tháng đã qua mà không thấy họ trở về. Thêm một lần nữa, chân tướng sảo trá của Đệ Tam hiện rõ trong một lừa dối bất cố liêm sỉ. Phòng trưng bày tội ác mở cửa. Và nhà văn miền Nam là tội ác. Những loạt bài đã kích dữ dội mở màn. Và trên mỗi đầu mỗi cổ người viết miền Nam, khởi sự một chồng chất những tội trạng tày đình. Trong cái không khí không thể thở không thể sống như vậy, tôi sang Vũ Hoàng Chương, lần tới Gác Bút nào cũng mang ý định bàn với tri kỷ một cách thức đối phó. Lần nào, nhìn tôi lên ông cũng cười:

- Mấy ngày rày không thấy mày sang. Đang tính bảo vợ Đình Hùng đi hỏi. Tưởng bị bắt rồi chứ?

- Chưa nhưng rồi sẽ. Không thể không được.

Ông điềm đạm:

- Tao cũng nghĩ như vậy.

Tôi đọc những người có tên trong bản danh sách được gọi là danh sách Hoàng Trinh cho ông nghe. Hoàng Trinh là thông gia với Trường Chinh. Y vào Nam sớm nhất và được Bộ Chính Trị Trung Ương Đảng Ủy cho toàn quyền xử lý vụ "Văn Học Nghệ Thuật Miền Nam". Sau này thêm bớt con số người bị bắt, có nhiều danh sách khác. Như danh sách 21, danh sách 44. Nhưng danh sách Hoàng Trinh, 16 người được lập ra sớm nhất và tôi được biết ngay nhờ sự tiết lộ của một cán bộ đảng quen biết ngày trước, hấn đi theo Hoàng Trinh lên Đà Lạt, và được cho xem bản án tử hình này. Ông nghe rồi hỏi:

- Vậy là có hết tên chúng mày mà không có tên tao.

- Ít nhất cũng phải vậy.

- Mày nói thế là thế nào?

Tôi nói thế qua ý nghĩ về ông như một trường hợp riêng biệt. Từ một địa vị văn học văn chương riêng biệt. Và chính vì cái lợi của chúng, cho chúng, mà riêng ông, cộng sản phải để ông yên. Đúng vậy. Cộng sản đặt ông vào trường hợp đặc biệt thật. Duy sự đặc biệt ấy khi xảy ra, ngược hẳn với điều tôi nghĩ. Ông nhìn tôi rồi trầm ngâm:

- Tao cũng không biết thế nào.

Đó là phút trầm ngâm duy nhất với tôi, của Vũ Hoàng Chương về cộng sản, về số phận. Tôi nhớ không lầm. Phải, chỉ có một phút trầm ngâm một lần duy nhất ấy. Rồi Gác Bút được trả ngay cho nó, cho Thơ. Nhưng không ai nói ra mà Vũ Hoàng Chương thừa biết những ngày tháng cuối cùng của ông chẳng còn bao lâu nữa. Bởi vậy mà ông đã dành hết thời gian còn lại đó cho thơ ông.

Phải, cho thơ, phơi phới cho thơ, đêm ngày cho thơ. Thơ người, thơ mình. Khoảng 60 bài thơ cuối cùng được làm trên Gác Bút mà cộng sản đã lấy đi buổi sáng đến bắt ông, tôi hy vọng anh Bằng Bá Lân còn giữ được một số. Thượng Tọa Thích Đức Nhuận, Từ Mẫn một số khác, nếu đúng như chị Vũ Hoàng Chương đã nói với tôi như vậy. Về 60 bài thơ ấy, tôi chỉ còn nhớ được cái không khí, cái thần thái rất phiêu hốt, rất Lý Bạch. Thời gian này, giảng cho tôi cái hay của Đường Thi qua một số hạt ngọc của thơ Đường, thi sĩ cũng nói đến Lý Bạch nhiều nhất. Một lần, ông đọc lại tất cả những bài thơ về Lâu Hoàng Hạc cho tôi nghe rồi nói:

- Bài của tên Thôi Hiệu vẫn hay nhất. Bài Nguyễn Du lần đi sứ qua Hoàng Hạc cũng được lắm. Tên Lý Bạch cũng vịnh một ngôi lầu, không phải Hoàng Hạc thì bài nó lại tồi. Kết mà bằng cái ý lầu xưa còn đây người xưa đâu tá là cái ý sáo và yếu. Chẳng hiểu sao nó không có bài cho Hoàng Hạc. Đã thế tao làm thay cho thằng Lý Bạch.

Và ông cười, đọc bài Hoàng Hạc Lâu của Lý Bạch đời Đường do Vũ Hoàng Chương nước Việt và đời sau làm thay cho. Thằng Lý Bạch. Tên Đỗ Phủ. Thằng Thôi Hiệu. Ở một người khác đó là cách nói ngạo sượng, nhưng tuyệt nhiên tôi không thấy sự ngạo sượng ấy ở Vũ Hoàng Chương. Thơ ông, lúc cuối đời, đã bay vào muôn đời. Có như là nói tới Lý Bạch, tới Đỗ Phủ nghìn cũ, Vũ Hoàng Chương không ngược đường trở lại với một không gian thơ và một thời gian thơ xa thẳm, mà chỉ như ông đang cùng ngồi một chiếu cỏ, đi cùng một con đường dương liễu, đang cùng sánh vai giữa một vùng non xanh nước biếc nào đó với họ Đỗ, họ Lý mà thôi. Đó là thơ, thơ trong hừng cửa. Đó là cái chiều thứ ba, thơ Vũ Hoàng Chương đã từng bao lần nói tới.

Thêm một chút về Lý Bạch. Một buổi chiều, ông nằm thiếp trên sàn Gác Bút, mãi mới gượng ngồi dậy được.

- Tao vừa ở nhà Mộng Tuyết về. Mệt quá.

- Còn tới đó làm gì cho mệt?

- Nể quá. Đào Duy Anh vừa vào. Ở nhà Mộng Tuyết, nói rất muốn gặp tao và muốn có một tập Rừng Phong đem về Hà Nội. Tao mang lên cho. May quá, còn đúng một tập. Thấy tao, Đào Duy Anh mừng lắm. Hấn cũng già quá rồi. Bây giờ ngồi một chỗ soạn tự điển thôi. Mày biết hấn

nói với tao gì không? Tôi vào Nam chỉ để gặp anh. Thờ trước sau tôi vẫn chỉ yêu nhất có hai người. Là anh và Lý Bạch.

Tôi chép miệng, hồi tưởng lại một Đào Duy Anh trắng hồng, mạnh mẽ ngồi trước mặt ở hội nghị văn nghệ Lam Sơn, Cầu Bó ngày nào.

- Thế thì làm sao sống được bấy nhiêu năm ở Hà Nội?

- Phải sống. Làm thế nào. Trương Tửu bây giờ còn phải ngồi sao tắm thuốc Bắc, xem tướng tay trên một vỉa hè Bạch Mai thì Đào Duy Anh được họ cho ngồi yên với vài trang tự điển còn là may lắm.

Tháng 9, tháng 10, 1975. Đã nửa năm từ những buổi chiều tím thẫm hoang mang của Sài Gòn, thi sĩ từ một đầu hiên Tý Ngọ nhìn thấy câu thơ tuyệt diệu "trời ơi, giọt biển chứa dư tang điền" của mình hiện hình thành cái giọt biển đích thực long lanh trên dòng nhân thế tan tác đổ qua chân tường Gác Mây. Đã năm tháng trên Gác Bút không hề gác bút. Và thơ sống những ngày tháng của thơ giữa một đất Hoa Lư đã túng quẫn đến cùng cực. Cái quán cà phê Đêm Trắng của cháu Đinh Hoài Ngọc ở đầu ngõ đã phải dẹp vì không có khách tới. Ngọc xoay sang nghề sửa xe đạp. Thành cháu, trưởng thành hẳn trước đời sống cộng sản, can đảm gánh vác trách nhiệm trong nhà như một người đàn ông lớn; chị Đinh Hùng, da bọc xương, đen thui vì mưa nắng dầu dãi, hàng ngày ngồi ngoài chợ Khánh Hội, mua đi bán lại vài cái quần áo cũ. Đôi lúc mất tinh thần, chị bảo tôi, tươi cười một cách ghê rợn: "*Vẫn có một liều đấy. Và một con gà mái béo dưới bếp. Chẳng cần gì nữa. Chán thì nấu một nồi cháo, sẽ mời anh sang ăn cùng, nếu anh cũng chán. Rồi cả nhà ta về quê.*" Liều đây là một gói nhân ngôn. Lặng lẽ ở một góc tường Gác Bút, chị Vũ Hoàng Chương cặm cụi ngồi dán những tờ giấy cũ thanh bao gói hàng. Dán cả ngày được chừng 300 bao, giao cho Tàu Chợ Lớn được một đồng tiền mới.

Đương nhiên trong hoàn cảnh này, Vũ Hoàng Chương không muốn bỏ cũng phải bỏ thuốc phiện. Cũng khổ sở ít ngày rồi ông qua được. Đó là súng sướng thứ hai của Vũ Hoàng Chương, sau súng sướng thơ. Ra thoát được trói buộc một đời tưởng chẳng bao giờ thoát, thi sĩ trẻ trung, nhẹ nhõm hẳn trong thanh bạch trong suốt, và ngọn đèn dầu lạc đôi khi được thấp không lên, chỉ để ám áp một mặt chiếu. Và hơi lửa là để khô mau những nét chữ rồng bay phượng múa còn ướt mực hơ nghiêng dưới ánh đèn.

Dưới ánh đèn ấy, một tối ông lục trong chồng sách rồi liệng cho tôi một tập Nhị Thập Bát Tú.

- Hôm đó, anh em cùng ký tên vào trang đầu sách ghi lại buổi họp mặt. Bằng ấy thằng có tên ký đã đi xa chỉ còn mày. Mày không chỉ ký thôi còn viết thêm câu đó. Mà sao lại câu đó?

Tôi mở tập Nhị Thập Bát Tú. Chữ ký Thanh Nam, Phan Lạc Phúc. Chữ ký Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền. Nhớ rồi. Lần đó còn ở Gác Mây. Một vài ngày gì đó sau Đêm Thơ Vũ Hoàng Chương. Bọn chúng tôi họp mặt với thi sĩ, lúc ngà ngà hơi rượu, đã cùng ký tên mình vào một bản Nhị Thập Bát Tú. Lướt tôi, vui tay tôi viết thêm một câu thơ của Vũ hiện đến trước nhất với trí nhớ lúc đó. Câu thơ đó là: "Xiết bao ngờ vực kiếp người đó ư?"

Câu thơ của bạn câu thơ ngờ vực kiếp người, ghi xuống một tập thơ của bạn, tập thơ kết thúc một ngôn ngữ thơ trác tuyệt với Nguyễn Du, bác học với Nguyễn Gia Thiều, và tới Vũ Hoàng Chương và Nhị Thập Bát Tú, rồng bay phượng múa từng khuôn 28 chữ toàn bích, đầy trí nhớ tôi đêm đó ở Gác Bút, trở lại với từng thời điểm đời sống nhân thế của thi sĩ.

Thời điểm tới, trôi qua, rồi chìm khuất vào quá khứ. Nhưng thời điểm nào mang tên Vũ Hoàng Chương cũng là một trọng điểm của thi ca Việt Nam suốt ba mươi năm trời. Khởi đầu là tính chất đại diện. Thi sĩ, giữa chúng tôi là một đại diện. Từ Đinh Hùng mất đi, vị thế đại diện ấy rõ rệt và duy nhất. Ông là người đại diện cuối cùng của dòng thơ tiền chiến. Dòng đại lưu ấy của thơ bị ngăn chặn lại bởi biến động 45, xuôi chảy yếu ớt đứt khúc với toàn dân kháng chiến, bị cộng sản hủy diệt dần dần cho tới chết hẳn, duy Vũ Hoàng Chương là người mang được nó chảy xiết vào thi ca miền Nam, khi hai miền đất nước tổ quốc đã chia lìa, miền Bắc không còn thơ nữa.

Dòng tiền chiến còn những đại diện khác của nó. Như Quách Tấn, Bàn Bá Lân. Khi Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Lưu Trọng Lư đã bị Đảng bức bách khai tử con người thi sĩ ở

họ, họ thần phục và hết là thi sĩ, thi sĩ là giống nòi không chịu biết thế nào là ý nghĩa hai chữ thần phục. Nhưng ở cái bóng mờ Bàng Bá Lân, tính chất đại diện cũng bóng mờ. Quách Tấn cũng vậy. Quách Tấn cuối đời cũng chỉ là một chống chọi tuyệt vọng và bất thành trước đào thải đã là. Ngày một thăng hoa khiến vị thế đại diện tồn tại nguyên vẹn trước đào thải nhiều mặt, khiến ông vừa là người khai sáng vừa là người chuyển tiếp, khiến ông là một gia tài thơ cho cả một thế hệ thơ sau được kế thừa, chỉ có Vũ Hoàng Chương trong thơ chúng ta. Chỉ có Vũ Hoàng Chương mà thôi. Có nhìn Vũ Hoàng Chương trên trình tự thời gian khá dài của thơ, có đặt ông vào cuộc vận động cực kỳ lớn lao của thơ Việt từ 50 năm trở lại đây, mới nhận thức được trên mọi chiều hướng kích thích của nó, cái tài thơ phi thường ấy, nhà thơ vĩ đại của thơ Việt chúng ta. Tôn vinh ông là đệ nhất đương thời thi sĩ, Thanh Tâm Tuyền, nhà thơ lớn nhất của một dòng thơ khác, đã không đi theo một xô đẩy tình cảm nào. Chỉ là Thanh Tâm Tuyền nhìn nổi ông, bằng một cái nhìn lớn.

Mọi người là thi sĩ. Riêng ông là thi bá.

Bởi vậy mà với một chế độ tử thù với thơ, sau ngày 30 tháng 4-1975, Vũ Hoàng Chương phải bị giết chết. Ngày bắt ông, 13 tháng 4-96. Ngày ông mất 19 tháng 8 cùng năm. Chúng bắt ông sau cùng. Và giết ông trước nhất.

Trở lại với Gác Bút và câu thơ "Xiết bao ngờ vực kiếp người đó ư?", tôi nói:

- Trí nhớ tao lúc đó bắt gặp câu thơ ấy, vậy thôi.

Ông không chịu:

- Tại sao trí nhớ mày không gặp một câu khác?

Vui thú ông ngồi xôm lên, như một đứa trẻ vui thú:

- Bây giờ, bây giờ. Mày xem, lạ thật chứ, kiếp người đó ư?

Ông mở lại tập Nhị Thập Bát Tú, chỉ xuống chỗ ghi ngày tháng buổi họp mặt ở Gác Mây:

- Lúc đó chưa sao, đã có gì đâu. Chưa mất Buồn Mê Thuật nữa. Hay lúc đó trí óc mày đã linh cảm thấy cái sắp xảy ra, cuộc bể dâu này, mà chính mày không ngờ tới?

Tôi cười, lắc đầu, nhận lấy cho mình sự tỉnh cơn thôi và trả về cho ông cái hiệu năng cách cảm tuyệt diệu với vị lai nhân thế, hiệu năng này là một hiệu năng thi sĩ, như ta đã thấy trên cái bình diện tri thức nhìn suốt tám cõi, thấy suốt nghìn đời của thiên tài Nguyễn Du ngày trước. Đêm đó Gác Bút khá vui. Ông nhắc lại cùng tôi một số câu thơ có tính chất tiên tri của Đoạn Trường Tân Thanh. Rồi nhìn bữa nhậu thanh đạm chị Chương, chị Hùng đã tôi đã hết, ông moi ở dưới chiếu lên một tờ giấy mười đồng mới, sai cháu Ngọc đi mua thêm rượu cho tôi uống. Cả Gác Bút cùng tròn mắt kinh ngạc trước Vũ Hoàng Chương có tiền. Ông cười:

- Hôm qua, hai thầy Từ Mẫn và Thích Đức Nhuận tới đây. Ở trọn buổi, lúc về đưa tặng tao mười đồng. Tiền bạn bè cho tao nhận được hoài. Nhưng nhà chùa tặng, lần đầu tiên có. Có lẽ hai thầy cũng tiên tri, biết phải đưa tiền cho tao để hôm sau mua rượu cho mày.

Có thêm rượu, tôi ở lại thêm, hưởng thêm một lần nữa, cái thú ngất ngưỡng ngồi xếp chân vòng tròn, đối diện với bạn, lấy được cái phong cách coi đời như không của bạn, an nhiên trước mọi chuyện và thầy kệ ngày mai. Kéo dài câu chuyện những lời thơ tiên tri như "Xiết bao ngờ vực kiếp người đó ư?" Tôi kể cho ông nghe về một Hoàng Hải Thủy mới. Từ sau ngày 30 tháng 4, Thủy đóng cửa nằm nhà và tìm được một nguồn vui mới: làm thơ. Thủy dịch thơ Mỹ thành thơ Việt, dịch thơ Thủy sang Anh ngữ, chép thành một tập nắn nót, mỗi lần tôi đến mang ra đọc, cười cười như có ý nói: với thơ, tao là một thằng ngoại đạo nhưng tao thích và thơ tao đây này, hay dở bất cần. Mỗi bài thơ, Thủy đề tặng một người bạn. Thơ Thủy, tinh thần và khí thơ Nguyễn Bính, rất minh bạch. Làm thơ về nhạc Hoài Bắc, tặng Hoài Bắc, về tiếng hát Thái Thanh, tặng Thái Thanh, về đời sống lang thang của Lê Trọng Nguyễn, tặng Lê Trọng Nguyễn. Vui lắm. Coi như mỗi bài thơ là một bức chân dung, vẽ xong tặng ngay cho người mẫu. Duy hôm đọc cho tôi nghe bài tặng Vũ Hoàng Chương, Thủy cười trước khi đọc:

- Cái này tao láo đây. Thơ tao để tặng bạn thôi thì được. Dám tặng cả bậc thầy là xấc. Nhưng bài thơ có từ một dòng kính trọng. Nói đến lòng kính trọng ấy. Bây giờ tao mới thấy phục Vũ Hoàng Chương vô tả. Thấy thơ ông ta tiên tri không?

Tôi hiểu Hoàng Hải Thủy muốn nói gì. Bấy giờ cuộc di tản hơn trăm ngàn người Sài Gòn ra Đệ Thất Hạm Đội vừa qua.

Câu chuyện hàng ngày của những người ở quê hương là những người đang lên đênh trên mặt biển. Về những đắm ngọc chìm châu đã diễn ra ngoài biển Đông nghìn trùng. Về con tàu Thương Tín, đến không đến, về chưa về, lắt lay số phận. Mặt khác, hàng triệu người Sài Gòn bắt đầu bị báo chí và cán bộ cộng sản từ Bắc vào chửi rửa là đầu cơ chiến tranh, ôm chân thẳng địch. Chịu trận, hàng ngàn người Sài Gòn, những lúc trà dư tửu hậu với nhau, đều đọc hai đoạn thơ này của Vũ Hoàng Chương:

*Lũ chúng ta lạc loài dăm bảy đũa
Bị quê hương ruồng bỏ giống nói khinh
Bể vô tận xá gì phương hướng nữa
Thuyền ơi thuyền theo gió hãy lên đênh.*

*Lũ chúng ta đầu thai lắm thế kỷ
Một đôi người u uất nổi trơ vơ
Đời kêu bạc không dung hồn giản dị
Thuyền ơi thuyền xin ghé bến hoang sơ.*

Một lần Thanh Tâm Tuyền đã nói với tôi về một hiện tượng ngôn ngữ đặc biệt thường thấy và chỉ có ở những tài thơ lớn, qua một số câu thơ bất chợt có được một số mệnh đặc biệt khi trở thành, từ một lúc nào không hay biết, ngôn ngữ thường dùng của quảng đại, như lời nói thường, trong đời sống hàng ngày. Những người chưa từng biết đến thơ, trọn đời chẳng hiểu thế nào là thơ, bỗng sống thơ, nói thơ, bởi tâm trạng đám đông một thời đã được nói hết trong một câu thơ và quảng đại đã hồn nhiên xử dụng câu thơ ấy như lời nói thường ngày mà không hề biết rằng lời nói thường ấy chính là một lời thơ, của một thi sĩ. Nhà thơ lớn không chỉ bắt hủ với văn học, mà còn bắt hủ với đồng loại, với cùng thời, với cái cao quý nhất của đời sống là đời sống hàng ngày là vậy. Dân gian đã nói thường với nhau, chứ không phải đã đọc thơ, như thế, hàng trăm câu thơ Nguyễn Du.

Từ cộng sản chiếm được miền Nam, hơn ba triệu người Sài Gòn đều "nói" Vũ Hoàng Chương. Thấy nhau là "*Lũ chúng ta lạc loài năm bảy đũa.*" Gặp nhau là "*Lũ chúng ta đầu thai lắm thế kỷ...*" Thật cảm động và cũng thật tức cười. Và đó cũng là một lý do nữa trong những lý do gây tai họa sắp tới cho thi sĩ.

Sau đêm ở lại Gác Bút tới sát giờ giới nghiêm mới về và được thi sĩ đãi một bữa rượu bằng tiền của Thượng Tọa Thích Đức Nhuận mà tôi không ngờ là bữa rượu cuối cùng của mình ở đất Hoa Lư, bằng đi hai tuần, tôi không sang phường Cây Bàng. Thời gian này, ngày bầu cử Quốc Hội Thống Nhất mà Hà Nội thực hiện trong mục đích xóa bỏ hoàn toàn Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, sắp tới. Trong chiều hướng hạ nhục, không cho văn nghệ sĩ miền Nam có tội đi bầu và như vậy mặc nhiên bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, một chiến dịch đả kích thô bạo và cực kỳ dữ dội lại bùng nổ trên báo chí, đài phát thanh cộng sản. Lần này là nhất tề khai pháo. Là đồng loạt tấn công. Từ tờ Cộng Sản, tờ Học Tập, tờ Văn Nghệ, tờ Giai Phẩm Mới tới các tờ Giải Phóng hàng tuần và hàng ngày ở Sài Gòn. Kết tội. Lên án. Đòi trừng phạt. Nhằm vào các "nhà văn chống cộng" của miền Nam, nặng nề nhất là nhóm Sáng Tạo. Từ cơ quan được gọi là Bảo Vệ Văn Hóa đặt tại một căn nhà số chặn đường Hai Bà Trưng, nơi bọn Vũ Hạnh, Sơn Nam hàng ngày thì thọt lui tới, với những bản báo cáo mật (thực ra cơ quan này là một bộ phận của An Ninh Thành Ủy Đảng, đặc trách về văn nghệ "ngụy"), bản danh sách 44 người sẽ bị bắt đã được hoàn tất, mỗi nhà văn miền Nam có tên trong sổ đen đã mỗi người có một hồ sơ tội trạng riêng.

Tôi được thấy một phần hồ sơ tôi. Bởi nữ ca sĩ Mỹ Hòa. Hòa bây giờ ở Pháp, lúc đó có nhà riêng ở Thị Nghè, trước rạp Cao Đồng Hưng và giao du rất thân thiết với Hoài Bắc. Một tối Hòa mời tôi và Hoài Bắc sang nhà ăn cơm. Rồi nói với tôi:

- Từ nay anh đừng ở mãi một địa chỉ nữa. Mà phải có ba bốn địa chỉ khác mới được. Một thằng an ninh đang chạy theo bọn em, em nói khéo, nó cho xem hồ sơ. Anh Hoài Bắc không sao. Chúng định bắt rồi thôi. Tên anh thì chắc có rồi. Tội một chồng đầy. Chỗ nào tội nặng đều có khoan bút chì đỏ. Anh phải sống lưu động đi mới được. Đừng chịu trận một chỗ cho chúng đến bắt làm chi.

Tôi không nói gì. Cũng chẳng nghĩ gì, chẳng tính được gì trước tự do của mình chỉ còn đếm từng giờ, từng phút. Lòng như đã chết, từ Thanh Tâm Tuyền, từ Phan Lạc Phúc, từ Tô Thùy Yên lưu đầy xa. Chúng ta trồng tình bằng hữu khít liền. Thơ Thanh Tâm Tuyền đó. Tình bằng hữu một đời của bọn chúng tôi trồng thành một cánh rừng xanh ngắt. Cánh rừng ấy đã bốc cháy, bị đốn gẫy, từng gốc một. Những bạn bè khác đã đi xa, đã ở bên kia chân trời, bên kia trái đất. Các anh Doãn Quốc Sĩ, Nguyễn Sĩ Tế cũng đã có tên trong bản án tử hình. Trước sau cũng như nhau. Cũng bị bắt. Chẳng có vấn đề gì nữa. Riêng còn Vũ Hoàng Chương. Tôi vẫn còn nuôi ý nghĩ và hy vọng là riêng ông, riêng địa vị văn học đặc biệt của ông, cộng sản sẽ để ông yên. Trên ý nghĩ đó, tôi trở lại phường Cây Bàng buổi tối hôm sau. Có như biết mình lâm nguy rồi, mà không đến từ biệt bạn ở lại, ở tôi có điều gì không phải vậy. Đó là lần gặp mặt cuối cùng với Vũ Hoàng Chương. Không bao giờ tôi còn được gặp ông nữa.

Nhớ hôm đó trời khô ráo, nhưng phở xá tối thắm, tôi phải dắt xe đi bộ vào Gác Bút từ ngoài đường lớn. Đêm cộng sản hàn băng trong tâm hồn người. Thê lương trên khắp một vùng Khánh Hội. Gác Bút le lói ánh đèn cuối cùng đậy một con ngõ biệt khuất khúc và tối thui. Tôi để tựa cái xe đạp vào một bên tủ thờ Đình Hùng, đi theo chị Vũ Hoàng Chương trên cái cầu thang nhỏ hẹp. Mọi người chùng như đã sửa soạn đi ngủ. Riêng thi sĩ còn thức, đang ngồi xỏm trước một ấm đồng nhỏ xíu. Thấy tôi ông mừng rỡ:

- Hay lắm tưởng cái ấm trà này, tao phải uống một mình chứ. Ngồi xuống đây. Cả tuần nay mày đi đâu? Vừa bảo với Kiều Oanh, mai không thấy mày sang, sẽ sang mày, nhân tiện tới thăm Hỷ Khương một chút.

Tôi cười, lòng đang nặng trĩu, bất chợt mọi buồn bã tiêu tan, như lần nào cũng vậy, từ ngoài nhân thế ưu phiền tới Gác Mây, Gác Bút, ngồi xuống, xếp chân vòng tròn, đối diện với tri kỷ, đối diện với Vũ Hoàng Chương. Ông pha xong khay trà, đẩy tới:

- Thứ trà này gọi là Kỳ Chường. Chỉ có một tiệm Tàu trong đường Khổng Tử Chợ Lớn có mà thôi. Đắt quá. Những ngàn rưỡi một lạng. Gấp bốn lần trà thường. Thành ra hết lại phải lặn lội vào trong ấy mua, đi về mất cả buổi, và lần nào cũng chỉ dám mua một lạng.

Kỳ Chường thật đáng. Ngẫm nghĩ mãi mới thấy vị ngọt ngào nổi dần trong đầu lưỡi. Rất hợp với sở thích về trà của Vũ Hoàng Chương.

Ông nheo mắt nhìn tôi nhấp nhấp Kỳ Chường nóng bỏng. Rồi lại nhắc đến Nguyễn Tuân:

- Thằng Tuân ngày trước đi cô đầu đòi bằng được Thiết Quan Âm. Thiết Quan Âm cũng ngon ở cái đắng. Nhưng không sánh bằng Kỳ Chường.

Tôi im lặng uống trà, trông mắt, theo thói quen có từ trí nhớ đã suy yếu, cố gắng ghi nhận trong một lần chót cảnh tượng một nơi chốn thân thiết lưu luyến lát nữa rồi bỏ, không hy vọng có ngày trở lại. Gác Bút đây. Đất linh Hoa Lư đây. Chỗ ở cuối đời của thiên tài đây. Người xưa tiễn nhau nơi chân cầu có liễu rủ in hình trong bóng nước, bẻ gãy một nhánh liễu từ tạ đưa tay người lên đường. Và thơ Vũ Hoàng Chương: *"Ai về đất cũ giùm ta nhắn, rằng kẻ vào Ngô nhớ Lạc Dương."* Gió đêm từ ngoài phường Cây Bàng thổi vào Gác Bút đêm đó niềm u uất quan ải, đúng vô tả giữa thế giới cộng sản hiu hắt, và tôi, trấn áp mọi xúc động từ biệt, uống thêm một tách Kỳ Chường nữa trong cái tinh thần Lạc Dương ngậm ngùi. Trước mắt tôi, bên kia ngọn đèn, Vũ Hoàng Chương ngồi lủi lủi, tựa lưng vào tấm chăn bông cuộn tròn.

Biết mình sắp bị bắt, có thể đã bị theo dõi, tôi nghĩ không nên ngồi lâu nữa. An ninh cộng sản có cái kiểu bắt được một người ở đâu, bắt luôn chủ nhà theo. Tôi lục tìm trong đám sách vở, bản thảo để bừa bãi trên mặt chiếu, lấy ra tập Nhị Thập Bát Tú có câu thơ *"Xiết bao ngờ vực kiếp người đó ư?"* viết thêm vào đó một câu nữa. Rồi ký tên và đề ngày tháng. Hôm đó là ngày 28 tháng 3 năm 1976.

Thi sĩ cười:

- Mà viết thêm gì đó?

Tôi lẳng lẳng liêng tập Nhị Thập Bát Tú qua ngọn đèn. Ông đón lấy, dùng kính hiển vi, soi sát trang sách rồi ngạc nhiên:

- Không phải thơ tao.

Tôi gật:

- Không. Văn tao.

Câu tôi viết là "Cứ coi như từ biệt."

Đoạn, trước chị Chương, chị Hùng, cháu Ngọc tới ngồi chung quanh, tôi nói rõ lý do tại sao tới Gác Bút đêm nay là lần cuối cùng. Mọi người im lặng. Một lát cháu Ngọc nói:

- Nếu phải rời nhà, mời bác đến ở đây với bác cháu và mẹ con cháu.

Chị Đinh Hùng thở dài, hậm hực:

- Vậy là chúng nó không để ai yên nữa!

Rồi chị chửi thề bọn khốn nạn.

Riêng Vũ Hoàng Chương không nói với tôi một lời nào. Chỉ rất cẩn thận, pha thêm cho tôi một tách trà nữa. Lúc tôi đứng lên, đi tới đầu lối xuống cầu thang, ông mới gọi:

- Ở đâu, tìm cách cho tao biết.

Tôi gật, nhưng sau đó, không làm theo. Và thơ cuối đời của Vũ Hoàng Chương vì vậy mà có thêm một bài thơ năm chữ. Bài Cứ Coi Như Từ Biệt.

Buổi sáng ngày 13 tháng tư năm 1976 (phần hồi ký này viết theo lời chị Vũ Hoàng Chương thuật lại) là một buổi sáng ảm áp, nhưng đêm trước lộng gió, lạnh, thi sĩ bị cảm, đã 9 giờ còn đắp chăn nằm trên mặt sàn, không sao ngồi dậy được. Mọi người trên Gác Bút, trừ chị Chương, đã ra khỏi nhà. Chúng đến, từ phía Sài Gòn. Bốn chiếc Jeep đầy nhóc an ninh áo vàng mang súng ống như cho một hành quân lớn ầm ầm vượt qua cầu Calmette, khu chợ Khánh Hội, phóng thẳng tới phường Cây Bàng và ngừng lại trước con ngõ nhỏ dẫn vào Gác Bút.

Bọn an ninh cộng sản, trên 20 đứa, tới tấp nhảy xuống xe. Khoảnh khắc, cả phường Cây Bàng bị vây kín. Sau này tôi được biết là đến bắt các anh Nguyễn Mạnh Côn, Doãn Quốc Sĩ, Duyên Anh, vợ chồng Trần Dạ Từ và tôi, an ninh đồ chỉ điều động một lực lượng từ 4 đến 6 đứa, trên một hoặc hai xe Jeep là cùng. Thường thường điều động thế này, như trường hợp đến vây bắt tôi: hai đứa đứng ở vỉa hè đối diện, bên kia đường, hai đứa đứng sát hai bên cửa ra vào, hai đứa vào. Bắt được người rồi, bốn đứa ở ngoài mới vào theo, cùng lục soát tịch thu tài liệu. Vây bắt công khai nhưng tránh gây náo động. Trường hợp Vũ Hoàng Chương khác hẳn. Chúng chạy rầm rập, trí sủng, mai phục theo tư thế chiến đấu, phá tan bầu không khí yên tĩnh của cả phường Cây Bàng buổi sáng hôm đó. Dân chúng xung quanh Gác Bút thất kinh. Có người hỏi, chúng trả lời: "Phải huy động một lực lượng lớn lao như thế này để tóm trọn ổ một bọn cướp (!) lợi hại."

Sự náo động đột ngột dưới chân tường Gác Bút, tiếng la thất thanh của chị Vũ Hoàng Chương từ trên lầu chạy xuống khi bọn sát nhân xô cửa ập vào đánh thức thi sĩ khỏi giấc ngủ chập chờn. Ông gắng gượng ngồi dậy, lấy áo gấm mặc vào người, ngồi thật thẳng giữa chiếu, bất động, chờ đợi.

Suốt thời bọn Khuyển Ưng Khuyển Phệ tới làm tan hoang Gác Bút với sự hôi tanh kinh tởm toát ra từ con chó chết xã hội chủ nghĩa chúng mang theo (tôi dùng lại danh từ của Soljenitsyne), tâm thức phóng thoát rời đứt với thân thể ô trọc ở thi sĩ thể hiện một lần nữa. Lần cuối cùng. Ông không kinh hãi, cũng không phẫn nộ. Ông không bất ngờ, cũng chẳng ngạc nhiên. Chỉ ngồi thẳng, thành tượng, mắt nhắm lại, thu hết tâm thức đã hợp nhất với đời đời vào nội giới đóng kín.

Bọn quỷ dữ ở lại trên Gác Bút hơn hai tiếng đồng hồ. Suốt thời gian này, thi sĩ không thèm nói với chúng một lời nào. Chúng hỏi, ông không trả lời. Chúng đọc bản cáo trạng, lệnh bắt giữ, ở ông chỉ một thoáng nhún vai rồi ngồi yên như cũ. Riêng chị Vũ Hoàng Chương không sao thản

nhien được, chị uất ức gào lên: "Chồng tôi làm gì mà bắt chồng tôi?" Thì được tên thủ trưởng của bọn quỷ dữ trả lời là sau đại thắng của cách mạng, tên thi sĩ phản động kia vẫn còn làm thơ chống phá cách mạng và cho phổ biến khắp Sài Gòn những bài thơ chống phá chế độ ấy. Rồi là cuộc lục soát và tịch thu tàn nhẫn. Từ những cuốn sách đến từng tờ bản thảo. Lúc mặt trời đứng bóng trên mái lầu Góc Bút, cuộc lục soát xong, hai thằng lực lưỡng nhất bọn quỷ tiến lại, xốc nách thi sĩ đứng lên, kèm ông xuống cầu thang. Dân chúng láng giềng với Góc Bút đứng chặt lòng con ngõ khi chúng dẫn thi sĩ đi ra và đưa thẳng ông vào khám lớn Chí Hòa.

Khoảng 11 giờ sáng ngày 3-4-1976, một ngày sau Nguyễn Mạnh Côn, 5 giờ sau Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Dương Nghiễm Mậu, An ninh Thành mang lệnh truy nã của Ủy Ban Quân Quản tới bắt tôi ở nhà riêng đường Phan Đình Phùng. Nhờ sự tình cờ vừa ra khỏi cửa lúc đó, tôi thoát lưới và đi luôn vào ẩn lánh.

Mọi liên lạc giữa tôi và thi sĩ đứt đoạn hẳn. Từ chỗ ẩn, ném những đường dây tìm hiểu tin tức ra ngoài đời sống, đặc biệt về số phận những nhà thơ, nhà văn miền Nam mà cuộc đàn áp văn nghệ đã làm chần động dư luận dân chúng Sài Gòn, tôi vui mừng được biết Vũ Hoàng Chương vẫn còn ở phường Cây Bàng, không bị bắt. Chúng để ông yên thật sao? Như chưa bắt giáo sư Nguyễn Đăng Thục? Như còn để đó học giả Hồ Hữu Tường? Trong suy luận tôi, chúng "phải" để cho Vũ Hoàng Chương yên. Bởi cái địa vị đặc biệt của ông trong văn học, không phải từ 1954, mà từ xa trước, từ tiền chiến. Bởi bắt chúng tôi, để yên Vũ Hoàng Chương chúng sẽ thành công phần nào trong việc chia rẽ hàng ngũ văn nghệ sĩ miền Nam, như chúng đã để yên Lê Trảng Kiều, Đỗ Đức Thu, không bắt Vũ Bằng. Tôi làm. Ở chính trong cái đúng của mình. Cùng thành danh thời tiền chiến nhưng kích thích Vũ Hoàng Chương trước "đánh giá" của cộng sản không cùng một kích thích với Lê Trảng Kiều, Đỗ Đức Thu và Vũ Bằng. Mà lớn lao hơn gấp bội. Do đó nguy hiểm hơn gấp bội. Không để cho thiên tài được sống. Đó là quy luật đờ. Đại trí thức, đại thi sĩ phải dồn vào ngục tối. Đã như vậy ở Bắc Kinh, ở Mạc Tư Khoa. Để cho sáng ngời ngôi sao Bắc Đẩu trên vòm trời thi ca hai miền, thơ Hồ Chí Minh, thơ Tố Hữu, thơ Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Huy Cận, sao còn là thơ được nữa? Vũ Hoàng Chương bị bắt chậm hơn chúng tôi ít ngày chỉ vì Đảng Ủy Miền, riêng trước ông không dám quyết định mà phải chờ Hà Nội.

Một đêm, trên đường rời một chỗ trú ẩn bị động đến một chỗ ẩn mới, tôi tạt vào nhà một người bạn, anh H. ở đường Cao Thắng. Như tôi, anh H. rất yêu thơ Vũ Hoàng Chương. Là một trong ít người, ngày 30-4-75 vẫn lui tới Góc Bút thăm hỏi thi sĩ những ngày nằm bệnh. Thấy tôi H. ngạc nhiên và mừng rỡ. Và nói ngay với tôi về Vũ Hoàng Chương:

- Trời, anh đang ở đâu? Tôi vừa sang phường Cây Bàng, anh Chương đã biết anh bị truy nã, nhưng không biết anh nằm ẩn ở chỗ nào. Nhờ tôi cố gửi cho anh cái này đây.

H. lấy ở dưới chân cây đèn ra một tờ giấy gấp nhỏ. Tôi mở ra đọc. Đó là một bài thơ năm chữ. Đề gửi M.T. Tựa đề của bài thơ là câu tôi đã viết vào tập Nhị Thập Bát Tú, lần cuối cùng trước khi bị truy nã tôi từ biệt thi sĩ ở Góc Bút: Cứ coi như từ biệt. Tôi đọc bài thơ. Xúc động. Mang theo nó về chỗ ẩn mới. Bây giờ chỉ còn nhớ được đoạn đầu và hai câu cuối bài:

Cứ coi như từ biệt

Liên tay thảo một chương

Bút vạch không thành nét

Chữ viết không thành hàng

Bây giờ trở về trước

Là mây trời dọc ngang

Từ nay là bóng tối

Chia hai từ dao vàng

Liên tay thảo một chương. Bài thơ được làm ngay đêm đó, đêm tôi rời Góc Bút. Tôi không chắc chắn. Nên chỉ viết: Cứ coi như. Nhưng ông tri thức về trước sau, về mắt còn thâm sâu hơn tôi nghìn lần, ông đã biết. Biết tôi không thể nào còn trở lại Góc Bút. Biết chẳng thấy nhau nữa. Mãi mãi. Và còn biết, chính ông cũng chẳng còn sống thêm bao nhiêu nữa, trước kẻ thù.

Thi sĩ ngồi tựa vào thành ghế, hai mắt nhắm lại, nét mặt khép kín, xa vắng. Bọn quý dữ vội vã rút khỏi phòng Cây Bàng, nơi chúng vừa gây nên tội ác lớn lao nhất đối với thi ca và văn học Việt Nam. Buổi trưa Khánh Hội sững sờ, chấn động. Bốn chiếc xe Jeep mở hết tốc lực trở về Sài Gòn, hướng về khám Chí Hòa. Đó là tất cả những hình ảnh cuối cùng người đời thấy được ngày 13 tháng 5 năm 1976, về thi sĩ Vũ Hoàng Chương, 61 tuổi, với cõi thơ trác tuyệt mở ra với nó một thời và đóng lại với nó một thời.

Hơn 4 tháng nằm trong ngục tối của thi sĩ, không ai có được những chi tiết đầy đủ. Kể cả chị Đinh Hùng, chị Vũ Hoàng Chương, cháu Vũ Hoàng Tuấn, cháu Đinh Hoài Ngọc, những người đêm ngày ở cạnh chỗ nằm của ông suốt 5 ngày hấp hối. Trở về Gác Bút, thể chất trút thoát dần dần những tinh khí cuối cùng, thần trí Vũ Hoàng Chương vẫn cực kỳ minh mẫn sáng suốt. Tối đêm lâm chung. Tối phút tử trần. Nhưng thi sĩ không nói, không nói một lời nào về bốn tháng Chí Hòa. Ngày thứ hai của năm ngày chót ông mê đi. Tưởng ông đi, chị Vũ Hoàng Chương lớn tiếng kêu khóc. Ông dịu dàng: "Tôi còn sống đây." Rồi nói đùa: "Bị bắt vẫn còn oai. Được thủ tướng hầu hạ." Thủ tướng đây là bác sĩ Phan Huy Quát, ở cạnh phòng ông, phòng tối số 6. Buổi chiều ngày thứ ba, ông quần quai đau đớn hết một lúc. Thấy vậy chị Vũ Hoàng Chương lo lắng hỏi: "Ở trong ngục anh có bị chúng hành hạ gì không?" Ông trả lời: "Chúng cần gì hành hạ. Chỉ bỏ đói là đủ cho mình chết." Vậy thôi. Ngày thứ năm, ngày 17 tháng 9, 1976, Gác Bút yên tĩnh với thi sĩ nằm đó, trên mặt sàn hiu quạnh. Rồi ngày hết, đêm xuống. Và định mệnh mở rộng cánh tay như một lớp sóng mênh mông vô tận đón ông vào đời đời lúc đó là vừa đúng 12 giờ đêm.

Mãi hơn hai tháng sau, một đêm mưa lớn, từ một chỗ ẩn mới bên quận Bình Thạnh vùng xa lộ Biên Hòa lặn lội trở lại khu Cao Thắng Bàn Cờ thăm H., cũng là để có tin tức về bạn từ bài thơ từ biệt, tôi mới được H. ngậm ngùi cho biết tin thi sĩ đã qua đời.

Đêm đó, con ngõ dẫn vào nhà H. ngập nước. Tôi bị bơm lên tới căn gác xép nơi hộp mật ngày trước của các anh Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ, Nghiêm Xuân Hồng và bọn nhà văn chúng tôi say rượu đêm đêm chán đời kéo nhau về đó tán chuyện trên trời dưới biển, thân thể tôi còn ướt đầm, chân tay lạnh cóng. Và nghe tin bạn mất, tôi không còn một phản ứng nào hết. Chỉ lặng lẽ ngồi xuống, hơ hai bàn tay lạnh lên ngọn đèn, nhìn đăm đăm những ngón tay ấm dần, hồng dần trên lửa. Một đêm cộng sản, tin dữ về thiên tài thơ, một tri kỷ được đón nhận như thế. Trong thờ ơ nhân thế, trong hiu quạnh cõi đời, trong giới nghiêm tăm tối, trong trống không vô cùng vô tận. Trên một sàn gác xép hiu quạnh.

Một lát thật lâu. Mưa ào ạt trên mái. Rồi H. hỏi:

- Anh không biết gì sao?

Tôi lắc đầu, nói nơi ẩn náu lần này xa khuất, ra ngoài gần như không được, tôi đứt hết mọi liên lạc, kể từ gặp H. lần trước.

Rất ít người biết. Chúng tôi cũng không biết. Bọn khốn nạn hiểu rõ cái chết của anh Chương sẽ gây chấn động lớn. Chúng tìm hết cách bịt đi. Mấy ngày sau đám tang, chị Vũ Hoàng Chương tới đây, xoa tóc, mặc đại tang, chị khóc lóc nói anh Chương đi mà chị không làm sao báo tin dữ đến bạn bè. Cáo phó cháu Đinh Hoài Ngọc đưa đăng trên tờ Tin Sáng, bọn Ngô Công Đức hèn đón đã thu tiền nhận đăng sau lại gửi trả tiền nói An Ninh Thành Ủy cấm. Thành ra đưa anh Chương tới nơi an nghỉ cuối cùng chỉ có mấy người trong nhà đi sau linh cửu. Bọn Phường Khóm được lệnh còn cấm cả hàng xóm láng giềng phường Cây Bàng không cho tới chia buồn và phúng viếng. Nhà không còn một đồng một chữ, chị Chương cuống cuống không biết xoay sở thế nào. May được Thầy Thích Đức Nhuận và Từ Mẫn tới, lo liệu mọi chuyện. Từ áo quan tới xin đất nghĩa trang.

- Anh Chương nằm ở đâu?

- Xa lắm. Một nghĩa trang làng mới có từ sau 30 tháng tư. Hết vùng Chí Hòa, Lê Văn Duyệt còn phải đi một quãng nữa. Năm mươi ngày của anh Chương cũng không được làm ở nhà, sợ Phở, Khóm gây khó dễ. Mà ở chùa Giác Minh.

- Có những ai tới?

- Chừng mười mười lăm người, trong số đó có Nguyễn Hoạt, Bàn Bá Lân, Nguyễn Hiến Lê, Vương Hồng Sển. Mọi người đều yên lặng cả. Chỉ có Nguyễn Hiến Lê, trước lúc ra về, nắm lấy tay chị Chương, an ủi: "Chị đừng đau buồn nhiều. Anh mất thế là thoát. Bọn chúng tôi bây giờ sống cũng như chết, muốn được như anh mà không được." Thế nhưng cái tang văn học này, Lê Trảng Kiều cho tôi hay ở ngoài nước nhiều nơi lại biết ngay. Như ở Đài Loan, Hội Văn Bút bên ấy đã tổ chức ngay một lễ truy điệu rất trọng thể. Buổi lễ có thuật lại sự nghiệp, tiểu sử và bình một số thơ dịch ra chữ Hán của thi hào Việt Nam vừa bị cộng sản sát hại. Đâu như ở Paris, một số kiều bào yêu thơ Vũ Hoàng Chương cũng đã làm một lễ tưởng niệm tương tự. Đêm đó, tôi ra khỏi nhà H. trận mưa đã dứt, nhưng con ngõ còn ngập nước. Suốt dọc đường trở về chỗ ẩn, tôi cứ nghĩ mãi đến mấy câu thơ từ biệt của bạn:

Từ nay trở về trước

Là mây dọc ngang trời

Bây giờ là bóng tối

Chia đôi từ dao vàng.

Dao vàng. Tại sao dao vàng? Con dao vàng chặt đứt âm dương, đảo lộn trình tự thời gian, có phải lấy ý từ câu thơ "Tóc mây một món chiếc dao vàng" của Đoàn Phú Tứ? Hay từ một điển tích nào của thơ Tống thơ Đường? Tôi không chắc chắn được là thế nào. Người sử dụng đắc địa và thần sầu nhất cái kho tàng điển tích, sử dụng và không bao giờ nô lệ cho điển tích, chỉ có một người trong thi ca Việt Nam và người đó đã mất. *Ngẫm câu triết liễu còn sa lệ.* Cái giọt lệ nhỏ xuống cho bằng hữu, cho tri kỷ ấy, đêm ấy trên đường trở về chỗ ẩn, tôi đã muốn có cho tôi biết chừng nào. Trời thơ Việt Nam, từ chuyên chính đỏ, từ Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên đã xa, từ Bùi Giáng đã khóc cười giữa chợ, ánh sáng của phong cách và biểu tượng của trí tuệ thu gọn vào một người. Mọi cõi thơ đáng gọi là những cõi thơ bậc thầy đã mất. Chỉ còn cõi thơ đất Hoa Lư. Mọi tiếng thơ đáng gọi là những tiếng thơ một thời đã chết. Chỉ còn tiếng thơ Gác Bút. Người anh cả của thi ca Việt Nam suốt nửa thế kỷ đó. Ngọn núi sừng sững cao ngất đó, cây cờ sùỵ ngạo nghễ phát phới đó của trận tuyến văn học ta, khi trận tuyến đã vỡ, và tới hơi thở cuối cùng. Tri kỷ của tôi nữa. Lấy cái riêng mà đo, lấy cái chung mà lường, tính chất tiêu biểu, đại diện của Vũ Hoàng Chương cho thơ ta ở thi sĩ, trong những ngày tháng cuối cùng, giữa cộng sản, càng chói lợi hơn bao giờ hết. Ông mất đi, sự mất mát càng lớn là vì thế. Trong một tuyệt vọng ý thức hơn là một đau đớn thường tình, tôi trở về chỗ ẩn đêm đó dưới trời khuya. Trời mưa đã dứt. Nhìn lên, những vì sao lác đác. Nhưng trời thơ Việt Nam đêm đó tối thẫm. Chỉ còn lại một ngôi sao Bắc Đẩu và Bắc Đẩu cũng đã tắt.

Trước ngày vượt biển, tôi trở lại phởng Cây Bàng hai lần. Lần đầu, tới sát Gác Bút chỉ còn mấy bước lại phải quay trở ra. Lần đó trong nhà đầy tiếng nói. Nghe qua ngôn ngữ chúng, đúng là bọn thanh niên phởng khóm. Chúng đang chỉ dẫn cho cháu Ngọc khai báo gì đó. Lần sau, tôi chọn tới vào buổi trưa, khu xóm vắng vẻ hơn, và ngồi ở một quán cóc đầu ngõ cho người liên lạc chở xe gắn máy tới vào trước xem tình hình trong nhà thế nào. Năm phút sau, người liên lạc trở ra. Nói nhà không có ai, bà Vũ Hoàng Chương mời ông vào.

Đen xạm, gầy quắt trong bộ tang phục lem luốc, khăn trắng ngang đầu, chị Vũ Hoàng Chương đứng sau cánh cửa mở hé, gạt đầu ra hiệu cho tôi vào. Cái tôi nhìn thấy đầu tiên là tấm hình phóng lớn của thi sĩ. Vũ Hoàng Chương rất thích chụp hình. Riêng nhiếp ảnh gia Trần Cao Lĩnh đã chụp hàng trăm tấm hình ông và tấm hình nào cũng được ông cất giữ rất cẩn thận. Nhưng tấm hình phóng lớn đặt sát Đỉnh Hùng trên cái bàn thờ nhỏ ở góc nhà là một tấm hình cũ, chụp đã rất lâu về trước, từ ở ngoài Hà Nội. Vũ Hoàng Chương trong hình cười tươi và rất trẻ. Y phục màu sáng, cực kỳ chải chuốt, tóc chải mượt, đường ngôi thẳng tắp. Tóm lại, đó là một tấm hình chụp từ trước Mây, trước Thơ Say, rất tiền chiến, rất Hoàng Lang.

Nhìn Hoài Điệp Thứ Lang ra đi từ trước với Hoàng Lang vừa lên đường cùng sánh vai nhau từ hàng cửa tươi cười nhìn về, niềm xúc động tràn ngập ở tôi phút đó, tôi nhớ là gửi cho chính tôi, kẻ sống sót trở lại một buổi trưa cộng sản về đứng lặng một mình trước di ảnh bạn.

Một lát. Rồi tiếng chị Chương sau lưng:

- Anh ấy đi thư thái và sạch sẽ. Cả nhà cùng khóc lóc một lúc rồi ai nấy đều thấy lòng yên tĩnh lại. Thay quần áo cho anh ấy, đưa xuống nhà dưới, anh ấy nhẹ nhõm như một đứa trẻ con. Chị nhắc lại, như điều này với chị rất quan trọng, khiến chị rất sung sướng và muốn tôi cùng thấy:

- Anh nhớ bài Nguyễn Cầu không? *Đêm nào ta trở về ngôi, hôn thơ sẽ hết luân hồi thế gian*. Anh ấy muốn được về trong đêm thì đúng nửa đêm là về. Ước sao được vậy.

Nửa đêm. Bắc Đẩu rụng. Giờ hoa quỳnh nở, Vân Muội hiện. Giờ "đêm đêm ảo ảnh thơm chăn gối". Giờ "nhạc thấp cung Hồ mộng phớt lam". Nhắc đến giờ lên đường của thi sĩ giữa nửa đêm tinh khiết trong suốt, giờ mở vào đời sống sâu thẳm của sự vật thức tỉnh giữa thế giới sinh vật ngủ thiếp, chị Vũ Hoàng Chương đã nhắc luôn cho tôi nhớ tới hàng trăm câu thơ tuyệt tác, diễm lệ của Hoa Đăng, của Mây, của Rừng Phong, về Đêm, cái phần ngày của "Bắc Đẩu ngang trời bạch lạc", của "chỉ ánh trăng vào khuôn cửa thôi", ở đó hành trang thơ của Vũ Hoàng Chương, và duy chỉ có hành trang này là đạt tới những bến bờ huyền ảo nhất. Văn học Đông Tây thường đã luận về trường hợp một thiên tài mất đi, mỗi người của nhân thế, không trừ một kẻ nào, bỗng chốc cảm thấy mình què cụt, mù lòa, bởi sự thăng hoa của mỗi người không thành hình nổi với cái chính nó hữu hạn tầm thường đã thành hình nơi thiên tài, nhờ thiên tài, thiên tài là kết tinh mọi thăng hoa của giống nòi và đồng loại, trong một. Đứng trước di ảnh bạn, tôi thấy được cho tôi, cực kỳ rõ rệt, điều đó. Tôi bỗng chốc tàn tật. Tôi thỉnh linh bất toàn. Cái guồng máy, cái chế độ triệt hủy thiên tài cũng vậy, càng trăm ngàn lần như vậy. Nó mù lòa, nó què cụt và nó bất toàn một cách thảm thương.

Biết không thể ở được lâu, tôi hỏi xin chị Vũ Hoàng Chương một thẻ hương. Châm lửa, cắm mấy nén hương gầy guộc lên cái bát hương nhỏ. Đoạn, không khẩn, chỉ thân mật nói với tấm hình bạn mờ mờ sau làn khói:

- Bài thơ mày gửi cho tao, tao đã nhận được. Đang bị truy nã, nhưng tao cũng cố về đây trưa nay thắp một nén hương lên bàn thờ mày, cho trọn đạo bằng hữu. Mày đã hiểu tại sao, mày mất không bạn bè nào có mặt. Tao không được ủy nhiệm nhưng cũng cứ thay mặt cho tất cả nói với mày một lời vĩnh biệt. Vĩnh biệt. Vĩnh biệt Vũ Hoàng Chương.

Quay lại, tôi ngồi xuống cạnh chị Vũ thổn thức khóc. Bảo chị:

- Chị đừng khóc nữa. Tôi chỉ ở thêm được dăm phút. Chị còn cho tôi biết thêm gì về anh ấy lúc chết không?

- Anh ấy có đọc cho tôi chép một bài lục bát. Đó là bài thơ cuối cùng làm ở trong tù.

- Bài thơ ấy đâu?

- Tôi đã đưa cho anh Bằng Bá Lân.

- Thế là được rồi. Thôi, chị và chị Đình Hùng ở lại bình yên mạnh khỏe, tôi đi. Chị đừng đau buồn nhiều. Lời Nguyễn Hiến Lê nói với chị hôm 50 ngày anh ở chùa Giác Minh là rất đúng. Tôi rời khỏi Gác Bút trở về chỗ ẩn và vượt biên 15 ngày sau.

Một bài thơ vĩnh biệt cõi đời, làm trong giam cầm, trên một sàn ngục thất ẩm lạnh. Sống với thơ tới hơi thở cuối cùng. Đó là chi tiết cuối chót trí nhớ tôi còn ghi được về Vũ Hoàng Chương, thời gian sau 30-4-75, ở gần ông cho tới ngày vượt tuyến. Sang tới Mã Lai, ở trại tỵ nạn Pulau Besar, tôi được biết thêm một số chi tiết khác về Vũ Hoàng Chương 4 tháng ở Chí Hòa, do một người đi cùng tàu cùng bị giam ở Chí Hòa cùng thời gian với thi sĩ. Như ông rất đau yếu, bọn quản ngục đả nhiều lần phải khiêng ông xuống bệnh viện khám. Như một vài lần, ông được ra ngoài, lần nào cũng phải có bác sĩ Phan Huy Quát đi. Như đêm khuya, đám tù nhân cùng hành lang nghe thấy tiếng ngâm thơ vọng ra từ phòng giam số 6.

Rời trại Pulau Besar lên Kuala Lumpur, ở nhà thờ Chiras, cây số 7, chờ máy bay sang Hoa Kỳ, tôi ở cùng phòng với con gái lớn của họa sĩ Mai Lân. Chị cho tôi biết thêm một chi tiết nữa: buổi sáng ngày thả thi sĩ về, bọn quản ngục làm bộ nhân nghĩa vào vấn an ông, khuyên ông nên từ

bỏ thái độ chống đối cách mạng, ông nín thinh không trả lời, chúng dọn cho ông một bữa ăn "đặc biệt" có một món "đặc biệt" là một đĩa trứng tráng.

Vậy thôi. Trạng thái mịt mù mây phủ lên lúc mất, lên sự tắt lạng vĩnh viễn của tài thơ Việt Nam lấy lòng trắc tuyệt, tôi nghĩ chính thi sĩ đã nhìn thấy cho mình trước nhất. Ông muốn cho lên đường của ông như vậy, đã được như vậy. Lên đường này, một bài thơ trong những bài thơ cuối cùng của ông đã nói rất rõ.

Lúc đó là cuối năm 1974. Chỉ mấy tháng nữa là thất thủ Buôn Mê Thuột, là mất miền Nam. Tôi tới Gác Máy, xin một bài thơ mới về đăng trên Văn. Tôi vừa làm xong số đặc biệt Vũ Hoàng Chương. Ông cười:

- Lạ quá, cứ vừa có thơ mới là thấy mây tới. Có bài này đây, đăng sau số đặc biệt, như là một phụ lục, rất hợp.

Đó là bài Lòng Đá. Bài thơ cuối cùng của Vũ Hoàng Chương đăng trên bán nguyệt san Văn số phát hàng ngày 15 tháng 11 năm 1974, tôi chép lại nguyên văn dưới đây:

*Không chuyến đi nào làm ta xúc động
Kể cả chuyến ngược chiều lên tuổi mộng
Vì ngay trong vòng tay đời mười cũng chỉ là trống rỗng.
Thì không còn chuyến đi nào làm ta ngạc nhiên
cho dẫu đi bằng không thuyền
khắp đâu đâu cũng chỉ là những mảnh vỡ tan ra từ một khối thuyền quyền.
Họa may còn chuyến đi vào hư vô tên gọi văn chương của những nắm mờ.
Đi chuyến ấy dòng đời ta tự xóa
ta không còn gì
cũng không là ức triệu mảnh hồn ghen kia mới thỏa mới chịu về nguyên mối tình si mang hồn
phiến đá*

*Đá sẽ dựng cho Không-là-gì-hết
một phiến cao tận cùng sâu tận tuyệt
mà không chữ nào viết không âm nào ghi
Cao sâu lòng đá phẳng lì
mãi mãi chỉ riêng Nàng được biết
từ đầu những chuyến gã ra đi.*

Một tài năng bình thường phải những bóng gương thời thế phản ánh, những bóng nước xã hội phản chiếu, những vận động lịch sử làm nền, tóm lại phải bằng những thời điểm ngoại giới và khách quan cùng giải thích cùng soi sáng mới tỏ hiện được vóc dáng, quy định được hình tích, thấy rõ được trở thành. Những cõi thơ Nguyễn Bình, Trần Huyền Trân, Hồ Dzếnh lộng lẫy nguy nga một thời là vậy, mà tách khỏi dòng tiền chiến, bỏ khỏi trào lãng mạn, bỏ cõi tức khắc mịt mù tan vỡ, thấy liền ngay cái định mệnh bơ vơ. Một tài năng bình thường rất hữu hạn vì vậy. Nó lệ thuộc vào cái thời của nó, chỉ là một sản phẩm do cái thời của nó tạo ra, thực chất và kích thước của thời thế nào, thực chất và kích thước của tài năng thu nằm trong đó. Những công trình để ra từ một tài năng bình thường chỉ thực hiện được cái hiệu năng ghi chép và tường thuật. Về những điều đã có. Về những sự đã là.

Một tài năng xuất chúng khác. Ở ngoài mọi sắc dạng xã hội, vượt khỏi mọi quy luật đời sống. Tách rời với mọi chạm đụng nhân thế, không cho thâm nhập, không cho chi phối, nó sáng tạo ra những vòm trời, những vũ trụ riêng, là riêng đứng một góc trời, là riêng dựng một thế giới. Đó là điều cuối cùng tôi muốn phân biệt về tài thơ xuất chúng Vũ Hoàng Chương.

Phân biệt thôi. Chưa đi tới một nhận thức gì hơn.

Cho nên buổi sáng ngày 13 tháng 4 năm 1976, khi bọn đồn mạt của cái guồng máy chuyên chính đến bắt thi sĩ ở Gác Bút, chúng đã tới muộn trên dưới ba bốn chục năm trời. Thế giới ngôn ngữ và tư tưởng tuyệt vời của Vũ Hoàng Chương đã dựng xong. Cõi thơ bất hủ, tiếng thơ thần sâu của ông đã hoàn tất. Thơ Say. Mây. Rừng Phong. Hoa Đắng. Đã từng cánh hạc vàng đậu trên từng chót vót. Vân Muội. Tâm Sự Kể Sang Tàn. Nhị Thập Bát Tú. Đã mỗi đèn thơ tuyệt kỹ hàng hàng lời thơ châu ngọc tồn tại với đời đời. Đóng góp vĩ đại ấy cho thi ca đất

nước, không kẻ thù nào của thơ phá hủy và giết chết được. Xá gì lòng đổ kỵ hèn mọn của đám thợ thơ Hà Nội.

Bởi vậy mà tôi thấy không cần thiết vội -cũng chẳng đủ tư cách nhận thức và khái niệm văn học- một phân tích tường tận và có tính chất chung quyết vào cõi thơ thi sĩ. Nhưng tiếng thơ ông, cõi thơ ông đã hoàn tất lại một kho tàng nguyên vẹn chỉ vừa mở ra. Và từ ông vừa mất đi, sự kế thừa của hậu thế cũng vừa thực sự bắt đầu.

"Mãi mãi chỉ riêng Nàng được biết

Từ đâu những chuyến Gã ra đi."

Mới chỉ riêng Nàng thôi. Văn học chưa. Chúng ta chưa. Về điểm này, kể cả những tri kỷ của ông chưa một ai nói được điều gì đáng kể về tiếng thơ Vũ Hoàng Chương mà sự thăng hoa càng tới cuối đời càng hoàn hảo càng rực rỡ hơn mọi phần thời gian về trước. Đó cũng là một trạng thái đặc biệt của thiên tài. Một tài năng bình thường chấm dứt trong trạng thái đã suy thoái rõ rệt với thăng hoa không còn của nó. Thiên tài mất giữa đang còn rực rỡ thăng hoa. Với những cõi thơ như Vũ Hoàng Chương phải vận dụng trí tuệ mới mong mở được lối vào. Thơ là trí tuệ. Không phải là rung động. Về điểm này, thấy được, nói được những điều xứng đáng về tiếng thơ Vũ Hoàng chương, cũng phải từ một tâm hồn, một trí tuệ xuất chúng.

Hồi ký này chỉ muốn được coi như một ghi nhận gấp rút một số sự kiện trước trí nhớ đe dọa lọt thoát về khoảng thời gian cuối đời của thi sĩ, thời gian ông ở lại với đất nước đã mất vào tay chuyên chính đồ cho tới ngày ông từ trần sau hơn 4 tháng bị giam cầm trong khám Chí Hòa. Ghi nhận và trân trọng đóng góp với người viết văn học ngoài nước của chúng ta muốn thực hiện một công trình nghiên cứu và nhận thức về thân thế, hoặc về tất cả các nhà thơ miền Nam sau 30-4-75, hoặc riêng về Vũ Hoàng Chương. Công trình đó, theo ý tôi, nếu bỏ qua phần ngày tháng của Vũ Hoàng Chương trong cộng sản, ở đó thái độ và phong cách của thi sĩ đã hiển lộng cao ngạo và chói lòa thay thế cho tiếng thơ ông đã bị dập tắt, sẽ là một thiếu sót lớn. Riêng kẻ viết những dòng này, với thi sĩ, kể từ cái buổi trưa hấn trở lại phường Cây Bàng thấp nén hương vĩnh biệt lên bàn thờ bạn rồi vượt biển, tâm thức hấn trong trôi dạt lữ thứ hiu quạnh chùng như lại mật thiết gắn bó với tri kỷ đã vĩnh viễn xa khuất hơn là những thời gian có tri kỷ còn sống ở gần mình. Phải đó cũng là một hiệu năng nữa của thơ, của thơ trác tuyệt?

Ai về đất cũ giùm ta nhắn

Rằng kẻ vào Ngô nhớ Lạc dương

Chỉ biết hai câu thơ trên của Vũ Hoàng Chương, hấn đã nhớ lại, trên từng đoạn đường trôi dạt. Trong bảy ngày bảy đêm trên biển Đông. Trong năm tháng ở trại đảo. Và sau đó sau đó. Tôi đã đi vào đất Ngô muôn dặm lạnh lùng. Gặp anh, anh về xin nhắn dùm với bằng hữu tôi là tấm lòng tôi mãi mãi ở Lạc Dương. Lạc Dương có Gác Bút, Gác Mây. Lạc Dương có thiên tài, tri kỷ. Bao nhiêu năm hấn vẫn còn muốn nhắn. Như bạn hấn còn sống. Như tri kỷ chưa xa. Phải đó là cảm thông kỳ diệu của thơ. Cũng lại không rõ nữa. Chỉ biết hết thấy là sai lạc, tất cả là ngờ vực. Xiết bao ngờ vực. Duy chỉ còn thơ của một người như một ngậm ngùi vô tận. Duy chỉ còn thơ của một người như một niềm ám áp vô cùng. Duy chỉ còn thơ của một người là sự thật.

(trong tập Chân dung, NXB Văn Khoa 1985)